

CỎ THƠM



TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 26 - SỐ 93 - THÁNG 9, 2021

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

NĂM THỨ 26 - SỐ 93 - THÁNG 9, 2021

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

TỔNG THU' KÝ:

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

myhanhdotrang@gmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

<https://cothommagazine.com/wp>

TÒA SOẠN

105 WINDY KNOLL DR

ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA

TEL. (804) - 387 - 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

TRƯỜNG ĐÌNH. NGÔ TĂNG GIAO.

VŨ HỒI. PHAN KHÂM.

NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. TUỆ NGÀ.

PHẠM THỊ NHUNG. Ỡ NGUYỄN.

NGUYỄN VĂN THÀNH²³.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY.

PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

DIỄM CHÂU: California USA

TIỂU THU: Canada

VŨ VĂN TÂM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



TẠP CHÍ CỎ THƠM SỐ 93 – THÁNG 9, 2021

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

- 6- GEORGE EASTMAN – NHÀ PHÁT MINH RA PHIM & MÁY ẢNH KODAK - **PHẠM VĂN TUẤN**
- 57- VĂN HÓA HOA KỲ và NHỮNG CÚ SỐC VĂN HÓA – **HẢI BẢNG HDB**
- 77- VÕ PHIẾN ĐẾN / ĐI / VỀ – **TRẦN C. TRÍ**
- 98- SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA – CHỢ ĐŨI – **MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH France**
- 117- NGHỀ QUAN TÒA - **LS NGỖ TĂNG GIAO**
- 124- NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU – **NGUYỄN PHÚ LONG**
- 143- ĐẦU TÓC-MƯỢN CỦA LÊ HOÀNG MƯU – **TẠ THANH MINH KHÁNH France**
- 160- MARY CASSATT, HỌA SĨ VÀ THỦ ẤN HỌA ẤN TƯỢNG - **PHẠM TRỌNG LỆ**

VĂN

- 4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH - **PHAN ANH DŨNG**
- 16- CON TRAI CỦA THỦY THÀNH - **NGUYỄN MINH NỮU**
- 26- THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH - **NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**
- 36- GIÁO DỤC VÀ THỂ THAO- **PHẠM XUÂN THÁI**
- 43- HỒNG NHAN - **TIỂU THU Canada**
- 51- NGẬM NGÙI - **NGUYỄN LÂN**
- 64- TIỆC CƯỚI NGÀY XƯA - **PHẠM THÀNH CHÂU**
- 70- VUI BUỒN MỘT NĂM QUA - **Ỡ NGUYỄN**
- 83- BẠN KHÁC PHÁI - **DIỄM CHÂU (CÁT ĐƠN SA)**

- 92- NÓI LẠI TÌNH XƯA - **VUU VĂN TÂM**

Germany

- 107- HAI VAI GÁNH NẶNG CHỒNG CON - **TT. THÁI AN**

- 131- ÔNG TRỜI Ở TẬN TRÊN CAO - **QUỐC BẢO FAIFO**

- 151- VỀ VÙNG NẮNG ẤM - **NGUYỄN VĂN SÂM**

- 156- CÓ CHÍ THÌ NÊN - **VÕ PHÚ**

THƠ

- 5- CHANSON D'AUTOMNE- **PAUL VERLAINE**
/ KHÚC HÁT MÙA THU / THU CA – **MÙI QUÝ BÔNG**

- 14- THƠ XƯỞNG HỌA – **NGUYỄN VÔ CÙNG, HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT, PHAN KHÂM, N.T. NGỌC DUNG, NGUYỄN KINH BẮC, HOÀNG HY, QUANG HÀ**

- 23- THU VỀ - **OANH NGUYỄN**

- 24- NGÀY XUÂN THƠ SAY ỨNG KHẨU - **TRẦN QUỐC BẢO Virginia dịch thơ LÝ BẠCH**

- 25- HOÀI THU – **TRẦN QUỐC BẢO Virginia**

- 34- DÙ LÁ TÀN PHAI / MÃI CHỜ TRÔNG – **N.T. NGỌC DUNG**

- 35- BÀI THƠ CHÍN ĐOẠN / NGƯỜI EM NỮ TU – **HOA VĂN**

- 41- CHIẾC MŨ CỦA MẸ / NGHE NHƯ GIÓ CHUYỂN MÙA SANG – **TUỆNGA**

- 42- NHỚ QUÊ / THU VỀ / ĐÀN XƯA / NHỚ CỔ NHÂN – **PHẠM THỊ NHUNG Paris**

- 50- THE MONTHS – **CHRISTINA ROSSETTI / THÁNG NGÀY- Chuyển ngữ: TÂM MINH NGỖ TĂNG GIAO**

- 56- VOTRE GHETTO - **DIỄM HOA**

63- NỖI THU HOÀI / CÁNH SEN ĐÊM –

GITHÉA HOÀNG HY

63- QUỲNH HƯƠNG – NGUYỄN MÂY THU

69- SÔNG NÚI TRỜI BAN – ĐĂNG NGUYỄN

75- NHỚ - THU LÊ

76- CHIẾC ÁO ĐÀI TRANG/ MÙM MỈM TÌNH-

TRƯỜNG ĐÌNH United Kingdom

81- NẾU MÀ – QUANG HÀ

82- A BRAND NEW DAY – AENI / NGÀY MỚI -

THU LÊ phỏng dịch

91- TRẮNG MUÔN ĐỜI VẼ SÁNG / MỘT LỜI

VỀ – ĐỖ BÌNH France

106- BIỂN - Ý ANH

123- HẸN NGÀY TÁI NGỘ - THÁI HƯNG/PGH

128- KHÓI TÌNH THU – KIM OANH Úc Châu

129- 49 NĂM TÌNH NGHĨA – DƯƠNG HUỆ

ANH/ THU KHÁT KHOA – KIM OANH Úc Châu

130- HẠT CÁT – NGUYỄN VÔ CÙNG / NGẬP

NGỪNG - QUANG HÀ

141- XÍCH LẠI GẦN EM – NGUYỄN MÂY THU

142- NGẮN TỦ CỤ - LÊ MAI / THE OLD

SHELF Chuyển ngữ: THANH THANH

155- BUỔI CHIỀU THU – Đ.T. MINH GIANG

HỘI HỌA, NHIEP ẢNH

BÌA TRƯỚC & SAU: Tranh: THANH TRÍ

90- DƯỚI VÀNH NÓN - Tranh: CÁT ĐƠN SA

97- TIẾNG VIỆT LÀ HƠI THỞ CỦA MẸ VIỆT

NAM - Thư họa: VŨ HỐI - Thơ: VŨ KÝ

116- VĨ CÀM THÔN THỨC – Tranh & thơ: MÙI
QUÝ BÔNG

130- HẠT CÁT - Thư pháp: QUANG HÀ - Thơ:
NGUYỄN VÔ CÙNG

150- THUYỀN NHÂN - Tranh: VŨ QUỐC –Tựa:
VŨ HỐI

174- TÌM AI - Thư pháp: VĂN TẤN PHƯỚC -
Thơ: VƯƠNG THANH

199- VÔ THƯỜNG - Thư pháp: VĂN TẤN
PHƯỚC - Thơ: LIỄU NGỘ

GIỚI THIỆU SÁCH

141- “DRAGON & FAIRY IN POETRY” của
THANH THANH (California)

TƯỞNG NIỆM

*** BÙI BÍCH HÀ (1934-2021):**

175- CẢM NGHĨ: PHAN ANH DŨNG

176- TIỀN BẠN HIỀN - NGỌC HẠNH

180- ĐI QUA ĐỜI NHAU – BÙI BÍCH HÀ

185- ĐƯA CON LẠ MẶT – BÙI BÍCH HÀ

*** NHẤT TUẤN (1935-2021)**

189- PHÂN ƯU CỦA CỎ THƠM

190- BÓNG DÁNG ĐÀ LẠT TRONG THƠ
NHẤT TUẤN – NGÔ TĂNG GIAO

194- NHỚ NGƯỜI ĐI - HỒNG THỦY

*** NGUYỄN VÔ CÙNG (1954-2021)**

196- PHÂN ƯU CỦA CỎ THƠM

197- BÓNG PHÙ DU – LÝ HIẾU / TIỀN ANH

NGUYỄN ĐẮC BÔNG – QUANG HÀ

198- VÔ THƯỜNG – PHAN KHÂM / MỘT
SÁNG BÌNH YÊN & SÂN GA & XUÂN -
NGUYỄN VÔ CÙNG



VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

- Khi số báo 92 phát hành vào tháng 6, 2021, thống kê cho biết tình hình tổng quát về đại dịch covid19 thế giới có vẻ bắt đầu giảm bớt. Nhiều thân hữu của Cỏ Thơm cảm thấy vui vẻ và thoải mái hơn, một số đã không ngại đi ra ngoài nhiều hơn và gặp gỡ nhau. Niềm vui này đã không kéo dài được lâu vì biến thể delta của covid19 lan tràn khắp nơi, phần lớn gây tử vong cho những người chưa chích ngừa. Việt Nam là quốc gia bị nhiễm ít nhất năm 2020 thì năm nay lại bị nặng toàn quốc, nhất là các thành phố lớn. Chưa bao giờ nhìn thấy thành phố Sài Gòn bị phong tỏa “lockdown”, vắng vẻ, điều hiu, thê lương như bây giờ!

- Dù thành phố Tokyo đang ở cao điểm của đại dịch, nhưng Lễ Khai Mạc Thế Vận Hội mùa hè 2020 cũng đã được long trọng tổ chức vào ngày 23/7/2021 với sự tham dự của 205 quốc gia. Qua truyền hình, chúng ta nhận thấy sự hợp tác quốc tế, niềm hãnh diện của nước chủ nhà khi tổ chức và niềm nở tiếp đón khách. Vận động viên tranh tài với tinh thần thể thao trong sáng đã tạo niềm tin và phấn khởi đi khắp nơi: con người tiếp tục phấn đấu và sẽ vượt qua đại dịch quái ác này!

- Trong lúc thực hiện Cỏ Thơm số 93 này thì được một tin chấn động: sau chiến tranh kéo dài 20 năm ở quốc gia A Phú Hãn (Afghanistan), quân Taliban nhanh chóng kiểm soát nhiều thành phố và đã chiếm đóng thủ đô Kabul. Hàng trăm ngàn người đang được di tản bằng phi cơ, gợi nhớ đến tháng 4 đen năm 1975 ở miền nam Việt Nam. Xin cầu nguyện cho người tị nạn A Phú Hãn được tiếp đón tử tế ở các quốc gia cho định cư và những người kẹt ở lại không bị bắt bớ, tù đày, tàn sát, kìm kẹp... bởi chính phủ cực đoan mới!

- Cỏ Thơm thành kính chia buồn với gia đình và tang quyến của **danh ca Châu Hà** (hiên thê của nhạc sĩ Văn Phụng), **nhà văn Bùi Bích Hà**, **nhà thơ Nhất Tuấn (Phạm Hậu)**, **nhà thơ Nguyễn Vô Cùng (Nguyễn Đắc Bồng)**, một thành viên của Cỏ Thơm từ nhiều năm).

- Chúng tôi cũng xin thông báo với quý vị là website Cỏ Thơm <https://cothommagazine.com/wp> đã hoạt động trở lại tốt đẹp hơn với một số kỹ thuật mới. Cảm ơn anh Nguyễn Văn Bá, người thiết lập và đang điều hành website này. **Mong quý vị hài lòng với tạp chí số 93 và hẹn gặp lại vào số mùa Đông, dự định phát hành vào đầu tháng 12.**

PHAN ANH DŨNG (Rockville, Maryland USA - 30 tháng 8, 2021)

CHANSON D'AUTOMNE

Les sanglots long
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur
D'une langueur
Monotone.
Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure;
Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
Deçà, delà,
Pareil à la
Feuille morte.

Paul Verlaine (1844-1896)



KHÚC HÁT MÙA THU

*Những thở than vĩ cầm suốt suốt
Làm tim tôi nghẹn ngào, mỗi một
Trong tế nhị, đơn điệu, thăm sâu.
Thời gian điếm, lạnh lùng chưa chút.
Tôi nhớ những ngày xưa qua mau
Và bỗng nhiên đầm đìa nước mắt.
Tôi lảo đảo, rồi sẽ về đâu.
Theo gió chướng cuốn đi, trôi giạt,
Đây hay đó, chẳng biết phương nào
Như chiếc lá mùa thu đã chết.*

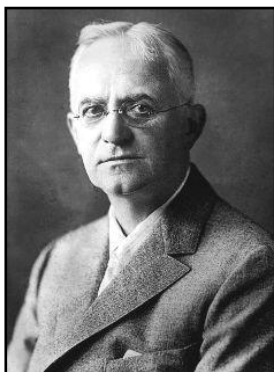
Mùi Quý Bồng phóng tác 05/2021

THU CA

*Vĩ cầm thốn thức
Miên man
Tiếng thu cào xé
Tâm can
Lạnh lùng.
Nghẹn ngào
Giờ đã cáo chung.
Trong tôi nổi nhớ
Chập chùng dáng xưa.
Lệ đâu
Chợt đẫm như mưa.
Một cơn gió lốc
Bất ngờ dấy lên
Cuốn tôi đi khắp mọi miền
Nơi đây, chốn đó
Lá vàng héo hon.*

Mùi Quý Bồng 10/17/2019

GEORGE EASTMAN (1854 – 1932)
Nhà Phát Minh ra Phim và Máy Ảnh Kodak
**** Phạm Văn Tuấn ****



Ngày nay tại khắp nơi trên thế giới, nếu mọi người được xem những hình ảnh thời sự trên các mặt báo, trong các tạp chí, nếu mọi sách giáo khoa chứa đựng nhiều tấm ảnh

dẫn chứng cụ thể, nếu các bác sĩ có thể xem xét người bệnh bằng phim chụp do quang tuyến X và nếu mọi người giải trí nhờ những rạp chiếu bóng... thì tất cả các phát minh này đã được khai triển nhờ đức tính tận tụy của một thiên tài siêu việt trong ngành Nhiếp Ảnh, đó là ông George Eastman.

Nhờ thiên tài sáng tạo của ông Eastman, cách chụp ảnh trước kia là một công việc phức tạp và khó khăn, đã trở nên dễ dàng và chỉ cần một động tác đơn giản là ấn vào một cái nút trên chiếc máy ảnh cầm tay, máy sẽ cơ động trong một phần trăm giây đồng hồ và người ta sẽ lấy được các hình ảnh rất trung thực.

Phát minh của ông George Eastman đã cải tiến ngành Nhiếp Ảnh, làm dễ dàng công việc ghi rõ hình ảnh của thế giới hiện tại để truyền lại cho thế giới tương lai. Phát minh của ông George Eastman còn giúp ích vào các công

cuộc khảo cứu khoa học, từ việc nghiên cứu những đối tượng cực nhỏ như các vi trùng, các nguyên tử, tới các thiên thể cực lớn chẳng hạn các tinh vân khổng lồ. Ngành Nhiếp Ảnh còn được áp dụng vào Y Khoa, Kỹ Nghệ, Khoa Học, Giáo Dục, Nghệ Thuật và cả vào ngành Giải Trí.

1/ Thời niên thiếu

George Eastman là con của ông George Washington Eastman và bà Maria Kilbourn, chào đời ngày 12 tháng 7 năm 1854 tại làng Waterville, thuộc tiểu bang New York. Cha của George làm nghề ươm cây, đã bán lại cơ sở kinh doanh khi cậu bé George lên 6 tuổi, rồi gia đình tới thành phố Rochester và mở một trường thương mại. Hai năm sau ông George qua đời, để lại một vợ, ba con gồm hai cô gái lớn và cậu trai út, tất cả sinh sống trong cảnh nghèo túng. Trong thời gian vất vả này, bà Eastman phải nấu cơm trọ để lấy tiền nuôi các con ăn học.

Vào thời bấy giờ, cậu George là một học sinh rất chăm chỉ nhưng lại không giỏi hẳn về một môn học nào. Cậu là tay chơi dã cầu vào hạng khá. Cậu đã sáng chế được các món đồ chơi rất tỉ mỉ bằng những cây que đan cũ. Nhiều bạn học cùng lớp hỏi xin đồ chơi nhưng cậu nhất định không chịu tặng không. Cậu bảo bạn: *"Nếu bạn ưa thích thứ đó, sao không mua đi? Giá chỉ có 10 xu*

thôi!”. Và George đã bán được “sản phẩm” của mình. Cậu đã ghi lại số tiền kiếm được vào sổ tay, điều này chứng tỏ cậu có khuynh hướng về thương mại và suốt cuộc đời của cậu, George chỉ suy tính về các công việc chi thu mà thôi.

Khi George lên 14 tuổi, gia đình Eastman lâm vào hoàn cảnh quá nghèo túng. Biết rõ cảnh khổ của mẹ, cậu xin thôi học, trở về giúp đỡ gia đình. Cậu tự nguyện sẽ đưa gia đình ra khỏi cảnh túng bần. Cậu vận động và xin được chân tùy phái của một văn phòng bảo hiểm với số lương 3 mỹ kim một tuần lễ. Cậu làm việc rất cẩn thận và chu đáo. Xong việc tại sở, cậu George phải đi bộ hàng cây số để trở về giúp nhà làm các công việc vặt trong 6 hay 7 giờ nữa. Công việc tùy phái này kéo dài trong một năm trường, tới khi George xin được việc làm trong văn phòng của một hãng bảo hiểm khác. Nhờ óc sáng tạo, George được giao những công việc quan trọng hơn và lương bổng của cậu cũng tăng lên tới 5 mỹ kim một tuần lễ.

Năm 1874, sau 5 năm làm việc tại hãng bảo hiểm, George Eastman được Ngân Hàng Rochester Savings nhận làm thư ký với tiền lương là 800 mỹ kim một năm. Tới lúc này, vì đời sống trở nên dễ chịu hơn, George bèn nghĩ tới việc giải trí. Cậu học tiếng Đức và tiếng Pháp, gia nhập hội thể thao và đôi khi còn mượn xe ngựa để mời vài bạn gái đi dạo chơi ngắm cảnh.

Vào năm 24 tuổi sau một thời gian làm việc cực nhọc, George quyết định

CT-SỐ 93

đi nghỉ hè để dưỡng sức. Do đọc các sách báo nói về miền Santo Domingo, George dự tính sẽ tới nơi này. Đây là lần đầu tiên đi nghỉ mát nên George phải bàn tính kỹ lưỡng chương trình du ngoạn với các bạn đồng nghiệp. Khi nghe George nói về những nơi sẽ viếng thăm, một người bạn tỏ lộ với George lời thề muốn như sau: *“Ước gì tôi được đi với anh! Nhưng dù không được đi chẳng nữa, nếu tôi được xem những hình ảnh do anh chụp và mang về thì cũng đủ vui thích rồi”*. Chính lời nói bất ngờ này đã dẫn dắt George Eastman vào ngành Nhiếp Ảnh. Eastman không định mang theo máy ảnh trong chuyến du ngoạn nhưng ông cho rằng lời nói của anh bạn là một ý kiến hay. Vì vậy ông đã bỏ ra 94.36 mỹ kim để mua một máy ảnh với dụng cụ đầy đủ.

Vào thời bấy giờ, công việc chụp ảnh rất phức tạp. Nhà nhiếp ảnh phải dùng kính tráng một lớp thuốc và thứ kính này phải được chụp khi lớp thuốc còn ướt rồi rửa ngay sau đó. Vì thế khi bán máy ảnh, người ta cũng bán kèm những lọ thủy tinh đựng hóa chất, những khay, quặng (phếu), cân hóa chất và cả một chiếc lều vải dùng làm phòng tối. Khi nhớ lại các kỷ niệm xa xưa, ông George Eastman còn nói: *“Nhà nhiếp ảnh tài tử không những chỉ cần một chiếc máy ảnh, mà còn cần tới cả một bộ đồ nghề trong đó chiếc máy ảnh chỉ là một phần nhỏ. Tôi cho rằng làm một anh thợ ảnh cần phải khỏe mạnh và còn phải can đảm nữa, vì mang bộ đồ nghề nhiếp ảnh chẳng khác nào mang bộ yên cương”*.

Vì lý do riêng, Eastman không thể đi Santo Domingo được, ông liền dùng thời giờ nhàn rỗi vào việc tìm hiểu Nhiếp Ảnh.

Khi đã hiểu biết tạm đủ về kỹ thuật, ông Eastman liền qua đảo Mackimac để chụp hình chiếc cầu thiên tạo. Eastman chọn một ngày nhiều nắng và mang máy ảnh ra sử dụng. Nhóm du khách thấy có thợ chụp ảnh liền sắp hàng trên cầu để được chụp. Họ coi Eastman đặt máy, ngắm nhĩa, vận vật kính và theo dõi nhà nhiếp ảnh chạy lăng xăng từ lều ra máy với những tấm kính ướt.

Hôm đó, trời nắng gắt nhưng nhóm người ưa thích được chụp ảnh vẫn kiên tâm đứng yên để Eastman làm đủ mọi động tác phức tạp. Tới khi Eastman rửa ra kính ảnh rồi, một người trong bọn hỏi mua thì ông Eastman trả lời: *“những kính ảnh này không bán vì tôi chỉ là một người chụp ảnh tài tử”*. Tới lúc này, ông khách liền nổi nóng: *“Anh điên hả? Tại sao anh bắt chúng tôi đứng hàng nửa giờ ngoài nắng trong khi anh chạy đi chạy lại lăng xăng, đáng lẽ anh phải treo tấm bảng ghi rõ anh là một người chụp ảnh tài tử chứ?”*.

2/ Chế tạo kính ảnh

Các ngày nghỉ đã hết, Eastman khi trở lại ngân hàng thì đã thấu triệt được kỹ thuật của môn Nhiếp Ảnh thời bấy giờ. Do sự say mê chụp ảnh, Eastman thấy cần phải làm đơn giản các phương pháp rắc rối cũ. Ông tìm cách đọc các sách báo nói về Nhiếp Ảnh xuất bản tại nước Anh, rồi một tin tức

đã khích động Eastman hơn cả là sự tìm ra kính khô. Nhờ phương pháp này người ta không cần phải chụp và rửa phim ngay tại chỗ và tốc độ thu hình trước kia từ 3 tới 4 giây, bây giờ được rút gọn còn 1 phần 25 giây.

Ông Eastman đã theo đúng các công thức cho sẵn trong tờ tạp chí Anh để tự chế tạo kính ảnh. Lúc đầu ông chỉ dự tính chế tạo kính khô cho riêng mình dùng nhưng chẳng bao lâu, ông lại nảy ra ý kiến chế tạo thật nhiều loại kính đó để bán ra ngoài. Ông tham khảo rất nhiều sách vở để tìm hiểu các phương pháp thí nghiệm và sản xuất. Ban ngày làm việc tại ngân hàng, đến tối ông bận rộn pha trộn và nấu thuốc ảnh trong bếp. Ông thường làm việc cho tới khi nào mệt lả. Có nhiều đêm, ông để nguyên cả quần áo mà ngủ lưng trên ghế rồi ngủ cho đến sáng. Lòng lo sợ cảnh nghèo túng đã ám ảnh ông, nhất là khi gia đình ông lại gồm mẹ già và một người chị bị bại liệt nửa người. Ông Eastman đã làm việc không ngừng vì hai nguyên do: lòng yêu mến mẹ già và ý chí kiếm tiền.

Vào tháng 4 năm 1880, ông Eastman thuê từng lầu thứ ba của một tòa nhà trên đường State trong thành phố Rochester, dùng làm nơi sản xuất kính ảnh sau khi đã xin bằng sáng chế để bảo đảm phương pháp chế tạo của mình. Eastman thôi việc tại ngân hàng khi Henry Strong, người khách trọ trong nhà của bà mẹ và cũng là nhà sản xuất roi đánh xe ngựa, bằng lòng bỏ ra năm ngàn mỹ kim làm vốn và hai người lập ra Công Ty Kính Khô Eastman.

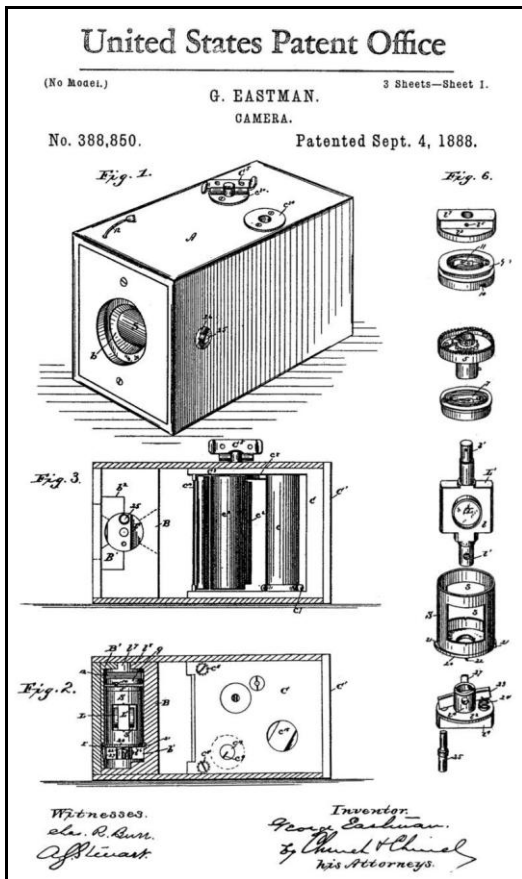
Lúc đầu, việc bán sản phẩm nhiếp ảnh chưa gặp khó khăn và mặc dù đã có 6 nhân viên, Công Ty Eastman vẫn phải muốn thêm người phụ giúp. Nhưng ít lâu sau, các người chơi ảnh phản nản rằng kính khô do Eastman sản xuất chưa nhạy lắm và các nhà buôn đã hoàn trả công ty một số kính ảnh bị hư hỏng vì lỗi kỹ thuật chế tạo. Trước tình thế này, vài người hùn vốn rút lui. Eastman và Strong quyết định qua nước Anh là nơi tiến bộ nhất về kỹ nghệ chế tạo dụng cụ nhiếp ảnh với hy vọng nhờ các chuyên viên tại nơi này tìm ra khuyết điểm. Sau khi trở lại Rochester, Eastman đã cải tiến phương pháp cũ và từ nay, ông đã thực hiện được các kính ảnh hoàn toàn tốt khiến cho không còn ai phải phản nản về sản phẩm nữa.

Vào năm 1884, công việc chế tạo kính khô phát đạt, ông Eastman phải mở rộng thêm cơ xưởng. Ông dọn trụ sở tới một tòa nhà bốn tầng mà ngày nay là nơi chiếc tháp Kodak còn đứng sừng sững. Với mục đích làm giản dị ngành Nhiếp Ảnh, ông Eastman luôn nghĩ tới cách chế tạo ra một chất liệu nào thay thế kính là thứ hay bị bể vỡ và nặng nề. Ông đã dùng giấy để thay thế với hy vọng lắp được cả cuộn phim vào máy để chụp hàng loạt. Đồng thời với việc nghiên cứu, ông Eastman còn khuếch trương công ty. Ông hủy bỏ giao kèo cũ và thành lập Công Ty Kính và Phim Ảnh Eastman (the Eastman Dry Plate and Film Company) với 12 người cộng tác. Eastman đã quảng cáo vào năm 1885 sản phẩm của mình như sau: *“Ít lâu nữa, sẽ có một loại phim chụp ảnh mới dùng vào việc thu hình*

ngoài trời cũng như trong nhà, loại phim này vừa rẻ tiền, vừa tiện lợi để thay thế những tấm kính ảnh khô”.

Với sự trợ giúp của William Walker, Eastman đã tìm ra một loại giấy âm bản. Tuy sản phẩm này thành công trên thị trường nhưng phát minh của Eastman vẫn còn khuyết điểm. Vì giấy không đúng là chất làm nền hoàn hảo, nên khi in ra hình ảnh, người ta vẫn thấy rõ các sợi giấy. Eastman lại bắt tay vào việc tìm kiếm một chất mới để thay thế cho giấy. Ông đã dùng chất collodion nhưng chất này không bắt thuốc ảnh. Vì thế ông phủ một chất keo có thể tan được lên trên mặt giấy rồi tới lượt lớp keo thuốc ảnh không tan trong nước. Sau khi chụp xong, lớp keo thuốc ảnh được bóc ra khỏi giấy và dán vào một tờ keo trong khác rồi người ta mới bôi thêm một lớp collodion ra ngoài. Vào năm 1886, vì công việc tổ chức công ty quá bận rộn, ông Eastman phải thuê thêm các nhà hóa học phụ giúp việc nghiên cứu.

Bất cứ lúc nào, đầu óc của ông Eastman cũng bận rộn về cách chế tạo các máy móc mới để giảm bớt nhân công và làm hạ giá sản phẩm. Sau khi thay thế kính ảnh bằng phim, ông nhận thấy số người dùng phim ảnh chưa có nhiều. Ông muốn theo đuổi một công cuộc kinh doanh lớn lao và muốn vậy, ông phải tìm cách hấp dẫn đa số quần chúng. Ông quyết định cung cấp đầy đủ vật liệu nhiếp ảnh với giá thật rẻ để mọi người đều có thể chụp ảnh được. Ông đã quảng cáo rầm rộ sản phẩm của mình và tìm cách khai thác thị trường thương mại.



Để đại chúng hóa ngành Nhiếp Ảnh, ông Eastman tung ra thương trường chiếc máy ảnh Kodak đầu tiên vào tháng 6 năm 1888. Đây là chiếc máy ảnh kiểu hộp, nhỏ và nhẹ, có dây đeo, bên trong có lắp một cuộn phim giấy dài, đủ chụp 100 kiểu ảnh. Khách chơi ảnh chỉ việc bỏ ra 25 mỹ kim để mua máy có lắp sẵn “Phim Hoa Kỳ” rồi khi chụp xong, gửi máy ảnh về thành phố Rochester và tại nơi này, hãng Eastman sẽ tháo phim ra, rửa và in hình, tất cả chỉ tốn thêm 10 mỹ kim.

Trong việc quảng cáo, Eastman đã nói: “*Bạn chỉ cần bấm nút rồi chúng tôi sẽ lo tất cả các công việc còn lại*”. Đây là một cải cách mới, làm thay đổi hoàn toàn chính sách thương mại và ông Eastman đã áp dụng các phương pháp tân kỳ vào việc sản xuất đại quy mô để làm giảm giá hàng. Do cách quảng cáo đặc biệt, máy chụp ảnh Kodak của Eastman đã nổi tiếng trên khắp thế giới và ngành Nhiếp Ảnh bình dân được khai sinh.

Không những thành công về phương diện thương mại, ông George Eastman còn đạt được một kết quả rực rỡ về phương diện kỹ thuật, đó là sự tìm ra loại phim dẻo và trong suốt. Loại phim này là kết quả của sự pha trộn rất nhiều chất khác nhau với nitrocellulose cho tới khi dung dịch đủ đặc để thành một lớp phim mỏng, trong suốt và không có hạt, đủ sức dẻo dai, làm nền để để bôi các lớp thuốc ảnh lên trên. Vào tháng 8 năm 1889, loại phim Kodak trong suốt đầu tiên được bán ra thị trường và đã được các nhà nhiếp ảnh đón tiếp nồng nhiệt. Cũng nhờ loại phim này, nhà bác học Thomas Edison đã xử dụng để làm cuộn phim chiếu bóng đầu tiên, khai sinh ra kỹ nghệ điện ảnh.

Với chủ đích làm giản dị ngành Nhiếp Ảnh, ông Eastman lúc nào cũng nghiên cứu, tìm tòi. Ông đưa ra các cải tiến liên tiếp khác nhau. Vào năm 1891, Hãng Kodak sản xuất loại phim cuộn khiến cho các người chơi ảnh có thể lắp phim vào máy ngay tại ngoài trời và từ đây, người ta không cần phải gửi

máy ảnh trở lại thành phố Rochester để lắp phim nữa.

Từ khi loại phim cuộn ra đời, một tình trạng khác hẳn đã xảy ra. Trước kia người chơi ảnh phải là một thợ ảnh, họ phải biết tráng phim và rọi hình, hai công việc này bắt buộc họ phải học thêm kỹ thuật phòng tối. Ngày nay với loại phim mới, người chơi ảnh chỉ cần chụp sao cho đẹp, theo đúng theo các điều kiện ánh sáng, còn việc tráng phim và rọi hình đã có hàng ngàn hiệu ảnh lớn nhỏ đảm nhiệm thay họ.

Vào năm 1895, một loại máy ảnh có thể xếp lại và bỏ túi, được tung ra thị trường rồi 5 năm sau, máy ảnh Brownie dùng cho trẻ em đã được bán ra với giá một mỹ kim. Việc chế tạo phim, giấy và máy ảnh đã trở nên một loại kỹ nghệ và Công Ty Eastman Kodak trở thành một hãng sản xuất sản phẩm nhiếp ảnh lớn nhất thế giới.

3/ Đóng góp vào cộng đồng

Từ xưa, ông George Eastman vẫn chỉ mong tìm ra các phương pháp làm giảm dị môn Nhiếp Ảnh để đại chúng có thể hưởng lợi thì ngày nay, điều đó thành sự thật. Những đóng góp của ông Eastman vào ngành Nhiếp Ảnh thật là lớn lao. Charles Greeley Abbot đã phải nói rằng: *“Đó là một cuộc cách mạng trong ngành chụp ảnh, được thực hiện nhờ lòng tận tụy của một viên thư ký ngân hàng chơi ảnh một cách tài tử”*.

Do thiên tài sáng tạo, viên thư ký ngân hàng đã trở nên một tay cự phú. Nhưng dù thành công rực rỡ, ông George Eastman vẫn giữ lòng khiêm

tôn, ít khi ông xuất hiện nơi công cộng hay có hình ảnh đăng trên báo chí. Vì luôn luôn hồi tưởng những ngày còn hàn vi, phải sống chật vật để sinh tồn, ông nghĩ ra các dự án thiết lập các quỹ hưu bổng, bảo hiểm và trợ cấp cho các công nhân của công ty.

Ông Eastman đã đi trước các chủ nhân đương thời về những đức tính dân chủ và nhân đạo trong việc xây dựng kỹ nghệ bằng cách nâng đỡ giới công nhân theo cách chia lời cho họ tỉ lệ với số lương, vì ông biết rằng người công nhân có được tưởng thưởng xứng đáng thì sản phẩm mới tốt đẹp hơn. Ông Eastman cho rằng sự thịnh vượng của một tổ chức không những chỉ nhờ vào các phát minh và các bằng sáng chế mà còn cần tới thiện chí và lòng trung thành của giới công nhân.

Khi tuổi đã cao, ông Eastman đành phải mượn các chuyên viên thay thế mình trong nhiều công việc nghiên cứu, nhờ vậy ông có dư thời giờ nhàn rỗi để đi săn bắn, câu cá, du lịch hay thưởng thức âm nhạc.

Vào thời còn trẻ, ông Eastman không được học hỏi về Âm Nhạc trong khi ông rất ưa chuộng các vẻ đẹp và những âm thanh êm tai. Ông thường kể lại vào thời xa xưa, ông đã mua một cây sáo và tập thổi bài hát Annie Laurie trong hai năm trường. Dù rằng không có thiên khiếu về âm nhạc nhưng do lòng yêu thích nghệ thuật âm thanh, trong thập niên 1920 ông Eastman đã thảo ra nhiều kế hoạch thành lập tại thành phố Rochester một trường âm nhạc, một rạp hát và một ban nhạc hòa tấu, và

dân chúng Rochester đã ủng hộ sáng kiến của ông.

Ông George Eastman còn giúp đỡ các bệnh viện và trường Y Khoa tại Rochester, nhưng ngành chữa răng được ông chú ý tới nhất. Ông đã ủng hộ tài chính để thành lập tại thành phố của ông một bệnh viện Nha Khoa trị giá 2 triệu rưỡi mỹ kim. Có người hỏi tại sao ông ưu đãi các nhà thương chữa răng thì ông Eastman trả lời: *“Tiền bỏ ra cho ngành này mang lại nhiều kết quả hơn bất cứ ngành nào khác. Về y học, chúng ta nhận thấy trẻ em sẽ tốt đẹp hơn, sức khỏe dồi dào hơn và năng lực tinh thần mạnh mẽ hơn nếu răng, mũi, cuống họng và miệng của chúng được chăm sóc chu đáo trong thời còn nhỏ”*. Từ lý do vững vàng này, ông Eastman đã tặng nhiều tiền cho các bệnh viện Nha Khoa của các thành phố London, Paris, Rome, Bruxelles và Stockholm, và hàng trăm ngàn trẻ em châu Âu đã ghi ơn ông George Eastman trong cả quá khứ, hiện tại lẫn tương lai.

Ngoài việc giúp đỡ các công cuộc chống bệnh tật, ông Eastman còn chú ý tới nền giáo dục. Khi Viện Cơ Khí Rochester (the Mechanics Institute of Rochester) được thành lập vào năm 1887 và đang phải phấn đấu, ông Eastman đã tặng tiền cho Viện rồi ông còn tự đề nghị là một trong 10 người đỡ đầu cho Viện. Ngày nay Viện này được đổi tên thành Viện Kỹ Thuật Rochester (the Rochester Institute of Technology).

Do việc thuê mượn một số kỹ sư tốt nghiệp từ MIT Massachusetts Institute of Technology -Viện Kỹ Thuật Massachusetts, ông Eastman thấy được khả năng của các chuyên viên này và ông càng khâm phục Viện Kỹ Thuật đó. Rồi do lòng quý trọng, ông Eastman đã tặng cho Viện Kỹ Thuật đó một số tiền lớn tới 20 triệu mỹ kim với ẩn danh là “ông Smith”. Người ta đã bàn tán rất nhiều về ông Smith và ngày nay trong bài hát phổ thông của Viện, các sinh viên năm dự bị còn ca tụng vị ân nhân bí mật của họ như sau: *“Hoan hô, hoan hô, nhân danh sinh viên trường Kỹ Thuật và trường Boston, hoan hô, hoan hô ông Smith, vị ân nhân ẩn danh”*.

Vào năm 1924, ông Eastman đã tặng hơn 75 triệu mỹ kim cho Viện Kỹ Thuật Massachusetts (M.I.T.), trường Đại Học Rochester trong đó có trường Âm Nhạc Eastman, trường Y Khoa, trường Nha Khoa, Viện Hampton và Viện Tuskegee là cơ sở nâng đỡ nền giáo dục của người da đen. Ông đã cất nghĩa lý do tặng tiền rộng rãi này như sau: *“Trước hết, sự tiến bộ của Thế Giới tùy thuộc vào Giáo Dục vì thế tôi đã chọn các Viện Giáo Dục. Tôi chỉ muốn đỡ đầu vào ngành mà thôi và tôi cho rằng với các Viện này, tôi có thể tìm thấy các kết quả nhanh chóng và trực tiếp hơn, hơn là để số tiền tan mát đi quá nhiều”*.

Ông George Eastman là một nhân vật không thích tự quảng cáo. Thật là trái ngược khi một vĩ nhân của ngành Nhiếp Ảnh lại ít chụp ảnh hơn bất cứ một danh nhân nào khác trong thời đại của ông. Do ít người biết mặt, ông

Eastman có thể dạo chơi trên đại lộ chính trong thành phố mà không mấy ai nhận ra được ông. Ông Eastman rất yêu thích và am tường về Hội Họa, ông thường đi thăm các phòng triển lãm của châu Âu và ông đã có một bộ sưu tầm tranh đáng kể.

Nếu trong cuộc kinh doanh, ông Eastman là một tay cạnh tranh ráo riết và thực tế thì trong các cuộc du ngoạn, ông cũng là một người hoạt động tích cực. Ông thường tổ chức các cuộc đi săn lớn tại châu Phi, tự vẽ kiểu từng món đồ cắm trại và luôn luôn cải tiến các vật dụng sao cho nhẹ nhàng hơn, thu gọn được, và mỗi món đồ đều được dùng cho hai hay ba công việc. Ông lại là tay nấu bếp giỏi, luôn luôn nhận làm các món ăn đặc biệt cũng như món tráng miệng.

Ông Eastman là một con người can đảm và giàu lòng tin tưởng. Trong một cuộc săn thú tại châu Phi, ông đã bình tĩnh quay phim một con tê giác xông tới tấn công ông và viên thợ săn đã bắn hạ

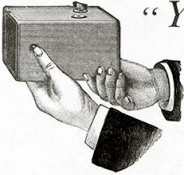
con thú chỉ cách ông 5 bước chân. Có người lo rằng chỉ sơ sót một chút, ông có thể bị thiệt mạng thì ông Eastman bình tĩnh trả lời rằng: *“Dĩ nhiên là tôi phải tin vào cách tổ chức của tôi chứ!”*.

Ông George Eastman qua đời tại Rochester vào ngày 14 tháng 3 năm 1932, không vợ con. Ông là một người tiên phong trong việc khai thác các thị trường ngoại quốc. Ông cũng bỏ ra rất nhiều tiền dùng vào các công cuộc khảo cứu kỹ nghệ, vào các cách quảng cáo rầm rộ cũng như nghiên cứu ngành Tiếp Thị (marketing).

Ông George Eastman xứng danh là một nhà phát minh thiên tài, một kỹ nghệ gia ngoại hạng, một nhà tổ chức sáng suốt, một công dân ái quốc và một con người giàu lòng bác ái, vị tha./

Phạm Văn Tuấn

The Kodak Camera



*“You press the button,
we do the rest.”*

OR YOU CAN DO IT YOURSELF.

The only camera that anybody can use without instructions. As convenient to carry as an ordinary field glass. World-wide success.

*The Kodak is for sale by all Photo stock dealers.
Send for the Primer, free.*

The Eastman Dry Plate & Film Co.

Price, \$25.00 — Loaded for 100 Pictures. ROCHESTER, N. Y.
Re-loading, \$2.00.

Bài xướng

CHỜ MONG

Bao năm chốn cũ vẫn vương lòng
Từ độ thuyền đi để bến không
Đất Mẹ sóng cồn cơn thống khổ
Trời xa trăng lạnh gót phiêu bồng
Từng câu tiễn biệt nào nguôi nhớ
Một buổi trùng phùng mãi ngóng trông
Vắng giữa canh khuya gà rộ tiếng
Gọi vàng dương sáng nỗi chờ mong

Nguyễn Vô Cùng

Bài họa 1

HẰNG MONG

Bao nhiêu ấp ủ ở trong lòng
Sao lại bắt đầu con số không
Dù phải buông xuôi theo vận nước
Dẫu chưa trả hết nợ tang bồng
Lên đèn ngày tháng ôm hoài vọng
Trôi dạt dòng đời vẫn cứ trông
Ngồi ngó đất trời xuân lại đến
Giấc mơ nào đẹp những hằng mong

Phan Khâm

Bài họa 2

ĐỌC THƯ CHỊ

Thư chị làm em thật náo lòng
Hỏi rằng: em có trở về không?
Hẳn quên thuở trước Cha diu dất?
Còn nhớ ngày xưa Mẹ ẵm bồng?
Em vẫn lênh đênh mờ mịt khuất
Chị đành hiu hắt mỗi mòn trông
Chị ơi, trời sẽ rồi tươi sáng
Đời lại sum vầy, thỏa ước mong!

Nguyễn Kinh Bắc

Bài họa 3

CÒN CHI MONG

Dù cho mưa gió vẫn cam lòng
Dâu bể đổi thay có cũng không
Thơ phú quê xưa trôi ngút ngập
Văn chương hải ngoại nổi bênh bồng
Người lên phương Bắc vui tìm gặp
Bạn xuống miền Nam mừng đợi trông
Sách báo dập dìu ta hội họp
Cuối đời được thế còn chi mong

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Bài họa 4

THÔI HẾT CHỜ MONG!

*Đọc lại vần thơ tiếc bán lòng
Khí đời nén chặt bồng chân không!
Vườn Xưa* hong nắng giàn thiên lý
Bước cũ chan mưa ngọn cỏ bông
Mộng Khúc Chiều* đang còn mãi đợi
Mơ mùa Xuân* cứ vẫn hoài trông
Người ơi! còn quá nhiều thương tưởng
Một **Nguyễn Vô Cùng** ngập ước mong!*

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

(*) những tác phẩm của NVC

Bài họa 5

TRO BỤI

*Đất nước ngả nghiêng nát nỗi lòng
Giang sơn gấm vóc đã thành không
Rời ra quê Mẹ... thân tâm gửi
Lạc đến trời Tây... phận cỏ bông!
Mặc niệm mùa xuân nghe cuộc gọi
Mơ về cố quận biết người trông
Trăm năm rồi cũng hoàn tro bụi
Lệ đọng dòng thơ ngập nhớ mong*

Lý Hiểu Thy

Bài họa 6

Ý MUỐN QUAY

*Ra đi cúi mặt hận bên lòng,
Nửa cuộc đời xây dựng hóa không.
Vận nước đổi thay trò nhược tiểu,
Thân trai đổ gầy chí tang bồng.
Ngục tù khổ ải chưa phai xóa,
Năm tháng quê nhà mãi đoái trông.
Ý muốn quay càn khôn đảo lại
Nhưng tay chừ thiếu sức mình mong.*

Githéa Hoàng Hy

Bài họa 7

THỎA ƯỚC MONG

*Thơ nhẹ mà như muối xát lòng
Quê nhà biển biệt, có mà không!
Lần khân ngày đợi đường chim én
Khắc khoải đêm mơ ngọn thi bông
Chẳng biết Vườn Xưa* còn kẻ đoái
Nào hay bến cũ mấy ai trông?
Ôm mùa di hận bay về cõi
Thiên địa **Vô Cùng**... thỏa ước mong.*

Quang Hà

* Tên một thi phẩm của NVC

CON TRAI CỦA THỦY THẦN

**** Nguyễn Minh Nữ ****

Thất Sơn là tên gọi chung bảy ngọn núi huyền thoại ở tỉnh An Giang gồm: núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn), núi Két (Anh Vũ Sơn), núi Cẩm (Thiên Cẩm Sơn), núi Dài (Ngọa Long Sơn), núi Dài Nhỏ hay núi Năm Giếng (Ngũ Hồ Sơn), núi Tượng (Liên Hoa Sơn) và núi Nước (Thủy Đài Sơn).

1

Ông Tư Thời năm nay có lẽ đã trên 80. Ông sinh ra và sống bám vào vùng đất này từ thời thơ ấu đến nay. Ngồi bên tách trà nhâm nhi nhìn mưa gió tối trời tối đất của tháng 9 trên vùng núi non hùng vĩ của Thất Sơn, bỗng sinh lòng hoài cổ cảm khái kể lại như thế này.

Vào một năm lâu lắm rồi, lúc đó vùng Thất Sơn còn rất hoang tịch, dân cư thưa thớt, giao thông vẫn còn trông cậy vào xe ngựa ở trên bờ, và thuyền ghe dưới bến, sâu vào phía sau núi Ông Két, có một ông già sống đìu hiu một mình bên cạnh một mô đất lớn. Ông Tư nhấn mạnh, “Mà ông già đó còn già hơn ông nội tao nữa ghen bây”. Nhờ vào những nén hương thấp mỗi buổi chiều tàn, người ta mới hiểu đó là một ngôi mộ, nhưng là một ngôi mộ khá lớn so với kích thước bình thường. Ông già đó sống ở đó từ hồi nào và bao lâu rồi

thì ông nội tao cũng không biết rõ. Người ta thường gọi ông là Thầy Tám Rắn, vì ông rất giỏi về thuốc trị rắn. Dân địa phương và các vùng lân cận nếu ai bị rắn cắn, miễn là còn sống cho tới khi gặp thầy Tám là coi như người đó sống. Cách chữa trị của ông cũng lạ kỳ, có người bị rắn cắn hấp hối, khi gặp thầy Tám chữa trị xong, sống lại rồi kể lại. Khi khiêng bệnh nhân tới, thầy Tám kêu để trên bộ ngựa giữa nhà rồi đuổi thân nhân ra ngoài hết. Sau đó, thầy Tám đưa tay ra vuốt ngay chỗ rắn cắn. Từ trong vết thương rỉ ra một vệt nước đen đặc sánh chảy ra tay thầy, người bệnh cảm thấy nhẹ nhàng liền, chút xíu sau là các vết sưng xẹp xuống, và sinh hoạt bình thường.

“Ông nội tao hỏi còn thanh niên bị rắn cắn, cũng đã được thầy Tám cứu, vậy mà khi tao lớn lên, thành thanh niên mười bảy mười tám tuổi cũng còn thấy mặt thầy Tám thì tao cũng không biết ông già cỡ nào?”

“Lúc đó lóng chừng khoảng giữa tháng 10, trời mưa hoài, mà lại giữa mùa nước lớn. Một bữa vào buổi chiều, trời cũng đang chạng vạng, tao vừa ngoài ruộng về, bỗng thấy sấm chớp sao quá lớn, nhứt là sét đánh gi đầu mà tứ tung,

khắp trời như sao xẹt... Tao hoảng hồn kiểm chỗ núp sao mà bất ngờ chạy tới ụ rơm kê ngay ngoài vườn nhà thầy Tám. Tao hoảng hồn khi thấy trong nhà thầy Tám đông người quá, mà người nào người nấy bận đồ như hình mấy ông Hộ Pháp trong chùa. Có hai người quay mặt ra ngoài nên tao thấy rõ họ chỉ là những chàng thanh niên cỡ chừng hai chục tuổi, khuôn mặt sáng láng, họ đang nói chuyện bàn bạc gì đó chung quanh thầy Tám. Còn thầy Tám thì nằm trên bộ ngựa... không biết bệnh gì và còn sống hay không? Thiệt tình thì tao cũng muốn chạy vô thăm hỏi, nhưng sợ sấm sét ینh trời mà sao nhiều tia chớp như phát ra từ trong căn nhà đó nên chưa biết tính sao. Chợt tiếng sấm thiệt lớn nổ như ngay trên đầu mình, tao té lăn bất tỉnh... Tới chừng tỉnh dậy cũng đã nửa đêm, dòm ra thì căn lều thầy Tám cũng không còn, chỉ thấy trên đó là một ụ đất lớn như ngọn đồi, mà bây giờ tụi bây thấy đó, hai ngọn đồi nằm song song bên núi ông Két".

2

Ngôi chùa điêu hiu lảm, bốn bức tường rêu phong cũ kỹ, chính điện chỉ là một cái kệ xây cao, trên đó pho tượng Phật bằng gỗ mít lâu ngày đã sẫm đen như hắc ín. Vị lão tăng khoác tấm áo nâu bạc màu, thân hình gầy ốm, chỉ có tia mắt là sáng.

Khi nghe khách kể lại những lời ông lão Tư Thời kể về sự tích hai ngọn đồi bên cạnh núi ông Két, vị tăng từ tốn gật đầu xác nhận, và nói ông Tư Thời kể lại đúng đó, đúng nhưng chưa đủ. Ông Tám đó là Long Thần, nên nọc rắn nào khi móng rồng vuốt vào thì độc cách mấy cũng phải ứa ra thôi. Ngôi chùa mà ông đang đứng đây là ngôi chùa xây dựng từ trăm năm nay, ngoài chính điện thờ Phật, phía trái, chúng tôi vẫn có bàn thờ Long Thần. Sự tích vị Long Thần này chính là sự tích Ông Thầy Tám Rắn. Tổ sư khai sơn của ngôi cổ tự này là tổ sư ba đời của tôi, đã ghi rất rõ nguồn gốc của hai ngọn đồi, của Long Thần được thờ trong chùa, tôi xin kể lại ông nghe.

Thủy Thần biển Đông có 9 con trai, và ông Tám Rắn đó chính là người con trai thứ tám phụ trách thông thương cho cửa Ba Thắc. Nhiệm vụ của họ là mỗi ngày đi vào đất liền bằng chín lối khác nhau. Mỗi khi đi vào, họ hóa thân thành luồng nước lớn, những lớp vảy là những con sóng bạc, khi họ đi vào là nước thủy triều dâng lên, vừa làm lòng sông sâu thêm, vừa làm bờ sông mịn láng, và khi lên tới đầu nguồn, họ quay về biển Đông, đó là khi người ta nhìn thấy nước triều xuống. Hàng ngày, thủy triều lên xuống tạo cân bằng cho sinh thái tự nhiên và là hoạt động của thiên nhiên chi phối và hỗ trợ con người. Những Long Thần này còn làm ra

những cơn mưa tưới cho vùng đồng ruộng bát ngát của đồng bằng miền Nam. Khi cất lên cao để tạo mưa, rồng nhả từ trong miệng ra viên trân châu là linh khí của mình, viên trân châu xoay tròn tạo ra những tia sáng lấp lánh mà chúng ta thường gọi là sét, cùng lúc với tiếng reo vang của Long Thần trở thành tiếng sấm. Công việc bình thường từ muôn đời tới nay vẫn êm đềm trôi chảy cho tới khi...

3

Bát lang thông thả vượt dòng nước trôi đã nửa ngày. Tháng này đang là mùa nước nổi, lênh láng khắp nơi là những đợt nước từ đầu nguồn mưa lớn chảy xuống, chưa thể chảy ra biển nên tràn vào các rừng cây mọc thấp. Dòng sông bây giờ không chỉ là một dòng nước chảy giữa hai bờ, mà rất nhiều nơi bát ngát mênh mông như một biển giữa đồng bằng. Bát lang lúc thì bơi giữa dòng, lúc thì nép hẳn thân mình vào núi đá. Phong cảnh xanh tươi của núi rừng thấp thoáng xa xa là những cánh đồng lúa thơm bất tận. Vui vẻ trong lòng, chàng bay hẳn lên cao, nhả hạt trân châu cho xoay giữa hai chân vờn múa tạo ra những cơn mưa. Đùa giỡn một lúc, chàng từ từ ghé lại đỉnh núi Cẩm, rừng mình biến thân thành một chàng trai, đứng trên vồ đá dựng cảm khái nhìn xuống bình nguyên.

Xa xa trong tầm nhìn của chàng là cánh đồng lúa xanh rì, thấp thoáng vài mái nhà tranh, làn khói lam nhẹ bốc lên trong thời điểm chuẩn bị bữa ăn chiều. Bổng Bát lang nhìn thấy một bóng người giữa đồng, kín hờ trong cái chòi lá chênh vênh. Khuôn mặt thì không rõ, nhưng dáng điệu dịu dàng trong từng cử động nhẹ... bỗng làm chàng xúc động.

Với phép thần thông có sẵn, Bát lang lại biến mình thành một cánh chim, bay từ đỉnh núi xuống ven cánh đồng, rồi hiện ra với vóc dáng một chàng thanh niên dân dã, đi xăm xăm về phía chòi tranh.

- Này cô gái, sao cô ở đây một mình? Cô không biết là trời gần tối rồi sao?

Cô gái ngược mặt lên, khuôn mặt trắng hồng và đôi mắt to đen ngạc nhiên:

- Ông là ai? Một mình là sao khi ruộng lúa này là ruộng lúa của quê hương tôi. Chung quanh còn có xóm giềng làng nước, trên dưới còn có đất trời, trái phải còn có thánh thần hai bên. Nếu hỏi tại sao chỉ có một mình thì hãy hỏi về ông đó. Ông là người lạ mặt với thổ ngòi này, gần tối rồi sao lưu lạc đến đây?

Bát lang đỏ mặt:

- Chỉ là ta lo cho nàng thân gái dặm trường nên muốn giúp nàng... muốn đưa nàng về nhà thôi...

Cô gái cười:

- Hãy coi lại mình đi chàng trai xứ lạ. Đây là đâu và chàng là ai? Ruộng đồng xanh ngát này đâu phải là chỗ cho những người mặt trắng như công tử con nhà giàu, đất bùn sinh này đâu phải là nơi dành cho bộ quần áo trắng trơn như chàng....

Bát lang thấy máu chạy rần rạt nơi mang tai, mặt nóng bừng như hơi trên bếp lửa và miệng khô cứng như ngậm phải trái bồ hòn.

Chàng lúng túng:

- Vậy ta có thể làm gì giúp nàng hay không?

Cô gái vẫn cười, lúng liếng đôi mắt bồ câu, cái lúm đồng tiền càng sâu hơn khi cô ta cười trêu ghẹo:

- Có chứ, chàng có thể làm cho cái nhìn của em thân thiết hơn bằng cách bôi chút sinh lên khuôn mặt để giống con trai vùng núi Cẩm, có thể trộn màu quần áo tinh tươm kia với nước phù sa để đồng điệu với dân quê...

Cô gái nói như đùa, và cười như người bạn thân thiết. Nhưng ngay lúc đó lại tới giờ về biển. Viên trân châu linh khí của loài rồng trong bụng chàng bắt đầu réo gọi bằng những chuyển mình cuộn cuộn. Nếu là bình thường thì lúc này Bát lang chỉ việc rung mình một cái, trở lại hình dáng long quân và nhào xuống dòng nước bơi về biển theo đợt nước rồng. Nhưng Bát lang không muốn vậy, chàng đưa tay chặn

bụng mình lại và tìm lời đối đáp, chuyện trò với cô gái mới quen.

- Nếu ta làm theo ý nàng thì... nàng bằng lòng để ta đưa nàng về nhà chứ?

- Chưa đâu, vì chàng đã biết em tên gì đâu...

- Nàng tên gì?

- Chèng ời, hỏi tên người ta dễ dàng vậy sao, vậy chàng tên gì?

Bát lang luống cuống hơn, ai cũng gọi chàng là Bát lang, vì chàng là con trai thứ 8 của Thủy Thần, còn chàng tên gì chàng chưa bao giờ biết tới...

- Ta... ta thứ Tám.

Viên trân châu linh khí không để yên cho Bát lang chuyện trò nữa, nó nhồi lên nhồi xuống, chạy ngang qua, ngang lại làm Bát lang cố gắng đưa tay ngăn chặn không kịp nữa.

Chàng biết rõ, nếu không gồng sức chịu đựng, viên trân châu sẽ vọt ra cửa miệng là chàng lập tức hóa thân thành rồng, nên càng cố gắng cắn răng lại và ôm bụng chịu đựng. Mồ hôi toát ra đầm đìa khắp toàn thân và Bát lang ôm bụng lăn lộn trên bờ ruộng. Cơn đau làm Bát lang mê mết, Bát lang thiếp đi, trước khi chìm hẳn vào cơn mê, chàng vẫn còn ý thức được vòng tay triu mến của cô gái nâng người chàng lên và đôi mắt bồ câu long lanh lo lắng nhìn vào mắt chàng.

Tối hôm đó, dòng Cửu Long chảy ra cửa biển Ba Thắc đã không có nước rồng, con thủy triều lên, nhưng chưa

chịu rồng xuống, thì nước lại vào vòng chu kỳ nước lớn nữa. Người ta gọi hiện tượng này là Bán Nguyệt Triều.

Bát lang tỉnh lại nhìn quanh. Tiếng gọi nhẹ nhàng bên cạnh, anh Tám, anh Tám khỏe lại chưa? Ăn chén cháo này nghe....

Họ quen nhau như thế, Bát lang thành anh Tám mộc mạc sống bên người vợ hiền là cô gái nghèo mồ côi làm nghề gặt lúa mướn bên núi Cẩm. Cô gái chỉ biết người chồng khỏe mạnh của mình bị một cái bệnh kỳ lạ là mỗi ngày hai cơn đau bụng thấu trời, nhưng sau đó lại bình thường sinh hoạt việc nhà chăm chỉ, chứ không biết gì về một long quân ở cõi bất sinh bất diệt đang hạnh phúc bước vào cõi người để chịu sinh lão bệnh tử. Họ sống trong yêu thương, quấn quýt bên nhau cho đến một ngày cô gái già yếu đi, bệnh hoạn và từ trần. Bát lang chôn cất nàng dưới chân núi Cẩm và cam tâm chịu sống hiu quạnh một mình cho thương nhớ vô vàn người phối ngẫu.

Khi mang thân xác con người, Bát lang cũng chịu sự chi phối của quy luật con người, nghĩa là già đi, nghĩa là yếu đi, dòng nước ngày xưa chàng phụ trách mỗi ngày ra vào từ cửa biển, nay lâu ngày không lưu thông, các gò cát phù sa từ thượng nguồn đổ về nhô hẳn lên cao, và dòng nước hẹp dần.

Tháng 10 năm đó, Bát lang già yếu lắm rồi, chàng không còn đủ sức kiểm chế nổi viên trân châu linh khí rồng nữa, cho nên một buổi trưa, khi ngoài trời mưa lớn, nghĩa là khi các anh em của chàng đang vùn vủ trên cao nhả châu làm mưa xuống, thì trong căn nhà tranh giữa rừng, Bát lang nhả viên trân châu ra khỏi miệng, viên trân châu bay lên, xoay tròn bốn phía, phát ra các tia sét màu hồng tươi, quện cùng các tia sét màu xanh lục, màu vàng chanh, màu vàng cam... của các anh em khác. Thế là tám anh em của Bát lang đã tìm ra đứa em thất lạc bấy lâu nay. Lập tức họ hiện thân thành các hoàng tử tụ xuống lều tranh thăm người em thứ tám. Tám chàng trai trẻ đứng chung quanh một ông già ốm yếu, co quắp trên bộ ngựa giữa lều.

Đại lang giận dữ:

- Em sao vậy Bát lang, bỏ nhiệm vụ thiên phong, bỏ cõi bất sinh bất diệt vì cái gì vậy? Có biết cha và các anh buồn nhớ ra sao không?

Nhị lang thì cầm tay Bát lang khuyên nhủ:

- Hãy theo anh về gặp cha ngay, cha cứu được em mà.

Cửu lang thì như đứa con nít, quỳ xuống ôm thân hình Bát lang và khóc nức nở:

- Em không chịu đựng nổi khi nhìn thấy anh xơ xác như thế này đâu... Bát lang hùng tráng của em ngày xưa đâu rồi?

Bát lang lơ dờ nhìn các anh em, nước mắt ứa ra từ đôi mắt hóp sâu, da nhẵn nhúm.

- Em sắp tới giờ chia xa tất cả mọi người rồi, em nhớ các anh em nhiều lắm, em có lỗi với cha, em có lỗi với chức thiên phong, em xin mọi người tha thứ...

Tam lang ngắt lời:

- Vẫn còn kịp mà, em là giống rồng, em thoát bỏ kiếp người phù du này đi, hãy về với cha và các anh em...

Bát lang lắc đầu, em không về đâu...

- Cái gì làm em mê muội như vậy? Hai ba giọng nói cùng cất lên.

Đại lang hần học, sao em u mê tới vậy, Bát lang à, anh không hiểu nổi em rồi. Chúng ta có thần thông, nếu em chỉ yêu nhan sắc nào đó, em đủ khả năng biến bất kỳ một sinh vật nào thành một nhan sắc vượt trên mọi nhan sắc của thế gian mà sao em tự hủy mình vì một con người đời sống phù du như vậy...

- Nếu em không muốn tự làm, anh sẽ làm giúp cho em, Tứ lang chen vào
Bát lang buồn bã lắc đầu, lắc đầu nhẹ nhưng cương quyết.

Bất ngờ một tiếng sấm khủng khiếp vang lên, cả căn lều như sáng rực lên vì lớp hào quang vàng rực bao trùm cả một vùng.

Tám chàng trai vội giạt qua hai bên và quỳ xuống, Bát lang từ trên bộ ngựa cũng cố gượng dậy, nhưng ngay lúc đó một bàn tay đã ngăn lại và tiếng nói

trầm hùng vang lên, "Con trai yêu, con cứ nằm đó đi."

Tám chàng trai đồng loạt, "Tham kiến phụ vương". Ông già quắc thước đưa mắt mỉm cười với các con, và phẩy tay, "Các con đứng lên đi. Thằng Tám sao rồi?"

Bát lang ôm cánh tay của ông già, "Con xin lỗi cha..."

Ông già gật đầu dịu giọng, "Bây giờ con theo cha về chứ?"

Bát lang quỳ xuống, im lặng một chút, rồi nói nhỏ, "Thưa cha... không..."

- Con không về? Ông già bức bối, Giải thích cho cha nghe. Tại sao vậy?

Bát lang cố gượng dậy, bước xuống bộ ván và quỳ trước mặt ông già, nhưng quỳ sâu, quỳ lâu mà không nói.

Tám chàng trai cũng quỳ xuống đồng loạt thưa, "Xin cha từ tâm."

Khuôn mặt ông già cau lại, hàm râu màu nâu sẫm như vằn ngược, ông nhìn đăm đăm ngoài trời xa hồi lâu, rồi dịu dần, hòa hoãn lại, ông nâng Bát lang lên, và dịu dàng:

- Hãy nói cho cha nghe con nghĩ thế nào?

- Thưa cha, giọng Bát lang rõ ràng hơn, Cha biết đó, chúng ta là giống rồng, và chúng ta chịu thiên phong nên chúng ta có thần thông. Thần thông có thể làm chúng ta hóa thân làm đủ mọi loài hình dáng khác nhau, xấu đẹp, hiền dữ đều có thể làm được, nhưng có một thứ chúng ta không nhân bản được, vĩnh viễn không làm được vì ai trong chúng

ta cũng chỉ có một cái hồn. Cái Hồn đó là cái bản chất riêng tư mỗi cá thể, là cái tâm để hành xử thiện ác, và là cái mang theo trong suốt cuộc luân hồi.

Bát lang ngừng lại để thở:

- Chính từ cái tâm đó con biết yêu thương, con biết giận hờn, con biết trách nhiệm thiên phong, con biết lòng cha và các anh em triu mến, và con hiểu được tình yêu. Con yêu em Lành không vì nhan sắc, không vì dục vọng, không vì những lời nói phù phiếm bên nhau, mà vì tự trong tâm hồn của con và tâm hồn của em Lành là những phổi nhịp dịu dàng như một hòa âm. Ở bên em Lành con được sống trong hoan lạc và an bình. Em Lành chết đi, nhưng cạnh mộ của em, vẫn là những an ủi sâu lắng, là những tình cảm thiết tha không ngừng trao đổi với nhau. Con chịu lỗi với cha nhưng con thật sự hạnh phúc nếu được chết như một con người.

Bát lang ngừng lại một chút để thở, sau đó nhấn mạnh, "Được chết như một con người bên cạnh em Lành".

Bát lang gục xuống chân ông già. Và tất cả im lặng. Im lặng khá lâu. Ông già đứng giữa lều, tám chàng trai thống tay đứng chung quanh và Bát lang quỳ dưới đất. Tất cả im lặng. Mọi người chờ đợi cơn thịnh nộ của Thủy Thần.

Ông già lắc lắc cái đầu hai ba lần như để tỉnh táo lại, rồi tự tay nâng Bát lang lên bộ ván. Giọng nói của ông chùng lại:

- Con à, ta hiểu con rồi. Mỗi cá thể chỉ có một cái tâm, hướng cái tâm tới điều ác thì thành quỷ sứ, hướng cái tâm tới điều thiện thì thành bồ tát. Nay con đã

tự nguyện hướng cái tâm của mình vào một tình yêu thì con phải được làm con người thôi. Phút cuối này ta không dùng lời khuyên nhủ con nữa, mà dùng tâm của mình để chúc con an lạc.

Lại im lặng một chút, rồi giọng Thủy Thần dứt khoát:

- Ta đi đây.

Sấm nổ vang trời, hào quang rực sáng, ông già đã biến mất. Bát lang đã kiệt lực, tám người anh em nhìn Bát lang trút dần hơi thở cuối. Khi viên trân châu của Bát lang cạn kiệt linh khí rỗng ròi xuống là khi Bát lang từ bỏ cõi trần. Các chàng trai đồng loạt thoát ra ngoài khi viên trân châu phủ ụp xuống lều tranh tạo ra một tiếng nổ lớn và hóa thành một ngọn đồi đất phủ lên Bát lang, giống như ngày trước Bát lang đã sử dụng thần thông để đắp ngôi mộ nàng Lành.

4

Núi Cẩm bây giờ thay đổi nhiều lắm, mới ba mươi năm trước là vùng đất hoang liêu cô tịch không có lối đi lên, nay thì đường xe hơi đã chạy lên tới gần đỉnh núi. Nhiều ngôi chùa được xây cất vĩ đại, khang trang.

Ông Tư Thời kêu thằng cháu nội lấy xe gắn máy chở khách đi thăm các vồ trên núi. Vồ là những khối đá lớn nhô ra từ núi Cẩm, nhiều lắm các vồ với tên mang dấu ấn một sự tích nào đó. Đường lên các vồ đá quanh co khúc khuỷu với nhiều đoạn lên dốc cao dựng ngược, nhiều đoạn như lao xuống vực sâu. Có những vồ muốn tới phải băng qua những lũng, có những vồ phải qua vực, nhưng cao nhất trong các vồ là vồ

Thiên Hậu, lúc nào cũng mờ mờ sương khói, nhìn xuống bình nguyên xa tít tắp dưới chân. Đi thăm các vò cũng mất cả ngày, chiều xuống, khách trở lại ngôi nhà của ông Tư Thời, khách hỏi lại ông Tư Thời, câu chuyện chàng hoàng tử thứ tám của Thủy Thần nghe sao hoang đường quá, ông có tin chuyện đó hay không?

Ông Tư Thời trợn mắt, "Bây không thấy cửa Ba Thắc ngày nay đã bị cát bồi lấp kín cửa sông sao? Cửa Long bây giờ chỉ còn 7 cửa, một cửa do con người xây đập thủy điện làm bít cửa sông, và một cửa do thiên nhiên tự bồi, và những gò giữa sông nay đã có diện tích lớn bằng hai huyện trong đất liền". Sau đó ông Tư Thời thở dài, nhìn khách:

- Tụi bây còn trẻ, tin hay không tự ý. Nhưng tin thiêng liêng thì có thiêng liêng, không tin thiêng liêng... thì vẫn có thiêng liêng mà.

Nói xong, ông chậm chạp đứng lên, lấy ba cây nhang ra đốt và hướng ra ngoài sân kính cẩn vái lạy bốn phương trời.

Trời tối rồi, bên ngoài còn mưa nặng hạt lắm, nhìn xéo qua bên kia, pho

tượng Phật Di Lặc cao tới 34 mét, lưng lửng giữa trời, lâu lâu một tia sét lóe lên, sáng cả khu vực, pho tượng trắng tinh hiện ra bất ngờ như từ cõi trời hạ thế, chỉ một giây sau cả núi Cẩm lại chìm trong bóng đêm u tịch ngàn năm.

Khách đứng kề bên khung cửa, nhìn ra ngoài, bỗng chợt nhớ tới hồi chiều khi lên vò Thiên Hậu, trên vách đá kề bên, ai ghi lại hai câu thơ bằng sơn trắng:

*Những vò đá dựng soi thiên cổ
Nhìn xuống bình nguyên một khối tình*

Hai câu thơ hình như muốn mô tả mối tình của chàng Bát lang với cô Lành, hoặc có khi cũng chỉ trùng hợp vô tình của khách vãng lai khi lên thăm đỉnh núi, xao động trước cảnh hùng vĩ của thiên nhiên và sự nhỏ nhoi của thân phận con người, nên xúc động viết nên chăng?

Sự thật thế nào chẳng ai biết rõ.

Nguyễn Minh Nữ



Thu Về

*Thu về trên đất Mỹ,
Sớm, muộn Trời tùy ý
Lá cũng đua thay màu
Đỏ, vàng, nâu, chí lý!*

*Sương mai mờ đỉnh núi,
Nền cỏ như vương bụi
Lạnh lạnh ru hồn người
Khơi nguồn cho nghệ sĩ.*

*Tuổi già, hưu trí nghĩ,
Ẩm đạm thu, suy nghĩ
Tiếc nhớ thời vàng son
Ai? người cùng ý nhỉ!*

Oanh Nguyễn

NGÀY XUÂN THƠ SAY ỨNG KHẨU

Trần Quốc Bảo dịch thơ Lý Bạch

XUÂN NHẬT TÚY KHỞI NGÔN CHÍ

Lý Bạch (*)

春 日
醉 起 言 志

處世若大夢
胡為勞其生
所以終日醉
頽然臥前楹
覺來眊庭前
一鳥花間鳴
借問此何時
春風語流鶯
感之欲歎息
對酒還自傾
浩歌待明月
曲盡已忘情

李 白

XUÂN NHẬT TÚY KHỞI NGÔN CHÍ

Xử thế nhược đại mộng,
Hồ vi lao kỳ sinh!
Sở dĩ chung nhật túy,
Đời nhiên ngoạn tiền doanh.
Giác lai miên đình tiền,
Nhất điều hoa gian minh.
Tá vẩn thử hà nhật,
Xuân phong ngữ lưu oanh.
Cảm chi dục thần tức,
Đối tửu hoàn tự khuynh.
Hạ ca đãi minh nguyệt,
Khúc tận dĩ vong tìn!

Lý Bạch

Bản dịch 1:

nguyên thể của Trần Quốc Bảo

NGÀY XUÂN THƠ SAY ỨNG KHẨU

Đời như giấc mộng dài
Chớ lo phiền ử đột
Cứ say khướt cả ngày
Trước hiên nằm ngon giấc
Tỉnh dậy nhìn ra ngoài
Bên hoa con chim hót
Muốn hỏi, nay ngày nào?
Gió Xuân, oanh thánh thót
Chợt cảm xúc dâng trào
Lại nghiêng bầu tự rót
Chờ trăng, hát nghêu ngao
Dứt ca, quên trót lốt!

Bản dịch 2:

thể lục-bát của Trần Quốc Bảo

NGÀY XUÂN THƠ SAY ỨNG KHẨU

Cuộc đời như giấc mộng dài,
Há gì lo lắng u hoài, mệt thay!
Suốt ngày cứ uống cho say
An nhiên thoải mái, ngủ ngay giữa nhà
Đến khi tỉnh dậy, nhìn ra
Một con chim hót bên hoa, vui chào.
Hôm nay, muốn hỏi ngày nào?
Gió Xuân phơ phới, ngọt ngào oanh ca
Lòng dâng cảm xúc chan hòa!
Nghiêng bầu rượu, lại rót ra dồi dào,
Chờ trăng lên, hát nghêu ngao
Dứt ca, mọi chuyện đi vào lãng quên!

(*) **Lý Bạch 李白** (701-762)

Sơ lược tiểu sử: tự Thái Bạch 太白, hiệu Thanh Liên cư sĩ 青蓮居士, sinh ở Tứ Xuyên (làng Thanh Liên, huyện Chương Minh, nay là huyện Miện Dương). Quê ông ở Cam Túc (huyện Thiên Thủy - tức Lũng Tây ngày xưa). Lý Bạch xuất thân trong một gia đình thương nhân giàu có. Lúc nhỏ học đạo, múa kiếm, học ca múa, lớn lên thích giang hồ ngao du sơn thủy, 25 tuổi "chống kiếm viễn du", đến núi Nga My ngắm trăng, ngâm thơ rồi xuôi Trường Giang qua hồ Động Đình, lên Sơn Tây, Sơn Đông cùng năm người bạn lên núi Thái Sơn "ẩm tửu hàm ca" (uống rượu ca hát), người đời gọi là "Trúc khê lục dật" (sáu người ẩn dật trong khe trúc). Sau đó được người bạn tiến cử với Đường Minh Hoàng, ông về kinh đô Trường An ba năm, nhưng nhà vua chỉ dùng ông như một "văn nhân ngự dụng" nên bất mãn, bỏ đi ngao du sơn thủy.



HOÀI THU

*Ta vẫn mơ Thu Vàng thắm tươi,
Hồn Thu gieo rắc mộng vào đời
Mà sao Thu tới tràn giông tố
Cho Lệ Thu đọng đầy khắp nơi?*

*Tiếc nuôi bao Mùa Thu dĩ vãng,
Bóng nai ngơ ngác khuất lâu rồi
Rừng Thu thơ mộng nay hoang vắng
Ám đạm Mây Thu lạng lẽ trôi!*

*Bốn phương bằng hữu ly tan cả,
"Thu ẩm hoàng hoa tửu" với ai ? (1)
Thu hỡi, chào ôi! nhưng nhớ quá!
Chiều Thu nghiêng nắng đậu mừng tôi ...*

*Lòng vẫn Hoài Thu, lòng vẫn đợi,
Một mùa thu đẹp nắng vàng soi
Trên quê hương cũ, trên sông núi
Vận nước thiên thu sẽ phục hồi...*

Trần Quốc Bảo - Richmond, Virginia

(1) Cổ thi: "Thu ẩm hoàng hoa tửu"



THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người bạn đời R.A.S. của tôi)

♥ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ♥

(Dịch từ những lá thư 50 năm cũ. Tiếp theo Cỏ Thơm 91)

Washington, August 27, 1970

My dear Dung,

Em viết cho anh ngày 19 tháng 8 và nói em bị đau hai ngày ở nhà. Trong thư Jerry viết cho anh cũng nói vậy. Anh mong em đã khá hơn rồi. Sức khỏe của em rất quan trọng, em yêu. Em có nhớ rằng anh bảo em đi bác sĩ khám sức khỏe không? Anh đoán là em đã chẳng đi.

Dù anh không thích nghe tin em đau, anh rất vui nhận được lá thư sau cùng của em. Nó làm cho anh ca hát trở lại – trái tim anh reo vui. Anh lại cảm thấy hy vọng. Anh không buồn như trước nữa.

Anh vui mừng em thích cái dây ngọc trai và em khoe với chị, em, bạn. Anh rất hài lòng em tìm thấy cái áo màu xanh lá cây của anh mà anh định mặc đi sở thú với các con em, và anh cảm thấy ấm áp khi em nói, "Em sẽ giữ nó cho đến khi anh trở lại Sài Gòn."

Em cũng tin rằng anh sẽ trở lại. Dung ơi! Em có biết anh đang học tiếng Việt rất chăm chỉ không, vì em đó? Em đừng sửa lỗi trong thư và không phải viết lại cái thư hai lần. Anh thích chữ viết của em. Rất đẹp.

Anh vẫn làm việc nhiều. Nhưng anh không viết cho em nhiều gần đây vì sợ làm em nhức đầu. Anh mong em khỏe. Anh rất nhớ em. Xin em hãy viết cho anh vài chữ mỗi tuần.

Anh hy vọng sẽ gặp em trong 4 hay 5 tuần nữa.

Như em biết, anh yêu em rất nhiều.
Bob.



August 28, 1970

Friday afternoon (at work)

My dearest,

Anh viết cho em tại sở, trong giờ trưa. Anh không cảm thấy tội lỗi vì anh thường làm việc muộn trong đêm hay những ngày cuối tuần. Anh làm việc nhiều giờ hơn những người ở đây.

Trưa nay, anh về nhà B. ăn trưa. Anh ngạc nhiên lớn. Không chỉ một thư mà hai thư của em tới. Em ở nhà nghỉ bệnh. Anh không vui vì em đau, nhưng mừng em nghỉ ngơi ở nhà và viết thư cho anh.

Anh làm sao quên được tiếng chuông chùa ở gần nhà em. Anh thường xuyên nghe thấy nó và nhớ tới em. Anh vui vì em nghe tiếng chuông chùa và nghĩ tới anh một chút. Anh biết em không quên anh. Anh biết em nhớ anh vì chúng ta đã thương nhau trong bao nhiêu lâu. Nhưng anh lo em không nhớ đến anh trong tình yêu, trong niềm thương mến. Anh không muốn chỉ được em nhớ, dù rằng anh rất hài lòng. Anh muốn được em yêu nồng nàn với niềm say đắm như đã có lần em cảm thấy.

Thư của em nói rất nhiều (Anh để nó ở nhà) -- Anh sẽ viết từng điểm một, bây

giờ hay lát nữa. Anh đặc biệt muốn nói em về thái độ của người Việt đối với người Mỹ. Anh rất tiếc người ta đã có cảm tưởng xấu. Cảm tưởng đó có thể chính xác. Nhưng nó có nghĩa lý gì? Hãy nghĩ về thái độ của người Việt đối với người Cao Miên, hay thái độ của người Cao Miên đối với người Việt. Dù rằng cả hai đều là người Á Đông, đôi khi họ không thích nhau, đôi khi họ giết nhau. Cùng cách đó, đôi khi người Việt không tin nhiệm người Mỹ, và người Mỹ không tin nhiệm người Việt. Thêm vào đó là vấn đề sinh ngữ, về chủng tộc khác biệt. Người Mỹ cũng không tin người Mỹ. (Điều này cũng là sự thật về người Việt với người Việt.) Thật là kinh khủng, con người ghét nhau.

Khi anh còn trẻ, anh nghĩ anh sẽ dâng hiến cả cuộc đời, cố gắng làm bớt đi sự thù ghét giữa con người. Anh viết về điều này trong một quyển sách nói về người da đen và da trắng nên hòa đồng với nhau như thế nào trong nước Mỹ. Dĩ nhiên, anh đã làm được rất ít về vấn đề này. Bây giờ anh sẽ dâng hiến chính bản thân anh, cố gắng giải thích nhiều hơn nữa về người Việt đối với người Mỹ.

Từ khi anh trở lại Việt Nam, anh chưa làm được gì cho cuốn phim của anh, nhưng đêm nay và cuối tuần này anh sẽ hoàn tất nó. Sự thực, hình ảnh mà anh có về Đà Nẵng còn sơ sài, nhưng không phải tất cả. Anh nghĩ nó gây được hào hứng. Anh sẽ lấy thêm hình ảnh tốt của Sài Gòn nữa. Anh rất vui em đã mời anh trở lại Sài Gòn.

Anh nói chuyện với Jerry hôm kia. Ông ta nói đã nhận được cái *tape* anh làm, nhưng ông ta chưa đưa cho em. Anh mong em thích nó. Anh làm nó khi anh

buồn, Nhưng anh cố gắng không để lộ điều đó.

Bây giờ, em đã trở lại làm việc. Anh vui mừng em đã nhận được điện tín của anh. Anh muốn em biết rằng anh không giận em. Anh dè dặt dùng câu "your monkey" – anh nghĩ em không thích. Nhưng em đã thích và / *am delighted* (1). Em có biết nghĩa "delighted" là gì không? Nghĩa như là một đứa bé vui thích được ăn một ly kem hình phễu (*Ice cream cone*.) Nghĩa như là hai người tình gặp nhau sau một thời gian xa cách. Nghĩa như là được nhìn môi em cười.

Dù em nói rằng em sẽ không thành hôn với ai cả, anh vẫn cho mọi người xem hình của em. Anh nói nhiều về em, và những người biết về em luôn luôn hỏi thăm em.

Em nghĩ tới anh vì anh đã tử tế và chịu đựng. Anh như vậy vì anh tin tưởng ở em. Đôi khi anh nghi em đã thương người khác mà em lo ngại không cho anh hay. Nhưng H. nói rằng rất khó khăn cho phụ nữ Việt rời bỏ gia đình. Nên anh tin em. Dù em có thương người khác, nhưng tình yêu đó cũng không sâu đậm bằng tình yêu của chúng ta và em không thể thay đổi nhanh chóng được. Như vậy, anh phải thông hiểu gia đình em, và những điều em lo ngại cho tương lai.

Anh sẽ gặp em vào tháng 10 nhé, em yêu. Đừng lấy ngày nghỉ cho đến khi anh về nhé. Anh rất vui mừng vì lá thư của em. Nếu anh biết em con yêu anh thì anh sẽ không cô đơn.

Hôn em.

Bob.

(1) Nguyên bản tiếng Anh.



Saturday afternoon 8/29/1970

My dear Dung,

Chiều nay anh lái xe chở người bạn đi Phi trường Baltimore. Ông ta trên đường đi Sài Gòn. Anh mất cả một buổi sáng. Khi trở về, anh mong có thư em. Anh muốn biết em bệnh ra sao? Mong em khỏe. *Honey*, anh muốn nhận được thư dài của em, nhưng khi em bận, chỉ vài chữ cũng được, OK? Anh mong Thứ hai nhận được thư em và biết về sức khỏe của em.

Anh có vẻ ích kỷ, nhưng hãy tin anh, sức khỏe của em là quan trọng. Em hãy đi gặp một bác sĩ tốt. Nếu em không biết ai, hãy hỏi Jerry. Em hứa nhé.

Hãy viết cho anh vài chữ tiếng Việt trong mỗi thư của em. Okay? Anh nhận ra rằng anh biết nhiều tiếng Việt hơn anh nghĩ. Âm giọng không khó đối với anh vì anh đã ở gần người Việt từ lâu.

Em phải giúp anh học tiếng Việt. Hãy viết cho anh vài chữ, vài câu ngắn rõ ràng. Không phải dịch. Như vậy dễ dàng cho em viết. Nhớ rằng anh có tự điển.

Bây giờ tám giờ rưỡi tối Washington. 8:30 sáng Chủ nhật tại Sài Gòn. Anh vừa nói chuyện với Jerry. Với lý do nào đó, anh cảm thấy gần gũi em. Anh ước gì ở đó và có thể đến thăm em.

Jerry nói em đã nhận được cái *tape* của anh. Anh mong em thích. Anh không nhớ đã nói gì trong đó, nhưng anh đã hát hai bài cho em và cho các con của em. Anh điên thật.

Anh quên không hỏi Jerry về mấy tấm ảnh Jerry chụp cho anh và em tại

nhà ông ta. Em trông rất đẹp ngày hôm đó.

Anh thích hai lá thư em viết cho anh khi em đau. Anh đọc lại nhiều lần. Bây giờ hơn lúc nào hết anh muốn sớm gặp em.

Anh đang mang bộ đồ ngủ màu đỏ và nghĩ tới em, *my dear*. Anh có một tình yêu mạnh mẽ cho em mà nó sẽ không bao giờ chết.

Chuyện gì sẽ xảy ra sau khi chết? Em có tin rằng sau khi thân thể chết, linh hồn ở lại không? Anh tin. Anh tin rằng linh hồn anh sẽ ở bên em suốt đời – và sau cả khi anh chết.

Em đã viết rằng nếu em lập gia đình với ai nữa, người đó sẽ là anh. Em cũng viết rằng em không biết em có cần một người chồng không. Gia đình em sẽ săn sóc em. Dĩ nhiên là mẹ em rất đúng. Nhưng bà lo về chuyện khác. Tình yêu có thể đến hơn một lần trong đời. Tình yêu thời trẻ khác. Anh đã từng yêu trước kia, nhưng bây giờ tình yêu của anh sâu đậm hơn trước, sâu đậm hơn rất nhiều.

Mẹ em sai về một điều nữa. Anh nghĩ rằng em cần một người yêu em như anh yêu em. Cuộc đời luôn luôn có điều buồn – rất dễ làm chán nản – nhưng anh nghĩ em cũng giống anh, em cũng muốn chung sống với người yêu em như một người đàn ông, một người trung thành với em, ôm em khi em buồn hay em vui, một người em có thể hôn nồng nàn mỗi ngày.

Nhưng em đừng lo về chuyện đó. Hãy nhớ rằng anh yêu em, dĩ nhiên – Anh sẽ mãi mãi và luôn luôn. Nhưng điều trước tiên là em phải săn sóc sức khỏe của em, khỏe mạnh lại. Anh ước gì được ở gần em để giúp em.

Em có nhớ Bill không? Anh ở tại nhà anh ta vài ngày trước đây. Bill nói anh có thể ở với hắn nữa. Anh nói anh sẽ, nhưng anh không nói khi nào. Anh vẫn hy vọng sẽ có thể trở lại Sài Gòn, không phải là thăm viếng mà là làm việc. Anh biết anh sẽ sớm gặp em nếu em muốn gặp anh. Anh tin rằng chúng ta sẽ có thể sống với nhau cho đến cuối đời nếu em muốn như vậy. "*It depends on you.*"(1) Điều đó tùy em.

Em nói câu đó thế nào với tiếng Việt? Anh có thể nghe em nói câu này trong tiếng Anh.

Sáng Chủ Nhật. Tám giờ. (2)

Honey, anh giữ một copy anh viết cho em ngày 23 tháng 8. Trong đó anh tự hỏi nếu chúng ta có thể sống với nhau tại Sài Gòn. Gần như cùng thời gian ở Sài Gòn em viết cho anh (em dậy sớm Chủ nhật tuần trước), em lo, không biết anh còn tín nhiệm em không, và dĩ nhiên là anh tín nhiệm em. Anh có một niềm tin mạnh mẽ trong em, *my dear*. Như em nói, chúng ta sẽ xếp đặt, anh sẽ xếp đặt cuộc sống của anh với hy vọng chúng ta có thể sống với nhau dài lâu như anh có thể sống. Nếu chúng ta không thể, chúng ta không nên giận hờn nhau. Anh muốn em có tự do quyết định. Anh sẽ thành thực giúp em, nhưng đừng nghĩ em phải là người tình của anh, hay là vợ của anh. Em không có bổn phận đối với anh. Nếu em vẫn còn yêu anh và chọn anh như một người tình, người chồng thì anh sẽ vui mừng và hạnh phúc lắm. Tuy nhiên anh không thể thúc đẩy em, em hiểu chứ.

Hôn em.

Bob

Chú thích: (1), (2) nguyên bản chữ Việt trong thư.



Sài Gòn 28 tháng 8, 1970

Anh yêu,

Hôm nay em đợi thư anh suốt ngày, nhưng không có cái nào.

Hôm qua em nhận được hai thư dài của anh, (đề ngày 20 tháng 8, thư đánh máy). Em đọc nó hai lần, rất cẩn thận. Em hỏi ý kiến chị và em của em nữa.

Bây giờ em xin trả lời anh đây...

30 tháng 8, 1970

Em xin lỗi, tối nọ khi vừa viết vài dòng mở đầu cái thư cho anh thì Thu và Huyền đến chơi. Cả ba nói chuyện đến 10 giờ. Em không thể tiếp tục và kết thúc cái thư dài được trong đêm đó nên để tới 10 giờ sáng nay, Chủ nhật mới viết tiếp. Em rất tỉnh táo.

Em vui mừng và cảm động, dù em không quyết định gì nữa về chuyện thành hôn của chúng ta, anh vẫn muốn giúp em. Đề nghị của anh là sẽ giúp em nên đi học lại. Em không muốn lo học vấn cho em nữa mà chỉ lo học vấn của bốn đứa con mà thôi. Em đi làm vất vả, không có thời giờ kèm con cái học, kèm chúng ôn bài, làm bài, nên chúng không là học trò giỏi trong trường. Các cô, các cậu chúng thì cũng bận vừa lo học đại học vừa đi làm cũng không còn kèm chúng học giùm em nữa. Em chỉ muốn có nhiều thời giờ trông nom dạy dỗ và kèm chúng học. Em luôn lo lắng về chúng. Em rất tiếc không thực hiện được ý kiến của anh và cảm ơn anh.

Từ khi gia đình cô em gái dọn đến ở chung, em thỉnh thoảng mới đi chơi với một nhóm bạn mà thôi, chẳng người đàn ông nào mời được em nữa. Em cũng đã nói với anh, em không muốn gặp lại anh như bạn trai bạn gái. Anh có thể đến thăm mẹ con em và gia đình chị em của em như một người bạn thôi. Em không muốn nghe lại những điều tiếng gièm pha em là một người đàn bà xấu, bỗ bịch với người ngoại quốc. Trừ phi anh chính thức cưới em.

Tuần trước em bị bệnh, em mệt mỏi với việc làm, mệt mỏi với chính mình. Em cũng mệt mỏi cả chuyện viết thư cho anh và giải thích đủ mọi điều. Trước thư này, em đã viết cho anh 2 hay 3 thư dài rồi. Hy vọng sau thư này anh hiểu em hơn. Em mong mọi chuyện tốt đẹp cho anh.

Yêu anh,
Dung.



Sài Gòn, 8 tháng 9, 1970

Dear Bob,

Em vừa mới tới gặp Jerry và nhận hai cái quạt Nhật và quà của anh. Cảm ơn anh. Em rất vui mừng. Janie cũng có mặt ở đó nữa. Em nhận được cả mấy tấm hình rất đẹp mà Jerry chụp cho anh và em lần trước. Anh và em trông đẹp đôi lắm. Anh cũng biết thế phải không? Jerry nói đã gửi hình cho anh. Những tấm hình đó đang ở trước mặt em. Em nhớ anh thật nhiều. Jerry cũng chụp cho em thêm vài tấm hình nữa.

Sáng nay trước khi nghe tiếng anh qua điện thoại, em được tổng đài cho

biết anh sẽ gọi từ Washington trong một giờ nữa. Em rất hồi hộp, tim đập nhanh như chạy đua và không kiên nhẫn trong cả giờ chờ đợi. Em vui quá không giữ được bí mật và đã nói với mấy cô ngồi xung quanh rằng em đợi điện thoại của anh. Đồng thời em lo rằng vào khoảng 11 giờ mấy chàng Mỹ trẻ thường thường gặp nhau gần cái điện thoại chung, nói chuyện hay dùng nó gọi ra ngoài.

Nhưng may mắn không ai đứng gần cái điện thoại khi anh gọi vào. Em phải nói to vì phòng rất ồn ào với tiếng máy chữ, máy tính, nói chuyện điện thoại. Mọi người kể cả ông boss ngừng làm việc cho em nghe anh rõ hơn hay là họ muốn nghe em nói gì với anh cũng vậy. Ông boss nhìn em gật gù và tủm tỉm cười hiền từ.

Em rất vui và rất hạnh diện có điện thoại từ anh, từ một nhà ngoại giao Washington. Tuy nhiên, em không muốn anh gọi em trong sở và từ Washington nữa. Vừa tốn tiền vừa không nghe nhau rõ lắm. Mọi người trong phòng nói bây giờ em là "movie star" làm em mắc cỡ, đi đứng không cảm thấy tự nhiên, thoải mái.

Sau khi ngừng điện thoại với anh, em nhận được hai thư của anh. Mọi người lại chế giễu em là người hạnh phúc nhất trên thế giới.

Anh yêu, em đâu biết trong sở anh người ta không để cái telegram vào bao thư như ở RMK. Ngày mai em sẽ gửi điện tín cho anh và nói em đã nhận được tất cả quà của anh rồi. Em mong người ta sẽ không chế giễu anh. Chúc anh ngủ ngon. Yêu anh.

Dung.



**Sài Gòn, sáng Chủ nhật
13 tháng 9, 1970**

Anh yêu,

Anh có biết cảm giác em thế nào bây giờ không? Buồn. Buồn lắm. Đó là sự thật. Trái tim em trống rỗng. Em cũng không hiểu em nữa.

Hôm qua em nhận được ba lá thư của anh. Cảm ơn anh rất nhiều về ý kiến của anh cho năm mẹ con em. Hân và Phong phải ở nhà không đi đến trường từ ba ngày nay vì nhà trường không có xe đưa rước học trò ở khu vực nhà em quá xa nữa. Nên em muốn cháu trai của em đến nhà em và dạy chúng, sẽ từ 15 tháng 9 cho đến khi nào chúng đủ tuổi vào học cùng trường công lập với Thủy và Sơn, khoảng 5 phút đi bộ từ nhà.

Em vẫn không muốn thôi việc ở RMK dù rằng em bận việc suốt ngày và mỗi một hằng ngày. Em không muốn làm việc với bạn anh, ngoại trừ em mất việc ở sở này. Anh biết tại sao không? Vì chắc chắn là em sẽ nhớ tới anh khi gặp bạn anh. Anh rất tốt với em. Em đã làm anh buồn khổ. Em biết em đã có lỗi với anh. Em ghét chính cả bản thân em. Mỗi khi nghĩ tới anh, em có cảm tưởng như đau nặng, và em thực sự đau bệnh hai ngày nay, cổ khô và miệng đắng. Nhưng em vẫn đi làm. Em uống mấy viên "Contac" mà anh mua cho em đã lâu.

Em biết anh không giận trách em, không nghĩ xấu về em thay đổi ý hoài và nhanh chóng. Em mong anh thứ lỗi. Em không muốn thành hôn với anh không phải vì em chán ghét anh. Mà

vì em lo sợ không làm anh hạnh phúc nữa. Chắc chắn là em sẽ không bao giờ quên anh. Những lúc cô đơn như lúc này, em lại nghĩ và nhớ tới anh thật nhiều. Em muốn viết tâm sự với anh và mong nhận được thư anh. Có thật anh còn muốn nhận được thư em không? Nếu anh muốn, em sẽ viết cho anh suốt đời. Đó là điều em chỉ hứa được bây giờ.

Hai ngày nữa là đến Tết trung thu của trẻ con. Em đã mua lồng đèn và "moon cake" cho các con em. Năm ngoái em đem cho anh một cái bánh. Anh không thích vì nó ngọt quá.

Chị của em vừa tới từ Biên Hòa. Lát nữa em sẽ viết tiếp cho anh...

Em và các con em vừa ăn trưa ở nhà xong. Trước đó năm mẹ con cùng gia đình bà chị Biên Hòa qua thăm nhà mẹ. Bây giờ các con em đang ngủ trưa. Thật yên tĩnh trong nhà. Em đang nghĩ tới anh. Chị em nói nhận được một thư nửa tiếng Việt, nửa tiếng Mỹ rất cảm động của anh. Anh rể em nói tiếng Việt của anh rất khá. Em sẽ viết cho anh vài câu tiếng Việt ở cuối thư này. Em sẽ giữ gìn suốt đời tất cả những vật anh tặng em.

Chị em vẫn nghĩ anh sẽ trở lại Sài Gòn. Nhưng em nghi ngờ vì sau khi nhận được lá thư trước của em, anh có thể không bao giờ trở lại nữa.

Sau đây là vài dòng bằng tiếng Việt như lời anh yêu cầu:

Em mong anh không buồn lắm và giữ gìn sức khỏe.

Em cầu nguyện Thượng Đế luôn luôn bảo vệ, che chở anh.

Em đang nghe tiếng anh nói, tiếng anh hát trong tape.

Em đang nhìn tấm hình của chúng ta. Anh đang ôm em. Anh đang nhìn em đắm đuối. Có đúng vậy không anh?

Bây giờ là 12 giờ thiếu 15 đêm rồi. Em mệt và buồn ngủ. Em phải ngưng viết ở đây. Chúc anh ngủ ngon.

Dung.



September 15, 1970

Tuesday morning

My dear Dung,

Hôm qua anh rất vui nhận được một thư của em, lá thư em viết em đã đến gặp Jerry và nhận quà anh gửi. Nhưng hôm nay anh nhận được một thư làm anh buồn, ít nhất là trong một lúc, bởi vì anh rất muốn gặp em sớm. Hãy cho anh nói nhanh những gì anh nghĩ về em.

Cùng một Dung, người yêu của anh, viết hai lá thư. Anh nghĩ em vẫn lo lắng cho anh. Em không phải là người đàn bà xấu. Em không muốn lừa dối anh. Em muốn cho anh biết em có ra ngoài đi chơi với người khác gần đây. Anh biết điều đó.

Anh ghen và anh đã ghen, nhưng anh vẫn yêu em. Nếu có thể, anh vẫn muốn gặp em, dù rằng em làm anh buồn. Nhưng nếu điều này làm em

cũng buồn, nếu em không muốn gặp anh, anh sẽ không.

Một cách khác, chúng ta có thể gặp nhau như bạn, không là bạn trai bạn gái nữa, hay sẽ là bạn thân.

Honey, anh tha thiết muốn được giữ em, và nếu anh không gặp lại em sớm, em sẽ quyết định từ chối anh. Em cũng biết, nếu anh bất ngờ gặp một người đàn bà nào đáng chú ý ở đây, anh có thể ra ngoài đi chơi với người ta, anh có thể thích người ta lắm, và người ta có thể trong một phần trái tim anh. Nhưng anh vẫn muốn gặp lại em; Anh muốn nói với người ta về em và nói với em về người ta. Dung của anh, anh có thể nói gì?

Anh sẽ không tự hào nếu anh nghĩ chỉ có anh mới là người trên trái đất này cho em. Anh hiểu thế và sẽ không ghét em nếu em thích một người khác. Anh thật lạ lùng và điên. Anh muốn gặp em hơn bao giờ cả.

Anh muốn gặp lại em, dù quyết định của em như thế nào. Đừng lo anh buồn. Anh sẽ không buồn như lần trước. Anh muốn nghe tận miệng em nhưng gì em nghĩ, *my dear*.

Anh gặp và ăn trưa với H. hôm nay. Anh muốn ông ta ký là nhân chứng cho một cái bảo hiểm cho em nếu anh chết. Sau đó anh nhận được thư em. Anh vẫn giữ bảo hiểm đó trừ phi em là vợ người khác.

Dù thế nào, anh cũng vẫn nghĩ em giữ một phần trái tim của em cho anh, "Your monkey".

Em nói rằng em sẽ viết cho anh khi nhận được thư này. Nhưng anh hy vọng em viết cho anh trước khi đó. Anh không muốn chờ đợi lâu. Anh vẫn còn

nhiều điều muốn nói với em, nhưng anh muốn gửi cái thư này ngay, *my dear*.

Anh luôn luôn muốn được là người yêu của em. Hãy xem anh là một người em có thể nói hay viết về bất cứ một chuyện gì. Anh sẽ không giữ chỗ máy bay cho đến khi nào nhận được thư của em.

Em là một người đàn bà tốt. Em vẫn nhớ tình yêu chúng ta đã có cho nhau. Em đã không có ác ý. Em đã có những lời tử tế đối với anh.

Anh không bao giờ quên em. Nhưng đối với anh như thế không đủ. Anh muốn gặp em. Anh có thể đi gặp em vào tháng 11 hay tháng 12 nếu em muốn.

Nếu anh biết em còn yêu anh, anh sẽ tìm một công việc khác ở Sài Gòn. Dù rằng anh không làm ở Tòa Đại Sứ. Nhưng không bây giờ, có thể sau này.

Yêu em,
Bob. ♥

09/15/1970, Tuesday night

My dear, my dear, my dear,

Đêm nay anh gửi cho em một cái telegram, viết rằng "Phật vẫn thương yêu em, và anh cũng vậy. Xin đọc."

Em biết tại sao anh nói vậy không? Bởi vì trong thư trước em viết "Phật sẽ trừng phạt em nặng. Em lo lắng. Nhưng..." Đừng, đừng nghĩ như vậy. Dù rằng em không bao giờ viết cho anh nữa, cũng đừng nghĩ như vậy. Phật không trừng phạt em. Em phải làm những gì em nghĩ tốt nhất cho chính em và cho gia đình em. Phật không trừng phạt em vì thế. Vậy, anh nói với em rằng Phật không trách móc em. Anh cũng không.

Trong đoạn cuối, em viết, "Chúc người yêu của em ngủ ngon. Nếu anh còn muốn em viết cho anh, em sẽ gọi anh *my dear* mãi mãi. Yêu anh. Dung." Nên anh muốn em biết rằng em vẫn là người anh thương yêu, rằng em vẫn luôn luôn là người yêu thương của anh, anh muốn em viết cho anh mãi mãi, và anh muốn được em gọi là người yêu của em mãi mãi. Em có biết anh đang viết một bản nhạc về em không? Về đôi mắt của em, về đôi môi của em?

Đêm nay anh trở lại Bộ Ngoại Giao để viết thư cho em. Anh muốn suy nghĩ về một chuyến đi. Anh muốn viết cho em về việc này.

Đôi khi anh rất buồn, rất bi quan. Anh nghĩ mọi chuyện đều hết rồi. Anh nghĩ rằng em đã có bạn trai dù chị em của em không thích hẳn. Lúc đầu họ cũng không thích anh và em giữ ý nghĩ khi đó. Bây giờ em viết thư tử tế cho anh vì không muốn làm anh đau đớn thôi, nhưng có ý rằng em muốn quên anh, muốn giữ anh xa em mãi mãi. Em muốn xua đuổi anh, nhưng em không muốn anh đau nhiều.

Rồi anh lại lạc quan. Anh nghĩ rằng tình trạng đó chỉ nhất thời thôi. Thí dụ như nếu anh gặp một người con gái đẹp và hẹn hò với cô ta. Nhưng em yêu anh, em vẫn muốn giữ anh lại. *Sweetheart*, anh nói thực với em – Anh không thương một ai từ khi anh gặp em, nhưng em không biết chắc điều này, và em vẫn còn tin tưởng nơi anh, em yêu anh, trái tim em vẫn ở trong anh, có thể không hôm nay, nhưng ngày mai.

Cảm giác em thế nào? Anh không biết, không biết. Anh không biết em muốn gặp lại anh hay không? Em biết đó – Lần trước em cũng nói em không

muốn gặp anh nữa, nhưng khi anh đến em lại đổi ý và cho anh gặp em. Anh không ngại tốn tiền cho chuyến đi. Anh không ngại sẽ bị buồn khổ. Anh không ngại sẽ bị đau đớn. Nhưng anh ngại sẽ làm em buồn phiền như tháng trước. Không, không.

Vậy, anh nghĩ anh nên chờ đợi. Và, anh sẽ chờ đợi. Có thể là trong tháng 12. Em có thể sẽ đổi ý và cho anh gặp. Tuy nhiên anh vẫn không muốn chờ đợi lâu và muốn gặp em sớm hơn. Em hãy đợi vài tháng trước khi có quyết định nào.

Honey, bất cứ quyết định nào tốt cho em cũng là tốt cho anh. Anh vui cho em. Anh không nghĩ em ác với anh. Không, không, em không. Anh đã ác với em. Anh không hiểu em. Anh để em chờ đợi quá lâu. Anh đã ác, em không. Anh đã nói em hãy làm theo con tim của em.

Nếu em chọn người khác, anh hiểu. Okay, anh hiểu. Anh hiểu. Anh ích kỷ, anh muốn em cho riêng anh.

Nhưng cưng ơi, em luôn luôn đổi ý những ngày gần đây. Anh nghĩ em đứng trước đây. Em phải chờ đợi. Em phải

bình tĩnh. Đừng quyết định vì anh hay vì người nào khác. Em quyết định cho chính em. Hãy ích kỷ cho riêng em.

Anh vẫn muốn tiếp tục nhận được thư em. Anh sẽ không làm gì để em đau khổ. Anh muốn tử tế với em vì anh biết em luôn luôn buồn. Nếu anh không có em, anh chẳng có gì hết. Anh tự nhủ rằng anh sẽ không muốn cưới ai nếu người đó không có tình yêu mạnh mẽ với anh như em đã từng có cho anh. Nhưng anh không muốn em nói vẫn muốn cưới anh mà em không còn yêu anh nhiều nữa.

Đôi khi, em viết cho anh những lời rất tử tế. Anh không nghĩ em giả dối. Trái tim em chưa có chắc chắn mà thôi, em yêu. Nếu chưa chắc chắn thì xin đừng quên anh.

Rất lâu thư mới tới em, và rồi sẽ có nhiều thay đổi.

Anh vẫn yêu em, *my dear*.

Bob.

(Còn tiếp)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



DÙ LÁ TÀN PHAI

*Man mác thu sang gọi nhớ nhiều
Tâm tình năm tháng vẫn cô liêu
Cầu mong lá rụng rơi về cội
Dù lá tàn phai tôi vẫn yêu.*

N.T. Ngọc Dung

MÃI CHỜ TRÔNG

*Mưa rừng gió núi anh buồn không?
Có nhớ người em má vẫn hồng
Dan díu môi chưa hôn nụ nhỏ
Tóc còn xanh biếc mãi chờ trông?*

N.T. Ngọc Dung

BÀI THƠ CHÍN ĐOẠN

Hoa Văn

Mỗi ngày tôi đi bộ
Hóp đậm chút hương trời
Cho tình thơ thêm đẹp
Cho lẽ đời thêm vui

Chuyện tình đôi vai nặng
Đong đưa cuối nẻo chờ
Giữa dòng đời say tỉnh
Tôi còn tôi nâng thơ

Mỗi ngày tôi đi bộ
Uống mười giọt nắng dòn
Vào trái tim buồn phổi
Tan đi tình phấn son

Mỗi ngày tôi đi bộ
Buông bỏ chút danh hờ
Tránh xa tình ảo mộng
Nắm lấy cuộc tình thơ



Mỗi ngày tôi đi bộ
Cho chân cứng đá mềm
Chút ân sâu vội vã
Đường tình dấu đời in

Mỗi ngày tôi đi bộ
Nhớ ai không bến bờ
Cuộc tình xa vời vợi
Cũng đẹp lòng trong mơ

Mỗi ngày tôi đi bộ
Mong tránh gió xa mưa
Cho tình hoa sớm nở
Để trọn đời yêu thơ

Mỗi ngày tôi đi bộ
Quên đi những mơ hồ
Không tiếc ngày tháng cũ
Chẳng còn gì vu vơ

Bài thơ hồng chín đoạn
Đoạn cuối dành cho em
Câu ân tình vẫn đó
Mùa Hoa em dấu tìm.

NGƯỜI EM NỮ TU

Hoa Văn

*Em đã trở thành vị nữ tu
Cửa Chùa thêm một vị sư cô
Câu kinh tiếng kệ trong đêm vắng
Nhớ cuộc tình xưa bụi phủ mờ*

*Bài thơ thuở ấy dở dang thôi
Trắng nước bao năm để ngậm ngùi
Mưa gió đã qua đời đã cạn
Tình thơ không cạn vẫn niềm vui*

*Em gửi đời em chốn Phật đường
Mang tình năm cũ chút văn chương
Thơ nay còn chỉ là lưu niệm
Đẹp mãi tình em chuyện thế thường*

*Em đến như tình thấm nắng to
Như trăng tỏ mãi tự bao giờ
Như lòng em đã mang tâm Phật
Thật tuyệt vời em vẹn ước mơ*

*Mai một gặp em với áo lam
Ta người phạm tục chốn nhân gian
Ôm thơ đi giữa đời trong đục
Tự thấy lòng ta cõi Niết Bàn.*

GIÁO DỤC và THỂ THAO

**** Phạm Xuân Thái ****

Có những đoản văn, lời thơ, lời nhạc đã in sâu vào tâm khảm, tiềm thức, và là hành trang cho hàng triệu thanh thiếu niên Việt Nam mang vào đời.

Trước năm 1975, thời trung học, tôi học tại trường Lê Bảo Tịnh, Sài Gòn. Mỗi buổi sáng, học sinh toàn trường đều phải đứng dậy đọc *Lời Tâm Niệm* trong lớp như sau:

*Lạy đấng tối cao,
Xin giúp chúng con sống ngay thẳng,
giàu tình liên đới,
nêu cao tinh thần trách nhiệm,
hăng hái luyện tập thể xác,
trau dồi trí tuệ và rèn đức tâm hồn,
để chúng con có thể đạt tới thành công
và hạnh phúc,
đồng thời trở nên hữu ích cho gia đình,
cho tổ quốc,
và chu toàn sứ mạng mà đấng tối cao
trao phó cho chúng con.
Amen*

Chúng tôi cũng thường hợp ca nhạc phẩm *Học Sinh Hành Khúc* của nhạc sĩ Lê Thương:

*Học sinh là người tổ quốc mong cho
mai sau.*

*Học sinh xây đời niên thiếu trên bao
công lao.*

*Lúc khắp quốc dân tranh đấu hy sinh
cho nền độc lập.*

*Học sinh nê chi tuổi xanh trong lúc
phấn đấu.*

*Đem hết can trường của người Việt Nam
tiến lên!*

Học Sinh là mầm sống của ngày mai.

Nung đúc tâm hồn để nổi chí lớn.

Theo các thanh niên sống vì giống nòi.

Liều thân vì nước, vì dân mà thôi.

Tôi cũng đã rất thích thú, phấn khởi, bầu nhiệt huyết dâng tràn khi đọc truyện viết cho trẻ thơ của nhà văn Duyên Anh: Thăng Vũ, Chương Còm, Bồn Lừa với những cú đá “ngã bàn đèn, trồng cây chuối” và giấc mơ chiến thắng Pelé, danh thủ túc cầu của Ba Tây.

Vì ảnh hưởng bởi *Lời Tâm Niệm* của trường Lê Bảo Tịnh, và văn chương, thơ nhạc viết cho thanh thiếu niên thời ấy, nên thuở nhỏ, tôi đã “hăng hái luyện tập thể xác” bằng các môn: cử tạ, đá banh, bóng chuyền, bơi lội, và Teakwondo để mong trở thành lực sĩ. Tôi cũng mong trở thành cầu thủ đá banh tham dự Thế Vận Hội Olympic, mang về vàng và niềm tự hào cho dân tộc Việt Nam.

Thế Vận Hội Olympic (1*) bắt đầu ở Hy Lạp cổ đại vào năm 776 trước công nguyên và kéo dài mười hai thế kỷ trước khi bị Hoàng đế La Mã

Theodosius đặt ngoài vòng pháp luật vào năm 394 sau công nguyên.

Năm 1892, một Nam tước người Pháp, Pierre de Coubertin, một người đam mê Thế Vận Hội Olympic đã đề nghị với các nhà lãnh đạo thể thao và chính trị khác nhau rằng Thế Vận Hội Olympic nên được phục hồi.

Một hội nghị về thể thao quốc tế đã được tổ chức tại Paris vào tháng 6 năm 1894. Với sự bền chí và tài thuyết phục của ông Coubertin, 77 đại biểu đến từ chín quốc gia đã đồng ý thông qua việc khôi phục Thế Vận Hội Olympic. Năm 1896, Ủy ban Olympic Quốc tế (IOC)

được thành lập và chính thức phát động Thế Vận Hội Olympic hiện đại đầu tiên vào năm 1896 tại Athens, thủ đô của Hy Lạp.

Ngày nay Thế Vận Hội Olympic là một trong những sinh hoạt quan trọng trên thế giới. Từ một sinh hoạt thể thao, tôn giáo được thực hiện ở một quốc gia nhỏ cách đây hơn 2.700 năm, Thế Vận Hội đã phát triển thành một sinh hoạt thể thao quy mô, có sự tham dự của các vận động viên tài giỏi đến từ hầu hết mọi quốc gia trên thế giới, và được hàng tỷ người trên toàn cầu say mê theo dõi.



Japan's Naomi Osaka lights the cauldron during the Opening Ceremony

Vì đại dịch Covid-19 nên Thế Vận Hội mùa Hè 2020 được tổ chức tại Tokyo đã phải hoãn qua năm 2021. Dù khán giả không được tham dự, nhưng Lễ Khai Mạc Thế Vận Hội 2020 cũng đã được long trọng tổ chức vào ngày 23/7/2021 và kết thúc vào ngày 8/8/2021, tại Tokyo Olympics Stadium.

11.326 vận động viên (VĐV) của 205 quốc gia hội viên của Thế Vận Hội đã có mặt để tranh tài đem lại niềm kiêu hãnh cho VĐV và niềm tự hào cho dân tộc của họ; riêng Bắc Hàn, không tham dự. Hoa Kỳ gửi 646 VĐV và Việt Nam gửi 18 VĐV tranh tài trong Thế Vận Hội Tokyo 2020 này (2*).

Liên tiếp trong 16 ngày, hàng tỉ người đã say sưa, hồi hộp theo dõi những cuộc tranh tài của các vận động viên; dân chúng đã vỗ tay reo hò cổ vũ lực sĩ quê nhà, hãnh diện khi “gà nhà” thắng giải, buồn tê tái khi “phe ta” thua cuộc.

Hoa Kỳ sau nhiều ngày đứng sau Trung Quốc, đã dồn hết sức để đoạt giải Quán quân vào ngày chót, với tổng số huy chương 113, gồm: 39 huy chương vàng, 41 huy chương bạc, và 33 huy chương đồng. Trung Quốc

đứng thứ nhì với tổng số huy chương 88, gồm: 38 huy chương vàng, 32 huy chương bạc, và 18 huy chương đồng. Nhật đứng hạng ba, với tổng số huy chương 58, gồm: 27 huy chương vàng, 14 huy chương bạc, và 17 huy chương đồng.

Kết quả cuộc tranh tài Thế Vận Hội mùa Hè 2020 đã được đúc kết ngày 8/8/2021. Thứ hạng được tính theo số huy chương vàng nhận được **(3*)**. Bảng sắp hạng của 10 nước đứng đầu dưới đây:

Countries			Athletes			
Country			1	2	3	
1		United States	39	41	33	113
2		China	38	32	18	88
3		Japan	27	14	17	58
4		Great Britain	22	21	22	65
5		ROC	20	28	23	71
6		Australia	17	7	22	46
7		Netherlands	10	12	14	36
8		France	10	12	11	33
9		Germany	10	11	16	37
10		Italy	10	10	20	40
11		Canada	7	6	11	24
12		Brazil	7	6	8	21
13		New Zealand	7	6	7	20

Những điểm nổi bật trong kỳ Thế Vận Hội mùa Hè 2020 này gồm:

- Nga không được tham dự với danh nghĩa nước Nga và mang cờ Nga vào vận động trường, mà chỉ được tranh giải dưới danh nghĩa ủy ban thể vận hội Nga (ROC: Russian Olympic Committee), vì một điều đáng xấu hổ: Nga chủ chương gian lận dùng thuốc (State-sponsored Doping Program) trong cuộc tranh tài năm 2014.
- Cô Sunisa (Suni) Lee, người Mỹ, gốc Hmong đầu tiên và cũng là người phụ nữ người Mỹ, gốc Á Châu đầu tiên, nhận được huy chương vàng trong thể vận hội Tokyo 2020. Cô đã mang lại vinh dự và niềm hạnh diện cho cộng đồng Hmong trên đất Mỹ, và dân tộc của cô, cũng như cộng đồng người Mỹ gốc châu Á.
- Cô Hidilyn Diaz người Philippines đã thắng huy chương vàng đầu tiên cho Philippines. Đây là thành tích vẻ vang trong lịch sử 100 năm tham dự Thế Vận Hội của Philippines.
- Cô Panipak Wongpattanakit, người Thái Lan, cũng lần đầu tiên giành được huy chương Vàng cho nước nhà trong môn Thái Cực Đạo nữ.
- Cô Flora Duffy đoạt huy chương vàng đầu tiên cho đảo Bermuda, với dân số 65.000, trong ba môn phối hợp nữ.
- Jamaica, một nước nhỏ vùng Caribbean, với dân số 2.9 triệu người đã gọi 58 Vận động viên tham dự Thế vận hội Tokyo 2020, và đã giành được 9 huy chương, bao gồm: 4 huy chương vàng, 1 huy chương bạc, và 4 huy chương đồng.



Lễ bế mạc Olympics Tokyo 2020
(Photo courtesy of Behrouz Mehri/AFP via Getty Images)

Tại Hoa Kỳ, các trường học cấp 1, 2, 3, và các Đại Học đều chú trọng nhiều đến thể dục, thể thao. Các trường đều có huấn luyện viên hướng dẫn cho học sinh, sinh viên hàng ngày. Ngoài ra, Bố Mẹ cũng chịu khó đưa con đi tập luyện thêm sau giờ học và ngày nghỉ cuối tuần. Các em có năng khiếu và triển vọng được cấp học bổng, và được thi tại cấp quận, thành phố, tiểu bang, liên bang, và được các thương gia, hãng xưởng tài trợ. Nhờ đó, trong những cuộc thi thể thao thế giới, Hoa kỳ luôn đạt được nhiều thành quả tốt đẹp.

Điểm đáng buồn là Việt Nam, với dân số hơn 98 triệu mà chỉ có 18 Vận động viên được gửi đi tranh tài, và đã không nhận được một huy chương nào

cả. Trong khi đó, một nước nhỏ như Jamaica với dân số 2.9 triệu người, đã gửi tới 58 Vận động viên tham dự Thế vận hội Tokyo 2020, và đã giành được 9 huy chương. Nước Úc, với dân số 25 triệu, đã gửi 489 Vận động viên tham dự, đứng hạng thứ Sáu trên toàn thế giới, và đã giành được 46 huy chương, gồm: 17 huy chương vàng, 7 huy chương bạc, và 22 huy chương đồng.

Giáo dục nhà trường và thể thao là hai lãnh vực có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Phụ huynh có thể góp sức bằng cách cổ động, khuyến khích, tạo điều kiện cho con em tham gia thể thao để rèn luyện thể chất, ý chí, tinh thần đồng đội, và được sinh hoạt trong một môi trường lành mạnh, tốt đẹp.

Phạm Xuân Thái

8/8/2021

(1*) [Olympic Games - Wikipedia](#)

(2*) [2020-21 Tokyo Olympics Medal Count, Table by Country \(Live\): Full Medal Tally, Medal Winners & Results \(whereig.com\)](#)

(3*) [Olympic Medal Count | Tokyo 2020 Olympics \(Jul 23-Aug 8, 2021\)](#)



CHIẾC MŨ CỦA MẸ

Mẹ ơi! Nhớ Mẹ vô cùng!
Giấc mơ ngán ngủi lạ lùng làm sao
Đêm qua trong giấc chiêm bao
Chiếc mũ của Mẹ ngày nào nhờn nhờn

Từ Mẹ Đi! Đến bây giờ,
Mũ trong ngăn tủ ngăn ngờ âm thầm...
Chiếc Mũ Len Mẹ thường dùng
Hoài Thu cặm cũi móc từng mũi len

Ơi Thương Yêu! Cháu Ngoan Hiền!
Mầu Nâu Mũ Mẹ. Giữa đêm lại về
Không gian tịch mịch bốn bề
Chiêm bao tỉnh giấc.
Lòng nghe mưa hoài!

Trăm năm một giấc trần ai
Giọt Thương! Giọt Nhớ!
Chơi vơi ...Giọt Sầu!
Mầu Nâu Mũ Mẹ! Mầu Nâu!
Mầu Quê Hương ấy!
Đắm Sầu... Thơ Con...

Chập chờn hư ảnh chập chờn!
Giọt Mưa Hay Lệ...
Trong Hồn Rung Rung !!!

Tuệ Nga

Oregon, Miền Tây Bắc
Mùa VU LAN 2021



NGHE NHƯ GIÓ CHUYỂN MÙA SANG

Thình không tiếng vọng trùng khơi
Giấc mơ chợt tỉnh, ý đời mong manh
Cõi riêng mình lại với mình
Lạc loài giữa chốn u minh bồi hồi...

Tôi tìm gì nhỉ, quanh tôi,
Mấy vòng hoa giáp đầy vơi thế tình
Nhặt nhòa giấc mộng Trang Sinh
Bâng khuâng ảo giác lại mình với Thơ!

Vườn gieo hư cấu ngán ngờ
Trăng, Sao lấp lánh trên tờ hoa tiên
Vào Thơ, Ai trải mộng hiền
Có Bông Mai nở trong đêm dịu dàng
Nghe Như Gió Chuyển Mùa Sang...

Tuệ Nga

Oregon, Miền Tây Bắc
Vào Thu, 2021

MẤY VẦN TỨ TUYỆT

NHỚ QUÊ

Xóm cũ tre ngà dọc bến sông
Chùa chiều êm ả tiếng chuông ngân
Bếp ai khói tỏa thơm mùi rạ
Quê đã xa rồi... bao nhớ nhung!

THU VỀ

Nắng hạ tàn phai, thu đã về
Ngọc-Lan nào ngát thơm vườn quê?
Em ơi, hái hộ dầm bông nhé
Ướt nhớ thương vào mấy cánh thư.

ĐÀN XƯA

Thánh thót dương cầm... chiều viễn mơ
Nhớ nhung ... nhắn gửi áng mây đưa
Đàn ai còn đợi **Mùa Giao Cầm**
Hoa lá tương phùng... toại ước xưa.

Phạm Thị Nhung (Paris)

NHỚ CỔ NHÂN

(Tặng Chị Mai của em)

Tuyết đỏ, mù sa... chiều cuối năm
Nhớ quê, nhớ quá! lệ rơi thầm
Roi trên phím nhạc **Cung Trầm Tưởng**
Vọng cổ hương hê!... nhớ cổ nhân!

Những tưởng ra đi... tạm biệt nhau
Vài năm tái ngộ... có bao lâu?
Đâu ngờ Nam... Bắc... rồi xa mãi
Góc bể, chân trời... vĩnh biệt nhau!

Phạm Thị Nhung (Paris)

HỒNG NHAN

**** tiểu thu Canada ****

Thơ sắp sửa tắt máy vi tính đi ngủ thì một email cuối cùng hiện lên. Thì ra điện thư của Linh, bà bạn thân cùng lớp ngày xưa, nay ở Toronto, gửi: “Thơ, con Lệ Mai nó xuống tóc quy y sáng nay rồi”. Thơ bàng hoàng, ngần người đến mấy phút mới viết được “Thiệt không mà? Tao mới nói chuyện với nó độ chừng hai tuần nay mà thấy nó có nói gì đâu?!” Linh trả lời: “thì tao cũng bất ngờ quá trời. Tao tưởng lần này nó sắp sửa lên xe hoa với thằng Phú. Có ngờ đâu con vợ cà chớn của tên này lại trở về. Đúng là số nó xui thật mà ạ”. Thơ: “Theo tao thì tình yêu của tên Phú này dành cho nhỏ Lệ Mai không đủ lớn để dứt khoát với dĩ vãng. Thôi, trong cái rủi còn có cái may. Nếu tụi nó lấy nhau, con vợ cũ cứ theo phá đám, làng nhàng mãi thì cũng chẳng hạnh phúc gì. Nhưng nó chọn con đường đi tu, trở thành ni cô thì quả thật tao bị sốc nặng. Mà có hình nó xuống tóc không, gởi cho tao một tấm nha”.

Ít phút sau hình của Lệ Mai, đầu cạo trọc, trong bộ áo nâu sòng đứng cạnh một ni sư lớn tuổi, hiện ra trên màn hình. Nhìn khuôn mặt đầy nét bình yên, thanh thần của Mai trong hình, Thơ vừa mừng vừa thương cảm. Nàng tự hỏi kỳ lạ thật, cổ nhân có câu “hồng nhan đa truân”, những trang tuyệt thế giai nhân cuộc đời thường sóng gió, ba chìm bảy nổi. Như Cô Ba Trà thừa xưa, nhan sắc ít người bì kịp. Nổi tiếng cả Đông Dương. Tất cả các công tử giàu nứt đố

đổ vách, chỉ cần được gần gũi cô một đêm thôi mà cũng phải bỏ ra tiền muôn bạc triệu. Có cả một vị hoàng thân người Thái hay Lào, Miên gì đó muốn cưới, cô cũng từ chối. Đến cuối đời, cô chết trong cảnh nghèo nàn thê thảm, cơm không đủ ăn, không có cả mái nhà che nắng che mưa! Thơ cũng có một cô bạn thời Trung học. Nhỏ này đẹp có tiếng, biết bao nhiêu người theo đuổi. Nàng kết hôn với một Sĩ quan cao cấp, bạn bè ai cũng ganh tị. Ít lâu sau ông này tử trận. Cô lấy chồng thêm vài lần nữa, nhưng số phận vẫn cay nghiệt, lần nào cũng chỉ được vài năm là ông chồng lần lượt ra chết. Cuối cùng thì chẳng ông nào dám “vuốt râu từ thần” nên cô nàng đành chịu cảnh phòng không chiếc bóng! Nhưng nhỏ Lệ Mai nhan sắc bình thường, học vấn bình thường. Tính tình lại hiền hậu, không thích bon chen. Hà có gì ông Trời nỡ gán cho nó một số phận hẩm hiu đường ấy?

Thơ nhớ lại bảy năm về trước, Lệ Mai và nàng cùng làm chung sở. Đây là nơi quy tụ khá nhiều nhân viên người Việt Nam (bởi lẽ Phó Giám đốc là người Việt). Năm đó Lệ Mai mới vừa hăm lăm. Tính cô trầm tĩnh, hòa nhã nên ai cũng mến. Buổi trưa, nhóm Việt Nam thường tụ họp ăn chung dưới cafétéria. Trong nhóm có Tuấn là một kỹ sư mới vào làm độ nửa năm nay. Tuấn còn độc thân vui tính nên mọi người hay trêu đùa, gán ghép Tuấn và

Lệ Mai. Tuấn chỉ cười cười trước những lời chọc ghẹo này, nhưng Thơ để ý thấy Lệ Mai có vẻ thích, tuy cô ý tứ không bộc lộ ra ngoài. Tuấn hơn Lệ Mai ba tuổi, cao lớn đẹp trai. Tính tình rất tốt, ai nhờ gì cũng hăng hái giúp đỡ. Nhiều lần Thơ bắt gặp ánh mắt Lệ Mai nhìn Tuấn đầy vẻ ngưỡng mộ pha lẫn nồng nàn. Thơ nói xa nói gần, tỏ ý bày vẽ cho Mai “tấn công” Tuấn thì Mai chỉ đỏ mặt, lảng sang chuyện khác.

Thế rồi một ngày đẹp trời, Lệ Mai giới thiệu Liễu Nhu vào làm thế chỗ cho một đồng nghiệp theo chồng đổi đi tỉnh khác. Mẹ của Lệ Mai và mẹ của Liễu Nhu là bạn đạo trong Chùa Từ Quang. Liễu Nhu vừa ra trường ngành kế toán và đang tìm việc làm. Khác hẳn Lệ Mai, Liễu Nhu là một cô gái sống động, vui tươi. Cặp mắt đen tròn, lúc nào cũng mở to như muốn khám phá tất cả mọi sự bí mật trên cõi đời này. Anh chàng Tuấn vừa gặp Liễu Nhu thì bị thần ái tình bắn cho một phát chí mạng, ngất ngư... Rồi chuyện gì phải tới cũng sẽ tới. Tuấn và Liễu Nhu yêu nhau trong sự cổ vũ của mọi người trong hăng. Trừ một người: Lệ Mai! Cô gầy đi trông thấy và càng ngày càng thầm lặng hơn. Chỉ có Thơ là hiểu. Thương Lệ Mai quá mà đành chịu. Trách ai bây giờ? Tuấn, Liễu Nhu ư? Họ đâu có lỗi gì. Tuấn không phụ tình Lệ Mai và Liễu Nhu cũng đâu có giành giật người yêu của Lệ Mai. Trái lại, tình yêu của họ trong sáng và hai người đẹp đôi quá. Thơ chỉ đành an ủi Lệ Mai một cách tế nhị, kín đáo. Cuối tuần Thơ hay rủ Lệ Mai tới nhà nấu ăn hoặc đi bát phố. Và rồi từ đó Chúa Nhật nào Lệ Mai cũng theo mẹ lên chùa. Có lần Thơ hỏi đùa “Ừ,

CT-SỐ 93

sao lúc này siêng đi chùa quá vậy Mai? Tính xuất gia hay sao đây?” Lệ Mai trả lời bằng nụ cười buồn: “ Em còn nặng nợ lắm chị Thơ ơi. Em đi tu rồi ai săn sóc ba mẹ em!”

Cuộc đời dần trôi... vài năm sau Lệ Mai cũng nguôi ngoai về mối tình đầu bất hạnh. Nhưng định mệnh cay nghiệt vẫn không chịu tha cho cô. Ba mẹ Mai thường về Việt Nam trốn lạnh ba tháng mùa đông. Ông bà còn cô con gái đầu vẫn sống bên đó. Cô này làm ăn khá giả nên không chịu ra nước ngoài sinh sống. Ông bà theo phái đoàn hành hương đi viếng 10 cảnh chùa miền Trung, sẵn dịp ngoạn cảnh. Nhưng chiếc xe van chở Phật tử đã bị một chiếc xe vận tải lớn đụng phải, lật xuống đèo. Ông bị gãy chân nhưng bà thì qua đời sau một tuần lễ nằm nhà thương. Lệ Mai vội vàng về Việt Nam dự đám tang Mẹ. Sau đó hai chị em bàn tính để ông ở lại luôn với chị của Lệ Mai. Sang Montréal con gái đi làm, ông ở nhà thui thủi một mình rất buồn và cũng nguy hiểm với cái chân đi cà nhắc phải chống gậy.

Lệ Mai trở lại Canada với tâm trạng đau buồn, hụt hẫng. Cô mất ngủ triền miên. Đêm đến cứ đi hết phòng này sang phòng khác. Vào bếp, ra phòng khách... thấy đâu đâu cũng còn in đậm hình bóng của ông bà. Nhớ nhất là bóng dáng mẹ lui cui trong bếp, làm những món ngon cho chồng con ăn. Trời ơi, không buồn sao được? Giờ đây nàng đã là đứa con mồ côi. Cha tuy còn tại thế nhưng cũng nghìn trùng xa cách!

...Sau khi suy nghĩ thật chín chắn, Lê Mai báo cho Thơ là đang xin hăng cho cô đổi xuống chi nhánh bên Toronto và hăng đã chấp thuận. Thơ thấy giải pháp này cũng hay. Biết đâu sự thay đổi này sẽ mang lại may mắn cho Lê Mai. Trước hôm tiễn Lê Mai lên đường, vợ chồng Thơ mời vài người bạn trong sở đến nhà dùng cơm. Có cả vợ chồng Tuấn-Liêu Nhu. Lúc này họ có một bé gái rất xinh giống hệt mẹ. Lê Mai đã có thể chuyện trò với Tuấn mà trong lòng vẫn bình thản, an nhiên. Đi chùa nghe thuyết pháp mãi rồi cũng thấm. Cô đã học cách buông bỏ. Vác mồi cục đá trên lưng hoài cũng oải. Chỉ mình khổ chứ ai vào đây?

Nhờ Thơ điện thoại gọi gắm cho cô bạn thân cùng lớp ngày xưa tên Mỹ Linh, nên những ngày đầu dẫu lạ nước lạ cái, Lê Mai cũng không cảm thấy bơ vơ gì cho lắm. Mỹ Linh tính tình xởi lởi, vui vẻ, nhiệt tình nên dần dần Lê Mai xem cô ấy như người thân. Cuối tuần cô vẫn đi chùa. Chính thói quen này và không khí trầm lắng của thiền môn đã giúp cho Lê Mai cảm thấy thân tâm an lạc. Niên khóa tiếng Việt do Chùa tổ chức, năm nay cô giáo dạy các em từ 7 đến 10 tuổi vừa mới sinh con nên Lê Mai tình nguyện thế vào. Lúc theo ba mẹ vượt biên cô đã học hết cấp hai nên trình độ tiếng Việt cũng khá. Hơn nữa sinh hoạt với các em thiếu nhi đã đem lại cho Lê Mai một niềm hạnh phúc không ngờ. Trong đám học sinh có bé Khanh là cháu nội bác Diệu Hiền, hàng tuần vẫn đến làm công quả trong ban Trai soạn. Những món chay bác nấu ngon đặc sắc. Thấy Lê Mai khen không tiếc lời, tuần nào bác Diệu Hiền cũng

giữ riêng cho cô vài hộp mang về nhà. Hỏi ra mới biết gia đình bác cùng quê Sa Đéc với ba mẹ Lê Mai. Càng ly kỳ hơn là hai nhà đều ở gần hăng Bán Phông Tôm Sa Giang, cách nhau có mấy căn. Hai bác cháu đều vui mừng hơn hờ. Đúng là tha hương ngộ cố tri. Vì thế đã thân càng thân hơn. Bác xem Lê Mai như con gái và cô cũng xem bác chẳng khác nào bà mẹ thứ hai. Từ lâu Lê Mai không hề tò mò hỏi chuyện gia đình bác Diệu Hiền, chỉ biết mỗi sáng Chúa Nhật người con trai tên Phú đưa bác và bé Khanh đến Chùa. Hết giờ học tiếng Việt thì anh ta đến đón hai bà cháu về nhà. Một vài lần Phú đến gặp Lê Mai để hỏi thăm việc học của con trai như thế nào. Cô nhận thấy anh ta là một người trầm tính, ít nói. Ngoài nghề nghiệp được sĩ ra thì Phú cũng không có gì đặc biệt.

Mùa hè qua đi, lớp tiếng Việt cũng chấm dứt trong sự luyến tiếc của cô giáo lẫn học trò. Đứa nào cũng quyến luyến cô giáo Lê Mai. Còn cô giáo buồn thiu vì không được gặp lại những thiên thần đáng yêu suốt 3 mùa Thu, Đông, Xuân dài dằng dặc. Sợ Lê Mai buồn nên bà Diệu Hiền hay rủ cô đến nhà chơi cho khuây khỏa. Bà vui mà Lê Mai cũng đỡ cô đơn. Cô nhớ lần đầu đến nhà bà Diệu Hiền vào ngày thứ bảy. Thấy bà lui cui sửa soạn món bánh tầm bì, Lê Mai cũng vui vẻ xắn tay áo lên phụ. Không thấy Phú và bé Khanh cô hỏi “Chắc vợ chồng anh Phú dẫn bé Khanh đi chơi rồi hở bác?”. Bà Diệu Hiền nhìn Lê Mai, ngần ngừ một lúc rồi mới trả lời, sau tiếng thở dài đầy vẻ buồn bực “Không đâu gì cháu, vợ chồng thằng Phú bỏ nhau mấy năm

nay rồi. Cũng may là có bác trông nom thằng cháu nội. Lúc mẹ nó bỏ đi thằng nhỏ mới có 3 tuổi.” Lệ Mai giật mình vội nói “Chết! bác cho cháu xin lỗi. Cháu không ngờ...” Bà Diệu Hiền ngắt lời “Không sao, cháu đừng ngại. Bác cháu mình giờ đây cũng như người nhà. Để bác kể cho cháu nghe...” Thì ra lúc còn là sinh viên, Phú yêu điên cuồng một cô gái học dưới chàng 2 lớp. Ái Mỹ xinh đẹp nổi tiếng trong trường. Phú khổ sở lắm mới chiếm được trái tim người đẹp. Đối với chàng, Ái Mỹ còn quý hơn ngọc ngà, châu báu trên thế gian này. Phú ra trường đi làm, cố gắng dành dụm tiền để mua nhà, chờ Ái Mỹ ra trường là làm đám cưới.

Lúc đó bà Diệu Hiền đang ở với con gái nơi tiểu bang khác, vài tháng mới lên thăm Phú một lần. Chàng đưa người yêu về giới thiệu với mẹ. Trước cái nhan sắc lộng lẫy của Ái Mỹ và sự chịu đựng thái quá của con trai, bà đã có dự cảm không tốt cho tương lai của Phú. Rồi cái đám cưới rình rang với gần ba trăm khách mời, cô dâu sang, đẹp như một cô Công chúa trong chiếc áo cưới trắng tinh khôi trị giá mười ngàn đô la khiến bà choáng váng! Nghe mẹ căn nhắc Phú chỉ cười: “Chiếc áo đó mới xứng với Ái Mỹ mẹ à”. Bà thở dài tự an ủi nó chọn thì nó chịu! Y như rằng, dù đã lập gia đình Ái Mỹ thích đi ăn tiệm chứ không chịu nấu nướng. Cô nói chỉ có hai vợ chồng, nấu nướng mất công lắm. Hơn nữa tiệm nấu ăn ngon hơn. Cuối tuần đi nhảy nhót hoặc rủ bạn bè tới nhà bày tiệc tùng liên miên. Một năm đi chơi xứ nọ xứ kia vài ba lần. Khi mẹ chồng hỏi chừng nào bà mới có cháu nội bỗng

ảm thì Ái Mỹ trả lời không chút e dè: “Gấp gì đâu mẹ. Tội con còn trẻ, phải hưởng thụ cho sướng. Có con cái bận bịu, hơn nữa có bầu làm cơ thể biến dạng sò sề xấu lắm” thì bà tá hỏa tam tinh! Cũng từ đó bà Diệu Hiền ít khi đi thăm con trai cho đỡ chướng tai gai mắt.

Sau đám cưới ít lâu, Ái Mỹ than ở nhà buồn nên xin vào làm ở pharmacie trong bệnh viện gần nhà. Công việc bán thời gian nên cũng nhàn nhã. Phần Phú vừa sang lại một Pharmacie của người bạn nên bận rộn hơn nhiều. Thì giờ rảnh Ái Mỹ hẹn bạn đi shopping, đi ăn. Tóm lại cuộc sống hai vợ chồng rất thoải mái. Năm năm sau vì Phú nản nỉ quá nên Ái Mỹ bằng lòng sinh con. Thằng Khanh ra đời trong sự sung sướng tột cùng của Phú và bà Diệu Hiền. Ban đầu Ái Mỹ cũng rất vui, nhưng sau đó lại thấy chăm lo con mọn quá cực và phiền phức nên bàn với Phú rước mẹ chồng lên lo cho bé Khanh. Có bà trông là nhất. Cô khỏi phải đem con gởi nhà trẻ mỗi khi đi làm. Họ có khả năng mười người, nhưng làm sao tin tưởng được? Thế là bà Diệu Hiền khăn gói quả mướp lên ở luôn nhà con trai để trông cháu. Hạnh phúc đời bà xem như viên mãn với thằng cháu nội. Bà cũng mắt nhắm mắt mở với con dâu. Ái Mỹ càng đẹp sau khi sinh con. Đúng là gái một con trông mơn con mắt!

Một hôm vào giờ ăn trưa trong cafet'ria, Ái Mỹ bụng mâm thức ăn đi tìm chỗ ngồi. Giờ ăn trưa đông nghẹt. Chỉ còn một chỗ trống nơi chiếc bàn trong góc nhưng đã có người ngồi.

Ngần ngừ một lúc, Ái Mỹ tiến lại xin phép ngồi chung. Người đàn ông da trắng đưa tay ra hiệu mời nàng. Ái Mỹ nhìn bằng tên trên áo blouse, thì ra là bác sĩ David, một bác sĩ mỗ tim lừng danh. Ông ta tương đối trẻ, trên dưới 40 tuổi và khá đẹp trai. Một vẻ đẹp rất nam tính. Nhan sắc lộng lẫy của cô gái Á Đông cũng làm David ngạc nhiên lẫn ngưỡng mộ. Thế rồi những hôm ăn trưa dưới cafeteria hai người thường gặp nhau. Thì ra bác sĩ David vẫn chưa lập gia đình sau một lần đổ vỡ. Chuyện trở qua lại ít lâu, David cảm thấy bị thu hút mạnh mẽ từ người thiếu phụ này nên bắt đầu mở chiến dịch tán tỉnh. Rồi những món quà đắt tiền, những lời nói có cánh khiến con cừu non Ái Mỹ ngã vào vòng tay con sói David sau gần nửa năm theo đuổi. Phú cứ vui đầu lo làm ăn và hoàn toàn tin tưởng vợ, nên khi Ái Mỹ xách valise theo tình nhân thì chàng như từ trên trời rơi xuống. Nếu không có bé Khanh và mẹ bên cạnh, chắc chắn Phú không thể sống nổi. Chàng cố hết sức năn nỉ, thậm chí đem cái chết ra dọa, nhưng Ái Mỹ vẫn sắt đá, một mực đòi li dị. Nhờ ở với bà nội từ khi lọt lòng, nên bé Khanh không đến nỗi nhớ mẹ nhiều như những đứa trẻ khác. Phú thì khác, chàng sống như một cái xác không hồn. Nhưng thời gian là một liều thuốc tiên giúp người ta nguôi ngoai dần... Bà Diệu Hiền kể đến đó rồi kết luận: “Lắm rắc rối mà cũng ba năm rồi. Bây giờ bác chỉ cầu mong thằng Phú gặp được người con gái đáng hoàng, hiền lành để giúp nó sống hạnh phúc và cho thằng cháu Khanh có được người mẹ đúng nghĩa”.

Về sau càng ngày càng thân, Lê Mai thấy Phú là một người đàn ông tính tình rất tốt, đáng tin cậy. Chàng thương kính mẹ và yêu con rất mực. Tuy xa vợ đã ba năm nhưng không lãng nhãng bầy bạ và từ từ cô thấy mình có cảm tình đặc biệt với Phú. Hiện tại Lê Mai không còn là cô gái ngây thơ, luôn sống trong vòng tay che chở của ba mẹ, mà là một cô gái tự lập, biết sống theo trào lưu của xã hội. Ba của Mai ngày xưa là nhà giáo nên ông bà giáo dục con cái có phần nghiêm khắc. Chị em cô không được phép chửi chửi diên lờn loẹt, không được giao du bạn bè nhiều. Giản dị, kín đáo là chính. Giờ đây những lời “cổ vấn” sáng suốt của Mỹ Linh về cách ăn mặc, trang điểm cũng giúp cho Lê Mai xinh đẹp hơn xưa rất nhiều. Thơ gặp lại cũng phải ngạc nhiên và không tiếc lời khen ngợi. Bà Diệu Hiền rất yêu quý Lê Mai, cả bé Khánh cũng vậy. Bà thầm ước phải chi cô là con dâu thì bà hạnh phúc biết bao. Bà không bao giờ bỏ lỡ dịp khen Lê Mai trước mặt Phú. Có lần hai bà cháu đều bị cúm một lượt vào mùa thu, Phú bận đi làm nên Lê Mai tình nguyện xin phép nghỉ để đến nhà săn sóc hai bà cháu. Phú không khỏi bồi hồi cảm động khi nửa đêm vào phòng thăm con, bắt gặp Lê Mai ngồi ngủ gục bên giường bé Khánh, tay vẫn nắm chặt bàn tay thẳng bé. Ngắm kỹ gương mặt nàng, Phú bắt gặp vẻ thuần khiết, thánh thiện rất dễ thương. Cũng bắt đầu từ hôm đó Phú thay đổi hẳn thái độ đối với Mai. Những lần chàng đưa mẹ và con trai đi ăn nhà hàng hoặc đi dã ngoại đều có mặt cô. Trái với năm xưa, lần này Lê Mai không còn e dè che dấu tình cảm của mình. Nàng có những cử

chỉ chăm sóc, chịu đựng Phú một cách tự nhiên như một người vợ. Lệ Mai yêu Phú thật nồng nàn và một lần chàng đưa cô về nhà sau buổi tiệc sinh nhật một người bạn, Phú đã lấy đi sự trinh bạch của Lệ Mai. Điều này khiến Phú kinh ngạc đến ngỡ ngàng. Chàng không thể ngờ, một thiếu nữ tròn trịa ba mươi tuổi như cô mà vẫn còn trong trắng. Nhưng Lệ Mai không hề tiếc cái ngàn vàng cô đã hiến tặng cho Phú. Điều này khiến chàng rất cảm động. Bắt đầu từ đó cả hai đường hoàng công khai mối tình của họ. Sung sướng nhất phải nói là bà Diệu Hiền. Bao lâu rồi bà vẫn cầu mong điều này xảy ra. Lệ Mai cũng thường phôn về Montreal “báo cáo tình hình chiến sự” với Thơ. Thơ mừng cho Lệ Mai và luôn cầu nguyện cho lần này suôn sẻ hơn lần trước.

...Một năm đã trôi qua, dù mẹ thúc hối bao nhiêu lần, Phú vẫn còn lừng khờ chưa chịu đề cập đến chuyện cưới xin. Thơ cũng bảo Lệ Mai nhắc khéo Phú thì cô trả lời: “Chị ơi, trâu đi tìm cột chớ sao cột lại đi tìm trâu. Chừng nào anh ấy thấy sẵn sàng thì sẽ ngỏ lời. Em không hối đâu, kỳ lắm!”. Thơ chỉ biết thở dài... Cho đến một hôm, ăn cơm chiều xong Lệ Mai ra phòng khách định bật TV xem tin tức thì Mỹ Linh gọi. Nói chuyện trời trăng mây nước một lúc sau, Mỹ Linh ngập ngừng: “Lệ Mai, có chuyện này chị không biết có nên nói với em không?” Lệ Mai ngạc nhiên: “Chuyện gì mà có vẻ quan trọng quá vậy? Chị nói đi em nghe.” Mỹ Linh: “Hồi trưa anh chị có chuyện đi Richmond, sẵn dịp ghé vào tiệm Shushi dùng bữa. Bất ngờ chị thấy Phú cũng đang ăn ở

đó với một người đàn bà rất đẹp, rất sang. Phú ngồi quay lưng lại nên không thấy chị. Vì cách mấy bàn nên chị không nghe họ nói gì, chỉ thấy mặt cô này rất buồn. Đến một lúc cô ta chảy nước mắt và anh chàng Phú của em còn lau nước mắt cho cô ta. Một lúc sau thì họ đứng lên ra về. Chị đợi em ăn cơm xong rồi mới gọi cho em đó. Thôi, có tiếng xe của ông xã vào garage rồi, chị cúp nhé. Có gì gọi cho chị.” Nghe xong Lệ Mai bủn rủn tay chân. Hèn gì mấy lúc sau này Phú như người mất hồn. Đôi khi cô hỏi hai, ba lần chàng mới giật mình trở về hiện tại. Thì ra Phú đang giấu cô chuyện gặp lại vợ cũ. Lệ Mai vẫn cố gắng không để lộ sự đau buồn trong lòng mỗi khi gặp Phú cũng như bà Diệu Hiền. Cô chờ quyết định của chàng và sẽ tôn trọng quyết định đó.

Thật đúng là “tình cũ không rủ cũng tới”, huống chi Ái Mỹ là mối tình đầu, mối tình lớn của Phú. Dù cô ta có phụ chàng, nhưng trong sâu thẳm của con tim Phú vẫn còn yêu Ái Mỹ. Lần đầu, sau mấy năm li dị, nhận được cú phôn của cô ta Phú chỉ ngập ngừng vài giây là bắt máy, trái tim đập loạn trong lồng ngực. Ái Mỹ nói muốn gặp Phú và cho địa điểm cũng như giờ hẹn. Phú nhận lời không chút đắn đo. Đến hôm hẹn, Phú còn nôn nóng đến trước cả 15 phút. Nhìn Ái Mỹ đẹp lộng lẫy trong chiếc robe đen tuy đơn giản nhưng sang trọng, Phú thấy lòng vẫn còn rung động. Chàng xót xa khi nhìn đôi mắt đẹp chứa cả một bầu trời u buồn, long lanh như có dòng lệ chực tuôn tràn. Ái Mỹ tha thiết xin Phú cho nàng cơ hội chuộc lại lỗi lầm. Giờ đây cô ta mới biết

không ai yêu cô ta bằng Phú. Cô ta đã ngu xuẩn thả mồi bắt bóng. Ái Mỹ còn thề thốt nếu Phú tha thứ cho cô ta trở về, cô ta sẽ là người vợ gương mẫu nhất, là người mẹ hoàn hảo nhất. Thì ra cuộc sống với David không là mơ như cô tưởng. Chỉ là một kiểu giả nhân giả nghĩa non vợ chồng chứ không cưới hỏi gì cả. Ở với nhau một thời gian, Ái Mỹ mới biết David thuộc hạng playboy. Giàu có, tiếng tăm... chung quanh anh ta thiếu gì người đẹp sẵn sàng dâng hiến. Ái Mỹ cũng chỉ là một “cửa lạ” đối với David mà thôi. Chiếm hữu được rồi thì một thời gian sẽ nhàm chán. Trót phóng lao thì phải...lao theo. Ái Mỹ đành ngậm bồ hòn làm ngọt. Nhưng càng ngày cô càng đau khổ khi David thản nhiên qua lại với một cô bác sĩ trẻ đẹp mới ra trường. Chắc chắn cô này lợi dụng tiếng tăm của “ông thầy”. Phần David thì cần gì, miễn có cửa lạ là tốt rồi...

Phú hứa với Ái Mỹ rằng chàng sẽ suy nghĩ thật kỹ rồi trả lời cô ta nhanh nhất có thể. Và cái kết quả thì mọi người đã biết. Mặc cho mẹ phản đối kịch liệt, Phú vẫn tuyên bố tha thứ cho Ái Mỹ và sẽ cùng cô ta nối lại duyên xưa. Chàng cũng thành thật xin lỗi Lệ Mai, nhưng chàng không thể nào làm khác được. Dù trong lòng tan nát rã rời, chính Lệ Mai là người đã an ủi bà Diệu Hiền nhiều nhất. Nhưng bà vẫn giận, dùng dùng mua vé máy bay trở về sống với con gái và tuyên bố không bao giờ trở lại nơi này. Cô chị cũng phôn lên mắng Phú một trận xối xả, tối tăm mặt

mũi. Lệ Mai thì cắt đứt mọi liên lạc với cha con Phú...

Sau khi được Mỹ Linh báo tin, Thơ vội vàng bắt phôn gọi Lệ Mai. Bên kia có tiếng cười nhẹ sau tiếng hello chị Thơ. Thơ nóng lòng hỏi ngay: “Chị Mỹ Linh vừa báo cho chị hay em đã xuống tóc quy y sáng nay phải không? tại sao vậy? tại sao? Chị không hiểu gì cả!” Tiếng Lệ Mai thật dịu dàng: “Chị phải mừng cho em chứ đừng rầy nha. Em bây giờ trong lòng thanh thản lắm chị Thơ ời. Không còn đau khổ, giận hờn hay oán trách ai cả. Số em sinh ra không phải để có được niềm hạnh phúc trong hôn nhân như các chị. Thôi thì em sẽ đem tình yêu của em san sẻ cho những mảnh đời bất hạnh. Em đã nghĩ kỹ rồi. Sắp tới đây em sẽ xin đi phục vụ ở một đất nước nghèo nào đó đang cần tới bàn tay của những nữ tu. Yêu là hy sinh, là phục vụ, là chia xẻ, là mong người mình yêu được hạnh phúc phải không chị? Cuộc đời ngắn ngủi, em của chị sẽ không ngồi đó than mây khóc gió đâu. Yên tâm nha chị Thơ. Em sẽ sống rất vui vẻ và ý nghĩa.”

Thơ còn biết nói gì đây? Nàng nhủ thầm: “tội nghiệp em tôi. Không là Hồng Nhan mà sao quá đa truân”!

Tiểu Thu Canada - Tháng 5, 2021



The months

January cold desolate;
February all dripping wet;
March wind ranges;
April changes;
Bird sing in tune
To flowers of May,
And sunny June
Brings longest day;
In scorched July
The storm-clouds fly,
Lightning-torn;
August bears corn,
September fruit;
In rough October
Earth must disrobe her;
Stars fall and shoot
In keen November;
And night is long
And cold is strong
In bleak December

CHRISTINA ROSSETTI

Tháng ngày

Tháng Giêng lạnh lẽo cô đơn
Tháng Hai nhỏ giọt từng cơn ướt mềm
Tháng Ba gió lướt nhẹ êm
Tháng Tư vạn vật im lìm đổi thay
Tháng Năm chim hót vui vầy
Đón chào hoa thắm nở đầy ngát hương
Mặt trời tháng Sáu chói chang
Rước ngày dài nhất rộn ràng về đây
Trời tháng Bảy nóng gắt gay
Đám mây bão tố bay đầy khắp nơi
Ngoài ngõ tía chớp xé trời
Bắp ngô tháng Tám thành thoi khoe mình
Trái cây tháng Chín trĩu cành
Tháng Mười khắc nghiệt phủ quanh địa cầu;
Ngàn sao rơi rụng giăng đầu
Những ngày tháng Một u sầu lạnh căm;
Đến khi tháng Chạp cuối năm
Màn đêm lạnh lẽo sẽ giăng canh trường
Lại thêm buốt giá vô cùng

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(chuyển ngữ)



NGẬM NGÙI

**** Nguyễn Lân ****

Gió rít từng cơn. Những cành lá đập mạnh liên hồi trên khung kính cửa sổ. Mưa nặng hạt quất từng làn quần quai ánh lên trong tia chớp của một đêm thắm đen sừng nước. Không ngủ được, Khương vén màn, nhìn ra ngoài trời. Chàng chợt lạnh người. Như có tiếng ai rên rỉ, run rẩy ngoài khung cửa: “Cho em vào! Cho em vào!”. Những làn chớp vút lên vẽ hình bóng một người chập chờn trên nền trời đen thẫm. Khương nghe rõ tiếng cào soàn soạt trên kính mỗi lúc một mạnh... “Mở cửa! Mở cửa!”. Khương rung mình, kéo tấm màn cửa thắm đỏ, chui vào giường chòm chăn kín mít. Chàng nhủ lòng mình tưởng tượng hão huyền...

Chàng chợt nghĩ tới Quì, người em cô cậu mất chừng hơn một tuần nay. Khi còn sống, Quì chỉ mong gặp Khương để hỏi những câu lảm cẩm, sặc mùi triết lý. Quì là người thiếu nghị lực, thiếu thực tế, sống trong mộng tưởng. Cậu được nuông chiều từ nhỏ. Khương trả lời một cách nhiệt tình và cố ý làm cho Quì tin hấn là một người có khả năng, hữu ích cho xã hội để xóa mặc cảm, để hấn lấy lại được ý chí. Nhưng Quì chỉ thích được ve vuốt thể thôi. Cậu không thay đổi được cảm nghĩ và lối sống đã thấm sâu trong đầu óc, trong cơ thể. Lâu dần, Khương nhận ra chàng đã ca ngợi cậu em quá mức chỉ để làm hấn vui lòng và Khương đã tự dối mình. Từ đó, chàng tránh gặp mặt người em họ. Nhưng mẹ

chàng và mẹ Quì thường hay lui tới trò chuyện và Quì là người đưa mẹ đi. Quì thích Khương, phục kiến thức của Khương, nghĩ Khương hiểu mình và đã cư xử đúng với một thiên tài chưa gặp thời. Quì chưa nổi danh vì sao chiếu tổ hồng cung chưa xuất hiện. Thế thì cứ chờ, việc gì phải ráng sức. Bản tính đã lười, lại tìm được có để che dấu sự yếu đuối, Quì lại buông trôi, lạ nhờn nhờn... thời gian cứ trôi... cứ trôi...

Ngày qua... Tháng qua... Năm qua... Chờ đợi mãi vẫn không thấy phép lạ nào đến, Quì thấy buồn, thấy xuống tinh thần, suy sụp dần dần... Quì mong tìm nơi Khương sự hỗ trợ như lúc trước, mong một luồng sinh khí thổi vào cuộc sống. Đã gần 40 tuổi, còn trông chờ gì nữa? Học hành dang dở, nghề nghiệp cũng không, tình ái lỡ làng. Người yêu của Quì đã không chịu nổi tính ỷ lại của Quì đã xa rời cậu. Mẹ Quì rất bằng lòng. Quì là của bà. Bà không muốn san sẻ tình thương yêu của cậu quý tử cho ai hết. Quì thấy cũng không sao. Mọi việc đã có mẹ. Bà vẫn lo đầy đủ cơm ăn áo mặc. Quì muốn làm gì thì làm. Cuộc đời ngắn ngủi, cậu cần phải hưởng thụ những vật chất thế gian. Mẹ đã gieo cho cậu tư tưởng này. Sự khéo léo mềm mỏng trong giao tế để nhờ vả lợi dụng người là lối sống của bà. Bà đã lo cho chồng như thế suốt thời gian ông còn sống. Bây giờ đến lượt cậu ám cựng. Con bà phải được sung sướng hơn các thanh

niên khác mà không cần làm lụng vất vả. Bà chu toàn đời sống vật chất cho Quì. Chỉ tội một điều cậu ấm càng ngày càng chán, càng buồn, càng xuống sắc. Quì thấy vô vọng trong tương lai. Chàng không muốn dựa vào mẹ. Nhưng bệnh lười biếng, tính nhát nhúa đã thấm sâu vào máu huyết, đã gặm mòn sức lực khiến Quì lại buông xuôi... Cậu muốn cố gắng làm một cái gì cho khuây khỏa nhưng cậu chưa từng chạm với đời, chưa từng bưng chải, cậu sợ. Cậu nghĩ tới Khương như mảnh phao cấp cứu. Tìm Khương cũng khó vì lúc nào ông anh họ cũng bận, cũng vắng nhà. Còn lấy ai tâm sự, lấy ai cấy niềm tự tin cho mình? May còn có mẹ, mẹ đã lo hết. Tại sao phải đi kiếm việc? Cậu chỉ cần tự ái được ve vuốt. Thì đã có Khương. Ông anh họ xem chừng nhìn ra Quì là một nhà văn lừng lẫy mai sau. Quì đã đưa nhiều bài viết cho Khương. Nhưng cả năm rồi, Khương bỏ lửng. Quì không dám hỏi vì tự ái và cũng vì Khương tránh né. Quì xuội lơ...cô đơn! Cuộc sống giờ đây đối với Quì thật vô nghĩa. Quì mệt mỏi, nản lòng! Thôi thì, can đảm một lần, lần đầu mà cũng là lần cuối. Quì cắt mạch máu tay... vĩnh viễn ra đi!

Đêm nay mưa to quá, bão rút... Trời gầm lên trong cơn cuồng nộ. Đèn trong nhà, ngoài đường đều tắt ngấm. Không gian đen tối âm u. Không điện, Khương không xử dụng máy computer được. Cả gia đình Khương đã lên Seattle dự đám tang Quì. Khương lấy có công việc trong tòa báo bề bộn vì chàng là chủ bút, không thể bỏ đi trong lúc sửa soạn cho báo Tết sắp tới. Thật ra, Khương buồn náo nức. Chàng không

dám nhìn mặt cậu em họ trong quan tài - người đã hết lòng tin cậy nơi chàng. Không ai nghi ngờ, không ai hay. Nhưng chính Khương cảm thấy khó chịu, bức bối. Chàng đã không tận tình cho kẻ tha thiết tìm đến với chàng. Chàng đã không đủ can đảm nói sự thật, nói thẳng về những khuyết điểm trong con người Quì để cấy ý chí phục hưng một cách mạnh mẽ cho cậu ta. Chàng không đủ khả năng hướng dẫn Quì. Chàng đã phụ lòng tin cậy của hai mẹ con. Chàng đã nhẹ nhàng nâng niu Quì, xử sự với cậu ta như một cô gái. Chàng chỉ làm cho Quì thích thú chứ chẳng chỉ bảo gì được. Cái tính cá nể, hay thương hại, thích làm người khác hả hê đã thấm sâu vào Khương. Mẹ con Quì chỉ biết hưởng thụ. Phần Khương, chàng không ưa hai chữ hưởng thụ. Chàng quan niệm sống trên đời phải có ý chí, có mục đích, có lý tưởng, biết tự lập, nhiều khi phải chịu hy sinh "vì ai mà sống, vì ai mà hy sinh". Đức Phật đã từ bỏ những khoái lạc trần gian, lao vào cuộc tìm kiếm chân hạnh phúc cho thế gian. Sự thèm khát hưởng thụ chỉ làm bản thân xấu xa đi. Khương đã thấy rõ con người của Quì - con người yếu đuối, nhát sợ, lười biếng, quen ỷ lại - nhưng làm sao chàng dám nói? Chàng đành xa lánh cậu ta. Cuộc đời Quì, để Quì tự xử. Quì đã thất bại trên trường đời trong đủ mọi chuyện và tự kết liễu đời sống! Đó là quyền của cậu. Khương không có trách nhiệm gì cả. Khương cũng không muốn can dự vào cuộc đời cậu em họ. Còn bà mẹ Quì đây. Làm sao chàng chống lại ảnh hưởng của bà mẹ với cậu con cưng? Thôi, đừng đụng chạm. Là xong! Nhưng chưa xong... vì Quì đã tự vẫn,

đã chết! Khương thấy mình ích kỷ. Lòng chàng ray rứt ân hận, ngậm ngùi khôn nguôi.

“Cho em vào. Lạnh quá! Cho em vào!” Tiếng gọi từ cõi âm u xa xôi... Gió rít từng chập... Cột đèn trước nhà nghiêng ngả, chao đảo... Cành cây rung lên quất từng vệt nước dài trên khung kính cửa sổ như cánh tay ai khăng khiu đang cố bám để trườn vào bên trong phòng. Khương rùng mình. Từng tia chớp lóe lên soi rõ những sợi giấy điện vắt vẻo trên cành cây, ngổn ngang dưới mặt đường... cả một bãi chiến trường của cơn giông đang ập tới.

Khương gục đầu xuống bàn... mơ màng. Chàng lắng nghe từng tiếng động quanh mình, tiếng vang của cuồng phong bão tố, tiếng cào cào cửa mỗi lúc một mạnh... Bản chất của Quì là thế. Hắn không bao giờ đập cửa, gào to, la lối. Hắn gọi chàng mở cửa cho hắn bằng những đầu móng tay như muốn xé rách tấm kính, thỉnh thoảng xen lẫn giọng nhỏ nhẹ thúc giục vọng về từ cõi xa xôi, không phải trần gian... Hắn đẩy. Hắn cách chàng qua khung kính cửa sổ. Hắn muốn vào. Hắn dư sức vào. Cửa nẻo nào ngăn cản nỗi oan hồn? Nhưng hắn chờ. Đứng ra hắn muốn chính chàng mở cửa. Hắn có cái tự ái của hắn. Khương không dám và càng không muốn mở cửa. Mưa gió, ma quỷ sẽ ập vào căn phòng trống trải này. Khương vẫn tỉnh trí. Chàng lặng yên. Quì sẽ đi. Khương không muốn một giao cảm bề bàng giữa âm dương mê loạn. Chàng đã không làm gì cho Quì khi hắn còn sống thì giờ đây chàng

có khả năng gì cho một oan hồn vất vưởng?

“Quì đi đi! Cầu Phật Từ Bi cho linh hồn em siêu thoát! Anh không thể tiếp xúc với người dưới cõi âm! “Đi đi, Quì đi đi!” Khương thầm khấn và chàng nhìn vào khung kính rõ ràng tô đậm khuôn mặt bạc nhược xạm màu chì của người đã chết. Như để đáp lại ý nghĩ của Khương, vắng vắng trong không gian “trầm cảm... trầm cảm”.

“Quì đi đi! Anh đã không giúp được em khi sống thì làm sao anh gần em bây giờ? Em đã biết vì sao. Anh thương Quì nhưng anh không thể làm gì khác được. Đó là anh. Em hiểu cho anh”.

“Cho vào! Cho vào!” Tiếng rền rĩ thiết tha từ cõi u minh vẫn vang vọng lẫn trong tiếng mưa gió phủ phàng ầm ầm làm Khương buốt óc. “Lạnh quá! Lạnh quá!... Mở cửa! Mở cửa!”

Khương vụt đứng dậy: “Nghiep phải trả. Em đang trả. Ráng đi cho kiếp sau. Em đừng theo anh nữa. Âm dương cách biệt. Anh không thể làm gì được!”

Bóng người ngoài khung cửa nhạt nhòa dần. Một tiếng sét vang lên cùng với lần chớp ngang ngoài khung kính như quét sạch oan hồn ai đó... Khương thiếp đi trong giấc ngủ nặng nề.

Trời hừng đông... hừng hửng sáng. Khương bừng tỉnh, tung chăn ngồi dậy. Chàng ra cửa sổ, kéo tấm màn nhung dày thắm đỏ, nhìn ngoài trời. Giông bão đã qua. Nhưng dư âm của trận cuồng phong đêm qua vẫn còn vương vất... la liệt trên mặt đường nhựa những cành cây gãy, muôn vàn lá cây rách nát dập

vùi khắp nơi bê bết bùn đen, những sợi giây điện đứt đoạn, những mảnh ngói tróc bẽ vỡ vụn từ những mái nhà đây đó. Đêm qua, một đêm giông tố, giông tố ngoài trời mà cũng giông tố trong lòng chàng. Thật ngậm ngùi cho kiếp người, kiếp người bạc nhược, mang nhiều mặc cảm. Nhưng con người đó vẫn có quyền sống. Nếu được hướng dẫn biết đâu Quì sẽ trở thành người hữu ích cho gia đình, cho xã hội? Tại hoàn cảnh của Quì, tại cậu ta được nuông chiều không đúng mức, tại bà mẹ không khéo dạy con, có thương mà không biết dưỡng. Trên đời này có nhiều bà mẹ như thế, tưởng che chở bảo bọc cho con là đủ, là con hạnh phúc. Ai có thể bảo bọc mãi mãi đời ai? Mẹ Quì đã nuôi dưỡng những tính xấu của người bà thương yêu nhất. Quì lớn lên như cây tầm gửi, không biết tự quyết, không dám dần thân, trây lười đã thành một thói quen, một căn bệnh kinh niên của cậu quý tử... Một ngày nao, họ nhận thấy và họ trông chờ ở Khương. Nhưng Khương không có phép lạ nào. Chàng không muốn hành xử với Quì thật nghiêm minh, thành thật phơi bày rõ những kém cỏi của Quì cho hai mẹ con cùng thấy. Khương không thể làm như vậy. Chàng đã trốn tránh. Quì còn gì? Tình yêu thúc đẩy ư? Một bóng hồng từ tâm thổ thổ, khuyến khích bên tai ư? Mẹ Quì lại sợ tình yêu trai gái làm cho con trai xa lánh bà. Vô tình hay hữu ý, bà đã đẩy cậu quý tử vào tuyệt lộ? Chẳng còn ai cứu được Quì! Bà có oán trách Khương không? Bà không nói thì lòng chàng cũng đương bị vò xé vì ân hận.

Không. Khương không có bốn phận với Quì dù hẳn là một cậu em họ. Hẳn đã trưởng thành, hẳn đã lớn. Nhưng sao chàng vẫn ngậm ngùi cho số kiếp hẳn, chàng vẫn ân hận và tự trách mình còn vô tâm, còn ích kỷ. Nếu chàng tốt hơn, chàng tìm cách khuyên nhủ, khuyến khích biết đâu giờ này hẳn còn sống. Khương không dám nghĩ tới “cứu rỗi linh hồn”, chàng chỉ thấy chàng cũng vẫn còn nhút nhát, chưa xứng mặt nam nhi. Khương muốn quên đi. Dù gì thì Quì cũng không còn nữa. Chỉ tại đêm qua, đêm giông tố, Quì đã năn nỉ xin vào... mà lại là hồn ma... hồn ma vất vưởng hay chỉ là chàng tưởng tượng hay chỉ vì chàng áy náy đã quay đi với người đặt niềm tin nơi chàng? Khương thấy mình khổ sở. Một đảng không muốn bận tâm với người khác, một đảng vẫn ray rứt vì còn nhiều tình cảm. Không dễ gì quên. Từ đây, Khương sẽ mất niềm vui, mất sự thoải mái, mất cả tự tin cho bản thân! Hay chàng sợ tạo nghiệp? Khương cứ lẫn lẩn những tư tưởng rối rắm, phần khó chịu thương cho mình, phần ngậm ngùi ân hận vì kẻ khác. Nếu như không có đêm qua, nếu như không có giông bão, nếu như oan hồn Quì không xuất hiện... Khương lại băn khoăn. Chàng sợ hồn ma hay chàng sợ nghiệp hay đang đối chất với lương tâm?

Không. Khương không phải là người vô tâm, vô trách nhiệm. Chính vì chàng nghĩ đến người nhiều quá, vì chàng không hành xử như một người anh, một người hùng, không giúp cho một thanh niên tin tưởng nơi mình cải thiện đời sống mà sự áy náy, nỗi ngậm ngùi theo đuổi mãi mãi... Con người

Khương, tuy biết suy nghĩ, nhưng cũng như ai, “tốt” và “xấu” đều có, hảo tâm có mà vị kỷ cũng có. Khương là một người bình thường. Khương không bao giờ chen vào chuyện người khác. Mẹ con Quì có cái gì xa cách chàng, có cái gì làm chàng e ngại, làm chàng tránh né. Sự suy tư và lối sống của họ khác chàng. Chàng biết nhưng họ không biết. Khi Khương không thích, chàng quay đi.

Một ngày qua... mẹ Khương điện thoại về cho biết xác Quì đã được chôn cất. Thôi thế cũng xong.

Đêm nay, làm việc mệt, đầu ngoẹo trên thành ghế, Khương chập chờn nửa thức nửa ngủ... Mờ mờ trong bóng tối thẫm đặc của màn đêm một nắm mồ mới đắp. Một bà già xõ gai tóc bạc gần hết xõa sợi đang quỳ trước mồ. Bà đang khấn vái. Bà đang rên rỉ, đang than van, đang vật vã. Dưới vạt trắng khuya nhợt nhạt, uốn éo những làn khói từ những cây nhang sáng lên đốm lửa lập lòe, mơ màng một bóng hình thoát ra từ ngôi nhà. Hồn ai trong tấm vải liệm trắng toát lạnh lẽo còn vương vất những vệt máu đỏ tươi... từng giọt... từng giọt... nhỏ trên bàn tay bà già. Tiếng thổn thức trong đêm “Mẹ! Mẹ!”. Tiếng vọng mỗi lúc một rõ hơn “Con không bao giờ xa mẹ... con gần mẹ mãi mãi... chỉ có mẹ mới thương con... chỉ có mẹ tận tụy vì con... cũng chỉ vì mẹ mà con chết... mẹ cầu nguyện cho con!”

Không gian tối đen nhưng trong vạt. Bỗng nhiều tiếng rống vang động như

xé màn tai. Rồi từ thình không muôn vàn bóng hình chập chờn uốn lượn như muốn lôi kéo âm hồn rời khỏi thế gian. Bà lão rướn mình, gào lên “Con ơi! Con ơi!”... rồi gục ngã. Âm hồn bay bổng. Đâu đây còn vọng lại “Mẹ! Mẹ!” Tiếng kêu tha thiết đớn đau làm Khương rùng mình. Chàng chợt tỉnh. Khương rời ghế tới bên cửa sổ qua khung kính, nhìn ra ngoài trời... Sao đêm... sao đêm vẫn lung linh trên bầu trời thủy tinh. Khương chấp tay thắm nguyện “Cầu Phật phù hộ cho em. Em đi đi. Đừng vương vấn cõi thế này. Phật sẽ soi sáng linh hồn em. Vĩnh biệt!”

Liềm trăng thượng tuần xao động giữa trời đêm. Thình không êm lắng. Chỉ còn bóng hình Khương chập chờn trên vách tường. Giấy tờ bừa bộn trên bàn viết, rải rác trên sàn nhà. Khương ngồi xuống ghế, cầm bút, chú tâm làm việc... Niềm ray rứt sẽ qua đi. Lòng ân hận rồi phai tàn. Có chăng còn lại nỗi ngậm ngùi dai dẳng. Chàng không có lỗi. Chàng không thể làm trái với cá tính trời cho. Âu cũng là định mệnh... của Quì và của chàng.

Đêm đang dần dần trôi... Một đêm vắng lặng cần thiết cho suy tư... cho sáng tác. Không còn gì nữa... Khương cắm cúi trên trang giấy...

Nguyễn Lân

Virginia tháng 5 năm 2021



Votre Ghetto

*Même si des fois vous êtes chez vous
Vous vous demandez pourquoi le ciel est lourd
Quand vous vous rencontrez dans l'aube du jour
Comme tous ces rêves changeant votre retour.*

*Voilà que vous imaginez le pays
Dans lequel vous vivez sans peine ni souci
Quand bien sur vous n'aurez plus le droit de dire
Qu'on vous est indifférent, vous blâme ou vous interdit.*

*On change de paysages, de vie ou de moeurs
On panse son visage, de cire ou de pleurs
On pense à nous deux quand on est heureux
Mais on oublie son erreur de fuir leurs moeurs.
On discute, on pense ou on mange
Malgré tous ces rites, les vents et les cendres
On espère un monde à soi, on rit puis on pleure
Faisant la ronde à soi, on y vit, on y meurt.*

*Voilà que vous êtes sortis de votre coin morose
Faites-vous à n'importe quel prix les liens qui courent et volent
Je vous parle de ces grands pays ou de ces hommes
Je vous charge de panser votre vie ou de l'éteindre.*

*Même si vous regretteriez de ne pas l'avoir fait
Vous vous demanderiez comment la mer face aux terres
A conquis tant de continents, les a glorifiés ou engloutis
Dans ces pays que vous verriez, frères ou ennemis.*

DIÊM HOA

Les Années Noires (Covid 19)

VĂN HÓA HOA KỲ VÀ NHỮNG CÚ SỐC VĂN HÓA

**** Hải Bằng.HDB ****

Vài tư tưởng để hiểu rõ hơn về văn hóa Mỹ:

Chúng ta trên lục địa này không nên bao giờ quên rằng những người đã vượt Đại Tây Dương không phải là đi tìm đất để cày mà là bảo vệ tự do cho linh hồn họ.

(We on this continent should never forget that men first crossed the Atlantic not to find soil for their ploughs but to secure liberty for their souls. – Robert J. McCracken)

*

Hoa Kỳ là một cái gì ý nghĩa nhiều hơn là một thực tại về địa dư. Hoa Kỳ là một thực tại về luân lý và chính trị – cộng đồng đầu tiên trong đó người ta đặt ra thành nguyên tắc là định chế hóa tự do, chính quyền có trách nhiệm, và sự bình đẳng của con người.

(America is much more than a geographical fact. It is a political and moral fact – the first community in which men set out in principle to institutionalize freedom, responsible government, and human equality. – Adlai Stevenson)

*

Văn hóa là những nếp sống thể hiện qua cách ăn ở, trang phục, lời nói, lễ nghi, và tập tục. Văn hóa phát xuất từ những niềm tin. Học hành, tiếp xúc, giao du, đọc báo, xem phim, nghe đài đều có tác động thay đổi cung cách văn hóa của con người.

Không ít người Việt, nhất là những người lớn tuổi và bảo thủ, đã không thể thích ứng với lối sống Mỹ. Họ cảm thấy cuộc sống của họ đầy chán chường và thất vọng. Đó là hậu quả của những cú sốc về văn hóa.

Niềm tin căn bản trong văn hóa Hoa Kỳ là gì?

Hoa Kỳ có một nền văn hóa rất trẻ trung và đầy sinh động không giống bất cứ một nền văn hóa nào. Đó là văn hóa của thời đại tự do và dân chủ pháp trị đa nguyên.

Thật vậy, Hoa Kỳ là một quốc gia mới được thành lập từ 1789 sau khi chiến thắng mẫu quốc bảo hoàng Anh để trở thành một nước **dân chủ pháp trị**. Ông cha lập quốc xuất phát từ nhiều nước ở Âu Châu, nhất là từ Anh Quốc. Họ đến Mỹ Châu với mục đích tìm một miền

đất để được sống tự do, đặc biệt là tự do tín ngưỡng.

Tượng Nữ Thần Tự Do của người Pháp tặng chính là biểu tượng của tinh thần đó.

Niềm tin căn bản của của Hoa Kỳ là “Mọi người sinh ra đều bình đẳng và có quyền sinh sống, tự do, và theo đuổi hạnh phúc”.

(“All men are created equal and have right to life, liberty, and the pursuit of happiness.” - Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Hoa Kỳ)

Dân tộc Hoa Kỳ ngày nay kế thừa một gia sản quý báu của ông cha lập quốc để lại: ***tinh thần tự do, bình đẳng, và thượng tôn pháp luật*** phát xuất từ chính sự kiện bản thân ông cha họ đã trải qua những nỗi tủi nhục vì bị mất tự do và không được đối xử bình đẳng. ***Đó chính là nòng cốt của nền văn hóa đa nguyên (cultural heterogeniety) của Hoa Kỳ và trong lý tưởng đó, Hoa Kỳ đã giành quyền giúp các dân tộc nhỏ bé bảo vệ tự do & bình đẳng trên toàn thế giới.***

Kể từ ngày lập quốc, Hoa Kỳ trở thành một mảnh vườn hoa văn hóa duy nhất của nhân loại có đủ mọi thứ hoa thơm lẫn cỏ dại mà mọi người đều có cơ hội tham gia sửa sang cho ngày một sáng tươi hơn. Và, để hiện thực, HK đã biến những lý tưởng đó thành những đạo luật như ***giải phóng nô lệ, cấm kỳ chi chủng tộc, bảo vệ nhân quyền, nam nữ bình quyền, và v.v.***

Nền văn hóa một nước giàu, mạnh, và kỹ thuật cao của Hoa Kỳ đã đào tạo nên những mẫu người đầy tự tin, không sợ hãi, chấp nhận mọi thử thách; yêu tự do và công bằng; sẵn lòng giúp đỡ, bênh vực kẻ yếu, nâng đỡ người có ý chí; và không ngừng vươn lên.

Về khoa học và kỹ thuật, Hoa Kỳ đứng hàng đầu thế giới.

Về tư tưởng, người Mỹ thực hành **Thuyết Thực Dụng (Pragmatism)**: một học thuyết chủ trương căn cứ vào kết quả thực tế của các nỗ lực để đánh giá lý thuyết. Vì thế, sự thành công về tài chính, hay lợi lộc được coi là mức đo hiệu quả của lý thuyết.

Những đặc điểm của văn hóa Hoa Kỳ là gì?

Trong những năm đầu lập quốc, các nhà sáng lập ra Hoa Kỳ đã đề ra một số giá trị trong cuộc sống như: ***Lịch sự, trách nhiệm cá nhân, công bằng, bác ái, tự do cạnh tranh, đúng giờ, ăn uống tinh khiết, sống vệ sinh, làm việc, và tiết kiệm.***

Nhờ có óc thực dụng và ứng dụng những giá trị nêu trên, Hoa Kỳ đã phát triển nhanh và mạnh trong lãnh vực kinh tế, khoa học và kỹ thuật. Cuộc sống đã có lúc được coi là thật tốt đẹp: ***đó là Thời Hoàng Kim trong thập niên 1950 (The Golden Fifties).***

Tuy nhiên, trong những thập niên từ 1960 trở đi, kinh tế Hoa Kỳ bị trì trệ, chính trị bị lũng đoạn, pháp luật buông lỏng, giáo dục thiếu cải tiến, sự hợp tác của quần chúng giảm thiểu, tội ác gia tăng, thuế cao, lợi tức thấp, nhiều người nghèo đói, và mức sống chênh lệch quá xa.

Cái gì đã làm cho xã hội Hoa Kỳ có những vấn đề tiêu cực như vậy?

Đó chính là vì *những niềm tin cũ, những giá trị cũ, và những định chế cũ đã không còn thích hợp với cuộc sống hiện tại*. Và cũng chính vì thế mà các nhà làm chính sách văn hóa đã phải *duyệt xét lại bằng giá trị đạo đức xã hội*, và đã đề ra để thử nghiệm một loạt những ý niệm về *giá trị mới* để thay thế cho những ý niệm về giá trị cũ.

Những giá trị cốt lõi có thể được gọi là những **đạo đức Hoa Kỳ** là:

1. Thành tựu và kết quả là mục tiêu chính của cá nhân (Achievement and success)
2. Hoạt động và làm việc (Activity and Work)
3. Tiêu hướng luân lý (Moral Orientation)
4. Động cơ nhân đạo (Humanitarian Motives)
5. Hiệu năng và thực tiễn (Efficiency and Practicality)

6. Tiến hành và tiến bộ (Process and Progress)
7. Tiện nghi vật chất (Material Comfort)
8. Bình đẳng (Equality)
9. Tự do (Freedom)
10. Hợp thức ngoại vi (External Conformity)
11. Khoa học và tính hữu lý (Science and rationality)
12. Quốc gia chủ nghĩa (Nationalism)
13. Dân chủ (Democracy)
14. Cá nhân chủ nghĩa (Individualism)

Hiện nay, một số những giá trị được gọi là những **Quy Tắc Mới** (New Rules) đã được đề nghị để thay thế những giá trị cũ, chẳng hạn, **cá nhân chủ nghĩa** được thay thế bằng **dính líu** hoặc **ràng buộc** (involvement); **cạnh tranh** được thay thế bằng **hợp tác**; **thành tựu** (attainment) được thay thế bằng **tự đủ** (self-sufficiency); **ái quốc** thay bằng **bao dung** (tolerance); **làm việc** thay bằng **cuộc sống tốt** (good life).

Như vậy là người Hoa Kỳ đã và đang nỗ lực đi tìm để xây dựng những ý niệm mới nhằm mục đích nâng cao giá trị của cuộc sống và giải quyết những tệ nạn xã hội hiện đang hoành hành, ngõ hầu xã hội có một cuộc sống lành mạnh hơn. **Hướng thay đổi của Hoa Kỳ còn cho thấy Hoa Kỳ muốn khai thác những giá trị tâm linh của văn hóa cổ Đông Phương.**

Tóm lại, văn hóa Hoa Kỳ nhằm phát huy quan điểm tự do và bình đẳng trước pháp luật. Do đó, người Hoa Kỳ rất kỵ hay mất cảm tình với những kẻ vi phạm luật lệ và cư xử không công bằng. Những ý kiến, những sở thích cá nhân đều được tự do phát biểu trong khuôn khổ luật pháp và mọi người đều biết tự

kiểm chế không xen vô việc của người khác.

Học sinh được dạy cách kiểm chế sự nóng giận, tôn trọng ý kiến người khác, mạnh dạn phát biểu ý kiến của mình, công bằng trong đối xử, tham gia đóng góp, gìn giữ trật tự, vệ sinh, cởi mở, yêu đời, giúp đỡ, và từ thiện, v.v.

Văn hóa Việt và Mỹ có những khác biệt chính yếu nào?

Văn hóa Việt:	Văn Hóa Mỹ:
- Bao đồng, kiểm soát con cái 100%. - Con cái không có quyền cãi lý với cha mẹ. - Sống đại gia đình - Cha mẹ quản lý tài chánh. - Tôn trọng bậc trưởng thượng. - Ăn uống chung mâm. - Làm việc trước giờ hay thêm giờ lấy điểm. - Thích bao ăn uống. Mời thuốc hút. - Đến thăm không báo trước. - Làm việc không có lịch trình. - Chen lấn, trề nải, xía vào chuyện người khác. - Bắt tay xin lỗi nhưng còn hậm hực.	- Giúp con cái phát triển tính tự quản. - Con cái có quyền tranh luận với cha mẹ. - Sống biệt lập. - Cá nhân quản lý tài chính. - Tôn trọng con nít - Ăn uống đĩa chén riêng rẽ. - Làm việc đúng giờ và hết giờ. - Ăn uống ai nấy trả. Không mời thuốc. - Đến thăm phải hẹn trước. - Làm việc theo lịch trình. - Trật tự, đúng giờ, không xen vào chuyện người khác. - Bắt tay xin lỗi, rồi huề.

Những cú sốc văn hóa nào tác động lên người Việt tỵ nạn?

Một số không ít những thành phần trẻ Việt Nam sống ở Hoa Kỳ lâu năm thường vội vã chối bỏ văn hóa dân tộc và học theo lối sống Mỹ. Một số cha mẹ cũng lại mong muốn cho con cái chóng Mỹ hóa ngỗ hầu địa vị xã hội và quyền lợi được tăng tiến tối đa. Trong

khi đó, họ không ý thức rằng chính người Mỹ lại khuyến khích bảo tồn tính đa nguyên của văn hóa nhân loại (cultural diversity) để cuộc sống của nhân loại được phong phú và nhiều màu sắc hơn.

Cũng có một số những thành phần trẻ sớm ý thức được sự cần thiết phải bảo vệ những giá trị văn hóa truyền thống

của dân tộc. Họ thấy ở Hoa Kỳ có một cuộc sống vật chất cao nhưng tình người dường như lại thiếu ấm áp. *Cái giường máy sản xuất khổng lồ chạy suốt cả ba ca: sáng, chiều, và tối, đã cướp đi mất tất cả những thời gian cần thiết để con người có thể duy trì mối giao tiếp tạo những niềm thông cảm sâu xa với nhau.* Sự kiện này đã làm cho mỗi dây ràng buộc giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái, bạn hữu, quyến thuộc càng ngày càng trở nên lỏng lẻo, nhạt nhẽo. Chính những người bản xứ cũng thấy buồn nản trong cảnh sống quá lệ thuộc vào máy móc này, và họ đang mong chờ một lối thoát cho chính họ.

Bà Elizabeth Berg than trong *Reader's Digest* (Sep./93, p.19) rằng: ***“Chúng ta vội vã về nhà ban đêm để có thể đi ngủ để có thể dậy đi làm việc. Rồi chúng ta lại về nhà. Cuối tuần này là để lo cho tuần tới. Chúng ta được hoạch định cho tương lai. Chúng ta không sống cho hiện tại ... Nhưng khi chúng ta không bao giờ nhìn lên bầu trời, thành phần nào đó trong con người chúng ta héo hon đi: chúng ta mất tâm linh. Chúng ta bị máy móc hóa.”***

Trường hợp thường xảy ra những cú sốc:

- Con cái cãi lý hay không vâng lời.
- Con cái không có thì giờ săn sóc cha mẹ.
- Không kiếm được việc làm.
- Không nói được tiếng Anh.

- Không được quyền đánh hay mắng con cái.
- Thiếu thông tin, liên lạc.

Làm thế nào tránh được những cú sốc văn hóa?

- Sẵn sàng bao dung, chấp nhận sự thay đổi trong nếp sống mới.
- Tự thay đổi cách suy nghĩ và hành động để hòa nhập với nếp sống mới.
- Cố gắng học và nói tiếng Anh.
- Chia sẻ quan điểm với người khác.
- Chấp nhận làm những việc ít lương.
- Tôn trọng ý kiến của người khác.
- Tham gia công tác cộng đồng.

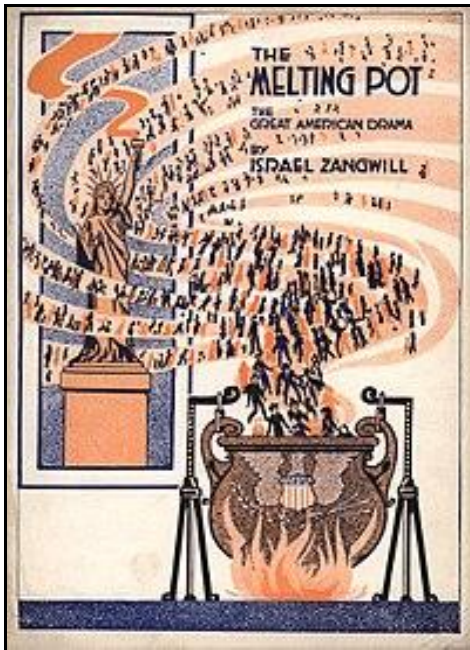
*

HOA KỲ LÀ MỘT NỒI NẤU KIM LOẠI (MELTING POT)

Nồi hòa tan (melting pot) là một phép ẩn dụ văn hóa cho một xã hội không đồng nhất trở nên đồng nhất hơn. Các yếu tố khác nhau "tan chảy" với một nền văn hóa chung hoặc ngược lại, cho một xã hội đồng nhất trở nên không đồng nhất thông qua dòng chảy của các yếu tố nước ngoài với các nền văn hóa khác nhau. tiềm năng để tạo bất hòa trong nền văn hóa trước đó. Trong lịch sử, nó thường được sử dụng để mô tả sự đồng hóa của người nhập cư vào Hoa Kỳ. Phép ẩn dụ cùng nhau được sử dụng vào những năm 1780. Thuật ngữ chính xác "nồi nấu chảy" được sử dụng phổ biến ở Hoa Kỳ sau

khi nó được sử dụng như một phép ẩn dụ mô tả sự hợp nhất của các quốc tịch, văn hóa và sắc tộc trong vở kịch cùng tên năm 1908.

Sự mong muốn của sự đồng hóa và mô hình nồi nấu chảy đã được xem xét lại bởi những người đề xuất đa văn hóa, đã đề xuất các phép ẩn dụ thay thế để mô tả xã hội Mỹ hiện tại, như khảm, bát xà lách, hoặc kính vạn hoa, trong đó các nền văn hóa khác nhau trộn, nhưng vẫn khác biệt ở một số khía cạnh.



The **melting pot** is a monocultural metaphor for a heterogeneous society becoming more homogeneous. The different elements "melting together" with a common culture or vice versa, for a homogeneous society becoming more heterogeneous through the influx of foreign elements with different cultural backgrounds, possessing the potential to create disharmony within the previous culture. Historically, it is often used to describe the assimilation of immigrants to the United States. The melting-together metaphor was in use by the 1780s. The exact term "melting pot" came into general usage in the United States after it was used as a metaphor describing a fusion of nationalities, cultures and ethnicities in the 1908 play of the same name.

The desirability of assimilation and the melting pot model has been reconsidered by proponents of multiculturalism, who have suggested alternative metaphors to describe the current American society, such as a *mosaic*, *salad bowl*, or *kaleidoscope*, in which different cultures mix, but remain distinct in some aspects.

Hải Bằng.HDB



NỖI THU HOÀI

Nghe tiếng lá lẩn ngoài ngõ
Tưởng bước chân ai gót trở về thăm.
Em đi biệt mấy mùa mưa,
Giàn hoa dạ lý mấy lần nở bông.
Hoa xuân thắm, có như không,
Nắng mai đem ấm sưởi nồng chi hoa?
Hạ phượng nở, hè rồi qua,
Lá thu vàng rụng rơi ngang tâm tình.
Đông băng giá, chỉ có mình,
Tuyết xây sỏi đá gập ghềnh lối tim.
Chiều đỏ tím, mây nằm im

Những đêm dài lặng đi tìm sao rơi.
Ngàn nỗi nhớ, tả sao vơi,
Sông Ngân trần trở chưa rời năm canh.
Sầu tợ sóng chẳng ngọn ngành
Tiềm thức mộng mị tan tành bữa vầy...
Nghe trong gió lá khô quay
Nhẹ như chân bước xưa ai đi về...
Hồn thu lạnh lẽo tái tê,
Nỗi thu hoài vẫn lê thê tâm tình!

Githéa Hoàng Hy

CẢNH SEN ĐÊM

Cánh trắng trinh nguyên đã hé rồi,
Nhụy vàng còn ẩn nét tình khôi.
Mùi hương nhẹ tỏa thơm trời hạ,
Nghe vị ngọt ngào một thoáng môi.
Hoa vẫn sắc màu, chẳng đổi thay
Ngàn năm sau trước vẫn làm say
Bao nhiêu mặc khách thăm xây mộng
Được sống bên hoa dấu một ngày.
Nhưng bụi thời gian quá phủ phàng
Đóng dày hoen ố mặt hồng nhan.
Màu sen vẫn thắm như năm trước,
Nhân diện chữ toan chuyện ủa tàn.
Ta vẫn nhìn em như thừa nào
Lần đầu gặp gỡ ý xôn xao,
Tóc mây buông phủ bờ vai hạc,
Ẩn hiện trong hồn những ước ao.
Hồn đêm lấp lánh ánh sao rơi,
Đơn độc màu hoa vẫn sáng ngời.
Thần tượng cánh dang chào tiết hạ
Cho ai chí cả lạc ngàn khơi...!

Githéa Hoàng Hy



QUỲNH HƯƠNG

Em loài hoa nở trong đêm tối
Lặng lẽ khoe duyên, lặng lẽ tàn.
Người dầm bước trên muôn nghìn lối,
Biết gì đâu thu đẹp, trăng ngàn.

Ngày réo gọi tình thầm mòn mỏi,
Kiếp hoa đời yêu dấu muộn màng.
Gửi lại rừng đêm chút hương mong đợi,
Nhớ người, xin hẹn một mùa sang.

Nguyễn Mây Thu

Chuyện Vui
TIỆC CƯỚI NGÀY XƯA
(Thập niên 1990) ở hải ngoại
**** Phạm Thành Châu ****

Hôm nay, tình cờ mở computer, mục document, thấy bài này, theo ngày tháng thì đã viết từ hơn ba chục năm rồi. Tôi đọc lại mới biết rằng, thời gian trôi quá nhanh. Thời đó khoảng thập niên 1990, quý ông, dù đi tù cộng sản cả chục năm, qua Mỹ, thấy vẫn còn sung sức, hăng say chuyện cộng đồng và cả chuyện dễ nổi nóng nữa. Mấy mươi năm sau (bây giờ) quý ông đã già còn bệnh tật, tàn tạ, héo úa như lá mùa thu, chỉ một cơn gió nhẹ là lìa trần. Bạn bè còn lại, đếm trên đầu ngón tay. Những người còn sống cũng không muốn đi đâu, vì đi không nổi, đầu óc “rối nùi” thì làm sao nhớ được chuyện đã quá lâu!

Điều ngạc nhiên thứ hai khi đọc lại bài này là thời đó, sao bạn trẻ cưới nhau nhiều quá? Dự tiệc cưới phát sợ luôn. Thì ra đó là con cái của quý ông bà H.O. Sau ngày mất nước 1975, quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa bị Việt cộng bắt đi tù cải tạo. Giả như đứa bé vừa sinh ra thì bỏ vào tù. Mười lăm năm sau (1990 khi có chương trình H.O.) cháu đã mười lăm tuổi. Các cháu cùng với bố mẹ qua Mỹ, có đứa tiếp tục

học văn hóa, có đứa học nghề hoặc làm lao động chân tay. Chỉ ít lâu sau chúng đã đến tuổi lập gia đình. Vì thế khoảng thập niên 1990 trở về sau, đám cưới các gia đình H.O nở rộ. Thường tổ chức tiệc cưới vào tối thứ bảy, cả tối Chủ nhật nữa. Chủ nhà hàng hốt bạc và bạn bè, bà con của bố mẹ chúng phải móc túi (mừng hai cháu Trăm Năm Hạnh Phúc) một nghỉ!

Bạn có bao giờ đi dự tiệc cưới chưa? Hỏi vô duyên! Đã là người Việt ở hải ngoại thì đương nhiên, thời đó, phải dự tiệc cưới. Dù chỉ có vài ba gia đình quen biết nhau ở một nơi ít người Việt, họ cũng mời nhau trong các dịp lễ Tết, giỗ chạp, hỏi cưới... Đó là tình cảm của kẻ tha hương. Vậy chứ nếu bạn ở Alaska, Costa Rica, bạn có được mời dự không? Xin thưa, dù bạn ở trên đỉnh Himalaya (Hi Mã Lạp Sơn) đi nữa thì bạn cũng sẽ nhận được một cái thiệp mời (của bạn đồng môn, đồng hương, đồng ngũ, đồng tù...) với lời nhắn nhủ "*Mầy cố sắp xếp về Cali. (hoặc Texas) thăm bạn bè một chuyến, tại tao nhớ mầy lắm.*" Nếu bạn ở các tiểu bang “hẻo lánh” (ít người Việt) không đi được, bạn chỉ cần gửi cái

thiệp chúc "Trăm năm hạnh phúc" kèm với cái check trăm đô gọi là cho cháu vui mừng là xong bốn phần (với tiếng thờ dài!). Xin bạn đừng nghĩ "*Trăm đô có bao nhiêu mà còn ròn!*" Mới qua Mỹ, lao động chân tay, làm 1 giờ năm, sáu đô là quá mừng rồi. Tiền nhà, điện, nước, xe cộ, xăng nhớt... thiếu trước hụt sau! Lại còn gửi về Việt Nam giúp đỡ gia đình, bà con, bạn bè. Vô phước nhất là bạn thích tham gia sinh hoạt cộng đồng, Hội đồng hương, Hội cao niên, Hội cựu học sinh, Hội cựu sinh viên, Hội Hải quân, Hội Không quân, Hội cựu sĩ quan Thủ Đức, Đà Lạt, rồi Phong trào, Mặt trận, Báo chí, Văn nghệ, văn gừng ... Quen biết nhiều thì thiệp cưới sẽ bay về nhà bạn như bướm bướm. Mỗi tuần ít nhất là năm bảy cái thiệp mời, thấy chỉ muốn xiu. Đó là chưa kể thiệp mời những buổi ra mắt sách, ra mắt thơ, ra mắt CD "Thơ Phở Nhạc", Hội thảo, biểu tình, Hoan hô, Đả Đảo, Ủng hộ... Nhiều vô số kể! Nhiều đến độ, chỉ riêng thiệp cưới thôi, bạn không biết đối phương là ai? Hỏi vợ, vợ cũng ngần ngại "Ai là ông bà Lê văn X.?" vậy là phải mở cuộc điều tra. Các bà gọi nhau "*Chị có nhận được thiệp mời dự đám cưới của con ông bà X. không? Ai vậy?*" Hóa ra thủ phạm là vợ chồng chủ tiệm neo (nail) "Bàn Tay Năm Ngón" mà bà xã bạn có vài lần gặp và trò chuyện, hoặc là chủ tiệm chạp phô "Giá Cắt Cỏ". Chủ tiệm nails, tiệm buôn này giàu, mời bạn chẳng

phải vì cái phong bì trăm đô mà họ cần nhiều người dự cho họ hãnh diện. Đám cưới mà chỉ độ trăm khách mời thì tủi thân cho họ và cho con cái, chứng tỏ đó là gia đình ích kỷ, chỉ biết tiền, không giao thiệp với ai và cũng chẳng có chút danh vọng gì. Bởi vậy mới có màn tay MC (điều khiển chương trình) mỗi khi giới thiệu nhà trai, nhà gái thường lôi ba đời hai họ ra mà kêu tên. Từ cao tăng cổ tổ cho đến cháu chắt, chút chút kèm thêm nghề nghiệp bác sĩ, kỹ sư, luật sư (mấy đứa con, cháu đang ở tù vì tội trộm cướp, xì ke ma túy không thấy nhắc đến!), bà con xa, người ở Đức, ở Pháp, ở Anh, không có mặt cũng kê ra tên tuổi chức vụ, nghề nghiệp, uy danh lừng lẫy... mỗi bên khoe khoang hết nửa tiếng đồng hồ! Rồi nhà trai đọc diễn văn, nhà gái đọc diễn văn "Hân hạnh tiếp đón, chân thành cảm ơn, có gì sơ suất xin quý vị tha thứ..." thêm nửa tiếng đồng hồ nữa! nhưng có ai thêm nghe đâu. Quan khách đang dòm chừng về phía nhà bếp, chờ thực phẩm cứu đói!

Cũng vì thiệp cưới gửi đi tấp nập, đông vui như thế nên (bấy giờ, khoảng 1990) nhà nào có đám cưới phải gửi thiệp đi từ mấy tháng trước gọi là xí phần "Nhanh tay thì còn, chậm tay thì mất". Người nhận được nhiều thiệp cũng có cái quyền lựa chọn. Hể mình không ưa ai thì gọi điện thoại sorry! (rất tiếc). "*Alô. Ba Ráu đây! Sao. Khỏe*

không? Tôi vừa nhận được thiệp mời dự đám cưới của cháu, nhưng nhận trễ quá! Tôi lỡ nhận lời mời của ông bà Y. rồi. Xin lỗi nghe!” Dĩ nhiên đám cưới con ông bà Y. là phải có thật, đúng ngày đó, nếu mình nói láo, hẳn biết được, ra đường thấy mặt, hẳn ta không thèm nhìn mình. Khi nhận được thiệp và đã trả lời sẽ đi, bạn chỉ cần đánh dấu trên tờ lịch với lời ghi “Nhà hàng Dở Ẹt”, chẳng cần biết đám cưới con ai. Đến nhà hàng, nói tên sẽ có người dẫn bạn đến bàn, ngồi chờ khoảng vài ba tiếng đồng hồ, rồi bạn sẽ được cho ăn. Thời đó, tôi từng khuyên nhiều vị không con cái (hoặc con cái đã lập gia đình) rằng “*Đừng bao giờ ở nguyên một chỗ. Cứ dọn đi lung tung, đối phương không có cách nào gửi thiệp mời dự đám cưới con họ. Vậy là khỏe!*”

Thời đó còn có phong trào “Cưới lần nữa” gọi là “Hấp Hôn” để kỷ niệm hai mươi, ba, bốn mươi năm ngày cưới của đôi vợ chồng “quá date!”. Nàng cũng khăn voan trùm đầu, hoa cầm tay, cũng phù dâu, phù rể, cũng trao nhẫn cưới rồi anh chị tròng tréo tay nhau cùng uống rượu “giao bôi”! Dĩ nhiên cũng có chương trình giới thiệu cô dâu, chú rể với bao kỷ niệm lãng mạn, đẹp như thơ, sau đó là “Mời quý vị dự tiệc”. Y như tiệc cưới. Có có điều thắc mắc là trong đêm tân hôn, cô dâu có e lệ và chàng rể có còn háng hái như với “*người khác*” không?

Thường thì thiệp nào cũng mời đến lúc sáu giờ (chiều). Khi bạn đến, vợ chồng hai họ đã chờ sẵn, chào bạn vui vẻ, thân mật lắm. Hai cặp này giống y chang hai cặp Bush với John Kerry vận động tranh cử Tổng thống (thời 1990): tươi cười vồn vã, bỏ xua (bắt tay) túi bụi... (Đắc cử rồi thì phe lờ, mặt vếch lên trời). Hai cặp sui gia này cũng vậy. Khi bạn bước vô nhà hàng, họ chào hỏi thân mật, hân hoan cảm ơn, đôi khi đích thân mời bạn đến chỗ ngồi. Một khi đã đề bạn ngồi xuống ghế rồi thì như vào trại cải tạo, kẹt cứng trong đó! Bạn không thể bỏ về vì tên bạn đã bị đánh dấu rồi, mà sau khi kiểm kê chiến lợi phẩm không thấy cái phong bì của bạn, bạn bị coi là tên ăn quịt! Khi bạn đã ngồi vào đó rồi thì cặp sui gia này có thấy bạn, họ cũng phe lờ. Vì họ biết, nếu chào bạn, sẽ bị bạn hỏi “*Khi nào mới cho ăn đây?*” Chả lẽ nói thật “*You (mày) đã vô đây rồi thì chuyện cho ăn lúc nào, ăn gì là quyền của me (tao). Tám giờ ăn. Ăn đồ Tàu! Được chưa?*” Chúa ơi! Lại ăn những món tiệc cưới thứ bảy, Chủ nhật tuần rồi và cả mấy tuần trước, mấy tháng trước nữa! Cả thành phố chỉ có vài ba nhà hàng Tàu, mà nhà hàng nào cũng chỉ những món đó. Tưởng chừng như có một nhà bếp khổng lồ chuyên nấu thức ăn Tàu và phân phối đến các nhà hàng Tàu trên khắp nước Mỹ: Cali., Texas, Virginia, Canada... Khai vị món gỏi, tiếp theo là xúp, rồi gà quay, tôm hùm, cua rang

muối, cá Canada, cơm chiên... ngập dầu mỡ với bột ngọt. Đây là một trong những lý do người ta cho bạn ăn sau tám giờ. Buổi trưa, theo thói quen, ăn sơ sài, nghỉ ngơi cuối tuần, chiều, diện bộ đồ vía vô, chờ vợ đến nhà hàng và ngồi chờ mỗ chờ cho ăn. Đói rã ruột thì người ta bỗ thí gì cũng "Hảo a!" (tốt) cả. Bạn có để ý thấy? Vài món đầu bao giờ cũng được quý khách nhào vô xúc, gấp, khều, vét cái đĩa sạch bỗ. Sau khi tỉnh người mới bắt đầu lịch sự, nhường nhau, có khi gấp bỗ cho nhau và trề môi, chê, không thèm đụng đũa, ra về ta đây sang trọng, không thèm ăn đồ dở. Tại sao không đặt nhà hàng nấu các món ăn Việt Nam? Món ăn Việt Nam được người Âu Mỹ khen vì ít có dầu mỡ, nhiều rau, nhẹ bụng, dễ tiêu hóa mà lại rất ngon. Chả giò, bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, gỏi cuốn, bột chiên, hến xúc bánh tráng, phở áp chảo, cá nướng cuốn bánh tráng, bánh xèo, rau muống xào tỏi, các món lẩu... và biết bao món ngon khác. Và tại sao trong thiệp mời không ghi một câu "Buổi tiệc khai mạc đúng tám (8) giờ tối"? Cứ đúng tám giờ là khai mạc, ai đến sau, vào sau. Ai cũng làm như vậy thì ai cũng sẽ đến đúng giờ. "Không ăn đậu, không phải Mễ (người Nam Mỹ). Không đi trễ không phải người Việt!" Đơn giản như thế mà bao nhiêu năm qua vẫn giữ mãi cái kiểu đánh lừa người ta. Mời sáu giờ, cho ăn lúc tám giờ! Thực ra nó có nguyên nhân cả đấy

bạn ạ! Đó là vì người Việt mình thù vật và thù dai, "Nó cho mình ngồi chờ, cho mình ăn đồ Tàu đám cưới con nó thì đến lượt mình, cũng cho hấn ngồi chờ và ăn đồ Tàu. Vậy thôi!" Người mình cho như thế là "Quả báo nhãn tiền", người Pháp gọi là "Gieo gió gặt bão", Phật dạy đó là "Nghiệp báo", còn đức Khổng Tử thì phán rằng "Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân" nghĩa là "Cái gì mình không thích thì cứ đem "thí cho nó" để nó biết thế nào là lẽ độ!" Khi đi dự tiệc cưới mà bị cho ngồi ở một góc xa sân khấu thì tự ái "Nó khi để mình nên nhét mình vào đây. Lần sau nó mời, mình đéch đi nữa!" Ai được mời ngồi gần sân khấu thì hãnh diện lắm vì mình là quý khách, có "tính hơn hấn" tụi "tép riu" ngồi đằng sau xa kia. Nhưng khi chương trình ca nhạc bắt đầu thì muốn điên cái đầu! Mấy cái loa cao to như cái tủ đứng cứ thế mà nện thịnh thích vào tai, giống như đại bác, thần công đang khạc lửa. Cái lá nhĩ có dày cả tấc cũng phải thủng. Cách tốt nhất là cho mấy ông cụ trong hội Người Việt Cao Niên ngồi gần sân khấu. Mấy cụ này tai nghễnh ngãng, trống đánh, kèn thổi có hết công suất, các cụ cũng nghe êm dịu như nhạc cổ điển tây phương. Hơn nữa mắt các cụ kèm nhèm, nên cho ngồi gần để các cụ có ngắm mấy em ca sĩ "quần một ống, áo hai dây" hờ rồn, khoe ngực, đưa đùi... cũng mờ mờ, ảo ảo như nằm mơ thấy cảnh "*Thiên Thai... Chúng em xin dâng hai*

chàng (4) trái đào thom...” Tôi xin vài giòong lạc đề về hội Cao Niên. Xin quý cụ trong các hội Cao Niên “từ bi hỉ xả”. Tốt nhất là đừng đọc đoạn này, vì sẽ giận tôi. Thành phố tôi ở cũng có hội Cao Niên như những nơi có người Việt khác. Năm ngoái (xưa kia), trong kỳ đại hội Mừng Xuân Mới, có một ông ‘ba trợn’ đề nghị nên đổi tên hội Cao Niên thành “*Hội Những Người Chờ Chết*”. Các ông, bà lão phản đối kịch liệt, mắng ông ta trù ẻo “*Ông chờ chết thì chết trước đi cho khuất mắt!*”. Ông ta cười hề hề, xin lỗi rồi đề nghị tên khác là “*Hội Những Người Sống Qua Ngày, Chờ Qua Đời*”. Nói xong ông ta lại cười khà khà! chống gậy cà nhắc rời phòng họp.

Khi quý vị đọc bài này thì đã sang thế kỷ 21 (năm 2021) nhằm vào lúc nhân loại đang ngất ngư với con Covid-19. Con vi rút này có lẽ do Tàu cộng phát tán ra khắp địa cầu, hàng triệu người chết không kịp trời. Ai ở yên nhà nấy. Không bước chân ra đường. Tiệm ăn đóng cửa, lại thêm phải bịt miệng, làm sao ăn uống mà nói chuyện đi nhà hàng, dự tiệc cưới! Hơn nữa việc cưới xin ở hải ngoại, bây giờ đã “Xưa rồi Diễm!”. Không còn náo nhiệt như cách đây ba mươi năm. Bọn nhỏ, qua Mỹ lúc chưa biết nói, bây giờ đã Mỹ hóa cả rồi. Chuyện chúng lấy nhau là chuyện riêng của chúng. Hai đứa nó ượng nhau thì sống với nhau, chả cần báo cho cha

mẹ biết, nói gì đến cưới xin. Sống với nhau đã đời, buồn tình chúng nói “Bye!”, rồi xách va li, mỗi đứa mỗi ngã, gặp lại, chưa chắc chúng nhận ra nhau. Đôi khi, đang đi du lịch (vacation), nổi hứng, chúng ghé đâu đó, làm hôn thú, rồi vì một lý do cớ con, chúng ly hôn. Vợ chồng chúng chỉ có “Tình” (yêu) chứ không có “Nghĩa” (nghĩa vụ đồng cư, nghĩa vụ chung thủy...). Chán yêu nhau thì tan hàng.

Bây giờ, ở Âu Mỹ, con, cháu về báo với cha mẹ, ông bà là chúng sắp làm lễ cưới với nhau là hiện tượng hiếm thấy. Được vậy, cha mẹ mừng và hãnh diện lắm vì chúng tỏ với thiên hạ rằng con cái nhà mình còn giữ được “Truyền thống!”. Thực ra, đối với chúng, đó chỉ là dịp họp mặt các bạn cũ cùng trường. Cha mẹ có đến, chúng chỉ giới thiệu vắn tắt “Dad, Mom” đại khái rồi vui chơi với nhau, chẳng buồn lưu tâm đến. Trong tiệc cưới, bọn trẻ, da vàng, da đen, da trắng, da mốc gì cứ “xí lô, xí là” với nhau, ông bà già (ngồi một góc riêng) chúng chả cần biết, cũng chả có chuyện phong bì trăm đô như truyền thống. Tội nhỏ bây giờ, học rất giỏi, làm chỗ ngon lành, thu nhập, theo thống kê, còn hơn người bản xứ. Nếu cho trăm đô, chúng sẽ rất ngạc nhiên, không hiểu gì cả. (Ngày xưa, đồng đô la còn có giá, trăm đô là để tặng cháu, thêm vào thanh toán chi phí cho nhà hàng. Gia đình nào mời được trên bốn trăm

thực khách thì cũng dư chút đỉnh cho cháu đi trăng mật). Thời nay, chi phí tiệc cưới chẳng quan tâm. Quà cáp, nếu có, chỉ là vật kỷ niệm tượng trưng nho nhỏ. Tiệc cưới được tổ chức tại khách sạn Mỹ (để bạn bè nơi xa đến, chỉ bước xuống lầu là gặp nhau). Trong tiệc cưới, món ăn chính là thịt bò hoặc cá. ‘You’ chỉ chọn được một món (bò hoặc cá) mà thôi!” Ăn xong, mấy ông bà già “Ồ Nàm Dành” (dân A Nam)

kéo nhau ra tiệm phở, “chống đói!”. Về nhà vẫn hơn hở vì mình được con, cháu “mời” dự tiệc cưới của chúng nó.

Chuyện đáng lẽ còn dài, nhưng sợ tốn thì giờ bạn đọc, nên tạm “Chấm dứt chương trình của ban Tùng Lâm” ở đây!

Phạm Thành Châu



SÔNG NÚI TRỜI BAN

*Bát nước chè Truồi đậm vị hương
Mấy O Nam Phở thấy là thương
Xuân Lai, Lại Thế cầu bắc nhịp
Về tới Bàn Môn đẹp lạ thường.*

*Bên kia Sư Lỗ chợ đông vui
Đò ngược đò xuôi khách lắm lời
Về tới Đồng Di còn tiếc nuối
Qua Lương Điền Thượng mới bồi hồi.*

*Dãy núi Trường Sơn thiên cổ dựng
Độn Truồi kiêu hãnh ẩn Trời ban
Xuôi về Bạch Mã hồn non nước
Che chắn giang sơn bảo vệ làng.*

*Phong thủy hữu tình đâu dễ kiếm
Anh hùng hào kiệt cũng hiên ngang
Núi cao sông rộng đồng xanh biếc
Con cháu vươn lên thỏa mộng vàng.*

Maryland, tháng 6 năm 2021

Đăng Nguyên

Tản Mạn

Vui Buồn Một Năm Qua ...

**** Ý Nguyên ****

Trong mùa đại dịch Covid, buồn nản quá tôi phải kiểm đủ mọi cách để giải khuây. Tối ngày quanh quẩn với việc nấu nướng, vườn tược, nghe nhạc và ngồi hàng giờ trước computer để nhồi nhét vào óc đủ mọi tin tức, nào là chuyện chính trị, chuyện bầu cử, chuyện ông cúm bà co, chuyện lây nhiễm, chuyện thuốc chủng ngừa v.v... khiến tôi ngồi thờ người ra. Buồn ơi là buồn, buồn thúi ruột, buồn như châu cấn rặn bò...

Trời lạnh lạnh lấy len ra đan áo, đan được vài hàng lại thối chí, ném bỏ một chỗ, lâu lâu đầu óc bình thường lấy ra đan tiếp, vậy nên đan mãi mà chưa xong chiếc áo gi lê cho ông xã. Đúng là: *"Nàng Mân đan áo cho chồng, đan ba tháng ròng chưa được cửa tay!"* Khi trong lòng buồn nản tự nhiên chẳng muốn làm gì, xuống tinh thần ghê gớm các bạn ạ. Vì là *"người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"*. Các bạn có cảm thấy như thế không? Nếu bạn nào vượt qua được sự trầm tư này ắt hẳn bạn đó là Number #1, là super woman, có thể đã có căn tu. Rất khâm phục.

Thế rồi tôi giết thời gian với khu vườn xinh xinh của mình. Có khu đất bé bằng bàn tay phía sau nhà, tôi tận dụng từng thước đất để trồng mọi thứ rau thơm ăn trong mùa hè. Trồng chơi mà ăn thật các bạn ạ. Này nhé, có rau

húng quế ăn phở, húng rũi (Pepper Mint), rau răm, rau ngò (mùi) và hệ...

Cũng vì có chút kinh nghiệm học được từ mấy người landscaping nên áp dụng vào việc trồng tược hóa ra lại có hiệu quả tốt thế mới hay. Do đó chỉ trong vòng 1, 2 tuần lễ rau mọc lên xanh um, xum xuê, nhìn thiệt là khoái con mắt. Đặc biệt rau tía tô là tự nó mọc lên mỗi năm cùng vài cây rau kinh giới, quí ơi là quí, để dành ăn với bún chả thịt nướng hoặc "bún riêu cua bể", ngon khỏi chê. Sẵn có rau tía tô thế là ông xã đòi ăn món "cà bung ốc", một món ăn đặc biệt "Bắc Kỳ" mà tôi đã phục dịch chàng thường xuyên, nhất là vào mùa hè nên "He" đam ghiền và bà xã lại được dịp trở tài. Thực ra, tôi chẳng giỏi giang gì, nhưng chịu khó học hỏi tìm tòi và thực tập, lâu rồi thành quen. Bạn nào chưa từng nấu món này xin cứ liên lạc với tác giả, sẽ được chỉ dẫn tận tình, không giấu nghề. Phải nói là tôi đã học được nhiều món ăn Bắc từ hiện mẫu nhưng chưa hề áp dụng cho mãi đến sau này. Tôi rất tự hào về tài nấu nướng của mình (nổ) cũng vì nấu món nào "partner" của mình đều ăn ngon miệng và khen rồi rít làm tinh thần "vào bếp" của mình hưng khởi. Nói khoe khoang như vậy là vì chúng tôi đã từng ăn thử món cà bung ốc này từ các tiệm ăn ở khu Phố Cổ Hanoi cho tới các tiệm ăn nổi tiếng ở Little Saigon California nhưng chưa hài

lòng lấy một lần, thực thất vọng vì không đúng ý mình, có thể vì cách biến chế, thiếu gia vị của nhà hàng nên món ăn trở nên nhạt nhẽo kém mùi vị. Trong thời đại a công @ này, quý vị phụ nữ chúng ta, ai muốn trở thành các bà “siêu nội trợ” chẳng khó khăn gì, cái gì không biết cứ bấm vào Google là có hết...như Giảng Sư Thích Pháp Hòa thường nói: *“Trăm năm trăm cõi người ta, cái gì không biết thì tra Google”*. Đúng như thế, nấu nướng các món ăn, đan lát thêu thùa, nói chung là nữ công gia chánh cái gì cũng có, thiệt là tài tình và hữu dụng không thể ngờ, các bạn không tin cứ thử sẽ rõ thiệt hư.



Trở lại chuyện trồng trọt sau vườn, năm nay tôi gieo được rất nhiều rau mồng tơi, đem cho vài người quen một số, còn lại trồng vào mấy chậu lớn và chung quanh hàng rào, để mai một có hột làm giống cho năm sau; năm nay rau mồng tơi được mùa, mọc lên nhanh thế, ăn không kịp. Rau xanh tươi, lá to bằng bàn tay và dây bóng, nấu với tôm tươi, cho thêm chút mắm tôm vào, ôi hương vị quê hương y chang, ăn chung với cà pháo muối

chua ròn khụ thì cao lương mỹ vị cũng chẳng thể so sánh, như thể lời chỉ dạy của người xưa: *“Anh đi anh nhớ quê nhà, Nhớ canh rau mồng tơi, nhớ cà, mùng tơi”*... Một cô bạn hàng xóm người đồng hương biểu vài cây mướp vậy là tôi lại có mướp nấu chung với rau mồng tơi tăng thêm hương vị của món ăn Bắc Kỳ. Ông xã tôi có vẻ thích thú với giàn mướp, tối ngày đứng ngắm những quả mướp mọc lòng thòng xuống phía dưới. Đúng là thú điền viên trong hoàn cảnh cấm phòng cũng là một tiêu khiển của hai chúng tôi.

Vì muốn tránh cái cảnh *“nhàn cư vi bất thiện”* nên mấy tháng trước tôi đã tình nguyện may khẩu trang cho cộng đồng, kể đến may cho con cái và các cháu, bạn bè gần xa. Rồi có bao nhiêu áo đầm cũ, lỗi thời, tôi đem ra sửa lại thành những chiếc áo ngắn mặc trong nhà hoặc mặc với quần jeans đi ra ngoài trông không tệ lắm. Gửi ảnh đi khoe với mấy người bạn ai cũng khen tôi giỏi và chịu khó, làm cái mũi xẹp của tôi nở to như muốn vỡ tung. Hàng ngày hai đứa tôi phải thuyết phục chính mình để đầu óc không bị căng thẳng, không bị chi phối. Cảnh tù túng trong nhà, cảnh thất nghiệp quá lâu, vấn đề tài chính eo hẹp, vợ chồng con cái hục hặc, dẫn đến cảnh đổ vỡ của nhiều gia đình cho nên chuyện ly dị có xảy ra thì cũng là chuyện bình thường. Nhưng cũng vì không đi ra ngoài, sống thu hẹp trong bốn bức tường, không xả stress được nên nhiều người sinh tật khiến dân số Hoa Kỳ tăng vọt! Nếu cứ sống trong cảnh tù túng này lâu thêm nữa chắc chắn chính phủ phải

mở thêm nhiều nhà thương điên và nhà thương "Tù Dữ" không chừng?

Mặc dầu cố tìm vui trong công việc, nhưng đôi khi nỗi buồn "Covid" từ đâu chợt tới khiến tôi rơi vào tình trạng suy tư vớ vẩn, buồn vu vơ tâm trí thần thờ trước những tin tức lây lan và chết chóc cứ tăng lên mỗi ngày, thương cho thiên hạ và lo lắng cho riêng mình. Nỗi buồn không lối thoát cộng thêm nhiều hung tin từ những người bạn thân quen, lần lượt theo nhau xa lìa trái đất để lại trong tôi những thương nhớ khó tả. "*Buồn nào hơn đêm nay...!*" (nhạc)". Thê lương quá...Não lòng quá...Trong giai đoạn này, chúng tôi mất đi sáu người bạn thân quen. Những bà bạn này phải để tang chồng, khóc người chăn gối đột ngột ra đi. Mấy ông đã được giải thoát khỏi kiếp trần ai, thanh thản về với ông bà không phải do bệnh dịch mà là do "sinh lão bệnh tử". Đó là định luật mà. Tôi thật yếu mềm nên đã rơi khá nhiều nước mắt khi gọi điện thoại thăm hỏi và chia buồn cùng các bà bạn của mình. Họ khóc... tôi khóc! Nỗi đau đớn rên xiết và mất mát lớn lao của họ thực sự đã chạm tới trái tim mềm yếu của tôi từ lúc nào...



Cái sống và cái chết quả là như bóng với hình, quá là gần! Người Việt hải ngoại chúng ta trong năm 2020

đã mất đi nhiều nhân vật tên tuổi ... những ca sĩ, nhạc sĩ nổi danh một thời như Thái Thanh, Mai Hương, nhạc sĩ Lê Dinh... đã vĩnh viễn ra đi trong mùa

đại dịch. Những ai đã từng yêu giọng hát ngọt ngào, truyền cảm của **ca sĩ Mai Hương** chắc không thể quên được những bài hát do cô chuyển tải như Chiều Tà (Serenata-Torelle) và Dạ Khúc (Schubert) lời Việt của Phạm Duy. Cô có giọng hát tự nhiên, thanh lịch như các ca sĩ Châu Hà và Kim Tước.

Còn nói về **ca sĩ Thái Thanh** thì tôi là người ngưỡng mộ, phải nói là tôi mê giọng hát của bà từ thuở xa xưa khi chưa biết yêu nữa kìa! Những bài hát



đã đi vào lịch sử của Nhạc Sĩ Phạm Duy chỉ có Thái Thanh mới diễn đạt được một cách trọn vẹn. Hai bài hát mà tôi ấn tượng nhất là "*Ngày Xưa Hoàng Thị*" và "*Tình Ca*". Cho đến thời điểm này chưa giọng ca nào có thể thay thế tiếng hát Thái Thanh, ngay cả cô con gái của bà là ca sĩ Ý Lan.



Không lâu, sau đó vào ngày 9/11/2020 **ca, nhạc sĩ, danh hài Chí Tài** đã ra đi đột ngột vì đột quỵ, để lại bao thương tiếc cho người ái mộ từ trong nước cho tới hải ngoại. Anh mất tại Việt Nam nên nghi thức tang lễ nhập quan đã được một nhóm nghệ sĩ thân

quen đảm trách trước khi được đưa về Hoa Kỳ để gia đình hoàn tất việc ma chay. Được biết nghệ sĩ Chí Tài rất được khán giả mến mộ bởi tính tình hòa nhã vui vẻ của anh. Vốn là một ca nhạc sĩ, sau này anh chuyển sang đóng kịch hài rất có duyên. Anh được biết đến rất nhiều với bản nhạc “Nhỏ ơi” do anh sáng tác, rất dí dỏm và sâu lắng...

Như mọi người đều biết **Nhạc sĩ Lam Phương** được coi như một viên ngọc quý trong làng âm nhạc VN cũng đã ra đi (09/12/2020) trong giai đoạn khó khăn này. Ông là một nhạc sĩ tài ba



với trên 200 sáng tác trước năm 75 cho tới khi ra hải ngoại. Mặc dầu ông mất đi trong tình trạng bệnh dịch lây lan, nhưng may mắn là đám tang của ông đã được

Trung Tâm Thúy Nga Paris By Night đứng ra tổ chức rất long trọng và qui mô tại chùa Giác Ngộ Việt Nam (27/12/2020) và tại chùa Huệ Quang California (03/01/2020). NS Lam Phương đã rất xứng đáng được tôn vinh như vậy.

Cộng đồng người Việt tại hải ngoại chưa kịp ráo lệ tiếc thương những người tài danh vừa mất phần thì một tin đột ngột trong làng ca nhạc hải ngoại là **ca sĩ Lệ Thu** cũng vừa mới qua đời (15/1/2021). Cô đã bị con Covid Vũ Hán ác nghiệt này cướp đi

mạng sống giữa lúc cô vẫn còn tràn đầy mạch sống dù rằng cô đã ở vào lứa tuổi bà nội bà ngoại. Buồn ghê gớm phải không các bạn! Nói đến ca sĩ Lệ Thu,



người ta nghĩ ngay đến những tiếng hát hàng đầu của làng tân nhạc ở Việt Nam và tại hải ngoại. Hồi còn ở trong nước trước năm 1975, những ai yêu phòng trà và yêu âm nhạc thì không thể nào không yêu tiếng hát của cô. Một giọng hát tròn đầy, rõ ràng từng lời ca hơi thở, từng luyến láy, trầm ấm mà vút cao thánh thoát. Một giọng hát đã đi vào lòng người đối với giới yêu nhạc. Một giọng hát mà ông xã tôi từng thần tượng và yêu mến từ thuở còn ở trong quân ngũ cho tới tận bây giờ vẫn còn thiết tha lưu luyến. Mỗi lần tiếng hát Lệ Thu vang lên trong ca khúc “*Xin Còn Gọi Tên Nhau*” của NS Trường Sa là mỗi lần chàng lim dim đôi mắt, thả hồn theo tiếng hát yêu kiều của cô. Vĩnh biệt Lệ Thu...R.I.P. Xin Cô hãy an nghỉ nhé! Chúng tôi sẽ nhớ đến Cô và áp ủ giọng hát này cho tới bao giờ đây? Cầu Chúa nhân từ đón nhận Lệ Thu, một con chiên ưu ái về nước Chúa.



Nhưng đã hết đâu! Vào ngày 10/2/20 con Covid độc ác đã cướp đi mạng sống của nam **ca sĩ Quốc Anh** tại California sau nhiều tuần lễ chống

trả với cơn bệnh ngặt nghèo này, anh đành bỏ cuộc. Anh là một Phật Tử thuần thành có Pháp Danh là Thiện Đạo. Quốc Anh đã để lại biết bao thương tiếc cho nhiều người Việt hải ngoại cũng như trong nước vì bản tính hiền hòa và cởi mở của anh. Anh có một giọng hát rất đặc biệt, hùng hồn đầy nam tính. Anh rất nổi tiếng với những ca khúc “*Ngày Xuân Vui Cưới*”, “*Xuân Tha Hương*” và nhiều bài hát ca tụng người lính VNCH.

Sự ra đi đột ngột của những ca nhạc sĩ nói trên đã để lại biết bao nhung nhớ khôn nguôi cho cộng đồng người Việt ở khắp mọi nơi trên thế giới.



Tại vùng Thủ Đức Hoa Thịnh Đốn, một vị tướng tài ba: **Tướng Lê Minh Đảo** đã ra đi trong lúc cơn dịch đang bùng phát thành thử tang lễ của ông chỉ có thể được tổ chức trong vòng

hạn hẹp của gia đình và họ hàng thân quyến mà thôi.

Lại nữa, một nhà văn danh tiếng từ thời VNCH như **Hoàng Hải Thủy**, ông đã để lại cho đời nhiều tác phẩm giá trị. Lúc sinh thời ông nổi tiếng bao nhiêu thì lúc ra đi (20/11/2020) đám tang của ông ngay tại vùng Thủ Đức lại vắng vẻ, âm thầm



lặng lẽ bấy nhiêu. Tôi chợt nhớ đến một ca từ trong nhạc phẩm “*Bài Không Tên Số 4*” của nhạc sĩ Vũ Thành An: “*Triệu người quen có mấy người thân, khi lìa trần có mấy người đưa?*” như đã nói lên điều này, cũng là do tình hình dịch bệnh.



Thế rồi, ngày 9/1/2021 một tin thật buồn lại đến là **Tiến Sĩ Trần Gia Thái** tức **Trần Bích San** đã từ biệt cõi trần về miền Tịnh Độ. Ông là một Biên Khảo Gia tên tuổi của nền

văn học Việt Nam và còn là Chủ Bút Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, một tập san nổi tiếng vùng Thủ Đức Hoa Thịnh Đốn qua nhiều thập niên. Một tác phẩm mới nhất của ông là cuốn “**VĂN HỌC VIỆT NAM**” dày 2000 trang được xuất bản đầu năm 2018. Một tập sách khảo cứu mà ông biên soạn trên 20 năm dài và giá trị như thế, nhưng ông cho biết là tất cả tiền bán sách (vốn & lời) sẽ được dùng tặng cho quỹ yểm trợ Thương Phế Binh VNCH. Người viết rất vinh hạnh là một trong 91 tác giả hải ngoại, được ông nêu danh trong Phụ Lục I: “*Tiểu Sử & Tác Phẩm Nhà Văn Nữ Chữ Quốc Ngữ*”. Vô cùng thương tiếc Biên Khảo Gia Trần Bích San. Sự ra đi của ông là một thiếu vắng và mất mát lớn lao cho nền Văn Học tại Hải Ngoại cũng như cho Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm. Xin nghiêng mình bái biệt BKG Trần Bích San và tất cả những người tài danh một thuở...

Bây giờ đã vào Xuân, thời tiết vùng Maryland bắt đầu ấm áp hơn, những trận mưa đầu mùa xối xả như tưới tắm cho cây cối đâm chồi nảy lộc. Nhìn nắng lên trải dài khắp nẻo, tôi cảm thấy trong lòng phần khởi lạ thường. Những lo sợ viễn vông trước đây dường như đã nhạt dần. Cũng như bao nhiêu người cao niên, chúng tôi đã ghi tên với sở y tế địa phương để được chích ngừa Covid. Lúc thuốc mới bắt đầu được phân phối, nhiều người lo sợ những biến chứng có thể xảy ra, tuy nhiên số người bị phản ứng thuốc không đáng kể, nhưng vẫn làm cho nhiều người lo ngại, chần chừ, phân vân, trong đó có tôi. Nghĩ rằng mình đang khỏe mạnh, ăn ngon ngủ yên, tự nhiên chích kháng thể Covid vào người gây biến chứng sao mà không quan tâm chứ.

Mong rằng cơn dịch Vũ Hán sớm tan biến khỏi trái đất này, trả lại sự yên bình và hạnh phúc cho nhân loại. Hiện nay hầu như thuốc chủng ngừa Covid đã tràn ngập thị trường. Sớm muộn gì mọi người cũng sẽ được chích ngừa để không ai còn bị nhốt mình trong bốn bức tường, bó chân bó cẳng thực là bức bối! Chắc hẳn qua bốn mùa biến động trong xã hội Hoa Kỳ, chúng ta sẽ như chim sổ lồng khỏi phải kêu than:

*“Giời ơi! Anh Cúm, Chị Co
Sao ở xứ Chết, lại mò qua đây
Mau mau xéo khỏi chốn này
Kim tiêm, thuốc chủng
banh thầy bầy chủ”*
(nhái Ca Dao VN)

Ỗ Nguyên - Maryland / March 2021



NHỚ

*Trời trên đó nắng hay mưa sùi sụt?
Tôi lòng buồn chẳng biết nói cùng ai,
Ngày đầu năm mà cửa đóng then cài,
Sợ Covid biết lấy ai làm bạn?*

*Em ở đâu sao không nghe lời nhắn?
Giọng oanh vàng hay tiếng thác reo vui.
Vắng xa em, lòng dạ thấy bùi ngùi,
Đường thiên lý ước gì thành gang tấc,
Tháng năm dài ước gì thành khoảnh khắc.
Tình bao la còn gói chặt trong tim,
Mặc cuộc đời nhân thế đảo điên,*

*Mình vẫn giữ một niềm son sắt,
Chớ quên nhé lời thề nguyện ngày trước:
“Tình đã cho không lấy lại bao giờ”.
Giữ kỷ dùm tôi đừng có thờ ơ,
Đừng để mắt biết bao giờ thấy lại?*

*Em xa xôi tưởng ngoài tầm tay với,
Nhưng hồn tôi đã mãi mãi bên em,
Nỗi nhớ thương gói lại tấm nhung mềm,
Mưa hay nắng trao về em tất cả.*

THU LÊ (2020)

CHIẾC ÁO ĐÀI TRẠNG

em Tràng Tiền chiều nay hồng lên mắt
cành phượng vĩ cũng theo gió là đà
hoa học trò, rặng mà đẹp dữ rứa
ngón tay thương một chút nhớ mượt mà
vàng mây xưa, em về trong gió gọi
làm tương tư tuổi mộng, xuống thật gần
áo em bay trên bàn tay dẫn lối
che làn da trắng mỏng cả bầu trời
lao xao ấy, dòng Hương bơi con sóng
hỏi chiêm bao, phiền gió có dệt màu
để mơ tình, trắng khuya soi chiếc bóng
biết khi mô em mới thương anh nhiều
áo O nàng thướt tha đôi cánh bướm

hoa tím vàng, hoa sẽ nở đợi mong
đi đàng nó cũng vượt bờ sông ái
tìm môi em cái chúm chím bẽn lẽn
chiều bên tê, bờ vai em có lạnh
lý Tình Tang, làm nhánh thơ dịu hiền
cánh hoa đang,
thuyền rồng theo sông nước
điệu ru hò, giấc mộng Huế triền miên
biết rằng chừ, được nắm bàn tay ấy
dắt dìu em, chiếc áo mỏng kiêu sa
cả bài thơ cũng che trời nhưng lụa
lời mến yêu, thương nhớ em quê nhà

TRƯỜNG ĐÌNH



MŨM MỈM TÌNH

chiều Huế Thơ, mây trời theo lời là
em thật thà như mây trắng dịu hiền
anh gửi trao bài thơ trên tay phím
em đi về dấu dưới áo làm duyên
mây chao nghiêng, mặt trời e thẹn lấm
áo tím bay, gió lạc lối đường về
đêm díp mộng cho em cười say đắm
anh mãi nhìn ai đó mồm mỉm thương
mắt em nâu chớp có sầu lá úa
kèo mây trời sẽ buồn nhớ theo em
hoa Tràng Tiền, thêu trắng vào áo lụa
núi Ngự Bình, tình ríu rít Mươi Thương

anh yêu nhất đôi má em hồng thắm
bên nắng chiều, em càng ắm hương quê
anh mến thương cả trời mây xanh thắm
dòng Hương Giang
cũng vỗ sóng dập dềnh
nụ hôn mơ là đài trang duyên dáng
môi em cười làm đắm đuối vãn thơ
ngọn gió thương có nghìn đêm mộng nhớ
miệt mài anh thức trắng cả cơn mơ
lời dấu yêu, em theo vào tiếng nhạc
điệu du dương như sóng nhớ, tìm bờ
dưới trời xanh, xứ Thơ dịu dịu mát
đêm đã khuya còn say ngát hương tình

TRƯỜNG ĐÌNH

VỖ PHIẾN / ĐẾN/ ĐI/ VỀ

**** Trần C. Trí ****

*Đề tưởng nhớ nhà văn nhân sáu năm ngày mất của ông
(Tháng Chín 2015 – Tháng Chín 2021)*



Võ Phiến dưới mắt của họa sĩ Bé Ký

Nhà văn Võ Phiến từ già chúng ta mới đó mà đã gần sáu năm. Lúc ông còn sinh tiền, đã có rất nhiều bài báo, bài khảo luận viết về ông. Sau khi ông mất, càng có thêm nhiều bài viết để tưởng niệm ông. Mỗi bài viết nói về nhà văn hay tác phẩm của ông từ những góc độ khác nhau. Bài viết này xin được phân tích quan điểm của ông về hai lẽ sống chết qua hai bài thơ ngắn dưới đây. Sống và chết là hai trong những mối bận tâm hàng đầu của mỗi con người “mortal” trong chúng ta. Sự sống và cái chết là hai điều đương nhiên, bất di bất dịch. Tuy nhiên, con người lúc nào cũng cố gắng nhận nhìn hai hiện tượng này theo nhiều cách khác nhau, như một cách đối phó với lẽ

vô thường của trời đất. Từ lâu, theo quan niệm triết lý đông phương, chúng ta thường bảo nhau “Sinh ký, tử quy”, hay nôm na là “Sống gửi, thác về”- sống chỉ là gửi thân tạm bợ chốn trần gian, còn chết mới là trở về nơi vĩnh hằng.

Tuy thế, theo nhiều người, sống là “ở” mà chết lại là “đi”; chẳng vậy mà khi ai đó vừa qua đời, chúng ta ngậm ngùi bảo rằng người đó đã “đi” rồi. Theo một cách nhìn khác, sống là “còn” và chết là “mất”, vì chúng ta rất thường dùng chữ “mất” để tránh đi chữ “chết” quá đối phũ phàng. Cũng có nhiều khi chúng ta nói ai đó đã “khuất” rồi, để nói lên một quan niệm khác là một người khi đã chết không hẳn là đã ra đi mãi mãi, mà chỉ lánh đi ở một nơi nào đó thôi, duy người trần mắt thịt chúng ta không thấy được. Bao nhiêu từ ngữ khác nhau đó đã nói lên tâm trạng hoang mang của con người đối với cái chết, một hiện tượng tuy rõ ràng mà cũng vô cùng khó hiểu. Thế thì nhà văn Võ Phiến quan niệm ra sao về hai điều sống chết?

Trước hết, có lẽ ông là một trong những người hiếm hoi có quan niệm rất khác thường về cái chết. Đối với ông,

không những con người là có thể chết đi, mà ngay cả đến người chết rồi cũng còn chết được nữa (trong truyện ngắn *Đến Khi Ma Chết*¹). Tuy nhiên, để phân tích quan niệm sống chết của Võ Phiến qua toàn bộ tác phẩm đồ sộ của ông hẳn phải viết nên một cuốn sách, hoặc một luận án tiến sĩ về văn chương hay triết học, mới tạm gọi là đầy đủ. Trong phạm vi nhỏ bé của bài viết này, chúng ta sẽ chỉ cùng nhau xem qua hai bài thơ rất ngắn của ông². Trong hai bài thơ tuy ngắn đó, Võ Phiến đã dùng nhiều động từ khác nhau để chỉ về sự sống và cái chết. Những động từ chỉ sự di chuyển này đã nói lên cách nhận nhìn của nhà văn đối với lẽ biến thiên của trời đất, khác nhau theo từng giai đoạn của cuộc sống, và xem chừng cũng hoang mang không kém những người bình thường như chúng ta.

Khi cuộc chiến tranh quốc-cộng kết thúc với miền Nam rơi vào tay những người lính miền Bắc, Võ Phiến cũng ra đi như rất nhiều người chạy trốn chế độ cộng sản khác. Ông viết một bài thơ ngắn vào giai đoạn hỗn quân hỗn quan này ở miền Nam và những ngày đầu tiên lạc lõng trên xứ người. Trong bài thơ, ông dùng động từ “đi” để chỉ việc di chuyển từ một nơi này sang nơi khác. Còn động từ “về” thì có thể hiểu theo hai nghĩa. Chúng ta hãy cùng đọc bài thơ này:

Về

*Ra đi tuổi chẵn năm mươi
Năm mươi tuổi nữa nào nơi ta về
Ngàn năm mây trắng lê thê
1975*

Qua câu “*Năm mươi tuổi nữa nào nơi ta về*”, chúng ta có thể đoán được là Võ Phiến thắc mắc đối với việc “về” một cõi khác nhiều hơn là việc về lại quê hương (vì lúc ấy ông sẽ 100 tuổi, cũng khó mà mừng tượng được ra ngày về lại Việt Nam). Như vậy, trong giai đoạn nửa đời người của ông, Võ Phiến cũng quan niệm như số đông rằng “chết” có nghĩa là “về”, theo triết lý “sinh ký tử quy”.

Tuy nhiên, 23 năm sau, vào năm 1998, ông có viết một bài thơ ngắn khác (cũng ám chỉ đến cái chết) mà ông đề trên một tấm thiệp để dành cho ngày ra đi của ông sau này. Ông đặt tên cho tấm thiệp là *Tạ Từ*. Bài thơ đó như sau:

Đến

*Mãi miết ra đi đâu tính đến
Đến nơi nào?
Bảy tám mươi năm rồi cũng đến
Đến rồi sao?
1998*

Trong bài thơ thứ hai này, Võ Phiến cũng dùng hai động từ chỉ sự di chuyển. Động từ thứ nhất là “đi”. Ở đây, chúng ta không thấy ông thay đổi gì về quan niệm “đi” cả, vì khi ông nói

mãi miết ra đi, ông vẫn vẽ ra cho chúng ta thấy hình ảnh của một người đi từ nơi này qua nơi khác, loanh quanh trên trần thế này. Thế nhưng động từ “đến” của ông lại mang hơn một ý nghĩa. Nghĩa thứ nhất là việc “đến” của giai đoạn cuối của cuộc đời, ngày “đến” của cái chết (ý nghĩa này có thể được diễn giải qua câu thứ 3). Trong câu 1 và câu 2, ông lại dùng động từ “đến” với một ý nghĩa khác. Trái với bài thơ 23 năm về trước, khi vào tuổi gần đất xa trời, Võ Phiến không còn nghĩ đến cái chết như là việc đi “về” một nơi nào nữa, mà là đi “đến” một nơi khác. Ngày xưa ông tự hỏi “...*nào nơi ta về?*” Lúc tuổi xế chiều, ông lại băn khoăn “...*đâu tính đến?*” và không biết “... *đến nơi nào?*” Trong câu cuối cùng, vì không có chủ từ, ta có thể hiểu động từ “đến” bằng hai cách khác nhau. Có thể hiểu câu này là [*Tuổi già (và có lẽ hiểu ngầm là cái chết cận kề)*] *đến rồi sao?* mà cũng có thể hiểu là [*Ta*] *đến [một nơi khác] rồi sao?*

Đây chắc không phải thuần túy là việc thay đổi chữ nghĩa để văn phong được đa dạng hay phong phú, mà rõ ràng là một thay đổi lớn lao trong quan niệm của tác giả. “Về” có nghĩa là hướng đến một nơi chốn cuối cùng, hay là nơi trước kia bắt đầu ra đi cũng vậy. Còn “đến” là hướng đến một bên bờ mới, có thể chỉ là một nơi tạm bợ, để còn đi đến những bờ bến khác nữa. Nếu “về” thường mang lại cho chúng ta

một cảm xúc bình an, dễ chịu vì chúng ta hướng đến một nơi quen thuộc, thì “đến” có thể khiến chúng ta lo âu, thậm chí sợ hãi, vì chưa biết nơi chốn mới sẽ như thế nào. Khi trẻ tuổi, còn xa tuổi già hay cái chết, chúng ta có thể bình tĩnh mà triết lý hoá giai đoạn cuối cùng của cuộc sống. Lúc tuổi đã cao, cận kề đoạn kết, thật cũng khó mà vẫn ung dung đón nhận sự chấm dứt đó bằng một thái độ hoàn toàn thư thái và sáng suốt.

Bây giờ, có lẽ Võ Phiến đã có thể biết chuyển đi của mình là “về” hay “đến”. Nguyễn Du, trong truyện Kiều, không tin rằng chết là hết - “*Thác là thể phách, còn là tinh anh*”. Bất cứ ai khi chết đi về thể xác cũng còn lại phần linh hồn mà nhiều người tin là bất diệt, hướng hồ là những con người khi còn sống đã có những tác phẩm sáng tạo như văn chương, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học... Những con người sáng tạo như thế, mà Võ Phiến là một, còn “sống” thật mạnh mẽ và lâu dài qua những công trình sáng tạo của mình cho đến bao nhiêu thế hệ nữa. Tuy nhiên, nói gì thì nói, có muốn triết lý hoá cái chết của Võ Phiến hay làm cho những tác phẩm của ông trở thành bất diệt, chúng ta cũng không thể nào phủ nhận một thực tế rõ ràng là chính nhà văn đã không còn “ở” với chúng ta nữa. Rất nhiều người, trong cũng như ngoài nước, vẫn tiếc thương ông. Trong niềm

thương tiếc chung, mỗi chúng ta cũng có thể thương tiếc ông theo nhiều cách riêng nữa, tùy theo mối quan hệ của mình đối với nhà văn. Gia đình của ông, bạn bè, đồng nghiệp của ông, độc giả của ông, mỗi người thương tiếc ông theo một cách. Tôi chỉ là một độc giả bình thường của ông. Về tuổi đời, tôi đáng hàng con cháu ông. Về kiến thức và tài năng, tôi vào hạng học trò của học trò ông!

Trước khi ông mất không lâu, tôi tình cờ có một mối duyên văn nghệ (thật mỏng manh và gián tiếp) với ông, đó là việc tôi đã chọn truyện ngắn *Thương Hoài Ngàn Năm* của ông, bên cạnh một số truyện ngắn của các tác giả khác, được dịch giả người Hoa Kỳ là James Banerian³ dịch sang Anh ngữ, để dạy trong lớp văn chương Vietnamese 150, *Short Stories in Translation*, vào một khoá học mùa Thu tại đại học UC Irvine (California). Ngoài Võ Phiến ra, những tác giả khác được giới thiệu trong khoá học này gồm Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Nguyễn Thị Vinh, Nhã Ca, Lê Tất Điều, Duyên Anh và Nhật Tiến. Trong các tác giả thời tiền chiến, chỉ còn nhà văn nữ Nguyễn Thị Vinh là còn sống trong lúc ấy (bà mất vào tháng Tám, 2020). Còn trong lớp nhà văn miền Nam, Duyên Anh đã mất khá lâu, và những nhà văn khác cũng đều cao tuổi. Lớp tôi dạy mới bắt đầu được hai tuần, đang thảo

luận truyện ngắn đầu tiên, *Cô Hàng Xén* của Thạch Lam. Tôi vẫn đang chuẩn bị thêm một vài sinh hoạt phụ cho các truyện ngắn kế tiếp. Trong số các nhà văn miền Nam đang cư ngụ ở Nam California, tôi liên lạc được với hai vị. Nhà văn thứ nhất là Lê Tất Điều. Tôi sẽ dạy truyện ngắn *Một Phần Sáu Mười* của ông, nhưng không tìm ra được nguyên bản tiếng Việt. Tôi được nhà văn Lê Tất Điều (hiện sống ở San Diego) ưu ái gởi cho một bản chép tay do một người cậu viết lại vào năm 1975. Ở vùng Little Saigon nơi tôi ở, tôi mời nhà văn Nhã Ca đến nói chuyện với sinh viên của tôi về truyện ngắn của bà mang tên *Truyện Cho Những Tình Nhân*⁴ và rất may mắn đã được bà nhận lời.

Mọi việc đang trong giai đoạn chuẩn bị thì tôi đọc báo thấy tin Võ Phiến qua đời. Vào lớp, tôi bùi ngùi báo cho sinh viên biết rằng một trong những nhà văn mà các em sắp học đến vừa mất (những sinh viên này thuộc nhiều quốc tịch khác nhau vì lớp giảng bằng tiếng Anh). Nhìn vẻ tiu nghỉu của các em, tôi vội an ủi rằng sẽ có một nhà văn nữ đến nói chuyện với cả lớp. Thế là tôi thấy ánh mắt của các em lại lộ vẻ hân hoan. Quan sát sự thay đổi cảm xúc của các em sinh viên, tôi chợt nghiệm ra một điều. Võ Phiến mất đi, để lại rất nhiều thương tiếc. Càng thương tiếc ông bao nhiêu, chúng ta cũng càng nên

trân quý những nhà văn hiếm hoi đang còn ở với chúng ta, bằng cách này hay cách khác. Về phần tôi, tôi không thể nào liên lạc hết với những nhà văn còn lại trong chương trình dạy của mình vì nhiều lý do khác nhau. Tuy nhiên, được may mắn liên lạc với hai trong số các nhà văn đó, và được các vị hoan hỉ giúp đỡ, ủng hộ, tôi cảm thấy thật ấm lòng đã làm được một việc nhỏ nhoi để thể hiện lòng trân quý đó.

Tôi đã làm nhiệm vụ của một chiếc cầu khiêm nhường, nối những tác phẩm văn học Việt Nam một thời vang bóng với một nhóm sinh viên thuộc thế hệ trẻ, vừa Việt Nam vừa ngoại quốc. Qua những tác phẩm của các nhà văn này, các em học được những nét đẹp trong văn chương và văn hoá Việt. Trong số các tác giả của những truyện ngắn trong lớp tôi, nhiều vị đã ra người thiên cổ từ lâu, lâu lắm. Có vị mới qua đời trong những năm gần đây như Võ Phiến hay Nhật Tiến (mất vào tháng Chín, 2020), và cũng còn nhiều vị vẫn quanh đây. Nhưng cho dù một số vị đã

“về” hay đã “đến”, hoặc những vị vẫn còn đang “đi” từ nơi này sang nơi khác trên cuộc đời này, tất cả những nhà văn đó vẫn tụ về một nơi chốn chung nhất. Nơi đó chính là ngôi nhà văn chương Việt Nam, nơi các vị trao gởi cho nhau, và cho muôn ngàn độc giả, những tâm tư, những tình cảm được diễn tả bằng nhiều tài năng khác nhau, thông qua nét đẹp mộc mạc mà thâm trầm của ngôn ngữ Việt.

Trần C. Trí

¹ Truyện ngắn này xuất hiện trong tập truyện *Thương Hoài Ngàn Năm*, 1962.

² Hai bài thơ này có thể được tìm thấy trong “Tuyển Tập” của Võ Phiến do NXB Người Việt tái bản năm 2006 tại Hoa Kỳ, bên cạnh các thể loại khác của tác giả.

³ James Banerian, *Vietnamese Short Stories: An Introduction*, Sphinx, 1986.

⁴ Truyện ngắn trong tuyển tập *Tình Ca Cho Huế Đồ Nát*, 1969.

NẾU MÀ

*nếu mà có nhánh mù u
chắc con chim ngói sẽ gù thiết tha
xưa về cây mới ra hoa
nay về cây đã thành ra ván thuyền
quangha*

A BRAND NEW DAY - Author: Aeni

Rest your head and close your eyes
Everything will be okay
For when you wake with the sweet sunrise
It will be a brand new day

Turn down the lights and pull me close
Feel only the beating of our hearts as we lay
For when you wake with the soft morning breeze
It will be a brand new day

Relax your body and caress my soft hair
Let all of life's worries melt away
For when you wake with the warm summer scent
It will be a brand new day

Fall fast asleep and dream with me
Whisper "I love you, I'm here to stay"
For when we wake in each other's arms
It will be a brand new day.

NGÀY MỚI

Tựa đầu nhắm mắt đi em
Chuyện đời rồi sẽ êm đềm trôi qua
Tình mơ thức giấc ngọc ngà
Một ngày mới sẽ cùng ta đón chờ.

Nằm đây trong ánh đèn mờ
Ôm sát nữa để chỉ nghe tim mình
Ban mai gió nhẹ mơn man
Lại một ngày mới vừa sang đây rồi.

*Nghỉ đi, vuốt tóc em mềm
Để bao phiền muộn tiêu tan khỏi hồn
Hương mùa hạ đánh thức anh
Lại một ngày mới chúng mình với nhau.*

*Ngủ ngon anh nhé, mơ nhiều
Thầm thì lời nhỏ, tình yêu mãi đầy
Rồi thức giấc trong vòng tay
Một ngày mới, lại một ngày cho ta.*

THU LÊ phỏng dịch

BẠN KHÁC PHẢI

**** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) ****

Trang đứng ngoài sân vừa sắp mấy món đồ chơi cho gọn gàng thứ tự vào thùng, vừa ngóng cổ nhìn vào trong nhà, ở đó chồng của nàng là Hoan đang ngồi hí hoáy làm thơ. Những bài thơ tình của Hoan đôi khi được một toà báo quen đăng lên, sau đó họ gởi cho anh ta năm chục đề cà phê cà pháo. Nhưng không phải là lúc nào họ cũng đăng thơ anh gởi, mà chỉ lâu lâu một lần. Tuy vậy Hoan rất hứng thú về điều này. Trang nhớ có vài lần Hoan đã lên giọng trước bạn bè:

- Thơ của tớ rất đông độc giả ái mộ, cho nên mình phải sáng tác nhiều mới đáp lại thị hiếu của độc giả!

Biết là chồng nói dỏc, nhưng Trang chỉ lặng thinh vì nàng hứng chịu như thế lâu nay thành quen! Từ ngày qua Mỹ, Trang chăm chỉ làm lụng giúp chồng chứ không ngồi chơi soi nước như hoàn cảnh may mắn của một số các cô gái lấy chồng Việt Kiều khác!

Mới ba tháng đến Mỹ thì nàng có bầu, sau đó sinh con, rồi tự nuôi tự lo, vì Hoan không thích làm việc nhà, và nàng cũng không có bà con thân thích nào giúp đỡ! Sanh xong chỉ mới nghỉ một tuần là Trang đã ngồi dậy làm việc tiếp tục! Công việc mà Trang ngẫu nhiên có được do 1 ngày đi chợ, đứng đợi xe bus trước cửa siêu thị, thấy buồn ngủ quá Trang bèn mua một ly cà phê sữa đá, mà chủ nhân là một người

đồng hương. Anh ta nhìn nàng với cái bụng mới nhú lên rồi hỏi:

- Ông xã chị không rước sao phải đợi xe bus? Tuyến đường này cả tiếng mới có một chuyến!

- Tôi đi xe bus quen rồi anh, với lại nhờ vả ông làm chi, chuyện này dễ mà!

- Vậy chị khác với vợ tui rồi! Tui bận rộn buôn bán vậy mà cứ động một chút là bà réo sai vặt cả ngày... mà bà ở nhà chứ có làm gì đâu!

- Chắc tại anh cưng bà xã quá chứ gì!

- Thì tại hồi tui lấy bà, bà bắt hứa là phải nuôi bà đàn ông, bà không biết làm việc nhà gì ráo, mà chỉ biết chơi thôi!

Nghe vui chuyện, Trang hỏi tiếp dù hồi nào tới giờ nàng không có tính thích nói chuyện với người lạ:

- Chắc vợ anh là con nhà cành vàng lá ngọc?

Anh ta giơ hai tay lên đầu:

- Phải được vậy thì có của hồi môn lớn rồi! Đàng này không phải chị ơi, bà là con “bà Cả Đợi”, nhà nghèo em lại đông mới ngặt chứ!

- Nhà nghèo mà sao không biết làm lụng gì hết vậy?

- Thì bà nói tui Việt Kiều phải sộp với phụ nữ. Lấy Việt Kiều là người đàn bà có số nằm đó mà hưởng! Cực khổ vất lại quê hương!

Hai bên ngưng chuyện vì có mẹ con bà Mỹ đến hỏi mua bao bong bóng treo

trên trần ki-ốt. Thằng bé hí hửng mở ra cho lên mồm thổi chơi ngay...

- Tui không có giờ đi mua thêm đồ chơi về treo bán. Ở đây mà bán đồ chơi trẻ em thì chạy lắm.

- Sao không bảo bà giúp một tay. Buôn bán mà có thêm nhiều mặt hàng thì vẫn lợi cho mình hơn...

- Đã bảo là bà quan niệm nằm ngửa chờ sung rụng vào miệng mà! Nói thiệt chứ hồi đó sao tui ngu quá, bà đòi gì cũng chịu hết mới là cà chớn! vậy mà mỗi tháng còn phải gởi về Việt Nam cho nhà bà ba trăm nữa đó!

- Thì bây giờ biết rồi anh đổi chiến lược đi!

- Đổi làm sao?

- Bắt bà phải "tay làm hàm nhai"!

- Thôi, tội nghiệp... dù sao bà cũng ốm yếu, chứ không khoẻ mạnh như chị đâu!

- Vậy thôi, anh ráng mà hầu chứ còn than thở gì nữa!

Xe vẫn chưa tới, Trang nhìn mấy bao bong bong treo trên cao rồi bắt chợt nghĩ ra một chuyện, nàng đề nghị:

- Nè, hay là anh để tui bao thầu vụ mua đồ chơi nha.

- Là sao, chị mua giùm tui hả?

- Không phải, coi như tôi lo vụ đồ chơi, đem đến đây bỏ mỗi bán, khi nào bán được tôi chia cho anh mười phần trăm, được không?

Anh ta trầm ngâm suy nghĩ rồi gật đầu:

- Thôi, mười lăm phần trăm đi, vì tui phải tính sổ sách hay mất mát mệt lắm. Chị mua đồ chơi bằng tiền của chị chứ tui không dính vào à nghe.

- Được ngay. Anh coi như giúp tôi kiếm tiền vậy mà, tôi mới qua nên cũng muốn có việc gì kiếm ra tiền để sinh sống.

Lúc này anh chủ mới giới thiệu:

- Tui tên Tom Le.

- Tom Le chứ không phải Tom Cu (Tom Cruise) hả...

- Hồng dám đâu, còn chị tên gì?

- Trang.

- Chồng chị chắc hồng phải tên Nghĩa chứ?

- Hồng, ông tên Hoan... mà thôi, đừng có hỏi về chồng vợ của nhau nữa, tôi chỉ muốn nói chuyện làm ăn thôi, nhứt là phải có chữ tín nghe anh Tom.

- Rồi, cứ mỗi hai tuần chị ra đây coi món hàng nào bán được rồi tính tiền, cũng như chất thêm đồ mới. Vậy được chứ gì!

Thằng cha này đúng là dân buôn bán tính nhanh như chớp, vậy mà con vợ không chịu hợp tác giúp một tay cũng uổng! Từ đó Trang có công việc để kiếm tiền, mỗi tháng sau khi trừ cộng nhân chia xong, cũng kiếm được ngàn bạc tiền mặt! Vậy là Trang hài lòng. Trong nhà Trang, Hoan làm thợ kiếm chút cháo chỉ là phụ, mà đúng ra hẳn ta không làm gì hết vì được ăn tiền bịnh! Không những tiền bịnh hẳn còn có tiền tem phiếu thực phẩm, cho nên ăn xài chất chiu cũng để dành được ít nhiều. Có tiền hẳn mới đi Việt Nam để lấy Trang làm vợ... Khác với Tom, khi cưới Trang, Hoan đã đưa ra đủ điều kiện, nhất là vụ không có trách nhiệm gởi tiền về giúp cho ba mẹ nàng ở quê nhà. Trang dư hiểu điều đó, nhưng nàng cần thoát khỏi cái xã hội đói nghèo và

khốn nạn đầy tệ đoan này để còn được ngóc đầu lên. Nàng dư biết mình không phải là người có nhan sắc lộng lẫy vì không ưa chưng diện trang điểm, cho nên Trang đã gạt đầu ửng chịu khi Hoan nói:

- Anh lấy vợ bên Việt Nam cha mẹ không bằng lòng vì họ có mai mối cho anh một cô khác anh không thích, nhưng họ ở xa cũng chẳng trở ngại gì... Tuy nhiên khi lấy nhau, anh không để cho em phải đói khát, có mái nhà cho em ở, có thể xanh cho em là được chứ gì! còn em muốn làm việc để kiếm tiền mà không tổn hại đến anh là ok. Nếu bằng lòng thì mình cưới nhau, anh đem em sang Mỹ.

Trang trả lời ngay không đắn đo:

- Em tự lo cho gia đình em, sẽ đi làm lấy tiền mặt để không ảnh hưởng tới anh, và không bao giờ hỏi xin tiền anh!

Vậy đó họ đến với nhau sòng phẳng, chẳng có chút gì là tình yêu thương quyến luyến cả! Hoan cần một người lo nhà cửa cơm nước, để cha mẹ khỏi ép lấy con gái người bạn mà đôi lần anh ta rất bức mình vì tính kiêu ngạo của cô ta, còn Trang thì muốn qua Mỹ để lo cho mẹ cha.

Nhưng càng ở gần Hoan, Trang ngày càng có tình cảm và quyến luyến chồng, vì chàng ta tuy không mặn nồng lắm với vợ, nhưng lại đỡ hơn những người đàn ông khác là ít rượu chè, bài bạc cũng như vũ phu. Con người mà, ở gần nhau mãi thì cũng nặng tình là Trang đó. Bởi nàng là mẫu người chỉ thích chăm chú làm lụng, thờ chồng kiếm tiền nuôi con và phục vụ mái ấm

gia đình, ngoài ra thì những thứ khác ít đoái hoài đến.

Nhưng Hoan thì khác. Trong đầu Hoan luôn nghĩ rằng cưới Trang vì Hoan không muốn bị cha mẹ dồn ép nhân duyên, và như vậy là đã cứu giúp một người đàn bà thoát khỏi đất nước nghèo đói, có cơ hội làm giàu nơi đất mới, nơi mà bao nhiêu con người mơ ước được đặt chân đến, nhất là Hoan lại không lấy của Trang một đồng bạc nào như những thằng bạn đều của Hoan vẫn bắt chẹt vợ!

Cho dù Trang sau khi sinh con ngày càng có tình cảm với Hoan sâu đậm hơn, nhưng Hoan thì vẫn thấy hờ hững! Làm như chàng ta không cảm được cô vợ, cho dù họ có với nhau một đứa con gái. Chẳng bao giờ Hoan để ý tới con, dù con bé hay lân la lại gần bị bô gọi ba, chỉ một lát là Hoan đuổi nó đi chỗ khác chơi ngay, vì không muốn bị làm phiền, nhất là những lúc Hoan đang sáng tác thơ!

Thời gian thấm thoát mới đó mà đã 5 năm trôi qua từ ngày đến Mỹ, và Trang không thể quên được cách đây hơn 1 tháng, thật là hệt hẳng khi chính mắt nàng trông thấy Hoan trên chiếc giường ngủ của hai vợ chồng, đang cùng người bạn gái mới quen của nàng quán lấy nhau không một mảnh vải che thân! Cô bạn nàng quen trong chợ khi biết chồng Trang là nhà thơ Hân Hoan, đã muốn đến gặp mặt bày tỏ lòng ái mộ. Nàng cũng cảm thấy hãnh diện và vui vẻ nhận lời kết bạn, ít lâu sau đó đưa về nhà giới thiệu với chồng.

Trang thực sự sốc và không tin nổi nơi mắt mình! Vậy mà Trang đã từng chia sẻ tâm sự, muốn coi cô bạn là một người bạn thân nhất của mình nơi xứ người, và chồng là người nàng tin yêu nhất.

Khỏi nói thì sau vụ đó, hai mẹ con Trang bị Hoan ruồng bỏ, trở mặt để đến với người mới! Sự đau đớn, lẫn nhục nhã ê chề với khuôn mặt khinh khỉnh của cô ta, Trang tuyệt vọng đến cùng! Rồi thì đơn ly dị tới. Cũng như lần cưới nhau, điều kiện để được giữ đứa con là Trang không được đòi chu cấp gì nơi chồng cũ! Đòi gì Trang cũng gật, miễn được ở gần con là nàng mãn nguyện.

Trang ra đi với đứa con nhỏ và ít đồ đạc cá nhân, trong lòng căm thù Hoan thì ít, mà cô vợ mới của anh ta thì nhiều! Trang không ngờ cô ta chơi đùa mình, lại còn nói ra nói vào nhiều câu khích bác để cho Trang đừng bao giờ quay đầu về nữa! Trong khi đó Hoan thản nhiên ngồi nghe như chấp nhận! Nhục nhã và bức tức, Trang chỉ còn biết thốt một câu hăm dọa mà lo sợ không biết mình có thực hành nổi không! Dù sao thì đến nước này cũng phải cố thôi, lấy ai thương mình cho bằng chính mình:

- Mấy người đừng vội cười cợt, cười người hôm trước hôm sau người cười. Rồi tôi sẽ trả thù này, hãy đợi đấy!

Cô bạn chanh chua đáp trả:

- Đi đi, bà lo lấy thân không biết có được không còn bày đặt trả thù!

Nói xong cô ta ôm Hoan hôn lên mặt hấn ta một cái thật kêu như khiêu khích

người đối diện! Con bé Tí quạu mặt tròn mắt ra nhìn. Mẹ nó vội kéo tay con và chiếc xe đẩy lẳng lẳng đi ra cổng! Từ giã chốn tanh hôi này!

Hai mẹ con ra đến ngoài đường không biết đi đâu! Có mỗi người bạn gái thân nhất thì cô ta đã phản bội và cướp luôn cả ông chồng cũng như mái nhà bình yên rồi! Theo thói quen Trang leo lên xe bus và đi xuống chỗ làm. Anh chàng Tom trở mắt khi nhìn thấy hai mẹ con cô và nói:

- Ủa, hôm nay chưa tới ngày kiểm hàng, nhưng may quá, tui định gọi chị cho hay có bà kia muốn mua hai chục con thỏ đánh trống để phát cho mấy đứa bạn đến ăn sinh nhật con gái của bà tuần sau, với lại bà muốn order một con búp bê thật bự loại hảo hạng để làm quà cho con bà, chị lo được không?

- Có gì mà không được, nhưng trước hết anh có biết ở đâu cho mượn phòng để tôi thuê cái đã.

- Sao? Bị chồng tống cổ ra đường rồi à? Tui biết ngay mà, thứ đồ đàn ông mà cứ để mặc cho vợ khổ cực như hấn, thì trước sau gì cũng phản bội thôi!

- Kệ tôi, mà anh có biết nhà đó ở đâu không?

- Có, căn nhà kia còn một phòng trống cho mượn, giá bốn trăm một tháng, không cho nấu nướng, chịu không thì tui nói giùm cho!

- Cũng được, nhưng hông biết gần đây không? Mà anh quen họ hả?

- Nhà thằng bạn tui mà!

Nói xong Tom móc phôn ra gọi bạn, rồi một lát hấn vui về:

- Xong rồi, quen thân với tui nên hẳn không lấy trước tiền đặt cọc, nhưng chị nhớ phải sòng phẳng với người ta đó.
- Ok.

Thế là hai mẹ con Trang có chỗ ở khá tươm tất. Ông chủ nhà này hoá ra cũng là người mới ly dị vợ! Lý do tại sao thì Trang ngại không muốn hỏi, nhưng ông ta đối xử với mẹ con nàng khá tử tế. Khi Trang trả tiền phòng và thấy nàng có con nhỏ, ông Nhu nói:

- Tuy không cho những người ở trọ nấu nướng, nhưng với cô tui đặc biệt là ok, vì cô có con nhỏ, nhưng nhớ lau chùi bếp núc cho sạch sẽ sau khi dùng, và không nấu những món bốc mùi khó chịu!

- Tôi nấu thịt kho tiêu có được không ông?

Anh ta cười lớn:

- Được, món đó tui cũng thích ăn, bị ở đây có hai người Mỹ mượn, nên tui không muốn mùi thức ăn lạ ảnh hưởng đến họ! À, mà có gì thì cô xài cái bếp gas sau nhà cũng được, mùi thức ăn không bay vào.

- Dạ, tôi sẽ nhớ và chắc cũng không quá cầu kỳ trong việc nấu nướng đâu.

Buổi tối, hai mẹ con ăn bánh mì thịt đã mua ở quán anh Tom cho qua bữa. Vừa ăn xong thì nghe tiếng Tom bên ngoài, Trang mở cửa phòng bước ra:

- Ủa, anh đến thăm mẹ con tôi à?

- Không, tui ở đây mà!

- Cái gì? Sao không ở nhà anh lại ở đây? còn vợ đâu rồi?

- Bà đuổi tui hai tháng nay rồi! Bà có bỏ mới chị ơi! Giờ bày đặt chê tui già, xấu

traí, lại chẳng phải đại gia cho bà nở mày nở mặt mới ghê chứ!

- Rồi anh giao nhà cho bà mà đi vậy hả?

- Bà chân yếu tay mềm làm gì được... thôi thì bà đã không thích thì mình biến! Trang nghe nói tức quá, dài giọng:

- Xí, "chân yếu tay mềm" mà nó tổng cổ anh ra khỏi nhà được đó! Đúng là đại gái!

- Sức trai làm lại mấy hồi chị... chỉ tiếc là mình yêu bà nhiều mà bà lại không ưng mình, buồn vậy thôi!

- Rồi anh cho bà lấy hết nhà cửa xe cộ hay sao?

- Toà sẽ xử chia đôi, tui bán nhà có một số tiền, còn xe thì của ai nấy giữ, đồ ai nấy lấy, cũng dễ thôi, đồ vật là bên ngoài thân mà chị! Tui chẳng tiếc đâu, chỉ buồn là mình thương cổ thật mà cổ lại xử tệ với mình!

Trang nói như tự an ủi mình:

- Thôi thì cứ tự xây dựng lại từ đầu, anh thì dễ rồi chứ như tôi đây mới là khó! nhưng tôi nhất quyết phải tiến tới, phải thật thành công để cho người ta sáng mắt ra mà nể mình, anh ạ!

Cũng nhờ có Tom và ông Nhu, người chủ nhà dễ mến cho mượn vốn, mà Trang sau này có căn ki-ốt của Tom để lại tự mình làm chủ buôn bán, còn Tom thì nhờ số tiền bán nhà chia hai với cô vợ cũ nhõng nhảnh, đã sang lại một căn tiệm Nail đang đông khách vì Tom có bằng Nail, nên ngày càng khá hơn.

Muốn thay hình đổi dạng, Trang đã đến thẩm mỹ viện để được hướng dẫn cách trang điểm, tự chăm sóc cho mình trở nên đẹp hơn. Cùng lúc, nàng mượn một cô nhỏ Mễ đứng bán hàng cho

nàng vào buổi chiều để đỡ bận rộn. Có ai ngờ đâu chỉ trong vòng một thời gian ngắn mà Trang đã biến đổi thành một người đàn bà xinh đẹp và lịch lãm. Được vậy cũng nhờ lời nói khích bác của cô bạn phản trắc ngày nào, Trang quyết trả thù xưa.

Cho dù đẹp hơn, nhưng trong lòng Trang rất sợ đàn ông! Ba người bạn thường hay chuyện trò liên hệ thân mật với nhau là Tom, Trang và ông Nhu vẫn kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra trong ngày. Từ hoàn cảnh tương tự họ trở thành những người bạn thiết lúc nào không hay.

Không biết bao giờ ông Nhu đã đem lòng yêu thương cô bạn chia phòng trong nhà. Ông còn giúp Trang đón bé Tí mỗi khi tan trường rồi chở bé ra chơi với cô bé Mễ ở chỗ làm, bởi vì Trang phải đi học khóa trang điểm đặc biệt được các chuyên viên Đại Hàn hướng dẫn ở một khách sạn năm sao trong vòng ba tháng.

Trang cứ chịu khó đi học những lớp hướng dẫn về mỹ phẩm và trang điểm như thế, bởi nàng mới khám phá ra cái thế giới màu sắc và thời trang quá đẹp, quá hấp dẫn mà lâu nay nàng không biết, lại cứ cho rằng sống giản dị với tâm hồn mộc mạc thanh cao là được!

Nhờ đi học những nơi sang trọng, nhờ sự ăn diện và trang điểm, Trang bây giờ khác xa những năm tháng về trước. Trang biết cách mua sắm quần áo hàng hiệu ở những nơi với giá rẻ không ngờ, làm nên con người Trang không thua một quý cô thành đạt nào, và còn quen biết với những tay thương gia lão

luyện chuyên buôn bán những món hàng thời trang đỉnh cao của đời sống.

Là một người đàn bà đẹp, Trang dễ dàng được hướng dẫn, giúp đỡ để tiến đến thành một nhà thời trang chuyên nghiệp! Cũng do sự cố gắng học hỏi và sự nắm bắt đúng thời cơ của nàng mà không phải ai cũng làm được! Nội chuyện tập mang những đôi giày cao gót khi khởi đầu là một khổ công nàng phải cố gắng tập tành, nhưng cuối cùng Trang đã thành công, đứng vững trên những gót nhọn khiến cho người đàn bà thêm hấp dẫn, lôi cuốn bội phần...

Cái ki-ốt nhỏ bán cà phê, các loại bánh mì thịt và đồ chơi con nít Trang đã sửa sang lại ngăn nắp, sạch sẽ và muốn hai người làm, một người coi buổi sáng và một coi buổi chiều. Khách càng ngày càng đông nhưng nàng không tốn công, vì tất cả những vật dụng buôn bán đều được người ta làm gói sẵn từng loại riêng biệt cho buổi trưa và buổi chiều, giao 2 lần trong ngày tận nơi rất tiện lợi.

Con bé Tí đi học về có khi được ông Nhu chở về nhà cho coi TV, hay là ra cửa hàng ngồi vẽ hình trên một chiếc bàn nhỏ đợi mẹ nó về.

Ít lâu sau thì Trang không còn chia phòng nhà ông Nhu nữa, mà nàng mua một căn nhà khá đẹp ở khu sang trọng, còn anh Tom thì cũng hăm hở đang tìm một căn gần nhà Trang để mua ở gần cho có bạn. Không những thế, Trang còn in hình mình lên bìa màu của tờ báo trước đây hay in thơ của Hoan, để giới thiệu những sản phẩm làm đẹp của mình, khiến tên tuổi nàng ngày càng

nổi như cồn, còn Hoan khi nhìn hình cứ ngỡ ngỡ, không biết có phải đây là cô vợ cũ của mình hay không, vì giống tên mà sao quá đẹp thế này?

Năm năm lại trôi qua... Một ngày Trang để con bé Tí gọi cho cha nó. Anh chàng Hoan nghe tiếng con gái thì hớn hờ, vui mừng nói với con là ước mong sao gặp lại hai mẹ con xem dạo này cuộc sống của họ như thế nào... Dĩ nhiên anh ta phải nói thế nhưng biết chắc là Trang nay đã khác xưa nhiều. Chính anh ta đã nhiều lần gọi số phen Trang đăng quảng cáo trên báo, nhưng người ta chỉ cho anh ta số nhắn máy chứ không được nói chuyện trực tiếp.

Hoan được hẹn đến nhà ăn cơm tối với hai mẹ con, với điều kiện đi một mình. Anh ta bằng lòng ngay. Khi gặp lại Trang, Hoan không ngờ vợ cũ của mình lúc này lại xinh đẹp và sang trọng như thế, khác hẳn con vợ nhà bây giờ bắt đầu béo lên, tóc tai lù xù lại hay nổi cơn ghen!

Khi gặp, Hoan thì tình cũ không rủ cũng tới, trong lúc Trang cũng đã có ý định trong đầu. Nàng chuốc rượu cho Hoan hơi nhiều, sau đó anh chàng gục xuống như một núi giẻ!

Trang vực Hoan vào phòng cho anh ta nằm lên giường sau khi đã cởi bỏ hết quần áo của hắn, rồi nàng lấy cái máy hình để chụp tự động và leo lên nằm cạnh Hoan, mặc cái áo hở vai, kéo mền gục đầu vào vai hắn như hai người đang ngủ với nhau.

Chỉ hai ngày sau là cô bạn phản bội của Trang tìm đến nhà nàng, bởi vì cô ta tra vấn anh chồng tội đi ngủ lang ở

đâu và Hoan đã nói thật! Cô ta nhìn Trang thật là khác xa với ngày xưa vì cô không coi báo nên không biết gì! Biết thân phận thua kém đối phương, cô ta đã không còn hống hách mà xuống giọng xin Trang đừng dụ dỗ chồng của mình! Trang bĩu môi cười nhạt:

- You về mà giữ chồng, đây là nhà tôi anh ta tự ý tìm tới chứ tôi không dụ dỗ ai cả! Nhưng nghĩ lại đi, ngày xưa ai đã cướp chồng của ai!

Nói xong, nàng còn cho cô bạn coi tấm hình Hoan đang ngủ trần truồng hôm nọ! Cô bạn nổi cơn tức lồng lộn chửi rủa, rồi cuộc phải bỏ về khi Trang dọa gọi cảnh sát! Trang mỉm cười đắc ý khi biết nhà họ sẽ nổi cơn sóng gió từ đây.

Một buổi tối nàng sửa soạn bàn ăn vì Tom và ông Nhu hẹn nhau đến ăn uống chuyện trò, vì cả tháng họ cũng chưa gặp nhau. Ông Nhu đưa đến một chai rượu chất hảo hạng, còn chàng Tom thì tay xách nách mang nào Vịt Bắc Kinh quay, nào là sò điệp, nào tôm hùm xào gừng hành và mấy ổ bánh mì Pháp, cùng vài loại cheese mà Trang thích.

Riêng Trang thì nấu sẵn một nồi bún mọc để ăn khuya cho ấm bụng, vì trời tháng mười hai năm nay lạnh, và thường có mưa rào rích.

Nhìn cây thông tươi được treo đèn kết hoa đón chờ Giáng Sinh, mọi người nâng ly chúc tụng nhau, rồi cùng ăn uống vui vẻ. Nghe Trang kể chuyện vừa trả thù ông chồng cũ một vố ra gì, và cho biết ý định mình là sẽ tiếp tục

gọi phen cho Hoan quậy phá để nhà họ nát nát, tan tành, bỏ nhau mới thôi, thì ông Nhu nhỏ giọng:

- Coi như là cô đã dẫn mặt họ được rồi, có trả thù thêm cũng khổ một gia đình chứ ích gì đâu. Rồi sau khi cô chia rẽ nhà người ta, hẳn lại đến đây làm phiền cô thì sao? Cô có muốn chấp nhận anh ta không?

- Tôi chỉ trả thù cho đời hẳn tàn mặt thôi, cứ nghĩ đến hẳn ăn nằm với con kia là tôi đã lợm lên tận cổ rồi! Tôi ghét hẳn lắm!

- Sau đó thì hẳn sẽ trả thù lại, cô nhận chịu một sự thù hận đeo nhau cả đời sao!

Tom thủng thỉnh:

- Chị cũng phải cho ông Hoan biết tấm hình chị ngủ với ông là “made in China”, đồ dỏm, xạo... không thôi bà kia về kể lại ông tưởng chị ngủ thật với ông trong đêm say rượu đó, chị vẫn còn yêu ông là phiền toái lắm!

- Dù sao thì hẳn cũng là cha của Bé Tí, xử tệ với cha nó quá thì tội cho con mình!

Những lời nói của hai người bạn khác phái vang vang bên tai làm cho Trang suy nghĩ... “Ừ” nhỉ, sao mình mang nặng thù hận trong lòng mãi vậy? Chuyện đã qua đi hơn sáu năm rồi, nhờ nó mà mình thành công như bây giờ... sao không bỏ đi để nhẹ lòng vui sống vì mình có còn thương tưởng gì đến anh ta nữa đâu, nên quên đi là tốt để hưởng cuộc sống vui vẻ, lành mạnh

với hai người bạn khác phái không bao giờ xảy ra ganh tỵ, hiềm khích, mà toàn là giúp mình, vậy còn đòi hỏi gì hơn”.

Sự suy nghĩ làm cho đầu óc Trang sáng ra. Nàng chợt thấy mình ích kỷ với hai người bạn này, phải nghe theo lời họ thôi.

- Cám ơn lời khuyên của các bạn, từ nay tôi sẽ không trả thù trả thiếc gì nữa, mà sẽ sống vui vẻ trong tình bạn tốt đẹp của chúng ta, nào mình cùng nâng ly.

Ánh đèn trên cây thông nhấp nháy như hưởng ứng lời người chủ nhân xinh đẹp vừa thốt ra... Bên ngoài cửa sổ, một bóng người lui cui nấp rình ở đó này giờ thờ dài não ruột!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)



Dưới Vành Nón – Tranh: Cát Đơn Sa

TRĂNG MUÔN ĐỜI VẪN SÁNG

*Liễu rũ trăng nghiêng soi bóng cửa,
Trái dòng xuôi bạc ngỡ rừng xưa.
Vói tay mới biết làn hư ảo
Đêm vẫn còn thơ mộng sớm thừa!
Ai nỡ kéo trăng xuống chốn này
Để màu trăng biếc nhạt chân mây!
Thích trăng ta đến bên bờ suối
Tìm chút nguồn thơ, phút đắm say.
Đêm khuya ta sợ trăng trôi mất
Sợ gió lên nhiều thổi trăng bay!
Viễn xứ ngàn trùng thương xóm cũ
Hạ về hoa đỏ rực quanh đây
Chợt nhớ phường xưa trăng phố nhỏ
Áo em vàng lụa tường vắn thơ
Phố trắng huyền diệu tình chung bước
Ôi mộng thân tiên thuở học trò!
Nửa đêm tỉnh giấc buồn tê tái
Đời tựa mây trôi cánh hoa phai
Lặng lẽ mùa đi nào có biết,
Phố xưa phảng phất nỗi u hoài!
Trăng muôn đời vẫn là trăng mộng
Tỏa ánh tơ vàng thắm khoảng không
Lộng lẫy trong đêm đầy diễm ảo
Sớm mai trăng lặn cõi phiêu bồng.
Thế sự thăng trầm trăng vẫn sáng
Con thuyền xuôi ngược bến đò ngang.
Bóng trăng có lúc tròn trăng khuyết
Trăng của riêng ta mãi dịu dàng.*

Đỗ Bình France



MỘT LỜI VỀ

*Sương thu làm úa lá sầu
Lá rơi trên phím gọi màu nắng xưa
Bàn tay mười ngón bỗng thừa
Đàn buồn tấu khúc chiều mưa cuối trời
Thanh ngân âm vọng ngàn khơi,
Ta nghe sóng vỗ mộng đời mênh mông.
Thiên di vút cánh phiêu bồng,
Còn ta ôm giấc hư không kiếp này.
Em về phố đã đổi thay
Con đường thuở đó hôm nay bụi mù.
Người về mỗi gót phiêu du,
Còn ta tìm cội hoang vu quên đời.
Bóng quê mù tít xa khơi,
Phố xưa mất dấu một thời đắm say?
Quanh đây những kiếp qua ngày,
Có người nhặt chiếc lá bay cuối bờ!
Tàn đêm lịm ánh trăng mờ,
Cớ sao giấc điệp... cũng hờ hững nhau!
Buồn theo sợi tóc phai màu,
Biển xanh chìm khuất
niềm đau hôm nào?
Em về dệt mộng... chiêm bao!
Hồn xưa hóa bướm thuở nào đợi trăng!*

Đỗ Bình France

NÓI LẠI TÌNH XƯA

**** Vưu Văn Tâm Germany ****



1. Về thăm chốn cũ

Không rực rỡ, kiêu kỳ như phố núi ngàn hoa trên cao nguyên Đà-Lạt, Kon-Tum cũng là phố núi nhưng quanh năm quanh hiu sương phủ, ngổ vằng người thưa. Ngược ra miền Trung để về thăm chốn cũ, mưa như trút nước trên đoạn đường từ An-Kê đến đèo Mang-Yang, núi đồi xa lấp ló sau màn mưa mờ nhạt. Ngày đó, nơi vùng cao nguyên đất đỏ thường xuyên bị bom cày đạn xới bởi những trận đánh mà đất trời cũng kinh hoàng. Hơn nửa thế kỷ trôi qua, một màu xanh ngấn ngát đã phủ lên những đồi núi trọc. Cô gái Thượng với chiếc gùi trĩu nặng trên vai đang mời mọc khách phương xa mở nông sản địa phương. Tiếng ru con ầu ơ từ xa vắng lại nghe buồn não ruột. Men theo quốc lộ 14 dẫn đến Dakto, Tân-Cảnh, vết

tích chiến tranh đã bị xóa hẳn bởi những luống bắp, nương khoai. Căn cứ Tân-Cảnh ngày trước giờ đã bị san bằng, các hầm hố và giao thông hào chỉ còn lại những ụ đất khô gầy. Giữa bầu trời quang đãng, mây trắng xây thành, từng dãy cao su xanh tốt đang vươn lên từ lòng đất thấm máu xương của anh em đồng đội. "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi", có mấy ai may mắn được trở về từ nơi chiến trường khói lửa. Chân bước hững hờ trên nền cũ, lòng nghe xôn xao và mang nặng một nỗi buồn khó tả.

Cuộc đổ sức không cân sức với sự yểm trợ bởi chiến xa T54 đã ào ạt tiến vào hướng Tây Bộ Tư Lệnh tiền phương của Sư Đoàn 22 Bộ Binh tại Tân-Cảnh, cách biên giới Việt-Miên-Lào 5 km. Mưa pháo, hoả tiễn dội liên tục hơn ba giờ đồng hồ, hầm chỉ huy hành quân bị trúng hoả tiễn, hệ thống điều khiển bị thiêu hủy, rất nhiều sĩ quan, binh lính bị thương nặng và qua đời. Một số may mắn thoát khỏi quận Dakto đã cho biết, căn cứ Tân-Cảnh đã bị chiếm cứ đêm đó. Mãi mãi, những đồng đội không được về với gia đình và nằm lại trên trận địa còn vương mùi khói súng. Biết bao người vẫn chưa được yên mồ mả, hồn phách còn vẫn vương nơi ngàn nội.

Từ Tân-Cảnh, nhìn thấy được Charlie rạng rỡ dưới màn nắng vàng tươi. Căn cứ Charlie được báo chí

nhắc nhở nhiều vào mùa xuân năm 1972 và sẽ mãi mãi đi vào sách sử. Đỉnh đồi Charlie có vị trí chiến lược quan trọng và được dùng để xây dựng một cứ điểm quân sự kiểm soát một vùng rộng lớn ngã ba Đông-Dương. Giống như Dakto và Tân-Cảnh, Charlie bị cô lập bảy ngày đêm và thất thủ sau cái chết của trung tá Nguyễn Đình Bảo. Đường lên Charlie giờ đây được sửa chữa nhằm mục đích thu hút du khách phương xa. Đồi Charlie đã thay áo mới với một rừng thông bạt ngàn phủ lấp hết những dấu vết đạn bom ngày cũ. Dòng Poko vẫn lặng lẽ xuôi chảy và đắp bồi cho màu đất đỏ Bazan thêm tươi thắm. Dấu cho quá khứ đã theo thời gian chìm vào dĩ vãng, nhưng nỗi niềm đau thương vẫn chưa hề phai nhạt trong trái tim của người lính năm xưa.

Ba-lô, giày sô, súng trận .. Tất cả đã bỏ lại sa trường ngày tan hàng vào một mùa xuân bất hạnh. Tù tội, đọa đầy, bỏ thân nơi rừng thiêng nước độc hay trên đường vượt biển tìm tự do. Còn chua xót nào hơn nỗi đau thương nào hơn của những người bại trận và bị bỏ rơi trên một quê hương đã quá lắm than. Thời gian gần đây, anh em đồng đội ngày xưa bắt lại được nhịp cầu và thường xuyên tề tựu, để còn được thấy nhau và còn được sống với nhau những ngày cuối của cuộc đời. Thời gian không là liều thuốc tiên, thời gian khiến cho vật đổi sao dời, thời gian làm tóc xanh đã phai phôi màu tro lạnh. Kẻ thương tật, người nay yếu, mai đau nhưng anh em vẫn yêu thương và quý mến nhau trong tình huynh đệ chi binh.

Biết bao mùa mưa nắng đã đi qua trên chiến trường "da ngựa bọc thây", giờ đây còn gặp được nhau cũng là hữu duyên, hữu phước. Mỗi năm một lần, mọi người cố gắng "gom sức" để về lại chốn xưa, nhằm góp một chút thành tâm. Hương khói bay bay giữa rừng thiêng đất đỏ, giữa đất trời lồng lộng gió núi, người còn lại chỉ mong gửi đến anh em chiến hữu đã bỏ mình vì tổ quốc một chút ủi an, vỗ về và xoa dịu những linh hồn lạc trôi bớt lạnh lẽo. Về với nhau lần này, uống cạn chung rượu lạc, mình đã có nhau một thời và sẽ mãi còn nhau.

2. Anh Tư Kiên

Anh Tư Kiên nằm bất động trên chiếc giường tre cũ kỹ. Đó là nơi tựa lưng giữa ban trưa nóng bỏng và cũng là chỗ ngủ của anh mỗi khi chiều xuống hay lúc đêm về. Nhà anh là cái chòi lá trống không, tạm che mưa đỡ nắng, nằm khép nép sau hàng mù u mà chòm xóm đã góp công dựng hững hờ trên một nền đất cũ. Nhiều năm nay, cơn tai biến ập đến khiến sinh hoạt của anh vốn đã giới hạn lại thêm phần khó khăn. Anh sống nhờ vào sự giúp đỡ của hàng xóm gần xa, chén cháo của chị Hai, hột cơm của chú Bảy. Họ tuy là dân lao động nghèo xác xơ nhưng có tấm lòng nhân ái dạt dào.

Đôi mắt anh hướng ra khung cửa và đắm chiêu nhìn những tàu chuối nhẹ bay trong gió chướng. Mùa gió nóng ran báo tin xuân về, Tết đến làm cho ruộng đồng khô hạn nứt nẻ nhiều hơn. Anh hồi tưởng lại những trang đời đã

trôi qua vội vã, vội vàng hơn cả bóng thời gian. Ngày đó, trên bước đường hành quân gian khổ, thấy nhánh mai rừng trở hoa vàng giữa lưng chừng vách núi, anh cùng đồng đội nhắc nhở nhau năm cũ sắp đi qua, anh em lại sống thêm một cái Tết xa nhà. Ai nấy cũng còn quá trẻ và chưa có người yêu, lòng bồn chồn nhớ mẹ cha, nhớ những con đường Sài-Gòn, đèn ngọn xanh ngọn đỏ. Nếu không có chiến tranh, có lẽ cuộc đời anh đã rẽ sang một trang khác, nghĩa là anh cũng có gia đình như bao trai tráng cùng trang lứa, thêm con thêm cháu, đến khi về già được vui thú điền viên và ngâm nga vài ba câu vọng cổ.

Tuổi đời đôi chín, anh rời trường lớp với mảnh bằng Tú tài Đệ nhất cấp. Không giống như các bạn cùng trang lứa, lựa chọn và thi vào những ngôi trường đại học tiếng tăm ở Sài-Gòn, chỉ làm trai giữa thời loạn lạc đã khiến anh lặng lẽ nộp đơn vào quân ngũ, lên đường bảo vệ non sông. Ngày tái chiếm cổ thành Quảng-Trị cũng là ngày anh để lại một phần thân thể giữa chiến trường còn nồng tanh mùi máu lẫn trong khói súng hận thù.

Sau ngày miền Nam thất thủ, trong cái rủi anh cũng gặp điều may, được miễn đi tù vì thân thể không còn nguyên vẹn. Với một bên nặng gổ, cuộc sống chống chèo đã cuốn dạt anh về Mỹ-Thuận, độ nhật với lời ca tiếng đàn và xấp vé số trên tay. Bà con qua phà hay kệt bắc thấy anh thương binh có gương mặt hiền lành như hột lúa củ khoai, với giọng ca buồn thiu mà ngọt lịm nên kẻ ít người nhiều đã giúp đỡ

anh từng tờ vé số cũng như chén gạo, đồng tiền. Vợ con chưa có, họ hàng thân thích cũng không còn, anh Tư luôn mang một bề ngoài tự lự. Anh lặng lẽ sống và ngày từng ngày trải tâm sự mình cùng bốn bề sông nước. Anh thường chỉ mỉm cười cho qua chuyện và rất kiệm lời, mặc dù trong lòng anh vẫn đau đáu những ngày cùng đồng đội vào sanh ra tử, một thời lầy lừng đuổi giặc nơi tuyến đầu khói lửa.

Mấy chục năm lặng lẽ đi qua, những tưởng cuộc sống cứ âm thầm như những chuyến phà xuôi ngược hay những dề lục bình bèo trôi trên mặt sông đầy. Ngày kia, chiếc cầu Mỹ-Thuận bắc ngang hai bờ sông Tiền đã khiến cho đời sống của anh và người dân nơi đó bước vào khúc quanh mới, nghiệt ngã hơn. May mắn thay, anh vẫn sống trong sự đùm bọc của bà con lối xóm, cùng chung một kiếp khổ nghèo. Nhờ ơn trời, gian nan mấy anh cũng vượt qua, hoạn nạn đến đâu cũng có người giúp đỡ.

Mấy năm nay, nhà thờ Chúa cứu thế Kỳ Đồng đã tổ chức những cuộc gặp gỡ và giúp đỡ nhằm âm thầm tri ân những người lính đã một thời sống còn cho quê cha, đất mẹ. Anh Tư được may mắn gặp lại những người bạn chiến đấu năm xưa, dẫu không cùng binh chủng, nhưng ít ra cũng một thời đồng chung chí hướng, chống giặc xâm lăng phương bắc và giương cao ngọn cờ tự do, bảo vệ chính thể Cộng hòa. Những món quà nho nhỏ, tượng trưng nhưng đối với anh mệnh mông như sông dài, biển rộng. Thân tàn nhưng

danh không phé, anh và các chiến hữu vẫn còn hiện diện đâu đó trong lòng người miền Nam yêu chuộng tự do và chính nghĩa. Tinh thần các anh được ủi an ít nhiều với những ân cần, quan tâm của một thiểu số trong cái xã hội đã quá nhiều thương này.

Các cuộc săn đuổi và cấm đoán những chương trình tri ân thương phé binh Việt Nam Cộng Hòa từ hai năm nay đã làm mọi điều tan tác đến ngỡ ngàng. Một chút sót chia, một chút nghĩa tình cho những người có số phận không may mắn đã bị ngăn trở. Hơn sáu vạn thương binh của chế độ trước bị ngấm ngấm trả thù trong cuộc chiến mới không tên, không đạn bom nhưng lại vô cùng tàn nhẫn, thiếu hẳn tình người. Hòa bình của một đất nước sánh đôi với lòng hận thù và sân si ngút trời của đám người chiến thắng, cho dù đã bốn mươi lăm năm dâu biển. Vạt nắng cuối chiều còn vương vấn trên những mái đầu trắng xóa và đầu đó trên một quê hương tóc tang, tan nát.

3. Chuyện ngày cuối năm

Mấy ngày lễ Giáng Sinh rộn rã cũng qua mau. Trong nhà vang tiếng nói cười bên bàn tiệc ê hề thức ăn, thức uống. Mùi thơm của thức ăn, bánh trái và ánh sáng đủ màu phát ra từ những bóng đèn treo trên cây thông làm ấm áp cả gian phòng. Tôi ra đi mang theo cái quê nhà xa xôi là những món ăn quốc hồn, quốc túy và mang cả một quê hương trong lòng. Ngoài kia, mùa đông thứ ba mươi bảy đang về, đất với trời in một màu trắng xóa.

"White Christmas", giáng sinh trắng mà người bản xứ luôn mong đợi trong đêm Đức Chúa giáng trần.

Tiếng pháo vang lên từ bên nhà hàng xóm như nhắc tôi một năm nữa sắp qua đi. Mọi người có mặt trên cõi dương gian này sắp được thêm một tuổi mới. Tiếng pháo đi đùng từ xa vọng lại âm vang như những tiếng bom đạn gầm rú của một thời chiến chinh khốc liệt trên quê nhà. Ngày đó tôi còn nhỏ xíu mà đã biết được cái chia ly ngậm ngùi và nếm được cái mặn mòi của nước mắt. Anh Sáu của tôi đã hy sinh trong trận tái chiếm cổ thành Quảng-Trị khi tuổi vừa mười tám. Người ta khiêng vào nhà cái quan tài được phủ lá cờ tổ quốc với bốn chữ "Tổ Quốc ghi ơn". Tôi thương người cậu hiền lành nằm bất động trên chiếc giường sắt trong y viện Cộng Hoà với thân thể bị băng bó trắng xóa từ đầu đến chân như "mummy". Cậu khó khăn mấp máy môi cười khi vừa thấy ba má tôi ghé thăm. Không khí trầm lặng, u uất trong căn phòng được cảm nhận trong những tiếng rên khe khẽ hay trong từng hơi thở ngập ngừng, đứt quãng. Chung quanh cậu còn biết bao là thương phé binh mới được di chuyển về từ những nơi tuyến đầu khói lửa. Nhìn thấy đôi mắt cậu chớp nhẹ, tôi mới biết cậu còn sống.

Dượng tôi học trường sĩ quan Thủ-Đức, bước chân khỏi cổng nhà trường rồi miệt mài đi theo chiều dài cuộc chiến. Dượng đã góp mặt từ những ngày đầu của thập niên sáu mươi và không may nằm lại nơi vùng hỏa tuyến

xa xôi sau mười hai năm miệt mài tay súng, quanh năm làm bạn với gió núi mưa rừng và mang trên vai một bầu trời xanh thẳm cùng một lòng nhiệt huyết bảo vệ quê hương của người trai lớn lên trong thời đất nước tao loạn. Cuộc đời của dượng ngắn ngủi quá, dượng sống với binh nghiệp nhiều hơn là với gia đình.

Đầu năm 1972 dượng có về Long-Xuyên thăm nhà đôi ngày và chơi đùa với hai đứa con còn nhỏ xíu. Gương mặt dượng lần ấy cũng buồn bã như cuộc chiến chưa đến hồi kết thúc. Nào ai ngờ được đó cũng là lần sau cuối. Mùa hè đỏ lửa chấm dứt, gia đình nhận được hung tin dượng mất tích. Hai đứa con trai của dượng, đứa lớn chưa tròn sáu tuổi, đứa nhỏ vừa lên bốn. Mãi đến gần cuối năm 1974, gia đình mới nhận được giấy báo tử của dượng ghi ngày 24 tháng tư năm 1972. Rồi cái tháng tư nghiệt ngã ập đến dù không ai mong đợi. Đất nước rơi vào tay giặc, người sống còn không được yên hưởng chi người đã khuất núi! Cô tôi và gia đình cũng phải đương đầu với cuộc sống mới mà tạm quên đi nỗi đau của người vợ mất chồng, con cô út khóc tang cha.

Mấy chục năm dẫu biển trời xa, dượng đã đền xong nợ nước nhưng chưa trả hết cái tình nhà. Thân xác của dượng vẫn còn vùi sâu nơi nào đó xa xôi trong lòng đất mẹ. Nhưng dượng đang ở đâu, nơi Charlie sơn lam chướng khí, đòi Dakto mưa bay gió cuốn, hay Tân-Cảnh mịt mù?

Cầm trên tay tờ giấy khai sinh của thằng con lớn, tính được dượng sanh ra ở tuổi Canh Thìn, "canh cô mồ quả" ! Bởi vậy mấy chục năm rồi, dượng đâu có chịu về sum họp với gia đình. Con cháu của dượng nay đã thành "nhân chi mĩ", chúng nó vẫn u hoài một nỗi niềm riêng. Gió lay động mặt hồ làm vỡ tan vàng trắng khuya ra thành nhiều mảnh. Dượng ơi, bây giờ dượng ở đâu? Về với gia đình ghen dượng. Dượng sống khôn thác thiêng thì giúp cho tụi con ghép lại những mảnh vỡ của vàng trắng năm xưa và cầu mong sao cho mặt hồ thôi gợn sóng.

Về lại chốn xưa

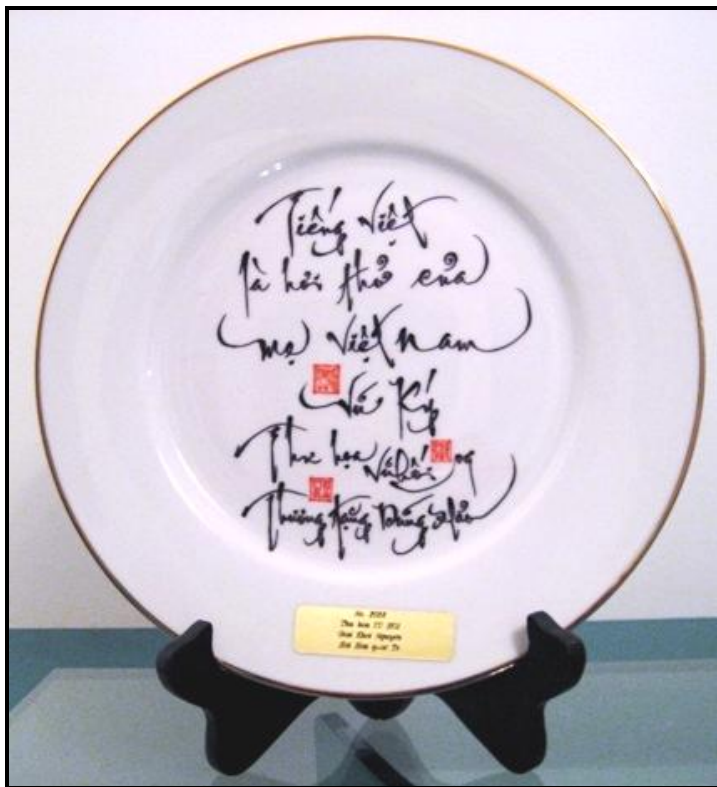
*Xe lăn bánh dằn xa phố thị
Đường lên non sương phủ bụi mờ
Mưa nặng hạt, nẻo xa đời dốc
Cõi lòng già se sắt niềm thương.*

*Hướng Kon-Tum, lối cũ đường quen
Mang-Yang, An-Khê một trời kỷ niệm
Thuở tóc xanh, lầy lưng ngang dọc
Lệnh buông súng,
thân thành bại tướng.*

*Ghé Dakto, Tân-Cảnh chiều nay
Nắng chưa phai, vật đổi sao dời
Xác bạn tôi vùi trong lòng đất
Mấy mươi năm hồn lạc chốn nào ?*

*Tuổi bảy mươi tình xưa vẫn nặng
Khói hương bay, tường bạn đồng môn
Thời gian trôi, lòng chẳng phai phôi
Anh hùng tử, khí hùng bất tử!*

Vưu Văn Tâm Germany



“Tiếng Việt là hơi thở của Mẹ Việt Nam” – Vũ Kỳ



**Thi Họa Gia Vũ Hối tặng đĩa thư họa cho Tâm Hảo & Phan Anh Dũng
Tiệc Sinh nhật Cỗ Thơm năm 2009 – Falls Church, Virginia USA**

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

CHỢ ĐŨI (Tiếp theo)

**** Mỹ Phước Nguyễn Thanh France ****

Để tiếp tục tìm lại một ít quá khứ vùng Chợ Đũi, chúng ta cùng bước qua một trong những nơi trọng yếu của Sài Gòn thuở xa xưa, từ nơi đây đường cái quan chia ra nhiều ngã: một đường đi ra bắc về hướng Thăng Long, một đường về phía tây đi Cao Miên, một đường về phía nam đi xuống vùng Tiền và Hậu Giang. Ngày nay nơi ấy là ngã sáu Phù Đổng.

Theo Đại Nam nhất thống chí, vào năm 1679, chúa Nguyễn Phước Tần cho lập đồn dinh ở Tân Mỹ, đứng đầu cơ quan công quyền này là vị quan tổng tham mưu mang chức danh là điều khiển. Đến nay vị trí của đồn dinh Tân Mỹ chưa ai xác định được, nhưng ta có thể phỏng đoán vị trí nha Điều khiển vì chợ Điều Khiển được đề cập trong Gia Định thành thông chí và trong tài liệu của Trương Vĩnh Ký đã dẫn trên đây. Nha Điều khiển ở gần đường cái quan, nay là đường Nguyễn Trãi. Trên bản đồ Trần Văn Học (1815) ta thấy quan lộ này bắt đầu từ cửa Tồn Thuận của thành Bát Quái theo hướng tây nam qua chùa Kim Chương, đi về vùng châu thổ sông Cũ Long. Tại vị trí tương đương với ngã sáu Phù Đổng

ngày nay ta thấy một ngã tư, có đường rẽ theo hướng tây bắc đi sang Cao Miên (các sứ thần nhà Nguyễn đi Nam Vang bằng đường này nên nó còn được gọi là đường Sứ), phía đối diện có đường rẽ về phía Cầu Quan và sông Bình Dương (Rạch Bến Nghé). Ngã tư này tồn tại cho đến ngày Pháp xâm chiếm Sài Gòn. Vào những năm đầu thời Pháp thuộc giao lộ này chỉ còn có 3 ngã chính : đường trên (Võ Tánh / Nguyễn Trãi), đường Thuận Kiều (Lê Văn Duyệt / Cách Mạng Tháng 8), đường La Grandière (Gia Long / Lý Tự Trọng). Ngã đi về rạch Bến Nghé ít được sử dụng vì đầm lầy Borese chưa được mở mang.

Vào đầu thập niên 1880, rạch Cầu Muối bị lấp dần, đại lộ Abattoir (Nguyễn Thái Học) nối liền khu Cầu Ông Lãnh tới ngã tư nói trên. Cũng vào khoảng thời gian này đường tramway Sài Gòn - Chợ Lớn (1881) và đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho (1883) được hoàn thành, cả hai đều đi qua ngã tư, gần đây có trạm Chợ Đũi cho tramway ngừng lại đưa rước hành khách. Vào khoảng năm 1912 ga Sài Gòn đổi dời, tuyến đường sắt bị tháo dỡ, một lần nữa ngã tư thay hình đổi dạng thành ngã sáu, vì

khoảng trống do đường xe lửa để lại được cải biến thành đường phố, nay là đường Lê Thị Riêng (Ngô Tùng Châu) và Phạm Hồng Thái. Ngã sáu này không có tên chính thức, nhưng người dân thời ấy quen gọi là "ngã sáu Sài Gòn" hay "ngã sáu Verdun", gọi theo tên của một trong những đường giao nhau tại đây.

Từ ngã sáu ta đi vào đường Verdun, con đường mang tên trận chiến diễn ra vào năm 1916 giữa hai quân đội Pháp và Đức. Trước tháng 8 năm 1916, đường này có tên là Thuận Kiều (route de Tong-Kéou hoặc Thuận-Kiều), tên của một đồn binh thuộc triều đình, nằm cách Sài Gòn 12 cây số về phía bắc, thất thủ lúc kháng Pháp vào năm 1861. Năm 1947, đường Verdun được chia thành nhiều đoạn đặt tên khác nhau (Nguyễn Văn Thinh, Thái Lập Thành, Chanson). Từ 1955 đến 1975, tất cả các đoạn nhập lại mang tên đường Lê Văn Duyệt.

Trong chu vi vùng Chợ Đũi, ta chỉ đề ý đến đoạn từ ngã sáu đến đường Chasseloup Laubat (Hồng Thập Tự / Nguyễn Thị Minh Khai). Dọc theo đoạn đường này lần lượt ta gặp các ngã ba: Taberd (Nguyễn Du), Duranton (Bùi Thị Xuân) và Léon Combes (Sương Nguyệt Anh).

Từ thập niên 1920 trở đi việc buôn bán mới bắt đầu nhộn nhịp: cửa hàng vải, đồ gỗ, tạp hóa v. v. xen lẫn nhà ở của công tư chức và vài ba trường sơ đẳng tiểu học của tư nhân, thường thường là ngôi trường nhỏ chỉ có một lớp học gồm vài mươi học sinh, do một thầy giáo kiêm hiệu trưởng phụ trách (Các trường Huỳnh Công Phước, Nguyễn Hoàng, Thái Bình, v.v.). Đặc biệt là nhiều người Ấn cũng đến đây cư trú hoặc buôn bán.

Khoảng năm 1930, hẻm số 6 ăn thông qua đường La Grandière hãy còn là khu xóm lao động tồi tàn, nhiều căn nhà chứa tới bốn, năm gia đình thợ thuyền (một người đứng tên thuê nhà rồi ngăn vách chia phòng cho các gia đình khác đến cư trú, họ hùn nhau trả tiền thuê nhà). Ban ngày trong đường hẻm chất đầy thùng, gánh hàng, ban đêm ghé bó bày trước nhà làm chỗ ngủ. Chuyện thật khó tin là hẻm này tuy ở nơi thị tứ nhưng hai đầu hẻm thường làm nơi đổ rác bừa bãi, trong hẻm lại nồng nặc mùi khai nước tiểu vì thiếu nhà vệ sinh công cộng trong khu phố chung quanh. Không riêng cho hẻm này, thời ấy còn có biết bao xóm nghèo như thế trong thành phố Sài Gòn.

Bên dãy phố phía tay trái gần đến đầu đường Duranton (số nhà 85) là tư thất của nhà cự phú Benoit Lê Văn

Châu, vị mệnh thường quân đã hiến đất cho ban kịch Đức Hoàng Hội xây rạp hát trên đường Colonel Grimaud.

Qua khỏi ngã ba, nơi góc đường (số 89) là tư gia, vừa là phòng mạch, vừa là "dinh thủ tướng" của bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh. Ông cư ngụ tại đây hơn 20 năm đến ngày ông quỵ sinh (10-11-1946) lúc đang giữ chức thủ tướng Cộng Hòa Tự Trị Nam Kỳ. Tên ông được đặt cho đoạn đường này từ năm 1947 đến 1955, sau đó đặt tên cho con đường ở khu trung tâm Sài Gòn, đường này đi từ đường Hai Bà Trưng đến đại lộ Nguyễn Huệ, trước tòa Hòa giải.

Bên phía lề đường số chẵn, xưa có đường sắt đầu tiên của tramway Sài Gòn - Chợ Lớn, đã bị tháo bỏ, được thay thế bằng tuyến đường ngắn hơn sau khi san lấp rạch Cầu Kho. Nối tiếp với ngã ba đường Taberd là lề đường dọc theo vườn Ông Thượng, cổng vào của công viên này ở ngay ngã ba đường Duranton. Thửa đất trong công viên gần góc đường Taberd là nơi gọi lại một phần lịch sử sự thành lập hội Đức Trí Thề Dục. Hội này có tên Pháp rất dài là Société pour L'Amélioration Morale, Intellectuelle et Physique des Indigènes de la Cochinchine, được gọi tắt bằng tên dễ nhớ là SAMIPIC.

Samipic được một nhóm người Việt thành lập vào năm 1926. Trong số các mục tiêu của hội này ta có thể kể: yểm trợ tài chính cho các hội bạn (hội từ thiện, hội ái hữu, hội tương tế, hội thể thao), đóng góp quỹ xây dựng cư xá sinh viên tại Paris (có nơi cư trú dành cho sinh viên Đông Dương), cấp học bổng cho thanh niên nam nữ thiếu điều kiện tài chính để thực hiện việc học vấn, tổ chức những buổi diễn thuyết để quảng bá kiến thức, thành lập thư viện, v.v. Cầm đầu ban trị sự vào năm 1927 có các ông: chủ tịch Trần Trinh Trạch, phó chủ tịch Nguyễn Văn Cửa, Hồ Văn Kính, v.v. Nguồn tài chánh của hội do từ tiền đóng hằng tháng của hội viên, tiền trợ giúp của ân nhân, tiền quyên góp trong các kỳ hội nghị, tiền trợ cấp do ngân sách nhà nước thuộc địa, v.v. chưa kể lợi tức thu thập từ các cuộc xổ số. Trong các năm 1927-1930, nơi thường nhóm họp của hội Samipic là trụ sở hội Nam Kỳ Công thương Tương tế (Association des Industriels et Commerçants Annamites de Cochinchine) ở tầng lầu căn nhà số 76 đường La Grandière, Sài Gòn. Nơi đây không phải là phòng hội nghị lý tưởng vì nhiều lần không đủ chỗ chứa hết thính giả.

Nói về phòng hội nghị, người Pháp có nhiều câu lạc bộ vừa lớn vừa nhỏ. Hoa kiều thì mỗi bang có nhà hội quán

riêng, khi cần họp đông đảo họ có Phòng Thương mại ở Chợ Lớn. Còn đồng bào ta vì thiếu nhà hội quán nên thường nhóm họp trong các căn phòng chật chội tại các tư gia. Thất vọng vì những cuộc đón tiếp thiếu chu đáo dành cho các thượng khách, trong đó có thi hào Tagore, các hội viên mong sớm được làm chủ một "Việt Nam Tổng hội phủ" rộng lớn hơn, để cho tất cả các hiệp hội của người Việt đều có thể đến nhóm họp. Samipic được Hội đồng thành phố Sài Gòn chấp thuận nhượng miếng đất ở góc đường Verdun và Taberd, nơi đây tuy ở giữa chốn phồn hoa nhưng phong cảnh vừa đẹp vừa thanh tịnh.

Năm 1928, thống đốc đã ký sắc luật chấp thuận cho Samipic phát hành 300.000 tấm vé số, giá mỗi tấm là 2 đồng, trên lý thuyết tổng số tiền là thu được là 600.000 đồng, được phân phối như sau: Tiền dành cho các lô trúng: 300.000 đồng, trong đó có lô độc đắc 60.000 đồng. Tiền dành cho cư xá sinh viên tại Paris: 200.000 đồng. Tiền trợ cấp cho các hội đoàn được phép hoạt động: 100.000 đồng.

Đầu năm 1929, thống đốc Blanchard de la Brosse chủ tọa buổi lễ đặt viên đá đầu tiên. Một chai champagne được đập vỡ trên khối xây tượng trưng bằng gạch và xi măng, tiếp theo là tiệc thức

ăn nguội và bánh ngọt. Samipic dự định xây dựng một tòa nhà nguy nga lộng lẫy, ba tầng lầu, nền nhà hình chữ nhật, kiến trúc theo kiểu truyền thống dân tộc nhưng có đủ tiện nghi hiện đại. Có văn phòng cho hội trưởng và ban trị sự, phòng hội nghị cho các hội bạn đến nhóm họp, thư viện, phòng thông tin về hoạt động nông nghiệp trong xứ, thông tin về tổ chức du học, phòng trưng bày cổ vật, phòng đãi tiệc, phòng thể dục, phòng giải trí... Tổng phí xây dựng ước chừng hai, ba trăm ngàn đồng (tiền Đông Dương năm 1929).

Nhưng không may dự án xây dựng bị đình chỉ, vì lúc ấy đang diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, xứ Đông Dương cũng bị ảnh hưởng đến kinh tế, đồng tiền mất giá. Hơn ba năm đã trôi qua, người ta chờ mãi nhưng không thấy tòa nhà ở đâu. Bỗng nhiên gặp được cơ hội tốt, Samipic mua đấu giá ngôi biệt thự nguy nga ở số 98 đại lộ Gallieni với giá 38 000 đồng. Chủ nhân cũ của ngôi nhà này là ông Lê Văn Trước, đã bỏ tiền xây cất khoảng 250 000 đồng. Hội quán không được gần nơi trung tâm như đã mong muốn vì ở tận vùng Chợ Quán, bất tiện cho việc đi họp của các hội viên. Dù sao trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, tình cờ mua được báu vật bằng giá thích hợp với khả năng của hội, thì không cần đòi hỏi gì hơn nữa. Nơi đây có thể tổ chức mọi

hình thức hội nghị, trong khung cảnh tráng lệ, xa nơi ồn ào náo nhiệt. Các hiệp hội khác cũng nhờ đó có nơi nhóm họp bên trong tòa nhà rộng rãi, sang trọng, tiện nghi, thoáng đãng. Samipic tổ chức buổi yến tiệc chào mừng lễ khánh thành hội quán mới khai trương vào chiều thứ bảy ngày 16-2-1933. Tòa nhà này hiện nay mang số 606 đường Trần Hưng Đạo, quận 5.

Sài Gòn ngày càng đông dân và đất hẹp, không ai lấy làm lạ việc nhà cầm quyền chọn đất công viên để xây dựng công thự. Đất trống trong vườn Ông Thượng dọc theo đường Verdun được chọn làm nơi xây dựng Nhà Tương tế, phòng khám bệnh miễn phí thuộc hội Hồng Thập tự, Sở Y tế Nam Kỳ, v.v.

Nhà Tương tế (Maison de la Mutualité) được xây dựng khoảng năm 1940, thuộc quyền sở hữu của Quỹ Tín dụng Tương tế Nông nghiệp (Caisse centrale de Crédit Agricole Mutuel). Một phần chi phí xây dựng tòa nhà này được tài trợ bằng tiền thu được do tổ chức giải xổ số. Tòa nhà này được dùng làm nơi hội họp dành cho các hội từ thiện, hội bảo hiểm, sở Thanh tra Lao động, các nghiệp đoàn, và đặc biệt phải kể đến Câu lạc bộ Đông Dương (Cercle Indochinois). Hội văn hóa này đã hoạt động từ trước năm 1937, khi chưa có trụ sở chính thức hội thường

nhóm họp tại tư gia của các hội viên. Hội tổ chức các buổi diễn thuyết về các vấn đề pháp luật, y tế, xã hội, diễn giả là các bậc trí thức của Sài Gòn như các bác sĩ : Tân Hàm Nghiệp, Trần Tấn Phát, Trần Văn Đôn, các luật sư : Lê Văn Kim, Phan Văn Thiết, Vương Quang Nhường, v.v. Khi Nhà Tương tế đã hoàn thành (khoảng 1940), Câu lạc bộ Đông Dương có nơi làm trụ sở. Ai đi trên đường Verdun, gần bên cổng vườn Ông Thượng, bị thu hút ngay bởi tòa nhà tân kỳ, trên trán nhà có mấy hàng chữ đắp nổi: "Cercle Indochinois". Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, tòa nhà này là trụ sở Tổng Liên Đoàn Lao Công. Hiện nay là tòa nhà Liên đoàn Lao động Thành phố.

Chúng ta tiến dần đến ngã tư Verdun - Chasseloup Laubat. Vào đầu thế kỷ 20 nơi đây hãy còn là một trong những cửa ngõ của Sài Gòn nhìn ra vùng làng quê ngoại thành. Tại góc vườn Ông Thượng gần ngã tư này là chỗ đặt bót cảnh sát Chợ Đũi, làm nơi kiểm soát an ninh đường ra vào thành phố. Sau khi sáp nhập làng Tân Hòa và Phú Thạnh vào thành phố Sài Gòn năm 1904 thì vai trò của bót này không còn cần thiết nữa nên được dời đi.

Trên mảnh đất gần ngã tư, viện Bảo dục Nhi đồng (Institut de Puériculture) được khánh thành năm 1927, có sự

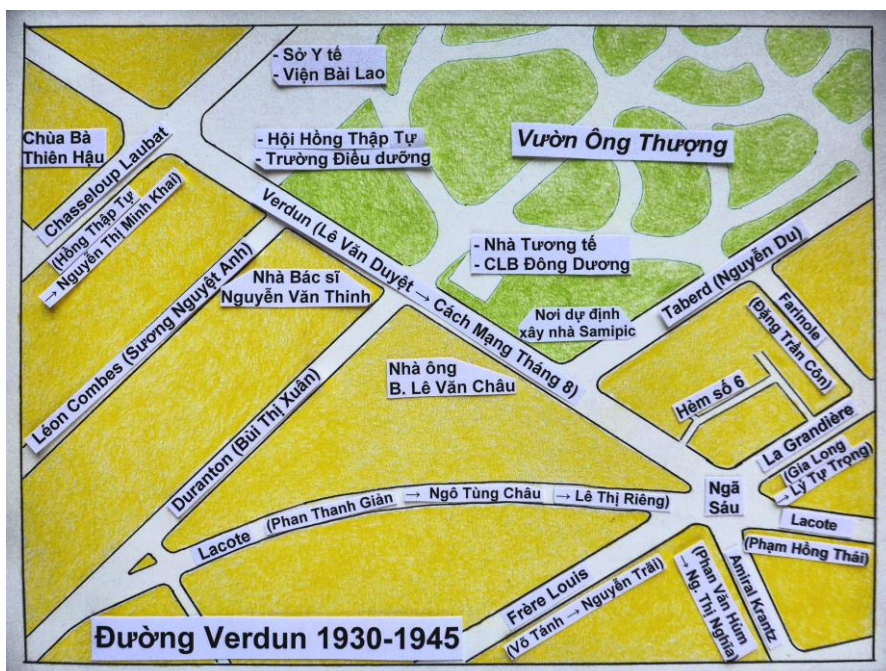
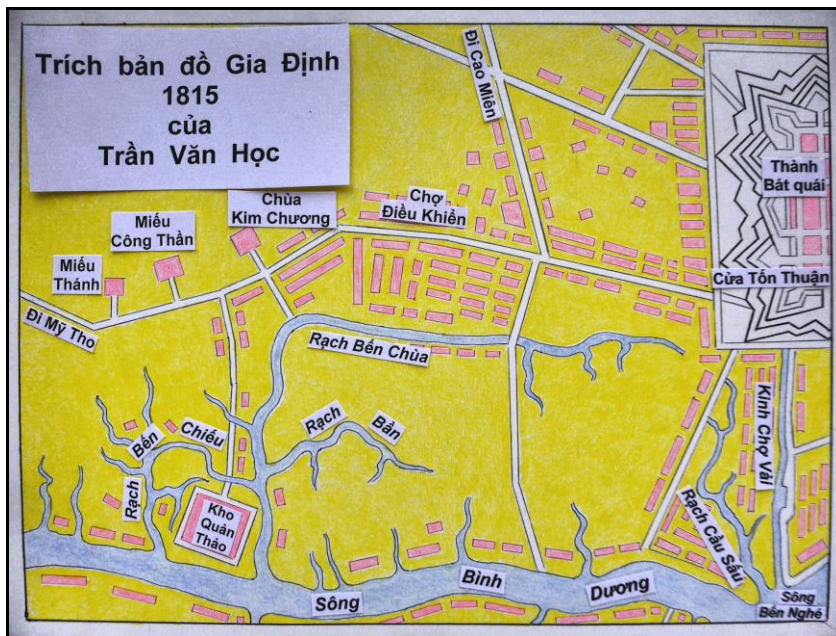
góp phần vận động thành lập của bác sĩ Trần Văn Đôn, nghị viên Hội đồng quản hạt. Tòa nhà này được đánh giá là một kiến trúc mỹ lệ vào thời ấy, trông hao hao một biệt thự sang trọng, mặt tiền quay ra đường Chasseloup Laubat, phòng ốc rộng rãi nên còn dùng làm sở Y tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc và là trụ sở Bộ Y tế thời Việt Nam Cộng Hòa. Viện Bảo dục Nhi đồng, còn được gọi là "nhà thương Con nít", do bác sĩ Bourgin làm giám đốc, có mục đích là trị bệnh cho các trẻ sơ sinh và truyền bá kiến thức vệ sinh cho các bà mẹ trong việc nuôi nấng con cái vì vào thời ấy số tử vong của trẻ sơ sinh rất cao. Viện này có cả vườn trẻ và nhà gửi trẻ.

Năm 1933, viện Bảo dục Nhi đồng ngưng hoạt động do tốn kém nhiều mà hiệu quả thấp, nên đã đổi thành trường Điều dưỡng (Dispensaire-école) của hội Hồng Thập tự, đặt dưới sự cai quản của bà sơ Sempé, vị y tá nhiều kinh nghiệm. Được giám sát bởi sở Y tế, trường Điều dưỡng thực hiện hai mục tiêu chính: vừa cứu trợ những kẻ khổ khó, vừa đào tạo các nữ y tá tình nguyện.

Đồng thời một gian bên trong sở Y tế được dành làm Phòng bài lao, còn gọi là "nhà thương Ho lao" (Dispensaire antituberculeux), thành lập dưới sự bảo trợ của hội Chẩn tế Xã hội (Aide

Mutuelle et d'Assistance Sociale, gọi tắt là AMAS). Phòng bài lao được trang bị máy quang tuyến X, các dụng cụ giải phẫu, kính hiển vi, máy bơm hơi vô màn phổi, v.v. Năm 1942, Phòng bài lao chuyển đi sáp nhập vào nhà thương thí ở đại lộ Bonard.

Trường Điều Dưỡng gia tăng hoạt động, trở nên chật hẹp nên đã được dời sang cơ sở mới ở gần đây là nhà thương thí của hội Hồng Thập tự Pháp, số 24 đường Verdun. Trong cơ sở này, hội Chẩn tế Xã hội lập hội "Giọt sữa" (Goutte de Lait), ngoài việc phân phát sữa miễn phí cho các trẻ sơ sinh ở các gia đình nghèo mà các bà mẹ không thể nuôi con bằng sữa mẹ vì kém sức khỏe hoặc vì bệnh hoạn, còn có bác sĩ theo dõi tình trạng sức khỏe và sự phát triển của các cháu bé. Vài mươi phụ nữ tình nguyện mỗi người bỏ ra vài giờ trong tuần đến giúp việc phát thuốc, băng bó vết thương cho các trẻ em được cha mẹ dẫn đến. Hằng năm trong khuôn viên hội Hồng Thập tự diễn ra chợ phiên từ thiện, nơi đây bày bán quần áo phụ nữ và trẻ em, khăn tay, đồ chơi, đồ trang trí lặt vặt, cây cảnh, bánh kẹo, bột thực phẩm, v.v. Có cả nhiều trò giải trí cho trẻ em và người lớn, hàng nước giải khát. Trường Điều dưỡng ngưng hoạt động vào năm 1945, mở cửa lại từ tháng 9-1946...(Còn tiếp)





**Hình trên: Ngã sáu Phù Đổng Thiên Vương.
Hình dưới: Nhà Tương tế. Câu lạc bộ Đông Dương.**



Biển - Ý Anh

*Biển, nhà của tuổi thơ nơi tôi sinh ra
Thành phố bình yên bên biển bao la
Giữa trời nước trong xanh đất cát hiền hòa
Tôi nhỏ bé vẫy đùa chơi trong lòng biển rộng.*

*Biển nơi mặt trời lên mây hồng nắng sáng
Bình minh vui rạng rỡ tiếng cười non
Mắt long lanh điểm trắng cánh chim ngàn
Dang tay nhỏ mộng mơ vẽ vời hạnh phúc lớn.*

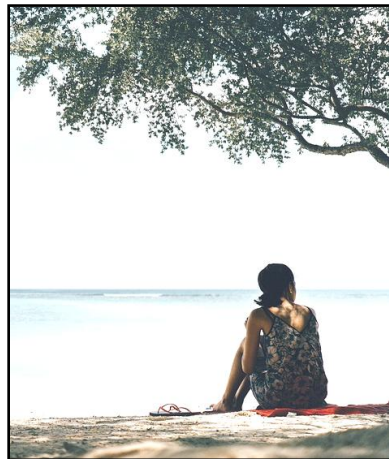
*Biển nơi chân trời vẽ đường cong mộng ảo
Cầu vồng lên tinh khiết sắc màu bay
Nơi ánh sáng trở thành miền kỳ diệu
Nơi giấc mơ ngày thơ muốn chạm đến một ngày.*

*Biển của sóng nghìn năm tí tê về vỗ
Chẳng vì vui và cũng chẳng muộn phiền
Trôi vào tôi những ngày tháng qua nghiêng
Sóng của gió rú gầm khi lòng chùng giông bão.*

*Nước mắt mặn cũng vì biển mặn
Nước mắt khô theo cơn gió bay qua
Tôi thả hết mờ lòng ra với biển
Đầy vơi này nhờ sóng cuốn trôi xa
Nhấn dùm tôi đến biển nhớ quê nhà
Con ốc nhỏ chơ vơ vẫn vọng vang tiếng sóng.*

*Biển nơi giấc mơ cùng trăng sao ẩn hiện
Cầu vồng đêm chợt sáng chợt tan
Tay chơi vơi dường như sờ thấy được
Khuôn mặt xưa mờ ảo sóng muôn ngàn.*

*Biển, ta tìm về sau bao năm mỗi một
Chân đã hôn sóng trắng cát mịn màng
Ngực đầy căng mùi quen ngày bé dại
Của sóng mây biển mặn ướp đầy tim
Của giấc mơ như ngày đó đi tìm
Về với biển, phải, ta đã về tự nhiên như định mệnh.*



HAI VAI GÁNH NẶNG CHỒNG CON

**** TT-Thái An ****

Bé Hiền vừa nhìn thấy mẹ bước vào nhà vội chạy ra mừng; vì lúc nào về, mẹ cũng cầm theo thức ăn cho các chị nấu cơm tối.

Tuy ngày nào cũng từng ấy thứ, vài bó rau muống, rau lang, một tí thịt mẹ bán còn dư đem về xào chung với rau hoặc rim mặn cho mỗi đứa một miếng nhỏ xiu, còn dư nước mắm kho thịt thì chan cơm ăn đã lắm; cơm thì lúc nào cũng phải độn bo bo, độn sắn (khoai mì) thì mới đủ cho cả nhà 11 miệng ăn. Mẹ là nguồn cung cấp thực phẩm cho cả nhà, có mẹ về là có thức ăn. Hiền thấy vui và ấm áp trong lòng khi thấy mẹ về. Có lẽ chỉ có mẹ ân cần hỏi han Hiền mỗi ngày, còn bố thì hay quát tháo, la mắng các anh chị nên Hiền chẳng dám đến gần bố.

Không chỉ riêng Hiền sợ bố, mà các anh chị của Hiền cũng sợ bố một phết vì bố hay đánh đòn, đánh thật đau, các anh chị khóc lóc van xin mà bố vẫn đánh cho đến khi bố mỏi tay thì thôi. Hiền chưa thấy bố cười bao giờ. Năm 1975, bố phải đi học tập cải tạo khi Hiền còn quá bé, chỉ mới 7 tuổi. Hai năm sau bố về, Hiền đã lên 9 tuổi, nghe các anh chị gọi bố, Hiền cũng gọi theo nhưng vui được vài ngày thì bắt đầu thấy sợ vì bố hay quát tháo các con, kể cả mẹ.

Từ khi trở về, bố chẳng làm gì; chỉ có mẹ một tuần 7 ngày dậy sớm khi trời

chưa tỏ để đi lấy thịt về bán ở chợ Thiết để nuôi đàn con 9 đứa và một ông chồng.

Hôm nay mẹ đưa gói thịt lớn hơn mọi ngày cho chị Thoa. Nhìn thấy gói thịt, chị Thoa trợn mắt có ý hỏi sao miếng thịt hôm nay lớn thế, có lẽ nửa ký chứ ít. Mẹ hiểu ý nói ngay:

- Hôm nay bán ế nên còn dư nhiều. Thôi! Con cứ kho hết cho khỏi bị hư rồi chia ra ăn nhiều ngày.

Nói xong, mẹ đưa gói gạo cho chị Thoa thêm đem đi cất; gói gạo hôm nay cũng nặng hơn mọi lần. Mẹ lại giải thích:

- Có chút tiền mua gạo để dành; chỉ cần độn thêm khoai, sắn hay bo bo là có thể ăn được vài tuần.

Nói xong, mẹ quay ra Hiền đưa tay xoa đầu và hỏi thăm:

- Hôm nay con đi học có vui không?

- Không vui!

- Sao thế?

- Thăng Hùng ngồi cạnh con không đi học hôm nay. Con nghe tụi nó nói thăng Hùng đi vượt biên rồi.

- Thế à! Sao con biết?

- Hể trong lớp có đứa bỏ học là chúng nó bảo thế.

- Con nhớ thăng Hùng lắm à?

- Nhớ chứ! Nó ngồi cạnh con mà.

Anh của Hiền là Quân hỏi mẹ:

- Đi vượt biên là đi đâu vậy mẹ?

Bà Thảo trả lời con:

- Thì họ đi ra nước ngoài xum họp với người nhà đã đi trước.

Quân lại hỏi:

- Thế bác Thu đi Mỹ rồi, khi nào thì mình đi xum họp với bác Thu?

Bà Thảo ôm đứa con út đang đứng gần vào lòng, trả lời Quân:

- Khi nào có dịp thì mẹ sẽ đi thăm bác Thu, bác hay giúp đỡ nhà mình lắm.

- Khi nào mẹ đi?

- Làm sao biết được. Con không nên nói với bạn bè là mình có bác Thu ở bên Mỹ nhé.

Quân không hiểu sao mẹ hay dặn anh em mình như thế. Nhưng Quân thấy hãnh diện vì có bác ruột đang ở Mỹ, thỉnh thoảng gửi một thùng quà về cho gia đình Quân, nhờ thế mẹ đỡ vất vả phần nào. Vào những lúc có quà của bác gửi về, nhà mình có thêm thức ăn, Quân thấy vui lắm.

Trước ngày 30 tháng 4, 1975, bà Thảo làm thư ký trong Quân Tiếp Vụ. Chồng bà là ông Quốc đang mang lon Trung Úy cũng làm ở Quân Tiếp Vụ. Lương hai vợ chồng cộng lại cũng tạm đủ nuôi đàn con 9 đứa.

Bà lấy chồng khi mới 18 tuổi, do bà mới giới thiệu ông Quốc với cha mẹ bà, rằng ông Quốc chỉ có hai anh em di cư vào Nam với nhau, ông lại đổ Tú Tài

toàn phần, đi sỹ quan, đeo lon Chuẩn Úy. Lấy ông thì con gái hai cụ không phải làm dâu. Đã thế, lấy sỹ quan thời đó cũng là điều hãnh diện cho gia đình. Hơn nữa, hai cụ rất quý con rể đồng hương, cùng là dân di cư với nhau.

Bà Thảo vâng lời cha mẹ đi lấy chồng như bao người con gái thời đó, không cần phải yêu nhau trước, có người từ tế xin cưới là tốt rồi.

Ở với nhau rồi mới biết tánh nết của nhau. Tánh ông cọc cằn, hay quát tháo, nhưng được cái không lăng nhăng, không tứ đồ tường. Tánh bà hiền lành, nhỏ nhẹ nên hay nhường chồng, cho yên cửa yên nhà. Ấy thế mà hai vợ chồng sản xuất đều đều, cứ hai năm ba đứa, có khi cách năm một đứa. Vì thế, sau 14 năm sống chung, hai vợ chồng đã cho ra 10 đứa con: 5 trai, 5 gái. Nhưng một đứa con trai đã chết từ khi còn bé vì bệnh sốt tê liệt, lúc vừa 3 tuổi.

Sau 30 tháng Tư, 1975. Cộng sản miền Bắc tràn vào miền Nam, bà mất việc làm, ông ở nhà vài tuần rồi bị lừa đi cải tạo. Nhìn đàn con 9 đứa đang sức ăn, bà chơi với xoay xở. Thấy hàng xóm ai nấy đem đồ đạc trong nhà ra đường bán để có tiền ăn từ từ. Bà còn chút tiền để dành nhưng sẽ mau hết nếu không tiếp tục làm ra tiền. Bà dặn mấy đứa lớn ở nhà giữ em để bà đi tìm người hỏi han cách nào làm ăn cho thích nghi với hoàn cảnh mới.

Cũng may, trong số mấy chị em cùng làm văn phòng với bà lúc trước, vì cùng hoàn cảnh nên ai nấy lo kiếm cách khác làm ăn. Có người dắt bà theo ra bến xe đò miền Tây lúc còn chạng vạng

tối để chờ con buôn vừa xuống xe đi bộ ra xa một khoảng đường là bu lại lấy hàng. Họ quen mặt nhau nên mua bán nhanh chóng, không cần nói thách, chẳng kỳ kèo trả giá; mua cho nhanh, bán cho lẹ để chạy cho mau, kéo công an đến bắt là mất hết vốn.

Các bà đem thịt heo “chui” từ miền Tây lên, giấu trong bụng, trong người ra từng bao nylon đưa cho mấy bà lấy mỗi, tiền trao, hàng lấy chóng vánh. Sau đó, mấy bà buôn chui lại buộc chặt những bao thịt vừa mua được vào bụng, vào người mình rồi kéo áo che lại; vội vàng rời chỗ lấy hàng, lên xe ôm hoặc do người nhà chở về chợ của mình.

Bà Thảo nhờ thế mà biết đường đi nước bước. Bà ra chợ Thiết gần nhà thuê trước một sạp bán thịt vì lúc này nhiều hàng thịt biến mất, họ bỏ chạy hay dọn về quê nên nhiều sạp bỏ trống. Có được chỗ bán rồi, hôm sau bà lại theo người bạn đi lấy hàng. Từ từ bà dần dĩ lấy hàng, dần dĩ bán hàng. Bà Thảo được cái tánh nhẹ nhàng, giọng nói thủng thỉnh, dịu dàng nên khách dễ có cảm tình. Bà cũng có một khuôn mặt khả ái, thuộc loại đẹp, khiến người ta thích nhìn. Đã thế bà không muốn nói thách làm gì, bán buôn vừa phải cho mau hết hàng để về nhà với con và được nghỉ ngơi sau một ngày mệt nhọc.

Ông Quốc không phải là lính tác chiến, cũng không phải là Chiến Tranh Chính Trị nên sau khi đi học tập cải tạo gần 2 năm ông được thả về. Về nhà thì mỗi tuần phải ra công an phường trình diện, chẳng làm ăn gì được, ông

hoàn toàn sống nhờ vợ. Những người như ông, sau khi đi cải tạo trở về đều kiếm cái xích lô để đạp hoặc may mắn có cái xe gắn máy làm nghề chạy xe ôm, nếu có cái xe đạp thì bán xe kem, hay đẩy xe ba bánh bán nước đá. Còn ông được vợ ưu ái cho ở nhà trông 9 đứa con để vợ yên chí bán buôn đem tiền về trang trải mọi thứ trong gia đình. Từ ngày ông về, mấy đứa con trai lớn bớt chạy rong ngoài đường với bạn bè nên bà yên tâm hơn; dù sao con có cha như nhà có nóc vậy.

Thời đó xà bông tắm khan hiếm, bà phải dùng xà bông giặt quần áo pha với nước cho tan để tắm. Nó chẳng thể nào khử hết cái mùi hôi của thịt heo mà bà buộc từng bao vào người ban sáng rồi chạy từ bến xa cảng miền Tây về chợ Thiết. Cho nên, ông Quốc không chịu được mùi thịt heo sống còn bám trên người bà nên ít muốn gần bà. Chuyện chăn gối vợ chồng đâm ra lạnh nhạt. Cũng có thể vì mặc cảm sống nhờ vợ, tâm lý ông không ổn định, không thoải mái nên bị “tắt điện.”

Bốn giờ sáng hôm sau, bà Thảo dậy như thường ngày để ra bến xe đò miền Tây. Nhưng hôm nay bà ghé qua giường mấy đứa con lớn đứng nhìn từng đứa, rồi qua giường thẳng út và mấy đứa anh nó nhìn một lúc lâu. Có đứa cựa mình, bà chỉ sợ nó thức dậy trông thấy bà đang đứng nhìn chúng. Bà muốn ôm từng đứa vào lòng mà không dám gây tiếng động. Bà nén tiếng thở dài rồi dứt khoát quay đầu ra cửa. Đó là một ngày gần cuối năm 1979. Tối hôm qua, sau khi ăn tối xong, bà đã chờ khi không có đứa nào đứng

gần thì vội nhét cái bao thư nhỏ vào gối của Thoa, đưa con gái lớn. Bà hy vọng khi nào Thoa tháo áo gối ra giặt sẽ nhìn thấy cái thư của bà, trong đó bà để lại chút tiền.

Bà ra bến xa cảng miền Tây hôm nay với mục đích khác: Đi chui! Bà nhờ anh xe ôm thường ngày chở đi nên trong nhà chẳng ai để ý. Bà chỉ đem theo một túi nylon nhỏ trong để một bộ quần áo. Trong cái áo đang mặc, bà để ít tiền trong túi để tiêu xài dọc đường, có gài kim băng. Trong cái quần lót, bà may thêm một cái túi phía trong để hai tờ giấy \$20 đô la Mỹ. Trong người nịt theo 2 chỉ vàng để đóng cho người ta khi đến biên giới. Đó là tất cả những gì bà có được. Nhờ bán thịt ngoài chợ cả 4 năm nay bạn hàng ai cũng thương; nhất là thấy hoàn cảnh của bà là gia đình “Ngụy” nên họ tin cậy mách bảo cho bà đường dây vượt biên bằng đường bộ này. Bà cảm thấy may mắn vì số tiền họ đòi chỉ có 2 chỉ, trong khả năng bà có thể lo được.

Sau khi bộ đội Việt Cộng tấn công vào Cam Bốt đầu năm 1979, đánh tan quân Khờ Me Đỏ, đám tàn quân chạy qua biên giới Thái Lan thì sau đó ít lâu làn sóng vượt biên bằng đường bộ của người Việt miền Nam tràn qua Cam Bốt khá nhiều, vì rất nhiều tổ chức khác nhau đưa người đi chui, họ kiếm tiền cách này thật dễ dàng.

Bà xuống xe ôm, trả tiền cho anh xong vội đi về bến xe đi An Giang để gặp người kia; họ đã lấy vé xe cho bà, bà chỉ cần đưa tiền và lấy vé để đi cho kịp, khỏi phải hỏi hòm việc có mua được vé hay không. Lên xe ngồi xuống ghế

của mình bà thở phào cầu mong cho xe đi đến nơi suôn sẻ, không bị gặp công an chặn xét dọc đường. Khoảng 3 giờ chiều xe đến nơi. Mọi người bước xuống; bà kín đáo nhìn quanh tìm người hướng dẫn. Có một phụ nữ bán khoai lang luộc đến gần chào bà giả vờ như chào hàng, hỏi nhỏ có phải bà là “Hoa giấy 2”. Bà gật đầu, mừng quá nhưng không dám cười. Người kia đưa cho bà hai củ khoai lang luộc rồi bảo bà đi vào chợ ăn cơm cho no, nhớ ăn ở hàng cơm bình dân của bà “Được” vì chút nữa sẽ có người đến đưa đi. Bà móc túi lấy ít tiền lẻ trả tiền hai củ khoai. Bà kia nhắc nhớ cầm theo khoai để dọc đường có cái mà ăn. Nghe thế bà mua thêm 2 củ khoai nữa. Vào chợ, bà nhìn thấy hàng nước, hàng bánh trái lại mua thêm 2 cái bánh tét chuối, 2 cái bánh ú mặn. Bà có cầm theo 1 chai nước mà bà vẫn đem theo ra chợ mỗi ngày, nhưng đã uống gần hết. Bà định bụng vào hàng cơm sẽ xin thêm nước đổ vào.

Bà vào hàng cơm của bà Được như đã được dặn dò. Bà gọi một đĩa cơm cá kho vì rẻ tiền. Vừa ăn bà vừa nhớ đến chồng con, có lẽ họ chưa biết bà đã ra đi thật xa. Chiều nay trước giờ cơm tối có lẽ cả nhà sẽ nhón nháo lên vì không thấy bà về. Nghĩ thế bà cảm thấy bồi hồi, khó chịu. Ăn vừa xong thì có người đàn bà vào nói nhỏ với bà đi theo cho kịp giờ. Bà trả tiền rồi vội vã đi theo người đàn bà.

Nơi tập trung cách xa chợ vài trăm mét, bà đã thấy vài người đứng rải rác quanh đó. Có một người đàn ông đứng xa xa ngoắc tay ra hiệu cho mọi người theo ông ta. Từ đó đám người lạ

bước theo người đàn ông được gọi là anh Năm. Anh Năm đi nhanh và luồn vào ngõ ngách, xa xa lại có một người xuất hiện, được anh Năm cho đi theo. Ra khỏi khu dân cư thưa thớt, nương rẫy hiện ra, anh Năm đi trước dẫn đường vào khu rẫy, đi mỗi chân muốn dừng lại cũng không được. Cứ thế đi cho đến lúc chiều tà thì đến gần khu rừng biên giới. Ở đây, một gã người Miên xuất hiện, anh Năm giao đoàn người lại cho hắn rồi chào từ biệt. Cả đám giật mình hỏi anh Năm: “Anh bỏ tụi tôi sao?” anh Năm trả lời: “Nhiệm vụ của tôi chỉ đến đây thôi. Bây giờ đến phiên anh Kho dẫn tiếp, vì anh là người Miên nên biết đường đưa ông bà qua đó”.

Thế là miễn cưỡng chia tay anh Năm, đoàn người chỉ còn biết trông vào Kho. Kho bảo mọi người mau đi theo hắn qua đoạn rừng biên giới này. Các bà bảo nhau xin hắn cho đi xa một chút rồi mới có thể đi tiếp, hắn đồng ý chờ.

Chân đã bắt đầu đau, có bà than biết thế tôi mang giày bố đi cho khỏe, mang dép bây giờ đã thấy mỗi chân rồi. Kho bảo khi qua đến Miên sẽ có xe trâu chở các bà. Nhưng bây giờ phải giữ im lặng, không được nói lớn tiếng sợ bọn lính biên giới nghe thấy, nhiều phe nên nhiều thứ lính, gặp lính phe nào cũng đáng sợ.

Cổ đi cho theo kịp mọi người, vừa hồi hộp, vừa mệt mỏi, không ai dám nói lớn tiếng, chỉ nghe tiếng thì thầm khi cần phải nói. Khi đã vào đất Miên độ hơn 1 cây số thì có khoảng 5-6 người Miên khác ra đón Kho. Họ trao đổi với nhau bằng tiếng Miên rồi chĩa súng vào mọi

người ra lệnh chia hai toán: đàn ông riêng, đàn bà riêng, rồi họ bắt đi vào những bụi cây gần đó.

Đàn bà phải cởi hết quần áo ra, kể cả quần áo lót, các cô xấu hổ không dám cởi thì nó lấy báng súng đánh vào lưng, ra lệnh: “Cởi mau lên”. Đến bây giờ thì mọi người đã hiểu đang bị cướp nên rầm rập tuân theo. Chúng lục lọi tất cả quần áo, lôi ra được bao nhiêu vàng vòng, tiền đô thì thu tóm hết. Còn bắt các bà khom lưng xuống cho chúng lục bên trong xem chỗ kín có dấu kim cương hay vàng thỏi không.

Bà Thảo nghĩ thầm thăm nào chúng chỉ lấy 2 chỉ vàng, qua đây chúng vơ vét hết, chẳng ai còn một chỉ vàng hay một đồng đô la nào trên người. Nhưng lấy xong thì xin tha mạng cho chúng tôi đi cho trót. Bà cầu mong như thế.

Các cô khóc thút thít vì cảm thấy bị làm nhục. Chúng quát lên: “Câm miệng!” Thế là tất ngúm tiếng khóc, chỉ còn tiếng nấc nhẹ nhẹ không dám thoát ra khỏi cổ.

Xong việc bóc lột, chúng lại thúc đẩy mọi người tiến bước. Bà Thảo nhìn những người đồng hành như nói ngầm: “Chúng tiếp tục đưa mình đi thì phước lắm rồi.”

Sau 1 tiếng đi bộ, đã ra đến gần đường xe chạy. Chúng bảo đứng chờ, khi xe hàng đến gần rồi ngừng lại. Chúng ra dấu cho mọi người leo lên, ngồi chung với hàng hóa. Chạy vài giờ thì xuống xe, lại núp vào các bụi cây chờ một xe khác đến đưa đi tiếp. Mỗi lần đổi xe là mỗi lần được chui vào bụi đi xa. Ai nấy có thức ăn đem theo thì

mở ra ăn cầm chừng, có nước cũng uống cầm chừng.

Sau một ngày mệt nhọc, chúng đưa đến một căn nhà trọ để ngủ qua đêm, mọi người quá mệt và quá khát, nên múc nước trong lu ra uống ngon lành. Bọn dẫn đường phát cho mỗi người một hộp cơm dù chỉ có cơm và 1 khoanh cá kho, một nắm đậu đũa sống cũng thấy ngon lành như ăn tiệc. Họ phát vài cái chiếu cho cả đám nằm chung, sát nhau như xếp cá hộp. Vì trong căn nhà này còn vài toán đi chui khác cũng tụ lại đây.

Cũng may, đám người Miên dẫn đường không bỏ họ mà đưa cho trót đến biên giới Thái Lan thì chia tay.

Từ biên giới, đám người đi chui phải diu dắt nhau vượt thêm một đoạn đường rừng, rồi lặn mò đến trại tị nạn. Bà Thảo và đoàn người đi chung gần 20 người nhìn nhau cười sung sướng, cười như chưa từng cười bao giờ. Sau những thủ tục nhập trại, bà Thảo và đám người đi chung đi kiểm chỗ ở, nghỉ ngơi qua đêm để lấy lại sức.

Hôm sau theo người đến trước ra chợ tham quan, mục đích tìm việc làm. Ra chợ thì họ thấy đã có nhiều người Việt Nam đang làm thuê cho các tiệm ăn, tiệm chạp phô. Hỏi ra, toàn là người tị nạn, ra đây làm công để có tiền gửi về Việt Nam cho gia đình vì ở Việt Nam ai cũng trông mong người đi thoát kiếp tể cho người còn ở lại.

Bà Thảo nghe thế cũng vội vàng tìm kiếm xem có hàng quán nào cần người thì bà làm ngay. Tiếng không biết thì cứ thấy thau chén đĩa là thò tay vào đòi

rửa, bà chủ xe bún mắm bò chóc cũng thông cảm gật đầu. Thế là từ hôm đó bà Thảo có việc rửa chén, lau dọn và phụ sơ chế thức ăn. Bà chẳng ngại lao động vất vả vì bà đã quen vất vả từ sau 30 tháng 4, 1975.

Làm ngày nào lãnh tiền công ngày đó. Bà chủ bán thứ gì thì cho người làm công ăn thứ đó. Ăn mãi một thứ mỗi ngày cũng ngán tận cổ, nên các bà Việt tị nạn đang làm công ngoài chợ nghĩ ra cách trao đổi phần ăn cho nhau cho đỡ ngán. Khi bà có tiền công thì hỏi ngay cách đánh điện báo tin cho chồng con biết bà đã đến nơi an toàn. Bà chỉ viết vồn vện vài chữ “Mẹ đã gặp bác Thái”. Bà cũng đã biên thư cho chị Thu đang ở Mỹ biết bà đã vượt biên đến Thái Lan bình yên. Chị Thu gửi ngay cho bà \$40 đô để bà có tiền tiêu dùng.

Khi để dành được đủ để đóng một thùng quà gửi về, bà gửi ngay vì sợ chồng con đang đói ở nhà. Bà ở trại tị nạn Thái Lan hơn 1 năm thì được chị Thu bảo lãnh qua Mỹ đầu năm 1981.

Cái ngày bà Thảo đi vượt biên, không trở về nhà. Chồng con bà chờ mãi không thấy bà về thì ông Quốc bắt hai đứa con lớn ra chợ kiếm mẹ. Chợ đã vắng teo, chẳng còn sạp nào còn mở. Chẳng biết hỏi ai nên chúng về thưa lại với bố. Ông Quốc tức quá quát tháo ầm ỹ, đổ hết cơn thịnh nộ lên đầu các con. Ông chửi bà là đồ mất nết, bỏ nhà theo trai hay sao chứ! Ông oán bà đi mà không xin phép ông, vì từ xưa đến giờ, đi đâu bà cũng phải xin phép ông. Ông cho phép thì bà mới được đi. Cả bầy con ngồi im cúi đầu chẳng dám nhìn bố. Bụng chúng đang kêu ồm ộp,

chỉ cầu mong ông cho phép ăn dù hôm nay mẹ không về. Chờ cả tiếng sau, thấy cha đã thấm mệt và hết còn sức để la hét. Thoa, con gái lớn xin phép bố:

- Con xin phép cậu cho con dọn cơm cho cả nhà. Các em, chúng nó đói lắm rồi ạ!

Ông Quốc không trả lời, chỉ lừ mắt nhìn Thoa nên Thoa hiểu ý, rút ra sau bếp gọi vài đứa em phụ dọn cơm.

Qua hôm sau, ông Quốc gọi người đến bán bộ ghế salon bằng gỗ đánh vec-ni màu hổ phách lúc trước mua ở đường Hồng Thập Tự khá đắt tiền. Ông bảo với các con rằng:

- Nhà này làm gì có khách đến chơi nữa mà cần ghế cho khách ngồi. Chúng mày ngồi ăn cơm hay học bài thì ngồi ở bàn ăn là được rồi.

Các con đứng nhìn người ta khuân bộ bàn ghế đi mà buồn bã trông theo, vì đó là kỷ niệm của cả nhà. Nhưng chẳng đứa nào dám phản đối, vì biết không có mẹ, chỉ còn nước bán đồ mà tiêu xài.

Sau đó ông Quốc dò hỏi vài người ông quen để họ chỉ cách làm ăn. Ai cũng thông cảm cảnh gà trống nuôi con của ông và nhất là sỹ quan “Ngụy” nên sẵn sàng giúp đỡ. Họ bày ông cái nghề thuê tranh, thuê khăn bàn. Họ cung cấp đồ nghề, mẫu mã và đến tận nhà chỉ cho các con ông. Từ đứa lớn đến đứa bé, dù trai hay gái, hễ cầm được cây kim, sỏ được sợi chỉ là ông bắt làm việc hết cả bày. Cái khoảng trống trong phòng khách do thiếu vắng bộ ghế salon thì được trưng dụng làm chỗ để bốn, năm cái khung thêu.

Thế là, ngoài giờ học, các con ông phải thuê tranh, thuê khăn bàn, chúng nghe lời ông răm rắp, trai gái gì cũng phải thuê để kiếm tiền.

Các con ông Quốc rất nể tài xoay sở làm ăn của ông. Ông làm ăn rất tín nhiệm với khách, họ dám giao hàng cho ông dù ông không có tiền vốn đưa trước để lấy vật liệu. Nhờ tính liêm khiết, giữ chữ tín nên ông Quốc tạo được việc làm cho các con và mấy bố con có thể duy trì cuộc sống sau khi vợ ông đã bỏ đi.

Nhưng bà Thảo đâu có bỏ chồng con đói khát. Vừa đến trại tị nạn Thái Lan, bà đã lo kiếm việc làm để tiếp tế nuôi chồng và một bầy con 9 đứa. Tháng nào bà Thảo cũng gửi một thùng hàng về tiếp tế cho chồng con. Đến năm 1981, bà Thảo được chị gái bảo lãnh đi Mỹ. Chị bà Thảo đang làm chủ một nhà hàng Việt Nam, bán đủ thứ món nên cho ngay bà Thảo một chân phụ bếp. Chị Thu khuyến khích bà:

- Dì chịu khó học việc, từ từ lên bếp chánh thì bớt vất vả. Vài năm nữa bảo lãnh chồng con qua thì có thể mua nhà cho cả nhà ở. Vì nhà dì đến 11 người thì chẳng thuê được apartment, dì cũng chẳng có tiền thuê nổi cả một căn nhà.

Bà Thảo lại nai lưng làm việc, tháng tháng lại gửi một thùng quà về tiếp tế cho chồng con. Khi biết được chồng con bà có việc làm tại gia, có thu nhập để mua thức ăn mỗi tháng thì bà không gửi thùng quà mỗi tháng nữa, mà gửi 2 tháng một thùng. Phần tiền còn lại bà để dành để mua nhà. Bà Thảo được anh rể dạy lái xe. Nhưng dù thi đậu, có bằng lái mà bà chẳng dám tự lái xe. Vì

thế, bà vẫn theo xe chị Thu đi làm mỗi ngày vì vẫn còn ở chung nhà với chị. Bà chỉ trả tiền phòng cho chị Thu, ăn uống thì bà ăn ở tiệm ngày 3 bữa với thợ nên tiết kiệm được nhiều.

Sau ba năm ở Mỹ, bà bắt đầu nộp đơn bảo lãnh cho chồng con. Mãi đến năm 1991 chồng và 6 đứa con bà Thảo mới được qua Mỹ. Ba đứa con lớn vì đã có gia đình nên đến năm 1993 mới được bảo lãnh qua sau.

Bà Thảo vui vẻ ra mặt sau 12 năm xa cách chồng con. Giờ đây căn nhà single house hai tầng tràn ngập tiếng nói, tiếng cười. Các con bà phấn chấn với cuộc sống mới. Ba đứa nhỏ nhất qua đây khi đã 19, 21 và 23 tuổi thì xin vào trường đại học NOVA, mấy đứa lớn thì đi học nghề vì chúng đã bỏ học từ lâu, chẳng có căn bản để học tiếp. Đối với bà, chúng nó có cơ hội học nghề để tự sinh sống ở nước Mỹ là bà yên tâm rồi.

Thế nhưng ông Quốc chồng bà vẫn để tâm thù bà vì ra đi không xin phép ông. Ông nhất định không nói chuyện với bà, không ở chung phòng với bà, xem như hai người hoàn toàn ly thân dù vẫn ở chung nhà. Nhưng bà vẫn không yên thân với ông, hở ra là ông mở miệng đay nghiến bà, bà phải im lặng lánh xa ông. Sau vài năm, ông Quốc nộp đơn xin ly dị vợ dù vẫn ở trong nhà của bà. Bà vẫn đi làm mỗi ngày đem tiền về lo trả tiền nhà, tiền điện nước, điện thoại và cả tiền chợ. Khi mấy đứa lớn có việc làm thì phụ mẹ trả tiền điện nước, điện thoại và tiền chợ. Nhưng từ từ chúng có gia đình và

dọn ra riêng, bà vẫn là người trang trải mọi thứ trong nhà.

Cho đến khi ông Quốc đủ tuổi xin nhà trợ cấp cho người nghèo, ông nộp đơn ngay. Khi nhận được nhà, ông dọn ra. Bà cũng đã đến tuổi nghỉ hưu, bà bán nhà và dọn đi California, theo hai đứa con lớn đã dọn qua đó vài năm trước.

Qua California, bà ở nhà giữ cháu ngoại, cháu nội giúp hai con lo buồn bán ở nhà hàng do chúng tự mở. Khi các cháu đã lớn, không cần bà giữ nữa thì cũng là lúc cơ thể bà đã mệt mỏi, phát bệnh của người già. Con bà nộp đơn cho bà vào nhà già ở chung với các ông bà lão người Việt cho vui. Nhờ ở nhà già có nhiều người Việt Nam bà quen được một ông bạn già hơn bà vài tuổi, là ông Khang. Ông Khang lúc trước là sỹ quan cấp tá trong Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, ông qua đây theo diện HO. Sau vài năm qua Mỹ, vợ bỏ ông. Bà Thảo đoán có lẽ ông cũng từng làm khổ vợ nhiều năm nên bây giờ bà có cơ hội bung ra thì đi ngay. Nghĩ thế nhưng bà không cần hỏi. Chỉ biết hiện tại ông Khang rất tốt với bà, khi bà cần đi đâu, ông lái xe chở bà đi ngay. Hai người lại nói chuyện tâm đắc với nhau lắm. Cuối tuần nào ông cũng chở bà ra ngoài ăn tiệm rồi đi chợ. Bà và ông vẫn ở hai người hai căn apartment trong cùng khu, nhưng ngày nào ông cũng qua nhà bà ăn chung ba bữa cơm vì ông giao hết tiền chợ cho bà. Riêng ông Quốc, sau khi vào nhà già nhiều năm, ông đã qua đời vì tuổi già.

Nhưng rồi tai họa ập xuống, bà bị tai biến mạch máu não. Đưa vào cấp cứu

thì cứu sống được nhưng bà phải ngồi xe lăn vĩnh viễn. Khi bà trở lại căn apartment của bà, ông Khang ngày nào cũng qua săn sóc bà, đẩy xe lăn cho bà ra ngoài phơi nắng mỗi ngày. Nhưng bản thân ông Khang cũng có vài bệnh già. Các con bà ở Virginia quyết định đem bà về Virginia để có thể săn sóc bà. Tại Virginia, bà vẫn xin được chương trình Long Term Care nên có người đến săn sóc bà mỗi ngày 8 tiếng, tuần 7 ngày. Ngày nào bà và ông Khang cũng gọi cho nhau, ông Khang cứ nhắc bà trở lại California để bầu bạn tuổi già với ông vì cả hai người biết rằng họ chẳng còn sống bao lâu nữa. Bà Thảo lại năn nỉ các con mua vé máy bay cho bà trở lại Cali. Các con dù rất thông cảm với nỗi cô đơn của mẹ nhưng phải khuyên bà rằng:

-Bác Khang cũng đau yếu nhiều, bác bị tiểu đường nặng, bản thân bác cũng phải cần người giúp, làm sao bác lo được cho mẹ? Thôi mẹ với bác Khang gọi nhau mỗi ngày nói chuyện cũng được rồi.

Một hôm, bà Thảo thấy nhức đầu, buồn nôn, bà nôn thốc tháo ra nhà; người săn sóc gọi cho con gái bà báo tin, thì con gái trả lời đang bận có khách vì tiệm đang đông khách. Bà Thảo lại nôn thêm vài lần nữa. Đến gần 8 giờ tối, khi con gái về, con trai từ nhà khác đến thăm, thấy bà kêu nhức đầu quá, bà lại nôn thốc tháo ra nhà. Lúc này các con bà mới gọi xe cứu thương đến, xe đến ngay trong vòng 10 phút

đưa bà đi. Đến nhà thương thì người ta phát hiện ra bà đã bị tai biến mạch máu não, họ gọi trực thăng đưa bà qua nhà thương Fairfax. Nhưng qua chiều hôm sau thì bà tắt hơi.

Chuông điện thoại ở cái cell phone của bà lại reo lên. Con trai bà nhận ra số phone của ông Khang nên bắt lên trả lời: "Thưa bác, mẹ cháu vừa mất chiều nay. Cháu cũng đang tính gọi cho bác báo tin nhưng bác đã gọi qua."

Có tiếng ông Khang bật khóc bên đầu dây bên kia.

Có lẽ suốt cuộc đời làm vợ ông Quốc, bà Thảo chưa bao giờ thật sự có hạnh phúc, nhưng bà an phận làm vợ, làm mẹ, không so đo phân bì với những người đàn bà may mắn hơn bà. Có lẽ thời của bà, phụ nữ chẳng dám đòi hỏi có hạnh phúc, được chồng tôn trọng hay săn sóc, quan tâm, nên bà thấy bình thường khi có ông chồng cộc cằn hay quát tháo, hay gia trưởng. Cho đến cuối đời, bà gặp được ông Khang, người luôn tôn trọng bà, săn sóc bà, nói năng nhã nhặn với bà, thì bà mới biết được hạnh phúc của người được thương yêu là thế nào. Bà tự an ủi dù trễ, nhưng vẫn còn hơn không bao giờ biết được hạnh phúc là gì. Bà Thảo qua đời ở tuổi 81, đem theo một tình yêu muộn màng nhưng thật đẹp.

TT-Thái An 7/18/2021





VĨ CẦM THỒN THỨC –

Tranh: bút bi trên giấy, 11"x14" - **Mùi Quý Bồng**

*Văng vẳng đâu đây điệu nỉ non
Thồn thức bên sông một khúc đàn
Sầu nữ thả hồn theo nốt nhạc
Vĩ Cầm rung tiếng khóc than van - MQB*

CHUYỆN PHIẾM: NGHỀ QUAN TÒA

**** LS. NGÔ TÀNG GIAO ****



Quan tòa hay thẩm phán là người thực hiện quyền xét xử chính tại một phiên tòa, có thể là chủ tọa một mình hoặc là một thành phần trong hội đồng xét xử gồm nhiều thẩm phán.

Các quốc gia có các quy định khác nhau về quyền hạn, chức năng, cách thức bổ nhiệm, kỷ luật, và đào tạo thẩm phán.

Quan tòa thực hiện việc xét xử một cách không thiên vị tại các phiên tòa công khai. Trong phiên xử án, quan tòa nghe các bên trong vụ án như “nguyên đơn” (người đi kiện) và “bị đơn” người bị kiện trình bày. Trong những vụ án hình sự quan tòa sẽ nghe “bị cáo” hay “bị can” là kẻ bị tình nghi là thủ phạm phạm tội và “nhân chứng” là những người làm chứng. Sau đó thẩm phán đánh giá mức độ xác thực của các bên, và đưa ra phán quyết về vấn đề được trình bày dựa trên việc giải thích pháp luật và đánh giá chủ quan của mình. Tại một số quốc gia, quyền hạn của thẩm phán được chia sẻ với “bồi thẩm đoàn” hoặc “hội thẩm”.

Ở nhiều nơi trên thế giới, các quan tòa khi ngồi xử kiện thường mặc áo choàng dài (gọi là toge) thường là màu đen hoặc đỏ và có vị trí ngồi trên một bục cao trong phiên tòa (được gọi là the bench). Ở một số quốc gia, đôi khi các quan tòa còn đội tóc giả màu trắng trông rất oai phong lẫm liệt và khả kính!

Ấy vậy mà đôi khi người dân cũng thấy nhiều cảnh khá... ngoạn mục và khôi hài về các vị quan tòa trước “vành móng ngựa”!

Quan tòa say rượu, ngủ gục

Chuyện nước Trung Hoa:

Quan tòa Wei Kaiyang, làm việc tại tòa án huyện Dongan, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc đang phải đối mặt với án kỷ luật, thậm chí bị sa thải sau khi một đoạn video clip quay cảnh ông ta ngủ gục trong một phiên tòa đang tiến hành tại địa phương, bị đăng tải trên các phương tiện truyền thông xã hội. Trong clip này, người ta thấy toàn bộ phiên tòa lâm vào tình trạng hỗn loạn, lộn xộn. Còn ông quan tòa ngồi ngủ gục ngon lành ngay trên chiếc ghế chủ tọa của mình vì trót quá chén sau bữa nhậu trưa. Người đăng tải đoạn video này còn cho hay, ông quan tòa đã bắt đầu gà gật ngay từ đầu phiên xét xử. Phiên tòa sau đó phải bị tạm hoãn.

Đại diện phía Tòa án sau đó đã tuyên bố rằng họ đang tiến hành một cuộc điều tra về hành vi vi phạm kỷ luật

của viên thẩm phán trên. Theo tuyên bố từ Tòa án thì vào ngày xảy ra sự việc, ông Wei Kaiyang đã uống rượu với ba người bạn vào bữa ăn trưa. Ông ta đã uống say tới nỗi không thể tự chủ được khi điều khiển phiên xét xử vào buổi chiều hôm đó. Bản báo cáo nhấn mạnh: "Ông ta (Wei Kaiyang) đã vi phạm kỷ luật làm việc, làm sụt giảm nghiêm trọng hình ảnh của một thẩm phán và gây ra những thiệt hại ghê gớm cho xã hội".

Quan tòa xem phim “đen” tại tòa án

Chuyện nước Anh:

Báo Telegraph năm 2015 cho hay 3 thẩm phán đã bị sa thải và ông quan tòa còn lại tự nộp đơn từ chức trong vụ bê bối xem phim “đen” khi đang xét xử tại tòa án, gây chấn động giới tư pháp.

Văn phòng Kiểm sát và Điều tra Tư pháp Anh (JCIO) cho hay các quan tòa này bị phát hiện xem các phim khiêu dâm trên laptop khi đang làm việc tại tòa hình sự, tòa dân sự và di trú. Không rõ các vị này có trao đổi hình ảnh các kiểu nữ tươi mát cho nhau, hoặc có duy trì mối quan hệ nào đó hay không. Văn phòng JCIO cũng từ chối cho biết liệu họ bị bắt tại trận hoặc bị phát hiện trong quá trình kiểm tra dữ liệu máy tính.

Tuy nhiên, điều này có thể là cơ hội vàng cho các bị cáo đã bị kết án trong các phiên tòa mà những vị trên đóng vai trò quan tòa ngồi xét xử, nếu cuộc điều tra xác nhận các ngài đã bị xao nhãng khi vừa lén lút xem phim ảnh khiêu dâm, vừa nghe các bên biện luận tại tòa. Thật hết chỗ “giải trí” rồi hay sao?

Quan tòa gợi ý nghi phạm hiếp dâm cưới nạn nhân

Chuyện nước Ấn Độ:

Chánh án Sharad Arvind Bobde của Tòa án nhân dân tối cao Ấn Độ gợi ý khuyên nghi phạm hiếp dâm hãy cưới nạn nhân để không phải ngồi tù. "Anh muốn cưới cô ấy không? Anh lẽ ra nên suy nghĩ trước khi quyến rũ và hiếp dâm cô gái. Chúng tôi không ép anh cưới. Hãy cho chúng tôi biết nếu anh muốn", quan tòa hỏi nghi phạm 23 tuổi trong buổi làm việc.

Trong vụ án này, nạn nhân cáo buộc bị nghi phạm là họ hàng xa liên tục đeo bám và hiếp dâm cô từ lúc 16 tuổi. Ban đầu, gia đình hai bên thỏa thuận nghi phạm sẽ kết hôn với nạn nhân khi cô đủ 18 tuổi nhưng anh ta thất hứa và cưới người khác. Sau khi gia đình nạn nhân làm đơn tố cáo vào năm 2019, tòa địa phương cho nghi phạm tại ngoại hầu tra. Tuy nhiên, lệnh cho tại ngoại bị tòa cấp cao thành phố Bombay hủy và thay bằng tạm giam.

Câu nói của ông quan tòa Sharad xứ “cà ri” bị nhiều phụ nữ cho là “thiếu tế nhị”. Hơn 4.000 phụ nữ đã ký tên vào lá thư yêu cầu ông từ chức. Ừ thì phải vậy chứ! Nếu bị đuổi ra khỏi tòa án thì về mở văn phòng... môi giới hôn nhân có lẽ sẽ ăn khách!

Quan tòa mất việc vì khuyên cô gái “khép chân lại” khi bị xâm hại

Chuyện nước Mỹ:

John Russo Jr., thẩm phán tòa án hạt Ocean, tiểu bang New Jersey, bị sa thải do có thái độ đùa cợt, hạ thấp nhân phẩm của người phụ nữ tố cáo bị xâm

hại tình dục. Ông Russo cũng bị cấm vĩnh viễn hành nghề thẩm phán tại New Jersey vì "có hành vi sai phạm nghiêm trọng liên tiếp", theo quyết định của tòa tối cao tiểu bang này.

Quyết định dựa kết quả điều tra cho thấy Russo đã vi phạm quy tắc ứng xử của thẩm phán trong ít nhất bốn lần. Lần gây chú ý nhất vào năm 2016, khi một phụ nữ yêu cầu Russo ra lệnh hạn chế tiếp xúc đối với người bị chị này tố cáo hiếp dâm. Theo biên bản tòa, Russo hỏi đương sự: "Có biết làm cách nào để ngăn người khác giao cấu với mình không?". Khi người phụ nữ trả lời "có thể chạy trốn", Russo tiếp tục hỏi chị ta liệu đã thử "khép chân lại" hoặc "gọi cảnh sát" chưa. Khi người phụ nữ rời phòng, Russo đem câu chuyện ra đùa với nhân viên.

Theo quyết định sa thải, Russo đã không giữ được sắc thái trang nghiêm tại tòa với những lời bình luận ấu trĩ và hạ thấp nhân phẩm người khác.

Quan tòa và thầy kiện đánh nhau ngay tại tòa

Chuyện nước Mỹ:

Năm 2014 tại tòa án hạt Prevard, Florida thẩm phán John Murphy đấu khẩu với luật sư bào chữa Andrew Weinstock vì luật sư không chịu từ bỏ quyền được xét xử nhanh của thân chủ (refused to waive a client's Sixth Amendment right to a speedy trial).

Trong quá trình xét xử một vụ án hai bên đã có mâu thuẫn dẫn đến to tiếng. Thẩm phán trở nên nổi nóng và nói trong video từ camera tòa án: "Anh biết không, nếu bây giờ có một tảng đá thì tôi sẽ ném vào anh ngay lập tức. Ngồi

xuống ngay và đừng khiến tôi phát điên". Đáp lại, luật sư phản pháo: "Tôi là một luật sư. Tôi có quyền được đứng ở đây và đại diện cho thân chủ của mình".

Mâu thuẫn lên đến tột điểm khi thẩm phán chủ tọa phiên tòa không kiềm chế được bản thân, vốn là cựu đặc nhiệm quân đội nên hăng máu và ra lời thách thức: "Nếu muốn đánh nhau thì cùng ra ngoài. Tôi sẽ đá vào mông anh" ("I said sit down. If you want to fight, let's go out back and I'll just beat your ass."). Tin cho hay rằng quan tòa nắm cổ áo ông luật sư và đấm ông này. Sau đó, hai người hùng hổ kéo nhau ra phía ngoài phòng xử án và... hỗn chiến, bỏ mặc phiên tòa. Cuộc ẩu đả chỉ chấm dứt khi một viên sĩ quan cố gắng kéo hai người ra xa. Khi thẩm phán Murphy trở lại phòng xử ông được cả phòng vỗ tay hoan hô. Ngược lại vị luật sư bào chữa vắng mặt. Tuy vậy thắng lợi võ nghệ của ông quan tòa Murphy không kéo dài vì ít lâu sau ông bị cách chức.

Quan tòa dùng thủ đoạn đổi tội danh

Chuyện nước Mỹ:

Ông Richard Thompson, 62 tuổi khi làm thẩm phán tại 9 tòa án cấp thị trấn thuộc quận Monmouth (New Jersey) đã lên chuyển đổi tội danh của 4.000 vi phạm giao thông sang tội danh "Coi thường tòa án" trong thời gian từ tháng 1/2010 tới tháng 10/2015. Richard chờ người vi phạm rời khỏi phòng xử án rồi mới đổi tội danh, nhưng vẫn giữ nguyên mức phạt.

Thông thường, tiền phạt thu được từ vi phạm giao thông sẽ được chia đôi

cho chính quyền cấp thị trấn và chính quyền cấp quận. Nhưng tiền phạt từ tội danh “Coi thường tòa án” sẽ được chuyển hết cho chính quyền cấp thị trấn. Vì vậy, hành động của Richard giúp tăng thu ngân sách cho thị trấn nơi thuê ông ta làm thẩm phán. Tội danh “Coi thường tòa án” sẽ được áp dụng khi một người không trình diện theo trát tòa hoặc làm gián đoạn phiên làm việc tại tòa...

Theo công tố viên, Richard đã khiến chính quyền quận Monmouth thất thu ngân sách 500.000 USD, nhưng không làm giàu bản thân. Động cơ gây án là vì Richard muốn giữ quan hệ tốt với 9 chính quyền cấp thị trấn để được tiếp tục giữ ghế thẩm phán trong thời gian dài. Richard đã bị tòa án tối cao tiểu bang New Jersey cách chức và cấm hành nghề thẩm phán suốt đời. Thay vì án tù, ông ta sẽ phải tham gia chương trình cải tạo giúp người phạm tội lần đầu có cơ hội được xóa án tích.

Quan tòa gạt tình nữ bị cáo

Chuyện nước Mỹ:

Tháng 8-2009 tại Houston, Texas, ông Donald Jackson, 60 tuổi, thẩm phán tòa quận hạt Harris, bị một bồi thẩm đoàn kết tội tiểu hình lợi dụng chức vụ để áp bức. Ông bị tuyên án tù 30 ngày thêm hai năm quản chế và phải thực hiện 200 giờ công ích, trả \$4,000 tiền phạt và trong hai năm tới mỗi năm phải học 25 giờ các lớp về đạo đức pháp lý được tiểu bang chấp thuận.

Mọi sự bắt nguồn từ vụ xử say rượu lái xe của cô Ariana Venegas, 28 tuổi. Cô cáo buộc Jackson đã đề nghị sẽ bỏ

nhệm một luật sư giỏi để bào chữa cho cô nếu cô bằng lòng có quan hệ tình cảm “hơn là tình một đêm.” Cô khai rằng Jackson nói nếu cô không chịu thì chắc chắn cô sẽ bị kết tội vì chính ông là người xử án.

Phiên tòa xét xử khiến trách Jackson “làm mất phẩm giá của một thẩm phán”... “tất cả chúng ta đều bị hoen ố bởi sự ngu xuẩn của ông”. Jackson bị đưa ra khỏi ghế xét xử mà không được hưởng lương, khoảng \$140,000 một năm.

Nữ thẩm phán giả mạo giấy tờ để bí mật kết hôn với chồng cũ

Chuyện nước Pháp:

Một người phụ nữ 58 tuổi đang phải đối mặt án tù lên đến 10 năm và khoản phạt 170.000 đôla vì giả mạo giấy tờ của chồng cũ để tái hôn với chính ông. Người phụ nữ này từng là thẩm phán cấp cao ở Hauts-de-Seine, ngoại ô phía tây Paris, Pháp. Hành động của bà được cho là trả thù chồng, một luật sư, sau khi ông này bỏ theo người phụ nữ khác.

Vào tháng 3/2019, bà này đã giả mạo các loại giấy tờ, cùng với sự giúp đỡ của con gái và một đồng phạm đóng giả làm chồng cũ, cùng tổ chức hôn lễ trước mặt thị trưởng nơi bà làm việc thời điểm đó. Kế hoạch không chút trở ngại. Nhưng vài tuần sau cuộc hôn nhân giả, bà này chuyển công tác về vùng Hauts-de-Seine và những đồng nghiệp nhanh chóng phát hiện việc làm của bà. Và rồi người chồng biết sự thật. Một cuộc điều tra nhanh chóng được mở ra. Người phụ nữ đã bị bắt giữ cùng với đồng phạm và con gái. Hiện

bà vẫn được giữ tư cách thẩm phán, nhưng bị đình chỉ nhiệm vụ.

Nữ thẩm phán đăng ảnh mặc “xuyên thấu”

Chuyện nước Cộng Hòa Colombia:

Vụ việc xảy ra với nữ thẩm phán Vivian Polania sau khi cô chia sẻ với cộng đồng fan trực tuyến của mình những bức ảnh hở hang, "mặc xuyên thấu". Cô có thể phải đối mặt với án kỷ luật sau khi cuộc điều tra hoàn tất.

Vivian được mệnh danh là "thẩm phán đa năng" sau khi chia sẻ với báo chí địa phương rằng nhận được nhiều lời mời quảng cáo từ các công ty thiết kế. Cô cho biết cô thu hút được "làn sóng" người theo dõi trên mạng xã hội sau khi "phơi bày thân thể" khoe thân hình "nóng bỏng" và sẽ được hưởng nhiều cơ hội, ưu đãi từ các công ty thiết kế.

Tuy nhiên, việc đăng tải nhiều bức ảnh hở hang quá mức khiến nữ thẩm phán gặp phải rắc rối. Ban kỷ luật hội đồng thẩm phán cấp cao Colombia đã yêu cầu điều tra Vivian trong một phiên điều trần bất thường. Ban kỷ luật chỉ ra rằng nữ thẩm phán đã vi phạm khi "thực hiện các hoạt động trong công vụ hoặc đời sống xã hội ảnh hưởng tới lòng tin của công chúng hoặc hành vi có thể làm tổn hại đến phẩm giá của cơ quan tư pháp".

Nữ thẩm phán bị can phạm “thả lời ong bướm”

Chuyện nước Mỹ:

Một người đàn ông sống tại Florida đã "tán tỉnh không biết ngượng" vị nữ CT-SỐ 93

thẩm phán đang xét xử vụ việc của chính anh ta qua Zoom. Nghi phạm ăn trộm Demetrius Lewis đã xuất hiện trước thẩm phán Tabitha Blackmon của Quận Broward thông qua liên kết video. Anh ta bị cáo buộc là đã cố gắng đột nhập vào một ngôi nhà của một gia đình ở Fort Lauderdale trong đó có 3 đứa trẻ đang ngủ.

Lewis xuất hiện trong khung hình với đôi tay đã bị còng. Anh ta ngấm dung nhan thẩm phán Blackmon trên màn hình và nói với cô một cách đầy... thân thiện: "Cô có khỏe không, cô có khỏe không?". Vẫn chưa kết thúc, Lewis nói tiếp: "Thưa thẩm phán, cô thật lộng lẫy... Tôi phải nói với cô rằng, cô rất lộng lẫy". Rồi anh ta nói thêm mà không hề xấu hổ: "Tôi yêu cô. Tôi yêu cô". Cô thẩm phán bình thản đáp lời: "Được rồi anh Lewis. Tang bốc sẽ đưa anh tới mọi nơi, nhưng có lẽ không phải ở đây".

Sau đó phiên tòa tiếp tục xét xử qua Zoom như thường lệ. Công tố viên yêu cầu khoản tiền bảo lãnh 7.500 đô la và cũng giải thích thêm là Lewis mới chỉ được thả từ năm 2019 sau một án 4 năm tù ở tiểu bang. Nhưng cô thẩm phán Blackmon chỉ ra lệnh cho anh ta nộp số tiền bảo lãnh là 5000 USD.

Đoạn video thú vị được chia sẻ trên Twitter và đã nhận được hơn 14.000 lượt thích và 4000 lượt chia sẻ với rất nhiều bình luận bên dưới.

“Cái quần của ông quan tòa”

Chuyện nước Mỹ:

Năm 2007 thẩm phán Roy Pearson, ở Washington, D.C., bỏ chiếc quần ở

một tiệm giặt ủi của một cặp vợ chồng người Đại Hàn họ Chung để mượn họ sửa. Khi ông đến lấy quần thì không có vì chẳng may cái quần đã bị thất lạc. Mấy ngày sau, người ta đưa quần ra, nhưng ông nhất quyết bảo không phải quần của mình và dọa đi kiện. Chủ tiệm giặt ủi tìm cách thương lượng. Ông Roy nói quần của mình mua đến 800 đô, ông Chung, chủ tiệm đề nghị đưa cho ông Roy một phong bì 30 tờ giấy 100 để xí xóa cả. Ông Roy nói vì không có quần này để mặc ngày nhậm chức nên ông bị “khủng hoảng nội tâm”, và món tiền này chẳng có nghĩa gì cả. Ông Chung bảo: “Thế thì bốn ngàn rưỡi vậy!”, nhưng Roy vẫn lắc đầu, nét mặt lộ vẻ tâm thần thật sự. Ông Roy người Mỹ gốc châu Phi này nói: “Nên nhớ tôi là luật sư đấy nhé!”. Ông Chung sợ, một phần cũng vì không hiểu tiếng Mỹ, mới đề nghị “Mười hai ngàn”.

Nhưng Roy ra tòa, kiện tiệm làm mất quần và đòi bồi thường đến 67 triệu đô la. Roy hiện đang ăn tiền trợ cấp thất nghiệp, nói rằng cửa hiệu này treo hai bảng “Bảo đảm hài lòng” (Satisfaction Guaranteed) và “Dịch vụ cùng ngày” (Same Day Service) thì phải có trách nhiệm pháp lý thực hiện hai cam kết đó. Roy tính sự thiệt hại cho ông sẽ kéo dài đến 1.200 ngày, hay 40 tháng, mới hết, cho nên tổng số phải bồi thường lên đến 64,8 triệu.

Ngoài ra bên bị đơn phải chịu trả tiền luật sư cho nguyên đơn Roy, mặc dù ông ta tự cãi, là 542.000 đô la, và trả thêm 500.000 đô la bồi thường về “khủng hoảng cảm xúc”. Ít ngày sau Roy cho ba bị đơn một discount gần 12 triệu, chỉ còn tính 54 triệu, trong đó có một khoản chi tính ra 15.000 đô mỗi tuần cho ông ta thuê xe để đưa áo quần đến một tiệm giặt ủi khác.

Bà thẩm phán Judith Bartnoff đã phá ra cười khi thấy Roy nói đến khoản chi mượn xe này. Bà phán rằng chủ nhân tiệm giặt ủi không vi phạm luật bảo vệ người tiêu thụ. Không nên diễn dịch “Bảo đảm hài lòng” có nghĩa là phải thỏa mãn yêu cầu không hợp lý của khách hàng. Roy không chứng minh được cái quần được trả lại về sau không phải là quần của mình, vì ông có đến hơn 40 cái quần trong tủ, không thể biết cái nào còn cái nào mất. Bà ra lệnh cho Roy phải trả án phí cho các bị đơn khoảng 5.000 đô la. Họ Chung có thể kiện ngược lại ông Roy về tội gây cho họ những tổn thất thật sự về tâm lý, cảm xúc. Cái ông “quan tòa” này không biết có vấn đề chi về tâm thần hay không? Thật quá là lố bịch!

LS. NGÔ TÀNG GIAO



HẸN NGÀY TÀI NGỘ

Chiều rơi chậm chậm trắng lên
Bóng dừa che lấp trắng trên đỉnh đầu
Giờ đây quên hết u sầu
Núi kề bên biển một màu xanh tươi.

Đưa Ta về tuổi đôi mươi
Lòng tràn hy vọng thắm tươi yêu đời.
Yêu màu Phượng đỏ một thời
Mơ hoa bắt bướm, một trời yêu thương

Ngắm hoàng hôn chợt vấn vương
Cuối trời sao thấy quê hương xa mờ
Bạn, Ta chia cách đôi bờ
Del-ta Co-vid hiện giờ tràn lan.

Bao triệu người sống nguy nan
Cầu mong thế giới bình an thuở nào
Biển đêm sóng vỗ rì rào
Gió giông lá đổ ào ào như mưa.

Bềnh bồng mây trắng đông đưa
Sáng trưa tắm biển vẫn chưa thỏa lòng
Tâm tư gửi bạn đôi dòng
Chia tay tạm biệt ước mong an bình.

Mừng vui chia sẻ tâm tình
Hẹn ngày tái ngộ chúng mình bên nhau
Mấy tuần thấm thoát qua mau
Tuổi vàng năm tháng trước sau qua vèo

Nhớ khi lên dốc xuống đèo
Lắc lư xe "bus" eo sèo choáng tai
Chúng mình kể cũng dẻo dai?
Tuổi ngoài tám chục trách ai bây giờ.

May sao chưa bị khù khờ
Tai nghe, mắt thấy
cũng nhờ trời thương
Từ ngày xa cách cổ hương
Lang thang hạnh phúc
bốn phương là nhà.

Đôi câu viết vội thay quà
Gửi tới quý bạn tình "Già" bên nhau.
Nào ai biết được mai sau?
Ngày vui gặp lại sẽ mau tới gần.

Thái Hưng PGH/ Hè 2021



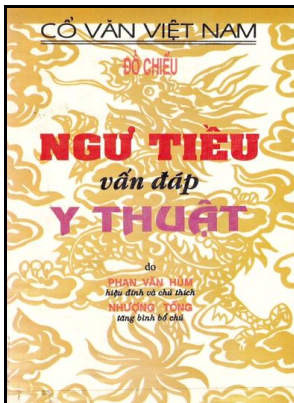
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

**** Nguyễn Phú Long sưu tầm ****

Trước hết, kính mời thường thức bài thơ:

Thà Đui

*Dầu đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
Dầu đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.
Dầu đui mà đừng trọn mình,
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu.
Sáng chi theo thói tha cầu,
Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai.
Sáng chi đắm sắc tham tài,
Lung (1) lòng nhân dục,
mang tai họa trời.
Sáng chi sàm nịnh theo đời
Nay vinh mai nhục mang lời thị phi.
Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi,
Thảo ngay chẳng biết,
lỗi nghi thiên luân.
Thấy rồi muôn việc trong trần,
Xin còn hai chữ “tâm thần” ở ta.*



Bài thơ “Thà Đui” trên đây trích trong tác phẩm “Ngư Tiều Văn Đáp” của Nguyễn Đình Chiểu, lời lẽ bình thường, giản dị, mộc mạc, chẳng réo rắt như Cung Oán Ngâm Khúc của tác giả Nguyễn Gia Thiều. Không điêu luyện như truyện Thúy Kiều của Tiên Điền Nguyễn Du. Ít điển cố. Tuy nhiên rất chải chuốt, thanh tao, nhất là về phương diện đạo đức, luôn khuyên người ta giữ luân thường đạo lý. Đó là tóm tắt lời nhận xét của Giáo sư Dương Quảng Hàm về bài thơ Thà Đui trong cuốn Văn Học Việt Nam do Trung tâm Học Liệu, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản.

Nói chung, thì chẳng phải chỉ riêng bài “Thà Đui”, mà hầu như tất cả thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu đều có thể nhận xét tương tự tổng quát như thế.

Đề ý, nơi cuốn sách nói về Nguyễn Đình Chiểu xuất bản từ năm 1973 dày hơn 600 trang ở Hà Nội Việt Nam, thì văn chương của tác giả Lục Vân Tiên phần nhiều chỉ là “truyện kể”; “truyện nói” nên tác giả đã dùng lối văn nôm na, mộc mạc, dễ hiểu, dễ nhớ.... mục đích để có thể truyền bá rộng rãi tại những nơi đại chúng, bình dân. Nhiều người thẳng thắn bày tỏ ý kiến khi thấy lời văn không hay lắm, xin nhớ một điều, Nguyễn Đình Chiểu vì mù lòa nên

việc sáng tác chắc chắn đã gặp trở ngại, khó khăn hơn bình thường: không quan sát được sự vật bên ngoài, chỉ suy nghĩ mà nói ra thôi, rồi phải đọc, cậy người khác ghi lại, do đó đã chẳng “thôi sao” kỹ lưỡng, nhiều lần, chẳng quan sát ngoại cảnh theo nhận xét riêng để sửa chữa bản thảo cho đến khi vừa ý hoàn hảo.

Trước đó, trên thế giới, Louis Braille mới phát minh ra loại chữ Braille đặc biệt chỉ ít năm, từ năm 1825, một phần còn rất thô sơ, một phần thừa Nguyễn đình Chiểu, những năm 1850 còn xa vời, chưa phổ biến rộng để người khiếm thị ở nước ta học hỏi và sử dụng lấy tay sờ và đọc được như ngày nay. Vì vậy, ý tưởng suy nghĩ trong đầu nảy tới, đã phải nói ra, rồi nhờ người khác viết trên giấy nên chuyện o bế có khi thiếu sót khó nhìn thấy mà sửa lại.

Bài thơ “Thà Đui” ra đời là một từng trải thực tế bản thân. Vì chính tác giả đã bị khiếm thị, bị mù mắt! Cái lý do mắc phải đui mù cũng là một bài học về lòng hiếu thảo đáng ca ngợi! Câu chuyện vòng vo từ đầu hơi dài như sau:



Nguyễn đình Chiểu sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm Ngọ tức là ngày 1 tháng 7 năm 1822 ở thôn Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, khu vực ấy nay thuộc thành phố Sài Gòn. Cha là Nguyễn Đình Huy, vốn người Thừa Thiên, Huế. Nhân vào làm thơ-lại ở dinh tổng trấn trong Gia Định thành, đã có vợ hai con, mới lấy người thiếp ở đây là bà Trương thị Thiệt người làng Tân Thới mà sinh ra ông (1822).

Năm 1833 nhân Lê Văn Khôi khởi loạn, cả nhà ông trốn về Huế bị cách chức, bèn trở lại Nam Kỳ sống với bà thiếp, song gửi ông cho người bạn ở Huế đi học khoảng 8 năm, về sau Nguyễn Đình Chiểu cũng trở về Nam Việt.

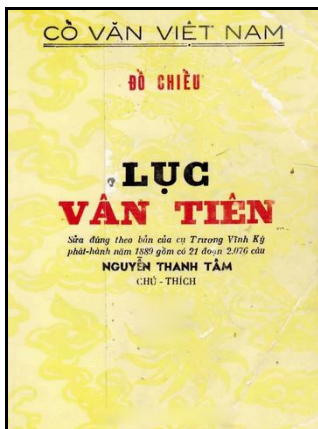
Đến năm Quý Mão 1843 lúc đó ông Nguyễn đình Chiểu 21 tuổi thi đỗ Tú tài ở trường thi Hương Gia Định, rồi Cử nhân, ra kinh đô 1849 chờ thi Hội. Chợt nghe tin mẹ mất, khóc quá thành mù. Năm sau về nhà cư tang và mở trường dạy học do đó có tên Đồ Chiểu.

Bị tật nguyên mù loà ngay giữa tuổi hoa niên, nên Nguyễn Đình Chiểu hết sức đau đớn về cảnh ngộ của mình. Tuy vậy ông vẫn không nản chí. Chẳng thể tiến thân bằng con đường khoa cử ông quyết tâm lập đức, hành đạo và đem vốn sở học của mình làm những việc hữu ích cho mọi người xung quanh.

Như trên đã nói, sau khi mất tang mẹ, ông mở trường dạy học, nghiên

cứu nghề thuốc và bắt đầu sáng tác thơ văn.

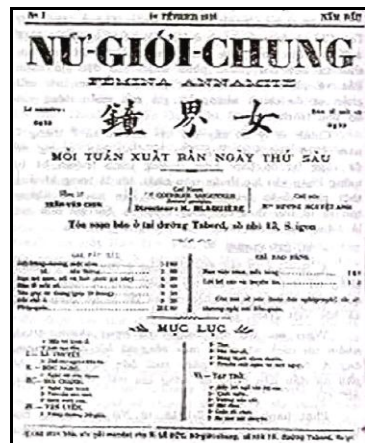
Có tài liệu cho biết, một nhà phú hộ trong vùng đã hứa gả con gái, nhưng sau thấy hoàn cảnh của ông bị tàn tật mù loà thì liền bội ước. Lúc đó, ông ngoài ba mươi mà vẫn độc thân, cảm thương tình cảnh đau khổ chưa lập gia đình, một người học trò tên là Lê Tăng Quýnh, ở Thanh Ba Cần Giuộc đã xin cha mẹ đem em gái Lê Thị Điền gả cho thầy học. Cũng trong thời gian này Nguyễn Đình Chiểu hoàn thành việc sáng tác truyện Lục Vân Tiên, nổi tiếng. Một cuốn sách rõ ràng ít nhiều mang tính chất tự truyện.



Nguyễn Đình Chiểu và bà Lê Thị Điền sinh được bốn người con hai trai hai gái, tất cả bốn cô cậu đều được cha mẹ nuôi dạy nên người. Cô con gái út tên là Nguyệt Anh (tên thật: Nguyễn Thị Ngọc Khuê). Cô Năm Nguyệt Anh làm chủ bút tờ báo mang tên “Nữ Giới

Chung” là người yêu nước, đã bán một phần điền sản của mình lấy tiền góp cho các thanh niên du học Nhật Bản trong phong trào Đông Du của Phan bội Châu.

Năm 24 tuổi tri phủ Ba Tường đến hỏi, Nguyệt Anh không chịu, về sau bà kết duyên với một người đàn ông góa vợ. Khi chồng chết bà đã thêm bút hiệu là Sương Nguyệt Anh, tỏ ý thủ tiết thờ chồng, bà mất năm 1921 thọ 58 tuổi.



Sơ lược - Truyện Lục Vân Tiên gồm 2246 câu thơ lục bát có thể chia làm bốn đoạn chính như sau:

I.- Ngoài mấy câu mở đầu, nguyên Lục Vân Tiên là một người học trò có nết, có tài, con nhà phúc hậu đã đính hôn với Vũ Thái Loan, nhân gặp khoa thi lên kinh đô để kịp ngày vào trường, lúc đi đường gặp nàng Kiều Nguyệt Nga bị bọn giặc bắt, chàng bèn ra tay cứu nàng thoát nạn. Sau hai bên từ

biệt nhau, nàng về nơi ly sở của cha, chàng đến chốn kinh kỳ để kịp ngày thi cử (Câu 7 đến câu 552)

II.- Chàng vừa đến nơi chợt nghe tin mẹ mất, vội vàng lìa chốn khoa trường về nhà chịu tang. Đi đường vì nỗi đau buồn thụ bệnh mất mùa, đã bị bọn dung y, pháp sĩ lừa dối, tiền mất tật mang lại gặp Trịnh Hâm một người bạn bắt lương lập mưu hãm hại. Sau tìm tới nhà ông nhạc thì đã không cứu giúp lại sinh lòng hiểm độc đem chàng bỏ vào một cái hang. Song may có tiểu phu cứu ra rồi gặp bạn hiền Hán Minh đem đến ở một ngôi chùa (từ câu 553 đến câu 1240)

III.- Về phần Kiều Nguyệt Nga vì có một tên nịnh thần mê đắm muốn ép duyên, nàng không chịu, nhân có giặc Phiên sang quấy nhiễu, tên nịnh thần ấy bèn tâu với vua, bắt nàng sang cống vua Phiên. Nàng định thủ tiết, đi nửa đường, đâm đầu xuống sông tự vẫn. May mắn gặp ngư ông quăng lưới vớt lên, sau đưa đến ở một ngôi chùa (từ câu 1241 đến câu 1740)

IV.- Lục Vân Tiên sau nhờ uống thuốc tiên khỏi mất, về nhà thăm cha, thăm Kiều Công (cha nàng Nguyệt Nga) rồi gặp khoa thi đỗ Trạng nguyên. Nhân khi giặc Phiên lại sang quấy nhiễu, vua sai đi đánh, giặc thua, Lục Vân Tiên trở về, tình cờ gặp Kiều Nguyệt Nga ở chùa hai bên nhận nhau rồi lại được xum họp một nhà. Sau vua không có con mới truyền ngôi cho Lục

Vân Tiên. Cuộc đời thật là vinh quang sung sướng. Còn bọn gian nịnh tham ác trước kia đều bị tội vạ cực khổ (từ câu 1741 đến câu 2234). Còn mấy câu cuối là phần kết thúc, tác giả khuyên người ta nên giữ lấy đạo nghĩa luân thường.

“Lục Vân Tiên là một loại truyện kể, về lời thì còn có chỗ vụng, về tình tiết có chỗ không chặt, về nhân vật có khi chưa thực sự có một đời sống riêng. Mặc dầu vậy, những nhân vật ấy đã trở nên rất sống trong lòng quần chúng.” (Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn, Hoài Thanh.)

Cuối đoạn II trên đây kể Lục Vân Tiên có một bạn hiền tên là Hán Minh tính nết ngay thẳng, sức mạnh vô song, có người ví như Từ Hải nơi truyện Thúy Kiều của Nguyễn Du vì Từ Hải thì “Râu hàm hàm én mày ngài” Hán Minh thì “Mình cao sò sộ dị kỳ rất hung”. Lại nữa Từ Hải thì “Một lời đã biết đến ta, muôn chung nghìn tử cũng là có nhau.” Còn Hán Minh thì “Tôi bèn nổi giận một khi, Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.” vv và vv..

Tuy nhiên cũng chẳng nên so sánh như thế và cũng như không thể nhìn Thúy Kiều và Nguyệt Nga hai hoàn cảnh cuộc đời có vẻ thấp thoáng với những đoạn tương tự. “Đất nước ta có nhân Hưng Yên và có sầu riêng Nam Kỳ tốt nhất là biết thích, biết quý cả hai.”

Cùng thời với Lục Vân Tiên Nguyễn Đình Chiểu còn viết: Thư Gửi Cho Em (Nguyễn Đình Huân là em út đã tử trận trong đám nghĩa quân chống Pháp); Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc: Văn Điếu ông Trương Định; Văn Tế Nghĩa Sĩ Lục Tỉnh và tác phẩm cuối là Ngư Tiều Vãn Đáp. Ông mất ngày 3 tháng 7 năm 1888. thọ 66 tuổi, sinh nhật và kỵ nhật đều trong tháng 7.

Đặng Thái Mai, ca ngợi cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu, một tấm gương sáng chói về tinh thần làm việc kiên cường và khí tiết yêu nước bất khuất. Bất chấp mọi nghịch cảnh, thiếu thốn, gian khổ, bệnh tật Nguyễn Đình Chiểu đã đem cả thân thể cống hiến vào sự nghiệp dạy học, làm thuốc và sáng tác.

Cuộc đời ấy, do rèn luyện, thực tế là tấm gương sáng, đã hơn bình thường, nhưng ai nấy biết qua hoàn cảnh vẫn ngậm ngùi man mác, tiếc nuối. Như Kiều Nguyệt Nga ngay trong truyện Lục Vân Tiên cũng đã bày tỏ “Thương vì chàng đáng anh tài, Nghề văn nghiệp võ nào ai sánh bằng!”

Học giỏi, thi đỗ thật đáng phục. Nhưng đáng phục hơn nữa là đã đui mù rồi mà không thối chí nản lòng, không cầu an tọa lạc, còn quyết tâm học thuốc, chẳng phải để sinh sống mà là để giúp đời. Kiên trì viết sách chẳng phải để lấy tiếng, mà để truyền bá nhân nghĩa thật đáng phục.

Đáng phục hơn nữa là đã mang tật đui mù rồi mà còn tỏ lòng yêu nước tích cực, chống kẻ xâm lăng để cho ngay kẻ thù cũng phải kính nể.

Pháp định trả lại đất tư hữu, thì được. Nhưng lấy danh nghĩa giúp nhà thơ nghèo tiền bạc thì đều bị Nguyễn Đình Chiểu từ chối vì lúc nào ông cũng tự hào sống đầy đủ trong lòng môn đệ và đồng bào.

Nguyễn Phú Long sưu tầm

(1) Lung nghĩa là dữ tợn.
Có gió lung mới biết từng bách cứng.
Có ngọn lửa lung mới rõ thức vàng cao.

KHỎI TÌNH THU

*Xuân người giấc đẹp chưa xong
Thu ta diu lá mơ lòng cùng ai
Hồn xanh mộng ước chưa phai
Gọi lòng lưu luyến nhớ hoài mùi hương*

*Đàn hòa ru khúc đêm trường
Xạc xào lá hát tơ vương cung lòng
Trăng soi đáy mắt hồ trong
Chợt thuyền lá nhẹ khuấy vòng võ tan...*

*Giọt bi lụy cảm dâng tràn
Dòng thu lặng lẽ cùng mang nỗi sầu
Bến tương nhưng nhớ về nhau
Hai bờ chia cách bóng câu tạt từ*

*Mộng vàng một cõi riêng tư
Góc chờ vẫn đợi ấy chừ người đầu
Thương vay sương phủ bạc đầu
Canh tàn mộng vỡ chôn sâu khối tình!*

Kim Oanh - Úc Châu

BỐN CHÍN NĂM TÌNH NGHĨA...

- Tặng hiền nội -

Bốn chín năm! như mới thoáng qua -
một ngày đông, lạnh thấm xương da
Trời trưa bỗng hửng vàng hoa nắng
hai kẻ không quen, hợp một nhà...

Cũng chẳng Yêu và cũng chẳng Thương
như trong tiểu thuyết xứ Tây Phương
Theo lời cha mẹ... và mai mối
nói tiếp tam luân với ngũ thường...

Chưa có lần nào nói với nhau
đôi lời, hay chỉ một vài câu
làm thơ... để mộng... rồi đem tặng
thiếu nữ bên sông ngạt lá dầu...

*"Em chỉ là em nhỏ... xóm nghèo
chưa bao giờ nghĩ đến tình yêu...
chưa từng nghĩ đến thương và nhớ
Anh - gọi là anh - kẻ cũng liều..."*

Thôi, thế không duyên, chẳng vợ chồng
xa từ... kháng chiến ruộng vườn không
không còn gặp nữa... - đời anh đã
trói buộc trong khuôn thước lạnh lùng...

Tẻ nhạt bên chăn gối - hơi ời
bao nhiêu gánh nặng trĩu trên vai
bỏ đi đèn sách, quên thơ... mộng
lo áo cơm, tranh thủ với đời...

Bốn chín năm, tình nghĩa - khó quên
vợ chồng, bè bạn - nợ và duyên?
tóc xanh đã bạc - chân run mỗi
cát bụi mờ... đôi mắt ảo huyền...

Biết được bao nhiêu ngày tháng nữa?
đường đời gian khổ... vẫn còn vui
lửa hương, thôi ấm tình hương lửa
thù nghịch nhau, xa cũng ngậm ngùi...

Đời có chi là vĩnh cửu đâu?
bao nhiêu diễm ảnh đã phai màu
Huyền ca chỉ vọng trong tâm thức
Bốn chín năm cười, khóc biến đâu...

Dương Huệ Anh

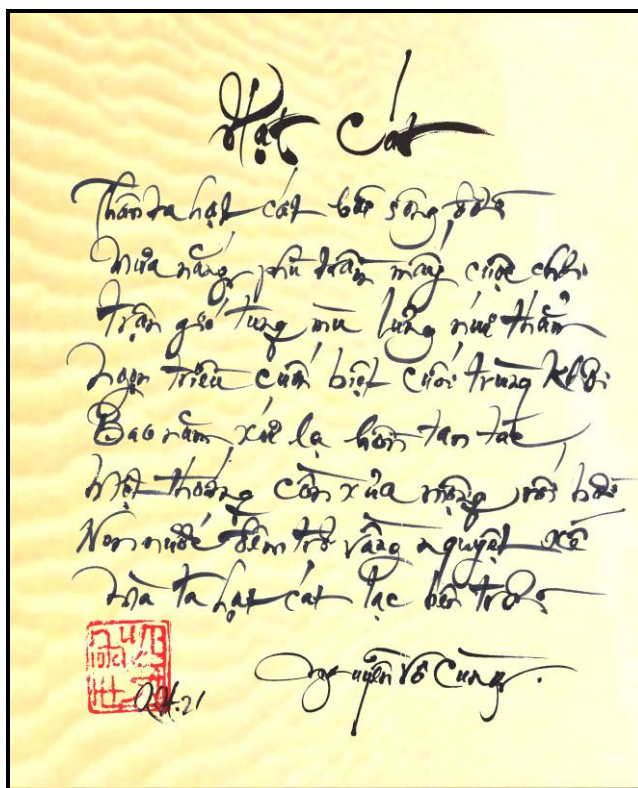


THU KHÁT KHAO

**Một tí mưa thôi khẽ nhắc người
Trắng về len lén mộng xa xôi
Đêm khuya dần khuất tình còn đợi
Thẩn thức tiếng lòng nhớ chẳng vơi...**

**Một chút hương thôi đủ ngọt ngào
Chớm vàng lá chuyển gọi bên nhau
Thiết tha lưu luyến tình thu tới
Quán quýt chín mùa mộng khát khao!**

Kim Oanh - Úc Châu



Thơ: **Nguyễn Vô Cùng** - Thư pháp: **Quang Hà**

HẠT CÁT

Thân ta hạt cát bãi sông đời
Mưa nắng phù trầm mấy cuộc chơi
Trận gió tung mù lưng núi thẳm
Ngọn triều cuốn biệt cuối trùng khơi
Bao năm xú lạ hồn tan tác
Một thoáng cồn xưa mộng rối bời
Non nước đêm trơ vầng nguyệt xế
Mà ta hạt cát lạc bên trời!

Nguyễn Vô Cùng

NGẬP NGỪNG

ngập ngừng gió nhẹ vào thu
con chim đậu nhánh sương mù, hôm qua
tim trong vệt nắng sau nhà
có màu hoa cúc ẩn tà áo xưa
ngập ngừng nắng, ngập ngừng mưa
sáng nay thức dậy cũng vừa ướm sân
cây ngơ ngẩn gió bần thần
nửa lưu luyến hạ, nửa ngần ngại thu.

quangha

ÔNG TRỜI Ở TẬN TRÊN CAO

**** Quốc Bảo Faifo ****

Ông trời ở tận trên cao

Bỗng nghe tiếng khóc mưa chiều sầu rơi...

Mưa lất phát bay trên con đường rẽ ngang vào khu chợ chiều thừa thớt người. Dưới gốc cây đa cổ thụ trước chợ có cái miếu nhỏ, vài bóng người đứng lại cung kính đốt vài nén nhang cắm xuống rồi quảy gánh rời đi. Ngày tháng mười ngẩn ngủi âm ỉ khi mặt trời cả ngày chỉ hừng lên một chút rồi lướt nhanh qua khu phố. Phố Hội lặng lẽ ngấm những cơn mưa xì xầm lướt trên dòng sông Thu Bồn chậm chậm chảy ra biển Cửa Đại.

Từng hạt mưa rớt xuống mặt sông tạo nên từng vòng tròn sóng nước dập dềnh xô vào nhau như những làn sóng điện phát ra bài hát ca dao mẹ ru.

“ Con ơi con ngủ cho ngoan

Để mẹ xúc nốt, để mẹ xúc nốt...

bỏ than cho đầy

Ngủ đi con nhé con ơi

*Mai sau con lớn, mai sau con lớn...
thành người trò ngoan.”*

Bà Bốn bước đi loạng choạng, chân nam đá chân chiêu và miệng bà lầm bầm những câu từ không rõ nghĩa.

Có hai cặp mắt nhìn bà khó chịu cất tiếng: Bà đi luôn đi, về làm chi.

Bà Bốn nở nụ cười trên khuôn mặt đã nhiều nếp nhăn. Nụ cười gượng vẫn hiền từ, khuôn mặt già theo vòng xoay của muộn phiền vẫn toát lên góc cạnh của một người mẹ đôn hậu, ẩn hiện dưới mái tóc dài lấm tấm sợi bạc được búi thành một búi gọn, có cây trâm cài đâm xuyên vào chính giữa để giữ cho tóc khỏi rơi xuống.

- Mẹ say quá, để mẹ nằm một chút...
bà Bốn phân trần...

Chưa kịp dứt câu, ông Hiếu lao vào chụp lấy cánh tay bà kéo mạnh, miệng la lớn:

- Đồ ăn hại, uống cả ngày, đi luôn đi...

Búi tóc bà bị hất tung sau. Bà co người lại như đứa trẻ sợ bị ăn đòn roi, mắt cúi nhìn xuống đất, co cụm như thể sẵn sàng chịu trận nếu lỡ những đòn roi vô tình vút ra không thương tiếc. Người con dâu đứng nhìn vô cảm, nhếch miệng cười nói hùa theo ông Quốc:

- Về làm chi, chết khuất đi cho rồi...

Chiều cô quạnh trên dòng Thu Bồn trôi hiu hắt những bọt sóng trắng bạc mờ mờ ẩn hiện. Xa xa trên dòng sông một chiếc ghe nhỏ đơn độc lững lờ trôi theo nhánh rẽ bên phải dòng sông, đi vào

bãi lác. Bãi trồng lác để dẹt chiếu, người ta trồng lác cao quá đầu rồi cắt đi, phơi khô, nhuộm màu rồi đem đi mà dẹt những chiếc chiếu cho người nằm, cho trẻ con chơi những ngày hè nóng bức, cho đôi vợ chồng hạnh phúc đêm tân hôn, và... đắp cho người đã chết nằm dưới ba tấc đất mồ sâu.

Ánh mắt bà Bốn đượm buồn nhìn tấm chiếu cũ kỹ cuộn tròn nằm trên chiếc giường đã nhiều năm xập xệ đặt bên góc tường lên mùi ẩm mốc.

Bà vợ nhếch miệng cười, cặp mắt trắng phếu lác liên cùng ông Hiếu bước tới, bước lui, đi qua, đi lại. Cả hai trông giống như bầy linh cẩu, ranh mãnh đang vây quanh một con sư tử già nua tìm cách tấn công. Đi tới, đi lui, vung tay chỉ trỏ một hồi, cuối cùng cũng mệt nên cả hai quay lưng bước vào nhà, miệng vẫn còn lẩm bẩm những câu chửi thề, như thể vừa bị một ai đó hạch họe hay vừa bị lừa mất tiền. Mưa phố Hội lất phất bay trên vòm mái.

Lưng thưng bà Bốn đứng dậy, lôi bọc đồ ở dưới gầm giường cùng cái mền và cái bọc nhỏ có chứa những tấm lá thuốc khô đã sắc thành những sợi nhỏ. Bà lấy tấm giấy mỏng vẽ những sợi thuốc thành điều thuốc, rồi hứng hờ đặt lên môi. Bà quẹt cái que diêm, châm lên đầu điều thuốc, rít một hơi thật dài cho đến khi đóm lửa đỏ lớn dần. Bà thả vào hư không làn khói xám đặc mùi

khét khét, say say, lâng lâng của khói thuốc lá. Cái mùi của chất gây nghiện từ những tấm lá thuốc phơi khô cũng thơm thật, nó làm giảm bớt những cơn đau đang bóp nghẹn trái tim bà. Một cảm giác khoan khoái tiêu dao dâng trào, những lời mắng nhiếc bỗng trở thành những câu kinh, dễ chịu lắm! Bà cười một mình, nụ cười đôn hậu mờ mờ ảo ảo dưới làn khói thuốc. Gió thổi những hạt lệ trời lất phất bay trên vòm mái chùa, trên giàn bông giấy và trên mái tóc người.

Mưa Sài Gòn lất phất bay từng hạt nhỏ theo gió tạt vào mái hiên phía trước nhà làm ướt cái ghế bố nơi ông Hiếu vẫn thường ngồi hút thuốc mỗi tối. Đêm nay ông bảo đứa con gái mua cho ông một chai rượu. Ông ngồi xuống chiếc ghế bố, rít từng hơi thuốc, nhả khói bay giữa màn đêm xuyên qua cặp kính dày cộm là đôi mắt nhỏ tí ti như mắt lươn.

Mưa vẫn cứ rơi, từng hạt nhỏ thấm dần vào chiếc ghế bố ông đang ngồi. Mặc kệ cơn mưa, mặc kệ tiếng chó sủa ở đầu phố, ông ngồi yên, ngồi im, lặng thinh. Sài Gòn hiếm có những cơn mưa rào rích rơi nhiều ngày như thế. Cơn gió nhẹ thổi những giọt mưa làm thấm đen cái cột gỗ nơi ông kê chiếc ghế bố sát bên. Chỗ ông ngồi bây giờ đã bắt đầu ẩm ướt. Hơi mưa đã thấm vào áo quần ông và ông cảm thấy mùi khó chịu của sự ướt át. Ngày qua chưa? Đêm u tối

những cơn mưa kéo dài. Đêm nay ông muốn ngủ ngoài hiên nhà một mình. Đưa con gái nhìn ông nhả từng làn khói thuốc xám bạc đầy suy tư nên bước khe khẽ như muốn cố giữ sự im lặng cần thiết để ông trôi theo với cảm xúc của riêng mình. Đóng hờ cánh cửa, nó bước vào nhà, lấy cái mền rồi quay trở ra đưa cho ông khẽ nói:

- Ba, con để cái mền ở đây nghe ba. Ba ngồi lâu nếu lạnh thì đắp cho ấm.

Ông Hiếu quay lại, gạt đầu rồi lặng yên nhìn nó lưỡng lự chùng như muốn nói một điều gì. Một lần khí chạy nhanh ngang sống lưng làm người nó rung bật lên như con chim se sẻ đang nấp bên mái hiên bỗng rùng mình xù lông ớn lạnh. Nó nhắm mắt lại. Một cảm giác quen lắm chùng như đã từng xuất hiện rất lâu rồi. Hai dòng lệ chảy dài, nóng hổi, mẩn mẩn rớt xuống môi. Nó cố quay người thật nhanh để cho ba nó khỏi nhìn thấy. Trong cái quay người bước vội, có một giọng nói nào đó khấn thiết gọi nó đứng lại. Hai cha con nhìn nhau trong im lặng để những dòng cảm xúc từ trong quá khứ theo mưa rơi rơi. Trong cái không gian này, mặc cho thời gian có cách biệt đến mấy chục năm trôi nhưng ký ức vẫn còn nguyên vẹn, chưa nhạt phai một chút nào. Những ngọn roi quất vào trái tim bé nhỏ bầm tím những vết sẹo không thể nào phai dấu!

Hai cha con nhìn nhau trong im lặng. Giọng run run, ông Hiếu cất tiếng.

- Con cho ba xin lỗi! Hãy tha thứ cho ba...

Ông Hiếu nhìn nó dò dẫm sự tha thứ cho những tội lỗi mà ông đã gieo hơn 50 năm về trước.

Đêm đã dần khuya, tiếng chó sủa ở đầu phố đánh động sự tĩnh lặng mà ông Hiếu đang cố gắng tìm kiếm. Mẹ nó tự lự từ trong nhà bước ra, mở cái ghế xếp, đặt bên cạnh chỗ ba nó ngồi rồi nhìn ánh đèn vàng trên cột điện trước nhà mà không nói chi. Cả ba cùng ngồi lặng im, nhìn mưa Sài Gòn lất phất bay. Dưới ánh đèn, từng hạt mưa bắn đi những phân tử nước bé xíu theo mọi hướng rồi nhẹ nhàng rơi xuống mặt đất, giống như những tội lỗi lớn được xé thành những nỗi ăn năn nhỏ để kẻ làm đường dễ sám hối mà chuyển hoá nghiệp báo của mình!

Từng hạt mưa đều đều rớt xuống mặt đất vỡ tung át đi tiếng thở yếu ớt. Hơn 50 năm về trước, vào một đêm mưa tháng mười, dưới mái hiên nhà nhìn theo hướng trái là chùa Lễ Nghĩa và theo hướng phải là dòng sông Thu. Tiếng đứa bé khóc thét vang lên đánh thức những người hàng xóm trong khu phố:

- Đừng đánh bà nội nữa...Ba ơi, Ba ơi, đừng đánh nội nữa, đừng đánh nữa ...

Đứa bé gái lao vào ôm chầm lấy chân ba nó cố giữ chặt, quyết liệt không để cho ba nó bước thêm một bước nào

nữa bằng sức nặng tấm thân bé nhỏ của mình.

- Đồ khốn nạn, mày muốn ăn đòn hả! Giọng ông Hiếu gào lên chát chúa.

- Giỏi thì dắt nhau đi đi, đi luôn đi...

Tiếng cầu xin thét vang giữa đêm khuya nghe tang thương, khẩn trương như tiếng sấm của trời. Đột nhiên những cái đèn lồng đang treo trên vòm mái chùa lung lắc dữ dội. Ánh sáng bập bùng, vụt sáng rồi tắt ngấm và tiếng gió hú nghe rõ hơn giữa đêm mưa. Phía dưới bờ sông Thu, tiếng chó sủa vang lên chạy nhanh về hướng ngôi chùa nơi những chiếc đèn lồng đang rung lắc. Tiếp theo đó là một tràng những tiếng chó sủa vang khắp cả khu phố theo nhau chạy dài hết con đường Cường Để ra đến bờ sông, ngang qua đường Nguyễn Thái Học rồi bay qua khu phố chợ nơi có cây đa cổ thụ trăm năm và cái miếu thờ thần.

Ông Hiếu chừng lại, không bước về phía cái giường đang nằm chờ vợ ở hiên nhà nữa, nhưng miệng vẫn hằn học bực tức và tiếp tục mắng nhiếc cái bóng mờ mờ đang nằm co ro giữa màn đêm tóc xoã phủ xuống bên cái ghế ngồi và miệng thì lẩm bẩm những câu van xin. Đứa con gái nhỏ lúc xưa giờ đã trưởng thành, quyết định rời xa phố Hội và lập nghiệp ở Sài Gòn. Hơn 30 năm kể từ khi rời bỏ phố Hội, Sài Gòn bây giờ đã được đứa con gái ông chọn là nhà của nó. Nơi nó sẽ quên đi những

đêm mưa rả rích và tiếng sầu ai oán khóc than bên bờ sông Thu. Còn ông bà Hiếu cũng đã ở với nó được hơn 20 năm kể từ ngày thằng em nó lấy vợ.

Kể từ ngày thằng em nó lấy vợ, mưa phố Hội lất phất bay những hạt lệ trời giăng trên mí mắt ông Hiếu cay cay. Giọng thằng con trai quát ông giống như giọng ông quát bà Bốn ngày nào.

- Giỏi thì đi đi, đi luôn đi...

Ông thấy rõ, thật nhanh những gì ông biết sẽ đến. Đứa con trai duy nhất của ông cũng bắt chước ông hơn 50 năm về trước. Có điều ông còn may mắn có được nơi để đi. Đất Sài Gòn luôn cuu mang và sẵn sàng ôm ấp những con người cô độc và ở nơi đây, đứa con gái biết khóc ngày nào cho nỗi khổ đau của bà nội nó, luôn mở rộng vòng tay ôm ấp nỗi bi thương trên khuôn mặt người. Ông bà Hiếu dọn vô Sài Gòn ở với đứa con gái cũng đã hơn 20 năm nay. Nó cung cấp cho ông bà mọi thứ về vật chất và chăm sóc ông bà tử tế từng miếng ăn giấc ngủ, nhưng khi đêm về, tiếng bước chân lục đục trước hiên nhà của những trẻ lang thang, tiếng quét rác của công nhân vệ sinh và tiếng người gọi nhau vang lên khá thường xuyên ở khu phố nơi ông đang ở làm ông Hiếu nhiều lần tỉnh giấc. Bỏ lại dòng sông Thu và những con đường nhỏ chạy dọc theo những ngôi chùa cổ kính và con người phố Hội. Bỏ lại những cơn mưa không nặng hạt nhưng cứ rả rích ngày đêm gợn nên

nổi cô liêu và man mác như người goá phụ hát bài ca dao ru đứa con thơ đang say ngủ trong nôi. Hội An có lẽ là nơi của tĩnh lặng, khi những hạt mưa đu trên vòm mái chùa chậm chậm chảy vào nhau rồi rơi xuống thềm đá, nghe rõ từng tiếng vỡ tung. Hội An phủ lên mình chiếc áo rêu phong xanh ngát giữa nền trời mênh mông và những tầng ngói gom góp nhiều nỗi hoài niệm. Thế nên phố Hội cũng được gọi là phố Hoài.

Ông chợt nhớ, ở phố Hội, đêm về là một sự trở về nghỉ ngơi, yên lặng. Dòng sông Thu chậm chậm chảy ru người vào giấc ngủ không mộng mị. Những đêm rằm, trăng sáng tròn dịu dàng treo mình trên đỉnh những mái nhà mang đến sự bình yên thơ mộng. Trong cơn miên man suy tư bên điều thuốc đã cháy hết gần nửa điếu mà chưa gạt tàn. Tiếng chó sủa đầu ngõ phá tan cái màn đêm tĩnh lặng làm ông giật mình. Trong ông dâng lên nỗi lo sợ quen thuộc đã ngủ yên rất lâu bỗng lại trở về. Không hiểu vì sao?

Có lẽ những đêm mưa lất phất bay. Tiếng chó sủa, tiếng chân người lục đục và tiếng làm rằm của giọng nói người làm ông cảm thấy sợ. Nỗi sợ của lương tâm cắn rứt, nỗi sợ của những điều bất nghĩa mà ông đã phạm phải khi ông còn quá trẻ để hiểu nhân quả có thật, nhân quả là có thật. Phàm làm việc gì cũng nên nghĩ đến hậu quả của nó.

Người dân phố Hội bảo nhau rằng, nếu nghe tiếng chó sủa giữa đêm mưa có nghĩa là những loài ma quỷ đói đang lờn vờn ở gần đâu đó, đang xin ăn hay tìm kiếm những linh hồn để vay mượn. Những con chó có thể đánh hơi được sự hiện diện của lũ ma quỷ này mà sủa vang để cảnh báo cho chúng biết rằng hãy nhanh kiếm chút gì đó ăn rồi đi mau, kéo những vị thần hộ pháp bảo hộ cho người dân phố ghe tiếng chó sủa sẽ trở về bắt chúng giao cho Diêm vương. Ở trong khu phố này, ngôi chùa nào cũng có thờ hai vị thần được gọi là thiên lý nhãn, vạn lý nhĩ. Hai vị thần với con mắt nhìn xa vạn dặm, tay giơ cao cái búa to nặng và đôi tai nghe rõ vạn lý, tay cầm thanh gươm báu sắc bén luôn được người dân thờ kính. Người phố Hội trở nên hiền hoà hơn vì tin vào sự giám hộ của hai vị thần này mà không dám làm những điều gì bất nhân bất nghĩa. Chuyện kể lũ ma quỷ đã không thể tìm thấy một linh hồn xấu xa nào trong khu phố này để cướp lấy nên thường bị đói ăn. Thế nhưng chúng lại không bao giờ trách móc hay quấy phá người dân ở đây vì các thần hộ pháp luôn bao dung và sẵn lòng ban cho chúng một bữa cơm xôi no nê rồi bảo chúng hãy đi nơi khác. Còn nếu chúng muốn sống ở khu phố này thì không được quấy nhiễu dân chúng ở đây. Cố gắng ăn năn tội lỗi của mình để tiếp tục hưởng được sự tĩnh lặng ở nơi đây mà

tĩnh tâm sám hối hoàn lương để chuyển kiếp.

Ông Hiếu nhìn đứa con gái rồi nói:

- Bây giờ, Sài Gòn đã là nhà của con. Ba ở đây với con cũng hơn 20 năm rồi. Với ba, Sài Gòn cũng chỉ là nơi đất khách. Con mua vé cho ba về Hội An một chuyến. Bà nội con còn nằm ở đó... Giọng ông đứt quãng. Ba vẫn chưa trả hết tội mình. Giọng ông lạc đi. Đứa con gái nhìn ba nó nở nụ cười rất nhẹ rồi nói:

- Để con đi với ba, ba nhớ đi ngủ nghe ba.

Ông Hiếu gật đầu nhìn nó rồi cất tiếng:

- Ừ, vậy con thu xếp, tuần sau về. Con vào nhà ngủ đi, Ba vào sau...

Đứa con gái choàng ôm lấy ông Hiếu rồi cả hai cha con đứng lặng bên nhau khá lâu. Ngoài hiên mưa lất phất bay. Sài Gòn đêm đã dần khuya.

Mẹ ơi, mẹ ở đâu rồi!

Ngày mai con về cống mẹ trên lưng.

Lưng con nay cũng rộng rồi

Một mai ngồi khóc bên trời, mẹ ơi!

Giữa trùng dương sóng bạc xô mạnh vào bờ, nhô lên từ hướng đông một quả cầu tròn rực đỏ ánh sáng tươi chiếu những chùm yêu thương của mẹ cha lên bãi cát mịn còn in rõ dấu chân chim. Có gì đáng giữ gìn hơn là cuộc đi dạo ven bờ Đại Tây Dương nhìn ngắm trùng khơi sóng bạc trong cuộc đời này với người mình yêu thương và được nghe những câu chuyện kể có thật

giữa trần đời này. Những con chim Hải Âu chao mình trên sóng lớn. Ngày mai biển động, bão đang đến, đài báo thế. Gió bắt đầu thổi mạnh và bãi biển sáng nay chỉ có vài người dậy sớm đi dọc bờ. Những câu chuyện xưa được kể hoà theo tiếng sóng vỗ mạnh vào bờ vỡ tung những bọt trắng xoá.

Thằng cháu rủ cậu nó đi nhìn sóng, ngắm rặng đông và nghe gió biển. Đơn giản chỉ là vì nó muốn giữ lại những dịp gần gũi hiếm hoi với cậu nó. Thời gian sẽ trôi qua nhưng khoảnh khắc sẽ ở lại. Những cuộc gặp gỡ gia đình đông đủ bên nhau là kết quả của những lời cầu nguyện từ trăm năm trước. Không phải dễ để có những cuộc đoàn viên như thế. Phải chăng mọi sự gặp gỡ nhau là một lời nguyện ước từ tiền kiếp. Phải chăng khi một ngày đất nước không còn bom đạn, sự đoàn tụ đầy đủ nhiều thế hệ là phước báu của một gia đình nào đó. Và chưa chắc những danh vọng địa vị có thể khẳng định được sự may mắn của gia đình nào.

Cuộc đoàn viên nào rồi cũng đến lúc chia ly giống như một cuốn phim hay dở rồi cũng đến hồi kết thúc, chỉ có điều là khán giả lẫn diễn viên đều cảm thấy hài lòng ra về vì đó là một cuốn phim đáng xem. Cũng ví như lúc này đây khi nhìn những mái tóc đã bạc tụ họp về đây cùng ngồi chơi với nhau tươi cười thì quả là một điều vô giá. Sẽ còn lưu giữ mãi sau này trong tâm ảnh những trải nghiệm của ngày hôm nay.

Nhìn những thế hệ bé nhỏ gọi bằng ông, bằng bà bỗng thấy thời gian như cánh chim câu. Như một nén hương dâng lên cuộc đời toả hương thơm dịu và rồi sẽ lại tắt, lịm dần trong hư vô...

Có những người sống gần cuối cuộc đời đến lúc ra đi mới có thể biết và hiểu được quãng đời của họ đã sống như thế nào? Cũng chỉ mong mọi điều thanh thản đến và đi như cơn gió lướt qua trên mặt sông một đêm tháng mười mưa lất phất bay.

Và có những câu chuyện được kể. Hôm nay nó có dịp được ngồi gần hơn với ông cậu của nó để được nghe những câu chuyện cũ mà lúc nào nó cũng thích, mặc dù có thể nó đã được nghe vài ba lần. Hôm nay cậu nó kể cho nó nghe về câu chuyện của bà thím Bốn. Về những đứa con sinh ra chỉ làm khổ cha mẹ. Những đứa con sinh ra đã không thể làm tròn bổn phận của người làm con. Có lẽ nỗi băn khoăn, ưu tư về quá khứ, hiện tại và tương lai, về phận làm con, làm cha làm mẹ luôn xoay vòng từ cổ chí kim. Nuôi con đã khó, dạy con thật khó trăm bề. Người sinh con, trời sinh tánh. Có phải vậy không mà có từ hàng ngàn năm nay gương hiếu thuận với cha mẹ cũng nhiều mà gương bất hiếu cũng không phải là ít. Ta gọi nó là gì nhỉ! Có thể đó là một bài học mà mỗi người chúng ta cần phải học cho sự tiến hoá của riêng mình. Có thể lúc này ta tấn

bộ, có thể lúc này ta tụt lùi. Âu cũng là những yếu tố cần thiết hay nói cách khác đó là hành trình tìm đến con đường cao tột mà Đức Phật gọi là giải thoát. Cậu nó bắt đầu câu chuyện về bà thím Bốn rồi nói với nó rằng, con hãy luôn tin vào nhân quả thì sẽ biết sống.

Mưa rơi mãi mục cả đất. Cái hiên nhà nơi kê cái giường nhỏ trống trơn lộng gió. Chiếc giường ngả màu đen nâu vì hơi ẩm. Lầm lũi kế bên là chiếc chiếu cuộn tròn đặt bên góc với những đồ đạc vật dụng ở dưới gầm. Bà Bốn ngồi bên mé giường, ngược nhìn qua vòm mái chùa đang treo những chiếc đèn lồng lung lay vì gió. Mưa lất phất bay trên những tầng mái ngói rêu phong của dãy nhà đối diện. Bà gật gù, tay cầm ly rượu đưa thẳng vào miệng. Xị rượu thế là cũng đã gần xong, bà phải uống cho hết xị rượu này để khỏi phải để tâm những lời mắng nhiếc từ vợ chồng thằng con trai độc nhất. Rượu đã làm cho bà thắm mệt nên đầu bà cứ gật gù đung đưa như chiếc lá vàng rơi dập dùi giữa cơn gió mùa thu. Bà muốn quên đi hiện tại, và không muốn biết bà là ai, đang ở đâu và làm gì. Có điều là càng uống bà Bốn lại càng thấy thời gian sao trôi chậm quá. Bà thấy tủi thân lắm, muốn khóc, muốn than nhưng tính bà lại ít nói, mà chẳng biết nói cùng ai. Trời đã tối, mọi nhà chong đèn cho bữa tối để tiễn đưa một ngày ngắn ngủi chìm vào đêm. Bà vẫn một mình ngồi

đó, cảm thấy không cần thiết phải ăn cơm. Chỉ cần ly rượu, thế là đủ.

Đã bao đêm mưa tạt ướt chỗ bà nằm. Những cơn mưa theo gió thổi vào mặt bà, thấm ướt đôi mắt già nua làm nhoè đi những chuyển động trước mặt. Cái mái chùa mờ mờ trong cơn mưa nay lại nhoè hơn và những hình ảnh mờ dần. Mắt bà bắt đầu mờ theo năm tháng của muộn phiền.

Ngôi nhà này, bây giờ không còn là của bà nữa vì bà đã cho thằng con trai mất rồi. Nó hứa sẽ chăm sóc bà tử tế khi bà về già, thế mà chỉ có chưa đầy một năm thôi thì sự có mặt của bà trong căn nhà này làm cho vợ chồng nó thấy thật khó chịu. Tìm mãi cũng không ra được lý do gì để đuổi bà ra khỏi nhà bởi vì từ trước đến giờ bà chả làm điều gì để phiền lụy chúng nó cả. Thế nhưng những lời mắng nhiếc như những vết dao cứa vào cổ tay bà rỉ máu mỗi ngày cho đến khi lực cạn và người lả đi trong lạnh buốt, cô đơn, buồn tủi. Ngày qua ngày, bà muốn đi lâu thật lâu, xa thật xa. Cũng chỉ vì sự luyến ái của thế gian và tình mẫu tử vẫn tràn đầy trong bà nên bà vẫn cố gắng sống. Bà vẫn đọc kinh cầu mong đứa con trai tỉnh ngộ trước khi bà nhắm mắt. Những giọt mưa li ti bám trên đôi mi sao thấy cay cay. Có lẽ nước mưa cũng có vị mặn như nước mắt người hay sao, bà tự nói với chính mình rồi

lắm lắm những câu nói không đầu không đuôi.

Bà thích nhìn mưa lất phất bay vào những chiều tháng mười khi ngồi quay quần với những anh chị em họ, chơi bài tứ sắc hay cùng ăn những món ăn mùa mưa. Bây giờ bà cầu mong mùa mưa đừng đến để bà cứ mãi tiếp tục những chuyến đi buôn xa, để khỏi phải trở về hiên nhà chờ vợ lạnh lẽo. Để khỏi phải nghe những lời mắng nhiếc nghe thật chói tai của vợ chồng thằng con trai mà quặn đau cái thân già bé nhỏ lạnh run.

Bà Bốn buôn trâu cau, trầm hương và nhiều loại thực phẩm khác từ phố thị Hội An ra thành phố Đà Nẵng. Thời trẻ bà có duyên mua bán nên sau những chuyến buôn xa trở về lúc nào bà cũng có chút quà cho mấy đứa cháu nhỏ, bởi thế lũ cháu nhỏ ngày nào vẫn luôn thường nhắc đến bà cho dù bà chỉ là bác dâu. Bà bác dâu thật hiền và dễ thương. Những đứa cháu nay đã già cũng không hiểu nguyên nhân từ đâu bà Bốn bắt đầu uống rượu. Bà có như thế lúc trước đâu. Chả có ai hiểu nguyên nhân thật sự vì sao cả nhưng ai cũng hiểu vì sao mỗi ngày bà lại uống nhiều hơn. Những lời mắng nhiếc được thay thế bằng những tiếng rên rỉ trên người đầy vết bầm tím ngày càng thường xuyên hơn. Kể từ đó bà kết thân với những cơn say. Say sưa trong men rượu có thể là cách nhanh nhất để bà tạm quên đi những sầu

muộn mà tiếp tục sống và hoàn thành nghĩa vụ được sinh ra làm người. Bà nghĩ chỉ có người điên mới thoát khỏi sự phiền muộn của trần gian mà tự tung tự tại với những gì đang diễn ra chung quanh mình. Sự khởi đầu của người điên cũng có thể bắt đầu bằng việc làm bạn với rượu. Chẳng cần biết vui, biết buồn, cứ như thế người điên lần lần lang thang khắp phố thị để lẳng bầm nói chuyện với chính mình.

Bà nằm xuống chiếc giường, đưa mắt nhìn ngắm những hạt mưa bay bay sao tự tại thế. Bà ước gì mình được hoá thân thành hạt mưa vào lúc này. Đêm nay bà tỉnh táo lắm. Có một nguồn an lạc bao lấy thân thể bà. Bà ngồi dậy lục cái thúng lỏi ra vài miếng trầm hương bọc kỹ trong giấy báo. Mùi trầm hương bay ra thật thơm, thật dễ chịu. Trầm hương đối với bà không xa lạ gì cả, bà biết rất rõ về các loại trầm quý hiếm. Tính bà thật thà nên những ai muốn mua trầm chất lượng đều tin tưởng nơi bà. Những người phu trầm thời bà nay đã già hoặc không còn đi rừng nữa hay đã dời đi nơi khác vì nghề tìm trầm là một nghề nguy hiểm chôn mình trong rừng thiêng, nước đọng, chiến tranh vẫn còn tiếp diễn, đạn bom rải đầy trên những khu rừng cùng gió sương, ám khí làm chùn bước những người phu trầm. Trầm hương là linh khí của trời đất dâng tặng cho thế gian bằng mùa hương dễ chịu thơm nhẹ để xua tan

những gì nặng nề hôi thối. Đêm nay mùi trầm hương bay nhẹ trong gió thoang thoảng hoà nguyện vào cơn mưa rả rích gọi nên niềm ấm áp, nhẹ tênh như một sự kết nối giữa hiện hữu và vô hình. Men sầu bắt đầu thấm sâu vào máu và màu sầu đục của rượu làm mắt bà mờ hơn cho đến khi bà chỉ loáng thoáng thấy những bóng hình chuyển động mà không biết rõ đó là ai. Một làn khí lành lạnh chạy xuyên người như hơi thở mùa đông sắp về mang bà đi đâu đó thật xa. Tiếng chó sủa như sự có mặt của những vị thần đang cố bảo vệ cái linh hồn cô độc đang bị bầy ma quỷ rình mò.

Đêm nay bà Bốn muốn đốt bát trầm hương này để hương trầm mời ông Bốn về cùng bà chuyện trò. Bà nhớ ông lắm, tiếng mưa và mùi trầm thơm nhẹ đưa bà chìm vào giấc mộng, giấc mộng ngàn thu. Trong giấc mộng bà thấy bà đang ngồi trên một chiếc ghe nhỏ chung quanh là hàng vạn những chiếc ghe nhỏ khác đang chèo hướng đến một khúc sông thật thoáng, rộng và đẹp. Giống như một cái vịnh yên tĩnh được bao bọc chung quanh bởi núi và những loài dây hoa. Hàng vạn chiếc ghe bất động ngồi lặng yên lắng nghe một giọng nói thánh thót nhẹ nhàng vang lên những âm thanh trầm bổng du dương làm mọi người đều cảm thấy khoan khoái. Một cảm giác tự do bay bổng tràn ngập nơi bà, bà cảm thấy

thân mình nhẹ tênh như chim phượng hoàng tung cánh bay lên giữa trời. Tất cả chừng như đều biết mục đích cho sự hiện diện của mình. Mọi người đồng cúi đầu như bày tỏ sự tôn kính của mình khi nhìn thấy từ trên không trung một cái bóng cao uy nghi khoác lên mình chiếc áo lụa trắng tinh đứng trên toà sen rực rỡ cõi mây bay xuống. Đám mây bay thấp gần đến mặt nước thì dừng lại. Tất cả những chiếc thuyền nhỏ đứng yên theo một thứ tự đã được sắp xếp trước, không ai chen lấn ai. Có vài chiếc ghe chèo nhanh hơn tiến về phía trước. Những chiếc ghe còn lại chậm rãi chuyển động theo dòng nước chảy mà không cần vôi vả làm gì. Người trên ghe lướt qua nhìn người bỏ lại phía sau mỉm cười và người phía sau nhìn người phía trước khẽ gật đầu như chúc nhau một điều gì đó tốt đẹp. Họ lặng lẽ chèo trên chiếc ghe bé nhỏ của họ giữa mây nước mênh mông. Hầu hết trên ghe chỉ có duy nhất một người chèo. Có ghe có một người chèo và một người ngồi. Đôi lúc họ đổi chỗ cho nhau. Họ không nói gì cả chỉ nhìn nhau bằng ánh mắt và nụ cười nhưng tất cả chừng như đều đang biết mình làm gì và ở đâu. Bà Bốn cùng đoàn ghe khua chèo tiến về phía trước nhưng lúc này đây bà không chèo mà

chỉ ngồi trên ghe nhìn ngắm. Bốn bề lặng yên đều có thể nghe rõ tiếng bơi của những loài cá tôm dưới nước. Ngược nhìn lên phía núi, những con hạc trắng bay đậu trên nhánh cây cũng chuẩn bị tìm cho chúng một chỗ đậu. Chừng như tất cả đang chú tâm để lắng nghe một điều gì đó quan trọng. Bà Bốn ngồi giữa khoang ghe xếp bằng lại trong tư thế thiền định và mọi người ai cũng vậy cả. Chiếc ghe bà nằm ở khoảng giữa con sông và chung quanh bà là hàng vạn chiếc ghe nhỏ như bà, ai cũng im lặng. Phía trước bà có nhiều những chiếc ghe lắm và khoảng cách từ chiếc ghe bà đến chiếc ghe đầu tiên còn rất xa nhưng giọng nói của người ngồi trên toà sen ở phía trước thì vang xa và bà nghe rất rõ. Bà mỉm cười nhắm mắt lại để những hạt mưa lất phất bay vào mặt. Hai bàn tay bà đặt lên rốn, từng chuyển động nhấp nhô lên xuống và làn hơi bà nhẹ nhẹ như tiếng chuông ngân vang vào những phút giây cuối, mỉm cười, nhắm mắt, đầu đó vắng vắng bên tai tiếng tụng Nam Mô A Di Đà Phật...

Quốc Bảo Faifo

tháng 8, năm 2021 Virginia



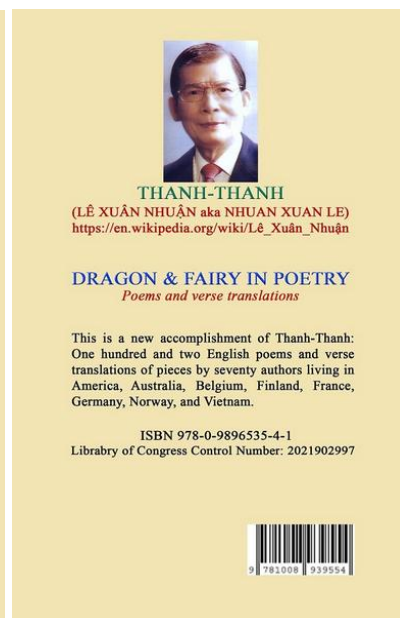
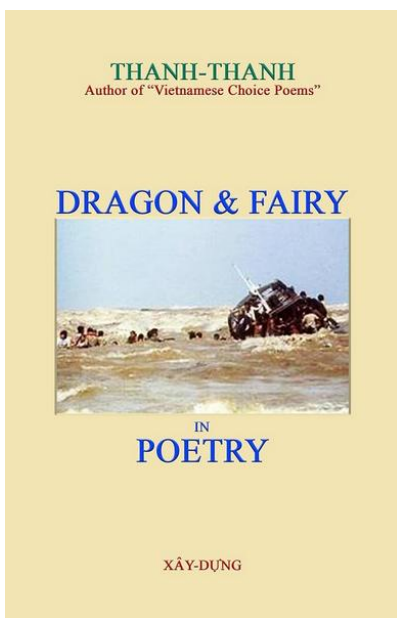
XÍCH LẠI GẦN EM

Nguyễn Mây Thu

*Xích lại gần em chút nữa đi anh.
Đêm nay gió lạnh thoảng xuyên qua màn.
Em nhớ thiết tha vầng trăng quê cũ.
Soi bóng tre già, sông uốn khúc quanh.*

*Xích lại gần em cho bớt cô đơn.
Tiếng chim kêu nghe lạc lõng, thật buồn!
Em nhớ vô cùng con đường làng nhỏ,
Ngõ về nhà em vàng lúa thơm hương.*

*Xích lại gần em cho thêm chút ấm.
Mưa đêm rơi... rơi từng giọt âm thầm.
Sẽ chia cùng em cuộc đời viễn xứ.
Mộng ngày về còn quá đối xa xăm.*



Hân-Hạnh Giới-Thiệu:

DRAGON & FAIRY IN POETRY (RỒNG & TIÊN TRONG THI-CA)

Thơ tiếng Anh dịch từ thơ tiếng Việt của gần 70 nam+nữ thi-sĩ sinh-sống tại:
America, Australia, Belgium, Finland, France, Germany, Norway & Vietnam

*Đây là tập thơ tiếng Anh thứ 3 của **Thanh-Thanh**
sau "Poems by Selected Vietnamese"
và "Vietnamese Choice Poems"*

Giá bán tại Amazon, Barnes & Noble, Lulu: \$24.02

NGĂN TỦ CŨ

THE OLD SHELF

Ngăn tủ cũ mười năm về sắp lại xương lá bồ-đề nhuộm tím rơi ra sách vở ướp tháng năm dài, tuổi đại sống một thời thơ mộng bướm hoa xa những lưu-bút ngày xanh đầy bụi phủ lật từng trang chữ chứa-chan xưa bâng-khuâng điểm bạn còn, bạn mất ... có người xa vắng... đã về chưa? nghe như vẳng tiếng cười vang đâu đó áo trắng tung-tăng từng buổi tựu trường góc quán nhỏ ly chè xanh tuổi nhỏ chéo áo dài ai buộc dính... yêu thương ôi kỷ-niệm mang-mang đầy nỗi nhớ chất-ngát lòng ngăn tủ của ta ơi! mười năm nữa và sau mười năm nữa tóc bạc đầu thương nhớ mãi khôn nguôi...	The old shelf After ten years I came back to rearrange. From the books and notebooks range Fell out the veins of violet-dyed fig tree leaves: The sight of which more and more aggrieves Reminding me of my dear green years With now so long-ago those cheers... The dusty autograph books each showing Each page with friendship overflowing As I turned over, I reviewed each classmate: Who were still alive, who had already found fate, Who succeeded in fleeing as yearned, And who however returned... In my mind revived the white dresses of fays And their laughter like on back-to-school days, The small kiosk with the glasses of juice, The rear laps who knotted as love to introduce... Oh memories of youth! Thence Nostalgia immense In my self! Oh my old shelf! Ten more years, ah! And after ten more years – who could debar? When has grown white my hair To-pine-for and to-miss shall I for ever bear...
---	--

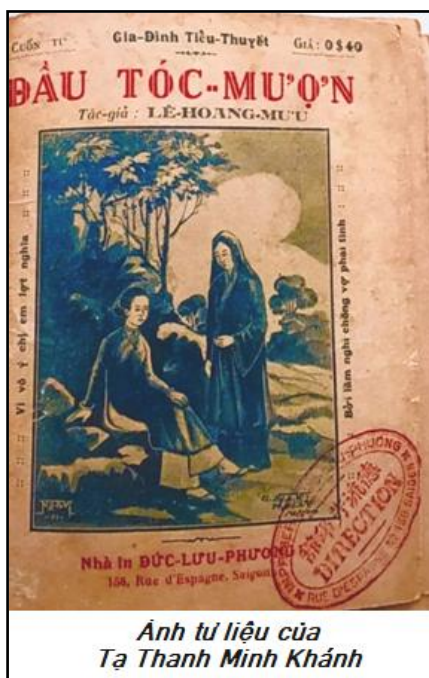
Lê Mai

Translation by Thanh Thanh



CẢM NGHĨ về “ĐẦU TÓC-MƯỢN” của Lê-Hoàng-Mưu (1879-1941)

**** Tạ Thanh Minh Khánh ****



*Ảnh tư liệu của
Tạ Thanh Minh Khánh*

Bởi một cơ duyên hãn-hữu, tôi đọc được tác phẩm Đầu Tóc-Mượn của ông Lê-Hoàng-Mưu, rồi cũng ngẫu nhiên không tìm mà thấy thiên điều tra Nợ Văn của ông Lãng Tử kể về hoàn cảnh thống khổ của một số người đam mê nghiệp viết văn, làm báo thuở ban sơ đầy thử thách, trong đó có bài Con Voi Già nhắc tới tình huống ông Lê Hoàng Mưu khi thất cơ lỡ vận.

Lê Hoàng Mưu là ai?

Không có khả năng và điều kiện truy tầm sâu rộng, tôi chỉ tóm lược dựa vào tài liệu đọc được trên mạng.

Lê Hoàng Mưu là một trong các tiểu thuyết gia đầu tiên của Nam Kỳ Lục Tỉnh. Ông sinh ở Bến Tre, miền Nam Việt Nam năm 1879, lớn lên đi học ở Sài Gòn, làm thư ký rồi viết văn lúc 33 tuổi, qua đời năm 1941 thọ 62 tuổi. Ông viết nhiều, sáng tác mạnh. Ngoài tên Lê Hoàng Mưu, ông còn ký bút hiệu Mộng Huê Lầu (do đảo ngược các vần chữ của tên Lê Hoàng Mưu), Le Fantaisiste Hoàng Mưu...

• **Về báo:** làm chủ bút tờ Nông Cổ Mín Đàm, giữ nhiệm vụ Tổng lý điều hành Công Luận Báo, cùng với Võ Thành Út sáng lập tờ Long Giang Độc Lập, khai sinh báo Điện Tín, viết bài cho Thần Chung, Đuốc Nhà Nam.

Lục Tỉnh Tân Văn là nơi ông làm chủ bút lâu nhứt, 16 năm (1919-1935). Ngoài tiểu thuyết đăng từng kỳ, ông còn viết các bài xã luận, góp ý, trả lời thư độc giả, giữ mục “petite causerie”...

Có lẽ do ông thẳng thắn bày tỏ ý kiến, chẳng hạn như cổ võ người Việt ủng hộ người Việt trên thương trường trước thực trạng người Tàu nắm quyền kinh tế, tán đồng việc các nhân sĩ kêu gọi người Việt gia nhập đoàn thể ngành nghề, Hội Cần Kiệm... để mưu cầu phúc lợi chung; nên ông Lãng Tử nhận định Lê Hoàng Mưu là một ngôi bút “kỳ cựu dân thân”.

• **Về Văn:** ông dịch kịch thơ Pháp Rocambole, Les Drame de Paris, tome V (1912), cùng ông Hồ Văn Lang hợp soạn Phi Công Phú (1913), Hoạn Thư Bất Túy Kiều (1915), phỏng tác truyện Le Comte de Mont-Cristo của văn hào Pháp Alexandre Dumas thành “Tiền Căn Báo Hậu” (1916), Kịch thơ Đổ Triệu Kỳ Duyên (1928).

Ông để lại 17 tiểu thuyết :

* 9 truyện xuất bản thành sách: Hà Hương-Phong Nguyệt (1915), Tây Hồ Công Chúa Ngoại Sử (1916), Một Ngàn Con Ma (1917), Lạc Thúy Duyên- Nữ Giáo Tô Huệ Nhi Ngoại Sử (1918), Oán Hồng Quân Ngoại Sử – Phùng Kim Huê (1920), Oan Kia Theo Mãi -32 Đêm Hồ Cảnh Tiên Tự Thuật (1922), Đầu Tóc-Mượn (1926), Đêm Rốt Của Người Tội Tử Hình (1929), Người Bán Ngọc (1931)

* 8 truyện đăng từng kỳ trên báo:

- 5 truyện đã kết thúc: Ba Gái Cầu Chồng- Thập Báo Niên Tiền Ly Miêu Hoán Chúa (1915), Hồ Thê Ngọc (1916-1918), Nhượng Nữ Báo Phụ Thủ-Hiếu Tình Bất Nhứt (1924-1925), Hoan Hỉ Kỳ Oan (1925), Thập Niên Tiền Kim Liễu Hàm Oan (1930).

- 3 truyện dang dở: Trăng Già Độc Địa (1930-1931), Cuồng Phụ Ngộ Cừu Nhân (1926), Giọt Nước Cảnh Dương-Hoa Chìm Bể Khổ (1924).

Theo ông Lãng Tử (Thúc Tề Nguyễn Thúc Nhuận) người cộng tác với tạp chí Văn Học, Mai, Dân Quyền, Hà nội Báo thì Lê Hoảng Mưu là một nhà văn nổi tiếng; có “sách bán chạy như tôm tươi”, là chủ bút được trả lương cao nhất, là nhà báo “lý luận lôi cuốn, hấp

dẫn, chinh phục tất cả xứ Nam Kỳ và thế hệ thanh niên hồi đó. Tài bút chiến của ông khuấy phục các bạn cùng nghề”.

Ông được thi sĩ Nguyễn Liên Phong làm thơ tặng: “Khen bảy thầy Mưu dạng mỹ miều, có khoa ngôn ngữ nét không kiêu”... (Điều Cổ Hạ Kim thi tập-1915).

Nhưng dòng đời hưng phế, ông bước vào chuỗi hoàng hôn của nghiệp văn cũng như phận người khởi từ nỗi buồn thất chí khi ông không còn được làm chủ bút tờ Lục Tỉnh Tân Văn. Dù vậy, theo tác giả Lãng Tử, Lê Hoảng Mưu vẫn là một nhà văn biết tự trọng và yêu nghề, ngay cả trong những ngày “gió bụi”.

Không chuyên ngành nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, tôi chỉ là kẻ hậu sinh bụi người cảm thông muộn màng nghiệp phần của những người trăm năm trước, tiên phong viết văn, làm báo ở miền Nam Việt Nam thời Pháp thuộc “muôn vạn khó khăn”, trong đó có ông Lê Hoảng Mưu, tài danh một thuở, phong lưu đã từng, hệ lụy cũng trải, trầm luân trong đơn bạc, lặng lẽ xa cõi phù sinh, lưu dấu cho đời nhiều tác phẩm.

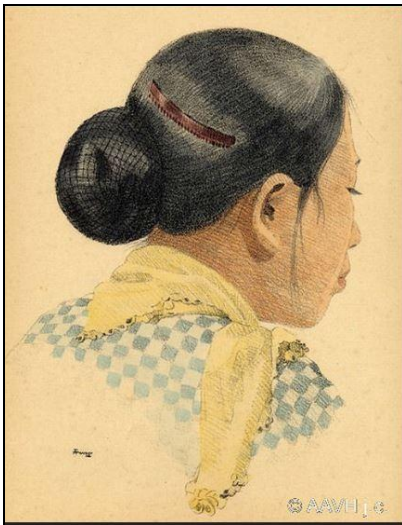
ĐẦU TÓC-MƯỢN (1926)

Truyện kể về một gia đình trung lưu ở miệt quê Nam, nước Việt thời thuộc Pháp, gồm 6 người:- Ông bà Hồng Tuấn: có hai con gái, không trai. Ông làm hương trưởng, chức việc làng.

- Hồng Anh, cô chị, 20 tuổi, đã đính ước cùng Tề Nhiếp Nguyên, học trò lữ vận thi rớt, nghèo, mồ côi cha mẹ,

không anh chị em, sống nương nhờ nơi nhà chú thím.

- Hồng Hoa, cô em, 18 tuổi, có chồng trước chị, chưa sinh con. Chồng cô, Hồ Hớn Dân, thời niên thiếu mồ côi cha mẹ, không anh chị em, ở với chú thím; được ông bà Hồng Tuấn giúp đỡ lúc còn đi học. Khi Dân thi đậu làm thầy giáo, ông bà Hồng Tuấn gả con gái Hồng Hoa và Dân về ở chung bên nhà vợ.



(*) Ảnh trường Mỹ Thuật Gia Định

Sự việc xảy ra do một hôm ông bà Hồng Tuấn và vợ chồng Hồng Hoa-Hớn Dân vắng nhà, Hồng Anh đốc thúc tôi tớ quét dọn trong ngoài, còn cô vô sắp xếp phòng em, làm xong cô thấm mệt, ngã lưng lên giường định nằm nghỉ chốc lát rồi ngủ quên.

Hồng Hoa-Hớn Dân đi thăm chú thím của Dân. Sáng ngày sau Dân về trước vì phải dạy buổi trưa. Tới nhà Dân vào phòng, tiếng động làm Hồng Anh thức giấc. Dân chưng hửng, nhận mình vô ý

rồi vội vàng đến trường. Còn Hồng Anh bất ngờ ngó thấy em rể, quá đỗi ngỡ ngàng ngừng nên cũng lật đật rời khỏi phòng, không dè đầu tóc-mượn bị sổ tuột, rớt lại trên giường. Buổi chiều Hồng Hoa về, trông thấy đầu tóc mượn (*) của Hồng Anh thì nghi ngờ, giận dữ, nhưng dấu kín nỗi ghen hờn, lặng lẽ bỏ đi, rời xa gia đình.

Cả nhà không ai hiểu được có sự. Tới khi Hồng Anh vô phòng mình, thấy lá thư của Hồng Hoa với đầu tóc-mượn gởi trả như tang chứng, nàng mới biết sự sơ suất vô tình của nàng là nguyên nhân gây biến. Nàng lo sợ, buồn tức nhưng hồ thẹn lặng thinh.

Cùng lúc ấy bà Hồng Tuấn ngại miệng tiếng dị nghị liền thu xếp đón Tề Nhiếp Nguyên, hôn phu của Hồng Anh về, coi như ở rể, chờ cưới.

Nhưng Hồng Anh uất ức, quyết tìm em đặt giải oan nên trốn nhà ra đi.

Tề Nhiếp Nguyên định trở về với chú thím song ông bà Hồng Tuấn cầm giữ chàng ở lại, hứa xem chàng như con ruột. Thế là gia đình họ Hồng thành một nhà không con mà có hai rể.

Bước đường lưu lạc:

* Hồng Anh, cô chị, sau khi bị trộm hết tư trang, vào giúp việc cho một hào phú người Tàu, có vợ Việt ở Chợ Lớn. Cô chủ thấy nàng nét na, đẹp người nên ngó ý muốn cưới nàng cho em trai cô. Nàng từ chối. Dịp rằm tháng bảy, cô chủ đi chùa Điện Bà, trên núi Bà Đen, ở Tây Ninh, dẫn theo Hồng Anh. Trong lúc cô chủ vào lễ Phật, Hồng Anh dạo xem cảnh trí, nhìn thấy một bà vải nơi hang đá, nàng tới kể lể tâm sự, xin xuất gia. Bà vải hết lời can ngăn nhưng

nàng nài nỉ mãi, khiến bà động lòng cho nàng trú tại am mây, khởi đời tu hành kinh kệ.

* Hồng Hoa, cô em, giọng ruỗi qua nhiều tỉnh thành lần hồi tới đất Tây Ninh, tá túc nơi nhà một gia đình làm rẫy, bán buôn ở chợ. Tình cờ Lư Bích Tôn trông thấy. Bích Tôn là công tử, con nhà danh giá, thế lực trong vùng, nổi tiếng ăn chơi, chuộng sắc; gặp Hồng Hoa thì si mê, ve vãn. Bị nàng đối xử lạnh nhạt, Bích Tôn lập kế cho nàng bị bắt giải lên làng xã để Bích Tôn quyền thế ra mặt làm nghĩa cứu giúp. Dù vậy, Hồng Hoa vẫn không nhận lời cầu hôn của Bích Tôn, chỉ thuận kết tình bằng hữu huynh đệ. Rồi Hồng Hoa mở tiệm mua bán hàng xén; vài năm sau trở nên khá giả, phát đạt.

Một dịp rằm tháng bảy, nàng đi hành hương Điện Bà cùng đoàn khách hàng quen biết. Cơ duyên đưa dẫn chị em gặp nhau giữa chốn đông người, đôi bên đều ngỡ ngợ, không tỏ thiệt lại lịch. Rồi Hồng Hoa ra về định tâm sẽ trở lại tìm vị ni cô giống chị của nàng, còn Hồng Anh cũng mong gặp lại người đàn bà giàu sang, đẹp tựa cô em của mình.

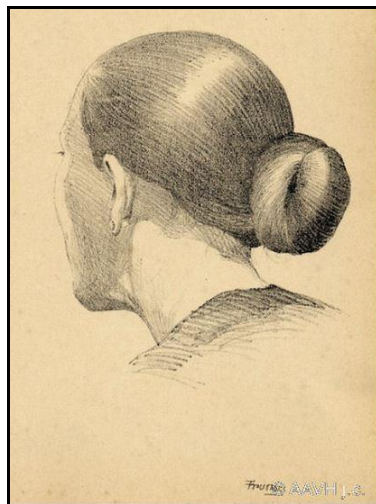
Bấy giờ tại Hồng gia trang, ông bà Hồng Tuấn vẫn sống với hai chàng rể. Bất ngờ thầy giáo Hồ Hớn Dân phải dời lên Tây Ninh. Sống nương tựa nhau đã quen nên họ quyết định bán nhà để cùng đi một lượt.

Bích Tôn nay đã là giáo tập, đại diện Ty Học chánh sở tại đón Hớn Dân, đãi đằng cơm nước, chỉ dẫn bước đầu...

Buổi nọ Hớn Dân dạo xem quang cảnh, đường xá, tới gần chợ Tây Ninh chàng thoáng thấy người đàn bà dáng tướng tựa Hồng Hoa đi vào một phố tiệm; mấy

ngày lui tới ngóng đợi vẫn không gặp lại. Chàng nghĩ đến Bích Tôn, người cố cựu đất này...Thế là vợ chồng trùng phùng, cha mẹ gặp con. Cả nhà lên Điện Bà tìm Hồng Anh. Mười năm ngổ ly tan nhưng duyên phần chưa mất nên gia đình đoàn tụ sum vầy.

Đầu Tóc-Mượn được viết vừa văn xuôi, mô tả nhiều điển cố, ước lệ, ví von thậm xưng, vừa dụng thể biền ngẫu có vần có điệu, ý lời đối xứng với những đoạn dài kể lể, than thở, lý luận...đọc nghe như thơ.



Ảnh trường Mỹ Thuật Gia Định (*)

Búi đầu với tóc-mượn là phong cách của rất nhiều phụ nữ Việt Nam, được tác giả dàn dựng thành cốt sự làm xao động một gia đình. Hai vế đối ở bìa trước quyển sách đã tóm tắt lý do:

Vì vô ý chị em lọt nghĩa

Bởi lầm nghi chồng vợ phai tình.

Cốt truyện mang nét kịch tính gút-mở dựa trên những tình cờ đã lôi cuốn đọc

giả thời ấy bằng bút pháp linh động, vừa tả cảnh, vừa tả tình, diễn biến nội tâm các nhân vật qua dáng hình, giọng nói.

Khác với truyện Hà Hương Phong Nguyệt cũng của Lê Hoàng Mưu, một thời gây tranh luận sôi nổi, Đầu Tóc-Mượn nhẹ nhàng phác họa một mẫu gia đình trung lưu ở vùng Lục Tỉnh đất rộng sông dài “có chút của ăn, của để” : một ngôi nhà khang trang, vài mẫu ruộng, mấy con trâu với mảnh vườn trồng rau củ, hoa trái. Đó là sản nghiệp vật chất. Còn đời sống tinh thần có thể thấy hiểu phần nào tâm ý gia chủ qua hai câu đối liễn viết bằng chữ quốc ngữ, dựng trước cửa ngõ:

Thảo thất nhàn cư, bất cập tích kim nhi tích đức

Bổ y tùy phận, tuy vô hằng sản hữu hằng tâm.

(Sống an nhàn nơi nhà cỏ, tích vàng không bằng tích đức Phận áo vải tuy không có của mà có tấm lòng)

Hai chị em Hồng Anh - Hồng Hoa được đi học và đều thích đọc sách, ưa noi gương người xưa tích cũ.

* Hồng Anh: quyết trọn chữ tùng, theo cách dâng cơm mời trà, tương kính như tân.

* Hồng Hoa: bắt chước Kiều Nguyệt Nga trong truyện Lục Vân Tiên, bị ép duyên với Bùi Kiệm, trước khi bỏ đi đề thư để lại “*Mình cũng gặp chuyện bất bình trong dạ, quyết đi cho rời rã tóc tơ, vậy cũng nên noi gương xưa, ký một phong thơ, tỏ mọi nỗi nhuốc nhe cùng chị.*” Gặp cơn ghen hờn, nàng nghĩ đến Hoạn Thư trong truyện Kiều, muốn “*âm mưu sâu cho biết thừa tay, làm*

cho ra căng đọa kiếp đây, cho tạt mặt, tạt mày chơi chút, làm cho biết ai họ Hoạn, ai là chàng Thúc...”

Nhưng truyện xảy ra ở Vĩnh Long, Chợ Lớn, Tây Ninh, vùng đất lành là nơi như khắp mọi nơi trên lãnh thổ Việt, hằng nhắc nhớ tập quán luân lý, đạo nghĩa tín ngưỡng và nề nếp nho phong được xã hội chuẩn nhận như quan niệm truyền thống. Muôn đời mầm ác vẫn hiện hữu và tính thiện, lương tâm với tình thương cũng luôn luôn còn đó. Đọc giả khi thường thức một quyển sách có thể nhìn ra ẩn ý của tác giả. Trong Đầu Tóc-Mượn Lê Hoàng Mưu xếp đặt cho Hồng Hoa lúc ghen hờn, giận lẫy chỉ chủ động rời xa chồng, tự chọn đời lưu lạc tha phương.

Đầu Tóc-Mượn không có bạo hành, thảm sát. Mười năm phân ly, hai chị em Hồng Anh- Hồng Hoa gặp mảnh mun, mưu mẹo, lọc lừa...có gian truân song chẳng khắc bạc, hung tàn. Hai cô đều từ chối lời cầu hôn của kẻ khác, giữ lòng chung thủy với chồng. Khi nghi lầm được giải tỏa, chẳng ngại quay về nghĩa cũ tình xưa. Kết thúc có hậu như “hết cơn mưa trời lại sáng”.

Đầu Tóc-Mượn là tiểu thuyết gia đình Việt, sống trên đất Việt, theo phong hoá Việt. Phải chăng “*Truyện đặt theo việc tình người đời, chẳng mượn tích ngoại phang gio-diễn, để đồng hương rảnh mua vui, lúc buồn tiêu khiển*” như ông đã viết trong Tiểu Tựa cuốn Hà Hương Phong Nguyệt, tiểu thuyết đầu tay của ông năm 1914?

Phải chăng Đầu Tóc-Mượn cũng gần gũi với tinh thần Cuộc Thi Viết Tiểu Thuyết (do ông Gilbert Trần Chánh

Chiếu tổ chức lần đầu tiên, năm 1906, lúc ông Chiếu làm chủ bút tờ Nông Cổ Mín Đàm) có lời ghi: “*Người Langsa gọi Roman nghĩa là lấy trí riêng mình mà đặt ra một truyện, tùy theo nhơn vật, phong tục trong xứ, dường như truyện có thiệt vậy*” ?

Tôi đọc đi đọc lại Đầu Tóc-Mượn mà nghe chừng đâu đây đồng vọng của thổ ngời miền quê cha đất mẹ. Sông nước, ruộng vườn, Chợ Lớn thị tứ, núi Bà Đen gập ghềnh; bộ ván gỗ trải chiếu bông ; ô trầu- ống ngoáy với tôi là một phần quá khứ tuổi thơ êm đẹp. Tôi nhớ mấy người chị bà con bói đầu với tóc-mượn, nhớ cách nói lục tỉnh quen thuộc, các ngôn từ, những chữ, những tiếng, nay hình như ít nghe thấy hoặc không còn dùng nữa.

Vẫn biết hoài cảm cá nhân không hẳn độc giả nào cũng có, nhưng đó là động lực giúp tôi ráng đọc những trang sách vàng úa màu thời gian để làm gan thuật nhắc tỉ mỉ một di sản văn chương miền Lục Tỉnh dường như ít được phổ biến trên mạng.

Và, như cơ duyên, cho người đọc đời sau, thấp muện hương trầm, tâm thành tưởng nghĩ người đã mãi kiếp nhân sinh 80 năm về trước: nhà văn Lê Hoàng Mưu.

Tạ Thanh Minh Khánh

Paris 2021

Vài trích đoạn trong tác phẩm Đầu Tóc-Mượn: (chính tả và dấu hỏi, ngã, chép y theo nguyên bản)

* Bà Hồng Tuấn: “Tục đời thường ví: Nữ sanh ngoại tộc miễn ba tòng con giữ trọn là hay; nếu nói như con đã xuất giá tòng phu, còn muốn đăng tròn chữ hiếu thì lấy ai phụng tự bên chồng ; đã vâng chịu chữ tòng còn muốn đeo đuổi cha mẹ hoài thì ai gọi tòng phu xuất giá ?”

* Hồng Hoa: “Minh ôi, ôm tắt lòng đòi đoạn xa gần: không vò rối, không dần mà nhức-nhối. Cùng ai nở kể đầu chung gối ; để thiếp ôm trăm mối vò tơ, bởi tại chàng ngày ước đêm mơ; khiến thiếp chịu nhuốc-nhờ với thế. Thiếp dám trách lòng chàng ỡ tẹ; làm không e miệng thể dèm pha, làm chi đều xấu hổ mẹ cha; làm chi chuyện quỷ-ma dắc lối. Trước kia đã trao tơ lụa mối; có sao còn làm lỗi duyên em? thì cũng là máu chảy ruột mềm, há chẳng sợ xấu nem xấu lá. Niềm cốt nhục phải đâu ai lạ; sao không e nhục-nhả hổ han, lúc mây mưa đánh đổ đóa vàng; cơn tình tự dúi dạn chần gối. Giá không biết mây chìm bèo nổi để sau có đổ bể ra, bướm ong liền đổ tội cho hoa. Chị hai ôi! nghĩa chị em một máu mà ra, nở sanh sự nổi da xáo thịt! Bằng chẳng cũng chị-em chích-mích, chị sao đành chằm tịch cho an, chồng em dầu sanh chứng lằng loàn, chị cũng phải giáng-cang em rể”.

* Hồng Anh: “Vẫn chàng với thiếp, cùng nhau từ mấy năm nay đã ước hiệp nghĩa tóc tơ, hẹn vầy duyên cầm sắc, thì cũng tưởng, chàng chữ dạ kéo sơn gấn chắc, thiếp thệ lòng vẹn một chữ tòng; chưa chần gối cùng vợ chồng, thiếp đâu dám phụ lòng vàng đá, có dè đâu:

Thiếp thật chẳng loan chung phụng chạ, dạ cũng không tham lục tiết hồng; Tai họa đầu bay đến khi không, khiến cho thiếp chịu oan tiếng yêu vụng nhớ chùng em rề. Ấy có phải ruộng giàu mà hoá bể, bình địa khởi phong ba, há rằng không xấu hổ mẹ cha, hư danh giá thối nhà băng tuyết. Tề-Lang ôi, thiếp dầu không đau lòng từ biệc cũng sanh ly, thiếp đã mong trốn bỏ mà đi, tới cửa Từ Bi qui y thọ phái...”

Ghi chú:

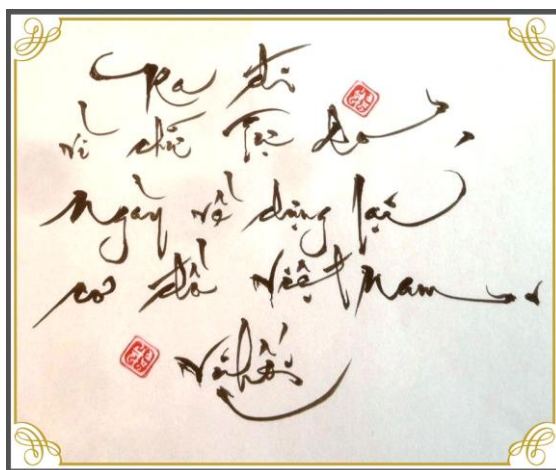
1- Tài liệu trên mạng cho biết Đầu Tóc-Mượn đăng ở báo Lục Tỉnh Tân Văn năm 1924. Nhà Imprimerie de l'Union phát hành năm 1926. Có lẽ sau đó Đầu Tóc-Mượn được in lại bởi Đức Lưu Phương ấn quán, không thấy ghi năm.
2- Đầu Tóc-Mượn có một tiểu tựa nơi trang đầu mỗi cuốn Gặp Tình Cờ Điện.
3- Đầu Tóc-Mượn theo trí nhớ của TTMK là một mớ (nắm, nhúm) những sợi tóc rời được bện kết thắt chặt một đầu bằng chỉ đen thành một khoanh (lọn, chùm) tóc- mượn ; phụ nữ dùng cặp đũa thêm vào tóc từ phía sau ốt để búi thành búi tóc. Muốn có tóc-mượn, người ta thường dùng tóc của chính mình hoặc xin tóc của người thân quen biết. Tóc-mượn trung bình dài cỡ 50 cm, tròn độ 3,5 cm, tùy nghi gia giảm. Tóc-Mượn làm tăng độ dày, giúp búi tóc trông đầy đặn, thẩm mỹ hơn ; như một kiểu cách thời trang quen thuộc thuở ấy. Để búi tóc khỏi bị sổ tuột, phụ nữ có thể dùng chiếc trâm nhỏ, vài cái kẹp ghim hay bao lưới mỏng bọc búi tóc lại. Mấy năm đầu

thập niên 50 của thế kỷ trước, chợ Tân Định còn treo bán tóc-mượn có đính mảnh giấy đề “tóc thiệt” được hiểu không phải là tóc của người chết.

Tài liệu tham khảo:

- Nợ Văn, Lãng Tử, Văn Xuôi Lãng Mạn Việt Nam 1930-1945, tập 8, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1990.
- Bước Đầu Khảo Sát Tư liệu và Đánh giá Tiểu Thuyết Lê Hoàng Mưu, Võ Văn Nhơn.
- Văn Học Miền Nam: Các tiểu thuyết gia đầu tiên, Lê Hoàng Mưu, Huỳnh Ái Tông.
- Lục Tỉnh Tân Văn: một số báo thời Lê Hoàng Mưu làm chủ bút. Nhà Kho Quán Ven Đường- Huỳnh Chiếu Đăng.
- Lục Tỉnh Tân Văn, một trong những tờ báo sống lâu nhất ở Nam Kỳ- Lâm Vĩnh Thế.
- Trang mạng Nam Kỳ Lục Tỉnh.
- Các trang mạng về tác giả Lê Hoàng Mưu
- Diễn Đàn Dân Tộc Đông Hải Nguyễn Đức Hiền
- Hai hình chụp phụ nữ miền Nam Việt Nam (*), trích từ bộ sưu tập tranh vẽ 1935 1938 1943 của trường Mỹ Thuật Gia Định- École d'Art de GiaĐinh trong quyển Monographie Dessinée de l'Indochine Cochinchine do Librairie Orientaliste Paul GEUTHNER, 12 Rue Vavin - 75006 Paris ấn hành.

** Thành thật cảm ơn các tác giả, các trang mạng về những bài viết cùng hình ảnh mà TTMK mạn phép sử dụng. Kính mong thông cảm, lượng thứ.*



Thuyền Nhân – Tranh: **Vũ Quốc**
(Triển lãm ở sảnh đường Quốc Hội Hoa Kỳ 3/7/2017)

VỀ VÙNG NẮNG ẤM

**** Nguyễn Văn Sâm ****

Con đường trước mặt yên tĩnh. Những chiếc xe nằm im lặng kế đuôi nhau sát lề từ xa coi thoáng qua như mấy con rắn khổng lồ đương ngủ kỹ sau khi ăn no kênh bụng. Khung cảnh im ắng của buổi sáng sớm khi mặt trời còn ngủ với một chút sương mù lừng lững quyện trên đầu có sức hấp dẫn kỳ lạ khiến già Được chạy xe lòng vòng trên những con đường nhỏ ít xe cộ, cố tìm một chút thư thả để tránh sự bức bối trong lòng khi những suy nghĩ về một quyết định hơi khó khăn lúc tuổi già.

Vùng Garden Grove, Santa Ana, Midway City, Anaheim, trung tâm người Việt của tiểu bang nắng ấm California. Ngó vô những căn nhà mà bên hông hoặc xum xuê những bụi thanh long sai trái, hoặc vài ba cây cam oằn nhánh, hay mấy cây chanh trái lớn bằng nắm tay vàng lườm, hay chần chần hơn, một bụi chuối với lá hình phượng quen thuộc quê nhà, già Được biết rằng nơi đó gia đình một người đồng hương đương cư ngụ. Và dĩ nhiên là ông/bà ấy hằng ngày kiếm chút thời giờ giữa hai công việc phải làm để bón gốc, tưới cành tưới nước cho công trình mình, một chút đỡ nhớ quê cộng với một chút thanh nhàn. Thật ra già Được muốn dời nhà xuống đây lâu rồi, vùng sa mạc đồi núi khô cằn trên kia chỉ thích hợp khi người ta còn có thể lái xe phom phom vững tin mình vẫn còn đủ phong độ

trong phản ứng. Bây giờ với số tuổi gấp ghé tám mươi, lái xe đường xa xuống khu đô hội của người Việt hằng tuần là cả vấn đề. Phải di chuyển thôi, dầu rằng đặng vô chuyện này là có bao nhiêu điều phải giải quyết. Bà vợ thường nói là quyết định mau quá, nhà bán đồ bán tháo như đá gà thấy thua trước mắt, quăng bắt vớt ăn ba ăn tư giờ chót. Nghĩ tới đó già Được cười cười một mình, liếc qua người ngồi kế bên.

Không gian buổi tinh sương còn đượm mùi thơm nhẹ nhàng của cây cỏ, già Được mở cửa kiếng xe xuống phân nửa, hít thở không khí trong lành. Có chút gì thân mật trong cảnh trí còn đượm lại trong tâm tư lúc còn nhỏ ở Sài Gòn hiện ra với khu nhà thương Grall êm đềm của những hàng cây dái ngựa rợp lá, của đám me dốt xanh cành cao với tới mây xanh gần Sở Thú. Và những con đường chung quanh khu Thi Sách sau tòa nhà Quốc Hội, mang tính cách thanh bình và quý phái nữa!

Ông quay qua nói với vợ:

‘Em coi đường phố sạch sẽ, không có những bảng treo *văn hóa, quyết tâm* cái cóc khô gì hết mà kiếm đồ mắt cũng không thấy những đồng rác đồ bậy, càng không có những kẻ vạch quần tự nhiên phóng uế ra đường.’

‘Xứ văn minh, người ta làm theo luật, công chức công nhơn làm hết bổn phận thì chẳng những đường phố sạch

mà những chuyện trái tai ngựa mất cũng ít xảy ra.'

Trí nhớ già Được đi ngược về miền xa xôi của tuổi trẻ và chuyện thực tế ông chứng kiến trong kỳ về quê ăn Tết vừa qua. Khắp nơi cờ đảng, cờ nước đỏ đường. Mấy hôm Tết chẳng những đầy *mưa sa trên nền cờ đỏ* mà đi đâu cũng thấy rác rưởi hôi thúi bên dưới tám biểu ngữ kịch cỡm 'Mừng Đảng, Mừng Xuân...'.

Mãi mê suy nghĩ, già Được để xe mình chạy vô đường cao tốc 22, ông chép miệng làm bầm 'kiểu này cũng là biểu hiệu của tuổi già tới kế bên chun, làm mà không có chủ ý'. Xe cộ hơi nhiều tuy rằng hầu hết đều đúng luật và rất thân thiện nhường làn xe khi mình để đèn báo hiệu. Chợt thấy tám bảng lớn trên lề in hình một tên khỏe mạnh, mặt bậm trợn, đương gồng gân bít miệng một người ốm yếu, chuyện xảy ra trong một phiên tòa gây nhiều tai tiếng bên nhà, ông buột miệng hỏi vợ:

'Em biết chuyện ngày trước Cai Nền đánh người rồi bị đánh trả không?'

'Cách đây cả thế kỷ rồi, hình như ông này đánh nhà cách mạng Tạ Thu Thâu hay Phan Văn Hùm gì đó.'

'Ừa, thằng chết bầm này đánh ông Phan Văn Hùm. Chuyện xảy ra năm 1928, ông Hùm đi Bến Lức định diễn thuyết chống thực dân, Cai Nền, tên chó săn của chánh quyền thực dân ngoại quốc lúc đó được lệnh cản mũi cản lái, bị cự cãi, hấn ta tức khí đánh ông Hùm và bị ông đánh lại... Dĩ nhiên là ông Hùm bị bỏ tù vì 'chống đối người thi hành pháp luật'. Nhưng rồi Cai Nền

cũng bị sa thải sau đó không lâu, về nhà đuổi gà cho vợ. Chuyện ruồi bu này thì nhiều người biết.' Với nụ cười nửa miệng thích thú, ông kể thêm. 'Tức cười là năm nào cách đây gần bảy chục năm, lúc đó anh đầu chừng độ mười tuổi, theo bà con đi về chơi vùng Bà Điểm. Người dân ở đây chỉ cái mả nói là của Cai Nền. Mả không lớn nhưng sạch sẽ, coi ngon lành hơn các mả lạn bên cạnh. Anh len lén lên trên đó đái mỗi ngày vài ba bận. Đái vẽ rồng vẽ rắn mà khoái chí.'

Người đàn bà xăn xớm:

'Quậy trời thần dữ he!'

Già Được làm thỉnh, chăm chú hơn vô tay lái. Những chuyện có vẻ con nít, dơ dáy, thường không được đàn bà hoan nghinh. Ông im lặng suy nghĩ khi nhớ tới hình ảnh những lá cờ máu treo bên trên và người dân đổ rác đầy tràn bên dưới. Chắc cũng là một sự phản đối ngầm được vô thức điều khiển như mình lúc nhỏ, ông đi đến kết luận và mỉm cười với mình.

Người vợ trở về thực tế:

'Sống cho có, căn nhà khang trang, chết cho có nắm mồ coi được được một chút với người ta!'

'Ờ có căn nhà khang trang thì được, nhưng không nhứt thiết phải có nắm mồ coi được được. Biết bao nhiêu người chọn thiêu xác, hiến xác. Trước đây trên đường tìm tự do gần triệu người vui thân thủy mộ... Nhưng mà thôi, nói về chuyện mồ mả buồn lắm!'

Già Được thở dài, ông không muốn mở ra thêm một cuộc tranh luận mới.

Tranh luận về dọn nhà hay không, dọn về vùng nào, mua hay mượn, mua thì chừng bao nhiêu tiền, dọn thì lúc nào thuận tiện... cũng đã làm ông nhức đầu rồi. Thêm nữa, đồ đạc những gì cần để, những gì cần bỏ. Bán hay cho, bán thì giá nào, cho thì cho ai. Ôi! Bao nhiêu là vấn đề đặt ra, không dễ dàng gì được đồng thuận.

Có tiếng điện thoại kêu vang. Người bạn mới quen không lâu, chẳng thân thiết chi mấy gọi hướng dẫn cách sống ở đây. Vợ chồng nên làm giấy ly dị, giả tách ra làm hai mới lãnh được tiền già nhiều hơn. Có thể sau này xin housing mỗi người một cái, cho thuê lên hay share kiếm thêm. Có địa chỉ rồi thì đi bác sĩ người mình để dễ xin thuốc này nọ dư gởi về cho bà con nghèo khổ bên nhà làm phước. Già Được xin lỗi để tắt máy. Mấy cái vụ mảnh mung này nghe chói tai mà cứ bị nghe hoài. Bực mình bực mảy. Một kiểu tham lam lường gạt lòn lách. Bên kia đầu dây cố gắng nói thêm. ‘Anh gần tám chục tuổi để xin y tá phụ đến nhà giúp đỡ. Xin được người mình thì điều đình với họ khỏi tới làm, tiền lãnh chia hai. Thiên hạ chơi chiêu này đầy trời.’ Già Được tắt máy không vị nể với câu nói xốc hông: ‘Cám ơn anh, anh giỏi quá! Tôi thì chịu thua không làm được chuyện kỳ cục đó!’ Tiếng *giỏi quá* và *chịu thua* được Già nhấn mạnh.

Người ta thường thích làm tài khôn dạy cho người khác chuyện phi pháp. Ông này xúi giục mình tạo thêm một chút tham lam cuối đời để mang nặng Nghiệp trước khi Về. Đối với người biết an nhiên thì thêm một chút nữa cũng chẳng ích lợi gì. Không hưởng bậy

những thứ thêm đó thì đã có ai chết đói đâu? Ông quay sang hỏi vợ:

‘Em có coi một bài trên internet của một thức giả bên Đức kêu cứu rằng xin đừng làm xấu người Việt Nam không? Bên đó thiên hạ xuất nhiều chiêu gian lận tiền bạc mà còn đem những thói hư tật xấu ra đường như nói lớn tiếng trong điện thoại, ồn ào chen lấn nghinh ngang trên tàu điện, quần áo xốc xếch, phun nhổ bừa bãi, ngoáy tai, móc cứt mũi nơi công cộng...’

‘Có! Bên này mấy tật xấu đó tương đối ít hơn hay gần như không có...’. Trầm ngâm một chút người đàn bà nói thêm:

‘Tuần trước đi mua bánh mì ở đây, em bị một bà son phấn lòe loẹt ào ào chạy vô, vệt mọi người bắt cần lớn nhỏ để tới trước quầy kêu người bán hàng bán cho hai ổ, giọng bà ta nghe bắt thấy ‘thương’. ‘Mau lên em ơi, chị đậu xe trước cửa sợ bị phạt...’ Cả đoàn xếp hàng không ai nói gì nhưng chắc là thấy ngán ngẩm chuyện bà ta làm như vậy. May là bữa đó không có người Mỹ nào, nội cái nhìn trở mắt và cái lắc đầu thờ dãi của họ cũng thấy mắc cỡ rồi.’

Mỉm cười với vợ, Già Được nói buông xuôi: ‘Thì ai cũng có lý do khi làm chuyện trật chĩa. Người bạn hỏi nãy thường nói với mọi người là ‘Túng thì phải tính’. Mình làm vậy vì Nghèo. Cái Nghèo được đưa ra làm lý do tế thần để che cái Tham.’

Nghĩ tới chuyện lùm xùm về cấm đoán di dân của ông Tổng Thống đắc cử bằng phiếu của cử tri đoàn, già Được bực bội nói một hơi: ‘Khi người ta làm chuyện gì đó nghĩ là không được đúng

thì cái có đưa ra cho mọi người thấy chỉ là cái có giả. Thế kỷ trước người Tàu bị cấm vô nước Mỹ vì bị gán cho là dơ dáy, thiếu văn minh. Biết đâu sau này vài sắc dân châu Á bị cấm vì gian lận những chương trình lợi ích và gian tham như không đóng thuế khi buôn bán thức ăn, nhà hàng, tiệm nail... tới tuổi gần già thì sang nhượng tài sản lại cho con cái để được hưởng đủ mọi thứ.... Chuyện họ làm như chó ăn vụng bột, ai cũng thấy cũng biết hưởng gì chánh quyền, tại vì chuyện này chuyện kia nên người ta chưa khai ra thôi. Anh 'xi nết' với anh chàng mau miệng hồi nãy cũng vì lẽ đó. Anh không muốn dân ở đây dán một cái nhãn xấu cho người mình. Bị dán nhãn thì biết bao nhiêu là bất lợi cho người đồng chủng đến sau.'

Người vợ gật đầu đồng ý: 'Vậy đó! Có bao nhiêu ăn bao nhiêu hơn là có khả năng chi tiêu rộng rãi một chút mà lo đau đầu...'

Thấy vợ vui vui anh tán công luôn về chuyện dời nhà: 'Em nghĩ sao? Vùng này mình vui thú tuổi già được chứ? Hay là mình di chuyển xuống đây, càng sớm càng tốt?'

Người vợ đồng ý nhưng không nói rõ ràng ý của mình: 'Xuống đây em có thời giờ như nhóm bạn của em, hằng tuần đi thăm người già trong nursing home. Họ tội lắm, thấy người đến thăm là vui mừng lộ ra mặt, có người còn rơi nước mắt. Hát hò cho họ, nói chuyện này nọ, cắt móng tay móng chân cho những ông bà quá yếu khiến họ cứ bịn rịn không cho mình về...'

Già Được chộp dịp nịnh vợ:

'Em nói như vậy thì Tâm em là Tâm thiện. Tốt lắm. Đúng ý anh. Tâm thiện thì Nghiệp chướng nặng mấy cũng thành nhẹ. Và tâm hồn thì thanh thản.'

Ông muốn nói thêm câu mà ông thường tự hào kháo khĩa với bạn bè: 'Đàn ông có hồng nhan thì nhiều. Vợ chồng tri kỷ cũng không phải thiếu. Tôi vừa có hồng nhan vừa có tri kỷ. Nhưng thôi, anh sợ những lời khen quá đáng trở thành cái lỗ mũi trên ghe, sẽ làm cho ghe chìm trong đường dài...'

Trời từng từng sáng. Một vài người đi làm sớm đã lái xe ra đường. Bên lề dành cho người đi bộ hai người đàn bà dắt hai con chó đi dạo để khỏi tủng chun tủng căng. Cặp chó đùa giỡn coi bộ khoái chí.

Già Được lái xe về phía biển Huntington Beach. Chắc phải ra biển hóng gió một chút. Đi bộ trên bờ cát nghe tiếng sóng rì rào, hít cái hương nồng vị mặn của buổi sáng yên bình bên này đại dương chắc 'không bỏ bễ ngang cũng bỏ bễ dọc.' Già Được kiếm chỗ đậu xe. Hai người xuống cát, đi lần tới cầu cảng. Trời tuy còn sớm, mấy dàn khoan ngoài khơi chưa hiện ra, cả dãy núi phía bên kia vịnh chưa chịu lộ mặt nhưng mấy tay câu cũng mấp mé thùng cá 'chiến lợi phẩm'. Những gương mặt nắng gió làm lì, không vui không buồn, đa phần là người mình, câu để giải khuây đỡ nhớ quê nhớ biển vậy thôi, kiếm thêm tô canh chua nấu mằn hay ơ cá kho quẹt trên mâm cơm thịt thà ê hề đến thừa mứa ở xứ người... Bà vợ hỏi với một người câu khi anh ta kéo lên con cá bóng láng vẩy vùng tuyết vọng trên móc. 'Chia ít cá về

ăn anh ời? Bị nhiều? Bị nhiều cũng được mà'. Sự mua bán dấm dúi diễn ta thiệt mau vì người đi câu sợ bị 'treo cần' mất cả thú vui khi nhìn sợi dây căng bên dưới lúc cá cắn câu.

Ờ, mà niềm vui có gì lớn lao lắm đâu trong cuộc sống chập chờn này, những cái được mất đồng thuận với nhau trong lòng bao dung hỉ xả, như người đi rà kim loại trên bãi cát kia, anh ta cứ lăm lăm quơ cái cây có gắn nam châm qua lại trên cát bằng sự kiên nhẫn đến kinh ngạc người bàng quan. Cái máy kêu títt títt và anh xúc lên một cent trong ánh mắt vui, thay vì sự thất vọng cho công khó nhọc của mình... Ở đời mà, biết bao nhiêu cho đủ! Bà vợ già bộ đi vòng vòng dưới bờ biển, mấy đồng bạc cắc rớt lấp loáng dưới chân, có đáng gì đâu mà thấy vui trong bụng.

Sóng ầm ì xa xa, biển dâu thay đổi, bên kia trùng trùng là quê hương mình bây giờ đã đổi thay, lạ lẫm đến chua xót. Gió thổi phát phơ mái tóc bạc trắng của cặp vợ chồng già tha hương. Già Được thấy bàn tay mình được đan vô những ngón tay khô nhiều xương của vợ. Chuyện đời nhà xuồng vùng nắng ấm này già biết đã được duyệt y, chấp thuận. Ý nghĩ nhà ở đây ảm thắm mà giá cao ngất trời không còn ám ảnh cản trở ai nữa.

'Biển đẹp thiệt', già Được nói trong khi xiết mạnh mấy ngón tay.

Nguyễn Văn Sâm

(Victorville, CA. Rằm tháng giêng con Gà 2017)



BUỔI CHIỀU THU

*Nơi mảnh vườn xưa hoa chớm nở
Phượng vàng rực rỡ lối vào mơ
Chiều nay mặc niệm hương thu nhớ
Ngơ ngẩn bên song nổi đợi chờ.*

*Hoa Đắng xếp lại trang tình sử
Cất bước sang ngang còn luyến lưu
Ai biết trong lòng đã mấy thu
Nhặt nhòa phai nét tờ thư cũ*

*Chiếc khăn kỷ vật trong ngăn tủ
Bụi phấn thời gian mờ ảnh xưa
Nhân dáng ngày nào tím ấp ủ
Phương trời thăm thăm buồn xa đưa.*

*Số kiếp giang hồ chưa thỏa mộng
Cũng đành khép cửa nhốt tang bồng
Xin mây đừng gọi đừng vang vọng
Để tiếng lòng tôi trôi mấy sông.*

ĐT Minh Giang

Có Chí Thì Nên

**** Võ Phú ****

Tôi biết Tâm khi tôi học năm thứ hai ở trường Virginia Commonwealth University trong lớp Hóa học Hữu cơ. Tôi đang ngồi trước giảng đường để chờ giờ vô lớp, Tâm đến. Chúng tôi nhìn, gật đầu chào và quen nhau từ đó. Tâm mới chuyển đến trường trong mùa này. Trước kia, Tâm theo học ở một đại học cộng đồng và chuyển đến đây sau khi tốt nghiệp hai năm. Như hầu hết sinh viên trong lớp Hóa này, chúng tôi ai cũng mong muốn nộp đơn vào trường Y, Nha, Dược sau khi tốt nghiệp. Tâm cao và gầy. Điểm nổi bật của anh ta ở cặp mắt kiếng to đùng và dày cộm. Tâm đến gần tôi và chào:

- Hi..
 - Hello..
 - Người Việt hả?
 - Dạ...người Việt.
 - Tôi tên Tâm. Còn bạn?
 - Pete.
 - Pete học năm hai hả? Ở đâu?
 - Dạ... Pete đang học năm thứ hai. Hiện giờ Pete ở Johnson Hall. Còn anh?
 - Không, ý Tâm hỏi nhà ba mẹ Pete ở đâu đó mà...
 - Dạ nhà Pete ở Northern Virginia. Gần khu Eden Center đó.
 - Tâm ở Virginia Beach, mới transfer từ community college qua trường này. Tâm ở chung với thằng em họ gần thư viện.
 - Dạ... Khu Little Sài Gòn đó hả?
 - Khu Little Sài Gòn?
- Tôi cười rồi giải thích cho Tâm hiểu:

- Khu chung cư đó tụi này gọi là khu Little Sài Gòn vì ở đó rất đông sinh viên Việt thuê để ở. Mỗi khi có tiệc tùng gì là tụi này kéo nhau về đó quây. Nếu nhà nào thiếu mắm cũng có thể chạy qua mượn đồ, nên gọi là khu Little Sài Gòn cho vui đó mà.

- Vậy à! Tâm mới dọn lên hồi tuần trước, nên không biết campus này nhiều. Ở đây sinh viên Việt đông không Pete?

- Cũng khá đông. Tí nữa học xong em dẫn qua khu Student Commons cho biết. Ở đó phe ta đầy nhóc, nhất là ở phòng games.

Tâm nhìn đồng hồ rồi nói:

- Tới giờ rồi, mình vào lớp chứ trễ.
- Dạ... Ngày đầu chắc giáo sư cũng chỉ phát syllabus và nói về lớp thôi chứ chưa học gì đâu.

Chúng tôi đi vào giảng đường. Tôi đã là sinh viên năm thứ hai của trường nên không lạ gì campus này. Chỉ có Tâm mới chuyển trường nên còn bỡ ngỡ. Khi bước vào phòng học, Tâm thăm thì nho nhỏ:

- Ở đây rộng quá, không giống như trường Tâm học.
 - Dạ. Hầu hết những ngành khoa học tự nhiên, Hóa, Sinh, Lý, Eco... đều học ở giảng đường này.
- Chúng tôi tìm hàng ghế trống và ngồi xuống đợi giáo sư đến. Bà giáo sư đứng tuổi, khoảng chừng ngoài năm mươi, người Mỹ trắng, bước vào giảng đường từ cánh cửa nhỏ bên hông ra

chào chúng tôi. Lớp học đầu tiên trôi qua nhanh sau khi bà giáo sư nói về thời khóa biểu của năm học cũng như giới thiệu sách giáo khoa, tiệm sách, mà bà muốn sinh viên chúng tôi mua. Sau đó cho chúng tôi ra về khi bà nhắc lấy lịch học ở bên ngoài cửa giảng đường. Chúng tôi mỗi người lấy một tờ lịch học rồi đi về hướng Student Commons. Student Commons là khu giải trí dành cho sinh viên có bán thức ăn, nước uống nhanh, nhẹ. Nơi đây có banh bàn, billards, máy chơi games, và phòng máy vi tính.

Chúng tôi dạo một vòng ở khu giải trí rồi trở lại căn-tin mua nước uống. Hôm nay tôi chỉ có hai lớp học. Lớp hóa học hữu cơ buổi sáng và toán buổi chiều, nên rảnh rỗi. Tâm hỏi tôi:

- À... Chắc Pete nhỏ tuổi hơn Tâm? Tâm hai sáu.

- Dạ ... Vậy anh lớn hơn em ba tuổi Em hăm ba.

- Pete qua Mỹ lâu chưa?

- Dạ gần sáu năm rồi. Còn anh?

- Gần bốn năm. Hai năm đầu lo học English... Hai năm rồi ráng học cho xong cái bằng Associate rồi mới transfer lên trường này nè.

Tâm nhìn tôi rồi hỏi:

- Pete định chọn ngành gì để học vậy? Y, Dược, hay là Nha?

- Dạ không. Pete không thích làm bác sĩ, nha sĩ, hay dược sĩ. Pete thích học về ngành Toxicology.

Nói rồi tôi giải thích thêm:

- Vì thi vào trường y khó quá. Trường nha thì em lại không thích và dược đứng bán thuốc chán thấy mờ nên cũng không thích. Em thích về nghiên

cứu và bào chế hơn, ngành Toxicology thích hợp với mình nhất.

- Toxicology? Là ngành gì vậy Pete? Tâm cũng mới qua Mỹ nên tiếng Anh cũng chưa biết nhiều lắm.

- À... Dạ.... Toxicology tiếng Việt mình dịch ra là.... là... ngành độc dược... thì phải.

- Cũng hay. Còn Tâm thì rất thích ngành Y, biết rằng học Y rất khó. Nhưng Tâm nghĩ, ông bà ta có câu "có chí thì nên", nên Tâm sẽ cố gắng theo đuổi ước mơ của mình đến cùng.

Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau chừng nửa tiếng đồng hồ rồi chúng tôi chia tay.

Trong suốt học kỳ, ngoài chuyện bài vở ở lớp Hóa ra, chúng tôi rất ít đi chơi với nhau vì anh ấy chừng chặc trầm tính, nghiêm. Tôi thì lười học và ham chơi, tiệc tùng. Tâm chỉ biết đến lớp và thư viện chứ không tiệc tùng như tôi. Thời gian đầu chúng tôi còn nói chuyện chút ít, nhưng sau nhiều lần rủ đi dự tiệc dạ vũ do hội sinh viên Việt Nam trong trường tổ chức, anh luôn từ chối với lý do bận học bài nên tôi cũng không rủ rê nữa. Tuy không thân với Tâm, nhưng tôi chơi thân với Hải, em họ của Tâm. Hải là em cô cậu với Tâm. Hai năm đầu Hải học chung khối Hóa sinh với tôi, nhưng vì ham chơi và tiệc tùng, nên hấn đổi qua trường Thương mại, học về kế toán. Hải nói với tôi rằng, hấn chỉ muốn học cho xong bốn năm rồi đi làm chứ không muốn học thêm nữa... Mỗi tối thứ Sáu, Hội Sinh Viên Việt Nam trường chúng tôi đều tổ chức tiệc tùng gây quỹ. Khi thì ở Student Commons lúc khác ở các quán bar quanh trường. Hầu hết sinh

viên đều ham vui, tiệc tùng, còn Tâm thì luôn vui đầu vào học. Chúng tôi luôn nói anh Tâm là con mọt sách, chỉ biết cắm đầu vào sách và thư viện. Hôm nào cũng vậy, dù không phải là mùa thi cử, nhưng đêm nào Tâm cũng học đến khuya mới chịu về.

Hai năm sau, chúng tôi tốt nghiệp. Anh Tâm tốt nghiệp Cử nhân Sinh vật học và tôi tốt nghiệp Hóa. Gặp anh ở buổi lễ ra trường, anh hỏi tôi:

- Pete ra trường rồi có còn định nộp đơn vào trường graduate để học Toxicology không?
- Em cũng còn muốn chút chút, nhưng giờ Pete định đi làm vài năm cho có kinh nghiệm rồi mới nộp đơn xin vào trường cao học.
- Vậy cũng tốt.
- Còn anh Tâm thì sao? Có trường nào nhận chưa?
- Tâm nộp vào hai trường cũng chỉ ở Virginia này thôi, nhưng chưa trường nào nhận hết.
- Nếu không nhận vào, anh tính làm gì?
- Thì vừa học vừa làm và tiếp tục mượn tiền để học post bachelor. Đợi năm sau lấy lại MCAT và nộp đơn xin vào tiếp.
- Good luck anh! Chúc anh Tâm may mắn nhé.
- Cảm ơn Pete. Pete cũng vậy nhé.

Ra trường, tôi được nhận vào làm việc trong phòng thí nghiệm, trường chúng tôi học. Năm đầu, còn phải học hỏi nhiều, nhất là những dụng cụ trong phòng thí nghiệm nên tôi ít có thời gian liên lạc với bạn bè. Sang năm thứ hai, mọi việc đã thạo, đôi lúc cũng nhàn rỗi, tôi ghi danh học thêm một vài lớp trong

trường với ý định sẽ tiếp tục lấy bằng Cao học hay Tiến sĩ. Rất tình cờ, tôi gặp lại anh Tâm ở lớp Human Anatomy. Gặp lại Tâm, anh ấy kể với tôi rằng sau khi tốt nghiệp, anh nộp đơn vào các trường Y trong tiểu bang, nhưng không trường nào nhận. Anh tiếp tục học thêm một năm hậu Cử nhân, một chương trình dành cho sinh viên muốn học vào trường Y, để chờ năm học tới thì cơ hội được nhận vào trường sẽ cao hơn. Sau một năm hậu Cử nhân, nhưng anh vẫn chưa được vào trường Y, nên giờ anh học Cao học Hóa sinh, phân ngành Neurology để tiếp tục chờ đợi thi vào trường Y lại. Anh Tâm nói với tôi:

- Tâm nhất định phải thi được vào trường Y cho dù mất bao nhiêu năm đi nữa.
- Nghe anh Tâm quả quyết như vậy, tôi nói với anh ta:
- Pete rất khâm phục lòng kiên nhẫn của anh. Pete thì không làm được. Pete dễ chán lắm. Sau hai lần mà không được thì Pete sẽ nản và bỏ cuộc liền. À, mà sao anh không thử nộp đơn vào những trường khác ngoài tiểu bang Virginia này?
- Tâm không thích đi xa vì còn ba mẹ và gia đình ở đây.
- Vậy à? Anh cố gắng lên. Biết đâu năm tới anh được nhận vào thì sao.
- Cũng mong là vậy...

Tôi làm việc trong phòng thí nghiệm ở trường hơn sáu năm và thỉnh thoảng vẫn thấy anh Tâm đi lại trong khuôn viên trường hoặc ở các cuộc hội thảo, hoặc những lần các công ty giới thiệu dụng cụ phòng thí nghiệm (laboratory vendors show). Anh kể tôi nghe năm

nào cũng vậy, anh đều lấy bài thi MCAT và nộp đơn vào trường đại học này, nhưng đến giờ vẫn chưa vào được. Anh học từ hậu Cử nhân, Cao học, rồi Tiến sĩ. Năm nào anh Tâm cũng đều đặn thi vào trường Y, nhưng năm nào cũng trượt cả.

Bẵng đi một thời gian tôi không còn thấy anh Tâm ở trường đại học nữa, tôi nghĩ chắc Tâm bỏ dự định thi vào trường Y rồi hay anh đã được nhận ở một trường nào đó. Cho đến một hôm.... Hôm đó tôi đang xếp hàng mua thức ăn trưa ở căn-tin trường, tôi bỗng giật mình đánh thót vì có người vỗ vào vai một cái thật mạnh. Quay đầu nhìn lại tôi thấy anh Tâm. Lần này, Tâm mặc áo blouse trắng, trên cổ có đeo tấm bảng tên có ghi Tam Tran, Medical Student, Virginia Commonwealth University. Gặp lại Tâm, nghe anh kể chuyện về việc nộp đơn xin vào trường Y của anh ta mà tôi phục sự kiên trì bền bỉ của anh ấy. Chúng tôi ăn trưa cùng nhau ở căn-tin, nghe anh kể câu chuyện thi vào trường đại học Y mà tôi nể phục. Tâm kể sau hơn 5 năm học lấy bằng Tiến sĩ nghiên cứu xong, Tâm trở về Virginia Beach, nơi gia đình anh sinh sống. Tâm xin vào dạy học ở một trường đại học cộng đồng, trường mà anh đã theo học trước kia, và đã lập gia đình. Mặc dù Tâm dạy học hơn hai năm, nhưng vẫn theo đuổi ước mơ trở thành bác sĩ. Sau khi sinh đứa con đầu lòng, anh mới được nhận vào làm sinh viên Y khoa dù tuổi đời đã bốn mươi. Sau gần mười năm tốn không biết bao nhiêu thời gian và tiền của, giờ đây ước mơ vào trường Y của anh đã thành sự thật. Anh đang mặc trên

người chiếc blouse trắng để theo đuổi ước mơ của mình. Ngồi nghe Tâm kể về sự quyết tâm bền bỉ của anh ấy tôi phục lắm. Tôi thầm nghĩ phải chi mình có một phần quyết tâm và bền bỉ giống anh ấy có lẽ mình sẽ không chôn chân một chỗ trong căn phòng thí nghiệm hơn mười năm nay.

Mùa hè vừa qua, nhóm bạn thời sinh viên của chúng tôi tổ chức kỷ niệm hai mươi năm ngày ra trường ở một khách sạn ven biển Virginia Beach. Chúng tôi gặp lại nhau. Hai mươi năm gặp lại đứa nào cũng lập gia đình, con cái đều lớn. Lúc ngồi nói chuyện, tôi mới biết được anh Tâm hiện đang hành nghề bác sĩ giải phẫu tim ở tiểu bang Arizona. Gặp lại anh, tôi chợt nhớ lại câu anh nói lúc trước: "Có chí thì nên".

Sau ba ngày cuối tuần họp mặt cùng bạn bè, chúng tôi chia tay nhau và trở về với cuộc sống thường ngày. Trên đường lái xe từ biển Virginia về Richmond, tôi đem chuyện giấc mơ thi vào trường Y để trở thành bác sĩ của anh Tâm kể cho hai con chúng tôi nghe. Hy vọng rằng con sẽ học được tính kiên trì bền bỉ của anh ấy. Tôi nói với các con tôi rằng ở Mỹ nếu cố gắng học hỏi, thêm ý chí kiên trì bền bỉ thì chắc chắn con sẽ thành công dù con làm bất cứ việc gì. Nước Mỹ này là một đất nước của cơ hội. Tất cả mọi người ai cũng có điều kiện và cơ hội để theo đuổi những ước mơ của mình. Để đổi được ước mơ ấy có thể đánh đổi rất nhiều thứ trong đời giống như anh Tâm đã từng đánh đổi.

Võ Phú

Một Đời Cho Nghệ Thuật và Nữ Quyền

MARY CASSATT:

Họa Sĩ Và Thủ Ấn Họa Ấn Tượng Mỹ

Sưu khảo của **Phạm Trọng Lê**

Tiểu sử

Mary Cassatt là một họa sĩ có óc độc lập, dùng thành quả nghệ thuật và uy tín cố gắng vượt qua thành kiến bất công và quan niệm thiên cận đối với phụ nữ trong gia đình, và ngoài xã hội, ở cuối thế kỷ 19, thời mà một số tập tục bất công đã thành nề nếp và được xã hội coi là hiển nhiên.

Năm 16 tuổi, Mary xin học tại Pennsylvania Academy dù thân phụ không muốn cô học hội họa để thành chuyên nghiệp, nhưng vốn quyết tâm, và ương ngạnh, và được bà mẹ có óc cấp tiến về khả năng người phụ nữ nâng đỡ, Mary Cassatt đã theo đuổi sở thích và khi đã tạo cho mình một khả năng vững vàng trong ngành họa Ấn Tượng, là địa hạt được công nhận của các danh họa Pháp, nữ họa sĩ đã dùng danh tiếng và uy tín để ủng hộ nữ quyền và là người chủ chốt trong việc giúp dân chúng Hoa Kỳ hiểu thêm về nghệ thuật hội họa nói chung và họa phái Ấn Tượng nói riêng.

Mary Cassatt, nguyên cả tên là Mary Stevenson Cassatt, sinh 22 tháng 5, 1844 tại Allegheny City gần thành phố Pittsburgh, tiểu bang Pennsylvania. Mất ngày 4 tháng 6, 1925, gần Paris, thọ 82 tuổi. Nhà báo và phê bình nghệ thuật Pháp, Gustave Geffroy, viết rằng bà là một trong ba phụ nữ tiên phong, có tài và ảnh hưởng lớn của trường phái ấn tượng “Les trois grandes dames de

l'Impressionnisme” (en.wikipedia.org). Mary Cassatt có biệt tài vẽ những cảnh săn sóc triu mến giữa mẹ con. Năm 1879 bà được so sánh với họa sĩ phái Ấn tượng nổi danh Edgar Degas người Pháp vì cả hai tìm cách mô tả dáng điệu, ánh sáng và cách bố cục đề tài mới mẻ nhất. Tự điển Larousse viết Cassatt nhận những lời cổ vũ từ họa sĩ Edgar Degas và nổi bật trong nhóm họa sĩ trường phái Ấn Tượng. (*Elle reçut les conseils de Degas et s'illustra au sein du groupe impressionniste*).



Mary Cassatt tự họa c. 1878, lúc đó khoảng 34 tuổi. Metropolitan Museum of Art, New York (fr.wikipedia.org)

Gia Đình

Mary Cassatt sinh trong một gia đình thượng lưu trưởng giả và bảo thủ. Thân phụ, ông Robert Simpson Cassatt, thành đạt trong ngành ngân hàng chuyên về chứng khoán và đầu tư đất đai (land speculator and stockbroker). Gia đình thuộc dòng họ người Pháp Huguenots năm 1662 tới New Amsterdam, vùng đất định cư của người Hoà Lan (Dutch) ở mỏm phía Nam Manhattan Island (New York bây giờ). Bà mẹ tên là Katherine Stevenson Johnson (Cassatt) thuộc gia đình làm chủ ngân hàng, gốc Tô-Cách-Lan (Scotland), đọc nhiều, uyên bác, nói thông thạo tiếng Pháp. Ông bà có 7 người con nhưng hai người chết khi còn thơ, và bà là người có ảnh hưởng rất lớn đối với cô con gái mê nghệ thuật. Người anh cả của cô tên là Alexander Johnston Cassatt, học kỹ sư tại Đức, làm chủ tịch đường xe lửa Pennsylvania Railroad, gọi tắt là Pensy. Xây năm 1846, Pensy là công ty đường xe lửa lớn nhất Hoa Kỳ về tài sản và doanh thu.

Lớn lên trong một gia đình giàu có, coi du lịch là một phần giáo dục không thể thiếu, nên Mary Cassatt lúc mới 7 tuổi được sang Âu châu 4 năm, ngụ tại ba thành phố London, Paris và Berlin. Trong thời gian này, cô học tiếng Đức, tiếng Pháp, vẽ và âm nhạc. Năm 1855, gia đình quyết định về Mỹ, nhưng trên đường về, ghé lại Paris, và cô đã tới xem Hội Chợ Triển Lãm Thế Giới Paris World Fair (Exposition Universelle). dịp này Mary được xem những họa phẩm của các họa sĩ nổi danh như họa sĩ tân cổ điển neo-classical Jean Auguste Dominique Ingres (1780-1867) - *The*

Valpinçon Bather (1808), Louvre; Eugène Delacroix (1798-1863) - *Liberty Leading the People* (1830), Louvre; Camille Corot (1796-1875) - *Souvenir of Mortefontaine* (1864), Louvre; và Gustave Courbet (1819-1877) - *The Artist's Studio*, 1855, Musée d'Orsay, Paris). Tại khu triển lãm hội họa trong Hội Chợ Thế Giới, cô họa sĩ tương lai 11 tuổi này có thể đã gặp họa sĩ và ẩn họa Edgar Degas và họa sĩ Camille Pissarro, là người có tranh được chọn và trưng bày trong Phòng Triển Lãm ở Hội Chợ, và sau thành bạn thân và cố vấn của Mary. ([link: en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org) - Mary Cassatt)

Trở về Pittsburgh năm 16 tuổi, Mary Cassatt xin ghi tên học vẽ tại trường Cao đẳng Mỹ Thuật Pennsylvania - Academy of the Fine Arts tại Philadelphia. Nếu chỉ học vẽ như một tài khéo là một phần của nền giáo dục một phụ nữ thượng lưu, thì ông bố cho phép, nhưng khi Mary muốn xin vào học tại Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật thì ông không muốn. Ông bà sợ con gái bị 'tiêm nhiễm' những tư tưởng nam nữ bình quyền (feminist ideas) và cách sống phóng túng (bohemian behavior) của một số nam sinh viên lúc đó.

Nhìn Thấy Những Bất Bình Đẳng

Nhưng cô không nghe lời cha, tính ương ngạnh cô học từ ông. Chỉ có 20% sinh viên là nữ, và đa số nữ sinh viên lúc đó coi mỹ thuật hội họa là một kỹ năng có giá trị xã hội, nhưng ít người như Mary Cassatt coi hội họa là nghề dễ sẽ theo đuổi suốt đời. Trong một cuốn video về đời Cassatt, khi người cháu gái hỏi nếu đeo đuổi hội họa còn chuyện gia đình con cái thì sao, Mary

trả lời “My arts are my children” (Mary Cassatt: the American Impressionist Documentary, **phụ chú 4a**). Cô học 4 năm tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật từ 1861 đến 1865, thời gian này trùng với thời gian của cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ. Tốt nghiệp thứ nhất trong nhóm nữ sinh viên nhưng thất vọng vì thấy việc học hỏi quá chậm, có tính cách hằn-lâm và nhiều hạn chế và lúc ấy, thái độ kẻ cả miệt thị nữ sinh viên của một số nam đồng môn, Cassatt nói: “Trường này chẳng dạy gì cả. Nữ sinh viên không được vẽ người mẫu khỏa thân và mãi về sau chỉ được vẽ người mẫu nữ, còn phần lớn học vẽ qua những bức tượng.” (Xem thêm: Wikipedia mục “Women at the Academy” trong Pennsylvania Academy of the Fine Arts (PAFA) về giới hạn cơ hội học hỏi mà nữ sinh viên phải nhận).

Thời Học Và Sang Pháp

Cuộc Nội chiến chấm dứt, Mary Cassatt quyết định thôi học tại Philadelphia và sang Paris ở cùng bà mẹ và bạn gia đình đóng vai chaperon vì lúc đó các tiểu thư hay các bà không được một mình ra đường. Nhưng lúc ấy École des Beaux-Arts tại Paris chưa nhận nữ sinh viên. Phải chờ đến năm 1898 nữ sinh viên mới được nhận cho ghi danh như nam sinh theo bài báo của Matilde Saunier, “L’Entrée des femmes à l’École des Beaux-Arts, une histoire différée,” [link: deuxieme-temps.com](http://link:deuxieme-temps.com)). Hay có thể xem trong [link: visual-art-cork.com](http://link:visual-art-cork.com) dưới tiêu đề École des Beaux-Arts.

Vì trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris chưa nhận nữ sinh viên, nên Mary Cassatt dùng hai cách:

- Thứ nhất là xin học tư với mấy họa-sư của trường Mỹ Thuật, trong số đó cô được họa sư và điêu khắc nổi tiếng **Jean-Léon Gérôme** nhận dạy riêng.

{**Họa sư Jean-Léon Gérôme** (1824-1904) nổi tiếng về họa và điêu khắc tượng, chỉ nhận dạy một số ít sinh viên. Ông có phòng vẽ ngay trong Salon. Vì ông có vẽ một số chân dung của các nhà quý tộc, và là thượng khách của hoàng hậu Eugenie nên uy tín rất lớn. Tác phẩm *The Slave Market* 1886, Oil on canvas, Clark Art Institute, Williamstown, Massachusetts, U.S. ([link: en.wikipedia](http://link:en.wikipedia) under Jean-Léon Gérôme, *The Slave Market*) và bức *Truth Coming Out Of Her Well* (Nàng Sự Thật Bước Ra khỏi Giếng). Họa sư Gérôme nổi tiếng về kỹ thuật siêu thực tế hyper-realistic technique và là một giáo sư thượng thặng với những đề tài academic, lịch sử, Đông phương (Orientalism) và thần thoại, như tượng *Pygmalion and Galatea*. ([link: en.wikipedia](http://link:en.wikipedia) / Jean-Léon Gérôme.) }

- Thứ hai là tự trau dồi khả năng bằng cách xin được phép mang giá vẽ vào vẽ lại (copy), ‘tái tạo’ những bức họa của các họa sĩ bậc thầy trong bảo tàng Louvre là nơi phụ nữ được gặp và trò chuyện với giới thường ngoạn và họa sĩ, cả nam lẫn nữ, mà những nơi gặp mặt bên ngoài như phòng trà là nơi con gái nhà gia giáo một mình ít khi bước vào, trừ phi có bạn trai hay chồng dẫn đến.

Cuối năm 1866, Mary vào học lớp dạy vẽ của họa sư Charles Joshua Chaplin, chuyên về **Genre art** hay **Genre-painting**,

lối vẽ tả những cảnh công việc hằng ngày, chợ búa, trong nhà, ngoài đường phố. Thí dụ về lối vẽ genre painting của Charles Chaplin (French 1825-1891, *The Daughter of the Painter*, Private collection, 1881) Xem: [en.wikipedia.org / Chaplin's La Fille du Peintre](http://en.wikipedia.org/Chaplin's_La_Fille_du_Peintre).

Mary Cassatt cũng học với họa sĩ Pháp Thomas Couture (1815-1879), (giải thưởng Prix de Rome về họa), mà chủ đề là lãng mạn và đô thị. Trong những buổi vẽ đồng quê thực tập, sinh viên vẽ những người nông dân đang làm đồng áng hay những hoạt động thường ngày.

Năm 1868, lúc cô 22 tuổi, một bức tranh của Mary tên là *The Mandolin Player*, được ban giám khảo của Salon chọn để trưng bày. Cassatt là một trong hai nữ họa sĩ Mỹ lần đầu tiên có tranh được ban giám khảo chọn để trưng bày ở Phòng tranh **Salon de Paris**.



(*The Mandolin Player*, c. 1872, tá thực, chân dung, sơn dầu trên vải bố, private collection. / 64.media.tumblr.com).

Có họa phẩm được chọn triển lãm tại Salon de Paris là một vinh dự cho một CT-SỐ 93

họa sĩ và một bước đầu trong sự nghiệp. Nhưng trong ban giám khảo chọn tác phẩm còn có vị có thành kiến miệt thị khả năng một nữ họa sĩ, và lại đặt ra một số điều 'cấm' như họa sĩ gửi tác phẩm đến: không vẽ màu tươi, không đưa ra những đề tài mới lạ, và không thí nghiệm cách vẽ mới. Tuy sau này tác phẩm của Cassatt được Ban Giám khảo chọn, như như *Two Women Throwing Flowers at the Carnival* (1871) và bức *The Loge* (1879), nhưng những gò bó của Salon là đầu mối của những bất mãn và chỉ trích của Mary Cassatt vì họa sĩ không muốn uốn mình chiều theo đòi hỏi đương thời.

Hai năm sau, 1870, một tác phẩm thứ hai được chọn. Từ đó, trong 10 năm, Mary gửi họa phẩm cho Phòng Triển Lãm Tranh Salon, nhưng bức mình khi giao tiếp với phòng tranh vì thái độ khinh thường, và tôn trọng qui-ước cổ điển của ban Giám khảo.

Năm 26 tuổi Mary Cassatt trở về Mỹ vào cuối mùa hè 1870 - vì chiến tranh Pháp-Phổ bùng nổ lớn - và ở với gia đình tại Altoona, Pennsylvania. Ông bố vẫn phản đối việc Mary chọn hội họa làm nghề sinh sống của mình bằng cách chỉ cung cấp tiền chi tiêu cho nhu cầu căn bản nhưng không cho tiền mua vật liệu để vẽ. Cô gửi hai họa phẩm cho một Phòng Tranh ở New York, và được nhiều người khen nhưng không có người mua. Theo giáo sư Jeanne A. Ojala, công chúng Mỹ nói chung lúc đó chưa có ai giới thiệu hay hướng dẫn để biết thưởng thức hội họa (untutored American public) **phụ chú 2.**

Buồn vì thiếu cơ hội đi quan sát kỹ các họa phẩm như một cách học hỏi trong khi ở biệt thự mùa hè dành cho cô,

Mary viết trong một lá thư: “Tôi đã bỏ phòng vẽ và xé bức họa tôi vẽ Cha tôi và trong sáu tuần nay, tôi không mớ tới cây cọ nào... ...chỉ mong trở lại Âu châu...”

Năm 29 tuổi, Mary đi Chicago để thử thời vận và nhận vẽ một bức họa lớn trên tường cho Woman’s Building trong Hội Chợ Triển Lãm Thế Giới - Chicago World’s Columbian Exposition - năm 1893, để kỷ niệm 400 năm Christopher Columbus tìm ra Mỹ châu. Ban tổ chức ủy nhiệm cho hai nữ họa sĩ trẻ vẽ hai bức bích họa Murals cho Tòa nhà Phụ Nữ Woman’s Building trong Hội Chợ. Bức của Mary Cassatt nhan đề *The New Woman*, tương phản với bức kia, nhan đề Phụ Nữ Ban Sơ *The Primitive Woman*, do họa sĩ Mary MacMonnies vẽ. Hai bức Murals có tính cách ngụ ngôn allegorical, được thí nghiệm bằng lối vẽ Ấn tượng. Bức vẽ trên tường của Cassatt chủ đề *Người Phụ Nữ Mới* vẽ mấy thiếu nữ đang hái ‘trái cây Kiến thức và Khoa học.’ Hai bức murals sau bị phá đi khi các tòa nhà của cuộc Triển Lãm bị dẹp bỏ. Tuy nhiên bức ảnh chụp còn cho thấy những chi tiết của hai bức Murals (**Phụ chú 6b**: xem K.L. Nichols, comp., “Mary Cassatt’s Lost Mural and Other Exhibits at the 1893 Exposition,” và “Cassatt’s Modern Woman” trong tiểu mục Women’s Art at the World’s Columbian Exposition, Chicago 1893 ([link](http://www.kennethnichols.com/homepage/): website Home Page of K. Nichols at [arcadiasystems.org](http://www.arcadiasystems.org)))

May thay cô được Giám Mục Michael Domenec cai quản giáo phận Pittsburgh ủy nhiệm công tác vẽ lại hai bức họa đang treo trên tường nhà thờ của họa sĩ Ý thời Phục Hưng sinh CT-SỐ 93

khoảng năm 1489 tên là Antonio da Correggio ở Parma, Italy, và ứng trước ngân khoản đủ cho Mary Cassatt đi đường và ăn ở một phần thời gian ở Italy. “Ồ! Tôi phát cuồng lên vì muốn làm việc, ngón tay ngứa ngáy, mắt tôi ứa lệ khi lại được trông thấy một bức tranh đẹp.” (en.wikipedia.org)
(Chú thích cho du khách sành ăn: Parma nổi tiếng về đặc sản jambon Prosciutto di Parma.)

Gia Nhập Phái Ấn Tượng Impressionism Và Được Đón Nhận Nồng Nhiệt

Vừa sang Âu châu được mấy tháng vào mùa thu năm 1871, tương lai Mary Cassatt sáng sửa hẳn lên. Bức họa có tên *Two Women Throwing Flowers During Carnival* được đón nhận nồng nhiệt tại Cuộc Triển Lãm tại Salon năm 1872, lúc ấy cô mới 28 tuổi và họa phẩm có người mua. (picture realism in Oil on canvas 65.5 x 54.6 cm - <https://www.wikiart.org/en/mary-cassatt/>)



Cô cũng được giới hội họa tại Parma hoan nghênh nồng nhiệt và hết lòng ủng hộ vì ai cũng muốn được biết họa

sĩ trẻ này. Hoàn tất công tác 'tái tạo' hai bức họa của họa sĩ Correggio, và sau khi nộp cho vị Giám Mục, Mary sang Madrid và Seville vài tháng. Tại đây cô vẽ lại một số họa phẩm của họa sĩ Tây Ban Nha và hoàn thành mấy bức họa như bức ***Spanish Dancer Wearing a Lace Mantilla*** (1873) sơn dầu 25 5/8 x 19 3/4 hiện trưng tại the National Museum of American Art, Smithsonian Institution. ([Link: americanart.si.edu](http://americanart.si.edu))



Hai năm sau cô quyết định định cư hẳn tại Pháp. Lần này có cô chị Lydia cùng sang, hai chị em ở chung một apartment lớn có cả phòng vẽ và phòng cho người quản gia. Mary mở một họa thất nhỏ (studio) tại Paris và trong thời gian này quen biết Abigail, em gái Louisa May Alcott - lúc đó đang học vẽ. Văn sĩ Louisa May Alcott là tiểu thuyết gia Mỹ nổi tiếng với tác phẩm Little Women.

Nhìn Thấy Bất Công, Lòng Miệt Thị Và Phê Bình Bộc Trục

Mary có những lời chỉ trích mà bạn cô là họa sĩ Sartin cho là thiếu tế nhị về thái độ chính trị của ban Giám khảo lựa tranh cho Salon de Paris, và về xu hướng thưởng ngoạn tranh lúc ấy. Mary phê bình rằng các tác phẩm của các họa sĩ phái nữ thường bị gạt bỏ và khinh miệt, nếu không quen biết ai ở trong ban Giám khảo Salon hay có người nào bảo trợ. Năm 1877 khi Cassatt 33 tuổi, các tác phẩm gửi tới Salon tham dự đều không được ban Giám khảo chọn và kể từ năm ấy, họa sĩ không còn gửi họa phẩm đến ban giám khảo Salon.

Trong khi nghề nghiệp đang “xuống dốc,” cô được họa sĩ Edgar Degas một *ancient élève* của trường École des Beaux-Arts, giới thiệu với các họa sĩ phái Ấn Tượng, mà một số họa sĩ đã có dịp trưng bày tác phẩm và chính họ cũng bị đương thời chê và coi như “có bệnh về mắt.” Trong cuộc triển lãm năm 1879 -- tuy vắng mặt các họa sĩ Ấn Tượng như Renoir, Sisley, Manet và Cézanne, vì lúc đó họ đang cố gắng để được Salon nhận tác phẩm của họ, nhưng nhóm họa sĩ Impressionnistes của Degas bán được nhiều tranh và có lời. Hai họa sĩ Degas và Cassatt được phê bình là hai họa sĩ duy nhất đã tỏ ra xuất sắc.

Mary Cassatt trưng 11 bức, gồm cả bức *Lydia ngồi ghế loge, đeo chuỗi hạt trai*. (Woman with a Pearl Necklace in a Loge - en.wikipedia.org)



Woman with a Pearl Necklace in a Loge

Các nhà phê bình bấy giờ nhận rằng Cassatt “dùng màu **tuối** quá,” và những bức hình chân dung của họa sĩ “**thật** quá” (accurate) (“...her colors were too bright and that her portraits were too accurate to be flattering to the subjects...”) Tiếp theo, cô tham gia vào bốn trong tám cuộc triển lãm của nhóm Ấn Tượng và tích cực hoạt động cho nhóm tới năm 1886. Cô cũng có công nhờ anh Alexander, chủ tịch đường xe lửa Pensy, quen biết nhiều, giới thiệu các họa phẩm của phái Ấn tượng với giới thượng lưu tại Hoa Kỳ. Phần lớn các tác phẩm của các họa sĩ ấn tượng được Harry Havemeyer mà bà vợ Louisine Elder Havemeyer, một người sưu tầm tranh, và là bạn thân được Mary Cassatt cố vấn để sưu tầm nhiều tranh giá trị. Gia đình Havemeyer đại phú gia, làm chủ công ty đường Hoa Kỳ American Sugar Refining Company. Sau này những họa phẩm được tặng cho Metropolitan Museum of Art ở New York. Nhờ vậy mà một số

lớn các họa phẩm của trường phái Ấn Tượng hiện có mặt tại nhiều bảo tàng viện Hoa Kỳ.

Sau 1886, 42 tuổi, Cassatt không coi mình như thuộc một họa phái nào và thử thí nghiệm với một số kỹ thuật mới như ấn họa theo lối vẽ của họa sư Nhật Utamano và Toyokuni.

Lập Trường Bình Đẳng Nam Nữ và Quan Điểm “Phụ Nữ Mới”

Vượt qua được những trở ngại và thành công về những họa phẩm với lối vẽ độc đáo, Mary Cassatt dùng uy tín về nghệ thuật ủng hộ những phong trào Bình Đẳng Nam Nữ bằng cách mạnh bạo tranh đấu bảo vệ nữ quyền bình đẳng với nam giới trong thập niên 1840s, như ghi danh học đại học và chính sách giáo dục chung cho cả nam nữ tại Obelin, và University of Michigan. Tương tự, tại các trường đại học dành riêng cho nữ sinh viên như Vassar (1861), Smith (1875), và Wellesley (1870) cùng thành lập vào những năm này, Cassatt cũng đòi công bằng trong việc cấp học bổng du khảo cho nữ sinh viên trong những năm 1860s và nhất là ủng hộ phong trào đòi quyền phụ nữ đi bầu (women's suffrage) trong những thập niên 1910s.

Người ‘Phụ Nữ Mới’ - The New Woman

Cassatt nhận những họa sĩ và họa sư như Ellen Day Hale, Elizabeth Coffin, Elizabeth Nourse và Cecillia Beaux là tượng trưng cho hình ảnh người Phụ Nữ Mới, và nhất là qua ảnh hưởng sâu đậm của bà mẹ là bà Katherine Cassatt, người tin là phải

giáo dục phụ nữ thành người am hiểu, thông thạo và là người tham gia tích cực trong giới thượng lưu vào công tác xã hội. Bức họa bà mẹ ngồi đọc báo Le Figaro của Pháp tượng trưng một mẫu phụ nữ trí thức am tường nữ quyền như nam giới.



"Reading 'Le Figaro' by Mary Cassatt, 1878. Credit: Collection Mrs. Eric de Spoelberch, Haverford, Pennsylvania - en.wikipedia.org). Bức bích họa *The New Woman* trong Chicago World Columbian Exposition cũng được họa sĩ coi là biểu tượng cho quyền tự do học hỏi và hiểu biết của người Phụ nữ mới, khác với hình ảnh xưa là giới hạn trong gia đình và dạy dỗ con cái.

Mối Liên hệ với họa sĩ Degas

Khi Mary Cassatt được Salon de Paris chọn cho trưng bày bức *The Mandolin Player*, và sau này bức *The Loge*, Degas xem rồi khen "Voilà une femme qui sent comme moi!" Here is a woman who feels as I do. Hai người cộng tác với nhau trong một thời gian dài, họa thất gần nhau và Degas

thường tới xem studio của Cassatt cho ý kiến và giúp kiếm người mẫu. Hai người có nhiều ý tưởng và sở thích giống nhau về nghệ thuật và văn chương vì cả hai cùng có gia đình phong lưu dư dật, cùng học vẽ ở Ý, có óc độc lập, thử nghiệm với những gì mới, lối vẽ của phái Ấn Tượng mà Degas được coi là một họa sĩ tiên phong.

Về hội họa, *Degas là người giới thiệu Cassatt đến với kỹ thuật dùng phấn màu (Pastels), và phép khắc họa (engravings) là kỹ thuật Cassatt hấp thụ và thành thạo nhanh chóng.*

Mary Cassatt là bạn thân nhưng không phải người yêu của Degas. Với kinh nghiệm đã từng học tại École des Beaux-Arts, hơn Mary Cassatt 10 tuổi, Degas chỉ dẫn cho Cassatt về Pastels và lối khắc họa engravings. Ngược lại về phần mình, Cassatt là chủ chốt trong việc giúp bán họa phẩm của Degas và đề bạt họa phẩm của ông và những họa phẩm của các họa sĩ Ấn tượng khác cho giới thượng ngoạn danh họa tại Hoa Kỳ.



Young Girl in a Large Hat



Françoise Holding a Dog.

Credit: Huntington Library, Art Museum and Botanical Garden.

Cả hai đều thích vẽ chân dung tuy đề tài khác nhau. Sau khi cha mẹ và chị gái Lydia sang ở Paris ở chung, thì ba người: Edgar, Mary và Lydia, thường vào bảo tàng Louvre cùng nhau nghiên cứu các bức danh họa. Mary cũng vẽ bức chân dung *Self-Portrait* (on gouache và màu nước).

Hai người cộng tác chặt chẽ trong thời gian 1879-80 khi Cassatt học và nắm vững phép khắc họa tại nhà in nhỏ của Degas, dùng dụng cụ và máy in của ông và học phương pháp etching plate (khắc trên bản đồng).

Suốt đời Mary vẫn giữ cảm tình sâu đậm nghề nghiệp với Edgar dù có lúc cả hai không cộng tác. Bản tính cả hai đều phê bình thẳng thắn, ương bướng, say mê nghệ thuật nhưng họ cũng có lúc bất đồng ý kiến như về vụ án xử Dreyfus, một sĩ-căng-đan của giới quân sự Pháp sau được văn hào Émile Zola bênh vực trong lá thư J'Accuse...! Mary tin là vị đại úy vô tội; Degas nghĩ ngược lại. Một chuyện nữa là những lời phê

bình có ý chống phụ nữ (antifemale) của Degas như khi ông chê mấy bức tranh vẽ phụ nữ hái trái cây (*Two Women Picking Fruit*) của Mary Cassatt (*"No woman has the right to draw like that"*). Dẫu có lúc bất hòa, họ vẫn giữ tình bạn và học hỏi nghề nghiệp cho tới khi Degas mất năm 1917. Mary Cassatt nói: "Ông là người hiểu ý tôi và không ai thay thế được."

Những Năm Cuối Đời

Năm 1893, lúc đó 49 tuổi, bà vẫn tiếp tục vẽ cho đến năm trên lục tuần. Nổi tiếng nhất trong nhiều tác phẩm của bà là những bức vẽ chủ đề mẹ con với những nét mềm mại với màu và ánh sáng tả được nét săn sóc trù mến giữa mẹ và con, nhất là vẽ mồm mĩm ngây thơ của một em nhỏ.



(The Child's Bath 1893 sơn dầu trên vải bố, khổ 39x26 in., trưng tại Art Institute of Chicago. [Link](https://en.wikipedia.org/wiki/Mary_Cassatt): en.wikipedia under Mary Cassatt)

**- Drypoint and aquatint kỹ thuật khắc
ngòi kim loại và khắc axit**

Những năm 1890s khi bà chuyên vẽ về chủ đề Mẹ Con (Thí dụ: bức *Mother and Child, before the Pool* - Mẹ và con trước bể bơi c.1898) bà dùng kỹ thuật drypoint and aquatint trên giấy.



(Mother and Child Before the Pool - Brooklyn Museum - en.wikipedia.org)

Phụ chú: drypoint là một kỹ thuật khắc họa trong ngành đồ họa còn gọi là “khắc ngòi khô” theo đó một hình ảnh được khắc vào một bản in bằng bút vẽ có mũi kim nhọn bằng kim loại sắc hay kim cương và họa sĩ khắc những đường sống dọc theo những luống để nguyên thành bản in. Theo truyền thống những bản in làm bằng đồng, nhưng bây giờ thay bằng acetate, kẽm (zinc) hay plexiglass. Giống như kỹ thuật etching (khắc axit) nhưng dễ nắm vững hơn. Nguồn: Wikipedia “technique on drypoint in arts.” Aquatint: bức tranh khắc theo quá trình dùng axit nitric khắc trên bản đồng. Xem Art Encyclopedia. Hoặc xem video nhan đề “How Rembrandt Made His Etching”

youtube.com. Trình bày: Alexander Massouras.



Woman Bathing (La Toilette) 1890-1891, Drypoint and aquatint print, Metropolitan Museum of Arts.

Chịu ảnh hưởng về kỹ thuật drypoint và theo lối ấn họa của hai danh họa Nhật Utamano và Toyokuni, Bà được gọi là “Ambassadrice de L’Impressionnisme aux États-Unis d’Amérique,” vì nhờ bà mà giới thưởng ngoạn nghệ thuật tại Hoa Kỳ được biết đến họa phẩm Ấn Tượng của các họa sĩ Pháp. (Source: en.wikipedia.org under Mary Cassatt) Trong cuộc du lịch sang Egypt 1910, người anh bà là Gardner đi cùng đột ngột bị bệnh và năm sau mất tại Paris. Bà mất cảm hứng sáng tạo, không phải chỉ vì cuộc du lịch làm bà mệt mỏi, và cái chết của người anh làm bà xúc động, nhưng bà tuyên bố lý do không vẽ được nữa: “Bị nghiền nát dưới sức mạnh của Nghệ Thuật này, tôi chống lại nhưng bị chinh phục, thật là một

Nghệ thuật lớn lao nhất của quá khứ...nên hai bàn tay yếu đuối của tôi không sao vẽ tiếp được.”

Thêm vào đó, về sức khỏe, bà bị một số bệnh như tiểu đường, phong thấp (rheumatism), neuralgia (dây thần kinh), cataracts (cườm mắt), và trầm cảm (depression), nhưng vẫn vẽ cho đến khi gần 70 thì mắt gần như mù hẳn.

Năm 1904 chính phủ Pháp trao tặng bà Legion of Honor, (Chevalier de la Legion d'Honneur) và Pennsylvania Academy trao tặng bà Gold Medal of Honor (1914).

Bà mất ngày June 14, 1926 tại Château de Beaufresne bà mua gần Paris và được chôn gần hầm mộ gia đình tại Le Mesnil-Théribus, Pháp.

Tóm lại, nhìn từ góc cạnh văn hóa, Mary Cassatt đã sống trong thời nước Mỹ đang chuyển mạnh từ nông nghiệp sang kỹ nghệ, và về mặt cá nhân, từ một nền giáo dục gia đình thượng lưu trong đó người cha nắm quyền điều khiển, chuyển sang một cuộc sống nghệ thuật ở Pháp, của một phụ nữ độc lập muốn bình đẳng và đối xử ngang hàng với nam giới, và họa sĩ đã tìm một lối đi cho cuộc đời, không chọn gia đình con cái, để dành hết tâm trí cho nghệ thuật, của một phụ nữ mới, đòi hỏi bình đẳng trong xã hội. Bà đã dành trọn cuộc đời nghệ thuật để tạo cho mình một chỗ đứng cao quý và gián tiếp giúp nước Mỹ của văn hóa kỹ thuật vật chất được cao đẹp hơn qua thưởng ngoạn nghệ thuật, không phải như xưa chỉ dành cho giới thượng lưu trường giả quyền quý giàu có, mà ngày nay còn cho mọi người, qua các họa phẩm danh tiếng trong viện bảo tàng nghệ thuật như New York Metropolitan Museum of Art.

Phạm Trọng Lệ

Viết xong tại Virginia June 10, 2021;
bổ chính 8/20/2021

CT-SỐ 93

Phụ Chú:

1. en.Wikipedia.org under Mary Cassatt

Bài viết này phần lớn dựa vào en.Wikipedia in English, Wikipedia.fr in French và được bổ chính và kiểm lại, và so sánh với Encyclopedia.com (bên dưới).

2. Encyclopedia.com

<https://www.encyclopedia.com/people/literature-and-arts/american-art-biographies/mary-cassatt>

Tác giả: Jeanne A. Ojala, professor of History, University of Utah, Salt Lake City, Utah. Đề tài: “‘Mary Cassatt,’ American artist and grande dame of the Impressionists.”

Nhiều chi tiết về Mary Cassatt như tính ‘cứng đầu’ từ ông bố, óc thông minh từ bà mẹ. Là một trong những người Mỹ sống xa xứ ở Paris, Mary Cassatt một lần đến salon ở Paris của Gertrude Stein (1874-1946) nhà văn, thi sĩ, viết kịch và sưu tầm tranh. Salon của bà là nơi các văn nghệ sĩ như Picasso, Hemingway, F. Scott Fitzgerald, Sinclair Lewis, Ezra Pound, Sherwood Anderson và Henri Matisse thường đến họp. Mary Cassatt chê bộ tranh sưu tầm của Stein. (“I have never seen so many dreadful paintings in one place...”) Trong những “dreadful paintings” có cả họa phẩm của Picasso, Matisse và một số họa phẩm của các họa sĩ Lập Thể Cubists. Cũng trong bài này, Mary Cassatt sang Ý trong 2 năm, vẽ lại các họa phẩm của các Old Masters như họa sĩ thời Phục Hưng như Antonio da Correggio mà tranh có vẽ các tiểu thiên sứ (cherubs), và học được cách vẽ nét mũm mĩm

ngây thơ của những em bé trong họa phẩm đề tài Mẹ Con của mình sau này. Trong bài viết này cũng liệt kê:

Những họa phẩm tiêu biểu kèm theo giải thích:

In the Garden, The Cup of Tea, **Little girl in a blue armchair**, The Loge, Lady in the Tea Table, Lydia Crocheting in the Garden, **the Boating Party**, The Child's Bath, In the Omnibus, **Woman Bathing** v.v..



Little Girl in a Blue Armchair

([source: en.wikipedia.org](https://en.wikipedia.org/wiki/Little_Girl_in_a_Blue_Armchair) - Mary Cassatt)



The Boating Party

([source: en.wikipedia.org](https://en.wikipedia.org/wiki/The_Boating_Party) - Mary Cassatt)

Đây là một nguồn về Mary Cassatt gọn, và khá đầy đủ do một giáo sư sử học viết dựa trên tiểu sử về Mary Cassatt do Nancy Hale viết (Hale, Nancy. Mary

Cassatt. Reading, MA: Addison-Wesley, 1987) và các tài liệu khác.

3. Art History Encyclopedia PDF

www.visual-arts-cork.com/

Về những thuật ngữ trong ngành hội họa và in ấn và khắc họa như engraving, etching, drypoint, aquatint, có thể tra trong Art History Encyclopedia này. Nhưng giản tiện và cụ thể hơn, có thể xem một trong những video về từng phương pháp. Thí dụ: Để biết phép khắc họa etching, xem họa sĩ Alexander Masouras dated 7-12-2015, trình bày những bước của phép khắc họa trong youtube “How Rembrandt Made His Etchings” Link: https://www.youtube.com/watch?v=ULEF4lpLE_M) hay vào Google gõ vào hàng chữ “How Rembrandt Made His Etchings.”

Art History Encyclopedia được phân chia thành 23 chapters. Thí dụ: Mary Cassatt, tìm trong ARTISTS (ALL), vần C.

Vào trong đó, đọc giả thấy Paris Salon và từ đó, dẫn đến Nguồn và Lịch sử Phòng Triển Lãm Tranh chính thức của French Academy of Fine Arts (Académie des Beaux-Arts) trong khoảng 150 năm, từ 1737 đến 1890, là nơi có Phòng Tranh uy tín nhất thế giới, kiên trì giữ vững truyền thống hội họa hàn lâm (academic art) và nhiều tác phẩm từ thời Phục Hưng. Uy tín của Salon giảm khi thành lập Salon des Refuses và ban Giám định Salon miễn cưỡng nhận những bức họa của các phong trào tiên phong avant-garde như Impressionnisme, mà những họa sĩ độc lập dần dần soi mòn uy tín của Salon và giảm tầm quan trọng.

4. Video về đời của họa sĩ Mary Cassatt

Xem một trong hai bộ phim trong youtube bên dưới, trong đó có tiểu sử và nhất là những hình ảnh của các họa phẩm tiêu biểu và những thay đổi trong cuộc đời họa sĩ Mary Cassatt.

4a- Mary Cassatt: The Life of an Artist video 21 minutes, do Paul Priestley, Art History School, kèm theo lời giải thích về những bức họa tiêu biểu của Cassatt. *The Little Girl in The Blue Armchair*, *Woman With the Gold Necklace* kèm theo lời bàn về những bức tranh như hình bà Mẹ đọc báo *Le Figaro*, ông Bố, ông Anh, và cả hình chụp bên trong atelier của g.s. Gérôme, g.s. Chaplin, bên trong Phòng Trưng Bày Tranh Salon. Người xem còn thấy bên trong *Woman's Building* của Chicago Exposition; và những bức họa như ***The Mandolin Player***, ***The Boating Party***, *Baby Reaching for an Apple*, *The Child's Bath*. Ngoài ra, người xem còn thấy hình ảnh đường phố Pittsburgh, Paris, Chicago, New York, và Berlin thời đó. Cũng xem bức họa được chọn trưng trong Salon, *Two Women Throwing Flowers During Carnival*, *The Child's Bath*.

Link: youtube.com/arthistoryschool

4b- Mary Cassatt: An American Impressionist Documentary (full) youtube

Thực hiện năm 1999, phim dài 1 giờ, của Devine Entertainment Corporation tả Mary Cassatt đang sống một mình và vẽ tại Paris thì gia đình ông anh Alexander với 3 người con sang thăm; lúc đầu thì sự hiện diện của họ làm cản trở cuộc sống đơn độc nhưng bận rộn về vẽ của Mary nhưng khi Mary gần với các cháu, đã vẽ những bức họa dùng

cháu Elsie Cassatt làm mẫu (*The Little Girl in a Blue Armchair*) và nhờ các cháu xếp đặt, đã quen biết họa sĩ Edgar Degas mà Mary hằng hâm mộ, và thì sự hiện diện của các cháu làm Mary Cassatt có hứng sáng tác.

5. Nghe: - VOA special English (15-minute text and voice on MP3 trong mục People in America. Date: July 10, 2009 - learningenglish.voanews.com

Đề tài: "Mary Cassatt, 1844-1926: She Broke Social Barriers With Her Art"

Giọng kể: Bob Doughty và Faith Lapidus

Bài viết soạn bởi Dana Demange

Demange, Dana. "*Mary Cassatt, 1844-1925: She Broke Barriers with Her Art.*" Learning English.voanews.com. VOA, 10 July 2009.

6. Articles:

-6a. Quentin Perisinotto, "Les grandes dames de l'Impressionnisme" 2/4.

Éternel Transitoire, dated 9 Oct. 2007.

(Link: eterneltransitoire.wixsite.com)

Đoạn viết 2/4 về Mary Cassatt có trưng ba bức tiêu biểu: Giai đoạn ảnh hưởng

Ấn Tượng: *La Partie de bateau* (1893-1894). Thời ảnh hưởng lối Ấn họa của Nhật

La période des estampes: La Lettre (1890-1991). *Le Thé de cinq heures* (1880).

Cũng trong bài viết, Perisinotto giới

thiệu sách: Vade pied, Guy: *Mary Cassatt. Les Impressionnistes et*

L'Amérique. Encrage, 2014.

Perisinotto, Quentin. "Les grandes dames de l'Impressionnisme 2/4"

Eternel Transitoire 9 Oct. 2009.

eterneltransitoire.wixsit.com. Accessed

3 June 2021.

-6b. Website Homepage của Professor Nichols liệt kê những bài viết của vị giáo sư văn chương Mỹ về mẫu “Phụ nữ mới” trong đó có đoạn Mary Cassatt trong bức phác họa trừu tượng post-modern hậu hiện đại vẽ trong thời gian ở Spain “Early Spanish genre style” gồm bức hai chân dung ngược nhau (xem trong homepage của Kathleen Nichols). Câu hỏi của tác giả: **Is Mary Cassatt a post-Modernist?** ([Link: Arcadiasystems.org](http://Arcadiasystems.org))

-6c. Về bức họa ấy, The City Review trong bài “American Paintings Spring 1997”, Carter B. Horsley tường thuật cuộc đấu giá:

“The most remarkable painting of both auctions is Mary Cassatt’s “Sketch of Mrs. Currey and Sketch of Mr. Cassatt” at Sotheby’s that “this double/upside down portrait estimated at \$125.000 to \$175.000 ...should sell for several million dollars although some buyer will probably be put off by its sketchy and ghostly nature .” ...This is, to my thinking, the **definitive America portrait.**”(The City Review) ([Link: http://www.thecityreview.com](http://www.thecityreview.com)).

-6d. Các bức tranh (in đậm) đề cập đến trong bài viết về Mary Cassatt trong en.wikipedia.org

- **The Boating Party** 1893-94, sơn dầu trên vải bố khổ 351/2 x 46 in. National Gallery of Art, Washington. Source: en.wikipedia.org

- **Reading ‘Le Figaro’** (1878). Sưu tập của Mrs. Eric de Spoelberch, Haverford, Pennsylvania (chân dung mẹ của họa sĩ, bà Katherine Johnson Cassatt). Link: commons.wikimedia.org

-**Little Girl in a Blue Armchair**, 1878 họa sĩ vẽ cô cháu. Bức này có họa sĩ Degas chấm thêm chút ít chỗ mấy chiếc ghế bành màu xanh ở bối cảnh khi tới thăm phòng họa trong nhà của Cassatt. Link: en.wikipedia.org

- **Mary Cassatt chân dung tự họa** c. 1880, gouache (thuốc màu nước đặc) và màu nước, than chì graphite trên giấy. 32.7cm x 24.6 cm National Portrait Gallery, Washington. DC.

-bốn bức (trong 20 bức) chủ đề mẹ con dùng kỹ thuật **drypoint và aquatint** trên giấy màu nhạt:

(a) Mary Cassatt, **Mother and Child**, Brooklyn Museum

(b) Mary Cassatt, **Under the Horse Chesnut**, 1898 19 x 15 in. Museum of Fine Arts, Houston

(c) Woman Bathing (**La Toilette**) 1890-91, Metropolitan Museum of Art

(d) **Mother and Child Before a Pool** 1898, drypoint and aquatint on laid paper (Brooklyn Museum)

- **Woman with a Pearl Necklace in a Loge**, 1879, sơn dầu trên vải bố 81 x 60 cm, Philadelphia Museum of Art. Bức họa này vẽ Lydia Cassatt, chị của họa sĩ, đang ngồi trong loge trong đại hí viện Opéra ở Paris, ăn diện lịch sự, tóc uốn gọn, chuỗi vòng hạt trai trên cổ, tỏa ra vẻ quý phái, áo hở cổ màu hồng, tay cầm quạt, ghế ngồi màu đỏ, xa xa màu vàng của balcon, bức họa nắm bắt được khoảnh khắc hạnh phúc đặc biệt, hình ảnh một phụ nữ mới, một mình buổi tối ra ngoài thưởng thức kịch nghệ trong thành phố văn minh.

(en.Wikipedia.org - Woman with a Pearl Necklace in a Loge.)





“Seeking for whom under the misty moonlight
Seeking Fragrance in the Wind; Seeking Spirit in Flower”

Verse Calligraphy by Artist Văn Tấn Phước

MỘT CHÚT CẢM NGHĨ VỀ NHÀ VĂN, NHÀ TRUYỀN THÔNG, GIÁO SƯ BÙI BÍCH HÀ (1938-2021)

Ngày 14 tháng 7, 2021 tôi nhận được tin buồn nhà văn/ giáo sư Bùi Bích Hà đã qua đời từ cựu giáo sư Gia Long Nguyễn Lân - anh là con của nhà văn Hoàng Đạo trong Tự Lực Văn Đoàn và là thành viên kỷ cựu trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm. Sau đó, tôi nhận được thêm nhiều tin tức và tài liệu từ anh Nguyễn Viết Kim bên California và một số thân hữu. Nhờ đó, tôi được hiểu nhiều hơn về nhà văn tài hoa này. Tôi rất cảm phục vì tuy thuở ấu thơ của bà và gốc gác người mẹ ruột không được vuông tròn nhưng với ý chí và tinh thần cầu tiến bà đã tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm và giảng dạy về Pháp Văn ở nhiều trường trung học trước khi định cư ở Hoa Kỳ. Bà có tấm lòng với quê hương, gia đình, trường cũ... Với tính tình hiền hòa, đôn hậu, yêu tha nhân, bà không quản ngại giúp đỡ những người cần đến bà. Qua những sinh hoạt cộng đồng mà bà tích cực dẫn thân, tôi không khỏi nghĩ đến bà Đỗ Phương Khanh, hiền thê của nhà văn Nhật Tiến, qua đời năm 2020 cũng có những ước mơ và lý tưởng làm thăng hoa cho người cho đời.

Tôi nhớ đến bài "[Những Kỷ Niệm Khó Quên](#)" của nhà văn Ngọc Hạnh vùng Hoa Thịnh Đốn viết năm 2000, trong đó nhắc đến những kỷ niệm quý và tấm lòng của bà Bích Hà tận tâm giúp đỡ bạn đồng nghiệp ở Trung học

Nguyễn Trãi, trong tình cảnh vô cùng khó khăn sau 1975. Đọc xong bài đó, tôi có nhiều cảm tình với bà Bích Hà và mong sẽ có dịp mời bà đóng góp bài cho Cỏ Thơm. Ước mong của tôi chưa thành thì bà đã ra đi vĩnh viễn!

Hai tuần trước, bác sĩ Lê Văn Tập ở San Jose chuyển cho tôi một bài của bà Bùi Bích Hà viết cuối năm 2020 về nhà văn Túy Hồng - người bạn học chung lớp ở Trung học Đồng Khánh vào thập niên 1950. Đã lâu tôi không có dịp đọc những bài viết mới đây của bà nhưng cách hành văn vẫn thế: giản dị, dễ cảm, nhất là những nhận xét tinh tế và sâu sắc. Đọc thêm những bài bà Bùi Bích Hà viết về văn, thi, nhạc, họa sĩ mà bà quen biết như Hoàng Anh Tuấn, Trần Mộng Tú, Túy Hồng, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Thanh Trí, Từ Công Phụng, Trầm Tử Thiêng... thì nhận ra rằng tình cảm của bà rất chân thành đối với các tác giả và tác phẩm của họ.

Thay mặt Cothom Foundation, thành kính chia buồn cùng tang quyến. Cầu nguyện hương linh bà Bùi Bích Hà sớm về cõi Phật.



Phan Anh Dũng
(Rockville, Maryland USA - 18/7/2021)

TIỀN BẠN HIỀN

**** Ngọc Hạnh ****

Tôi rất buồn, bàng hoàng khi được em Thành và Quang, cựu học sinh Trung Học Nguyễn Trãi cho hay chị Bùi Bích Hà vĩnh viễn ra đi sau tuần lễ nằm bệnh viện do đột quỵ, chảy máu não. Chị là nhà giáo, nhà báo, nhà văn, người gỡ rối tơ lòng, là người để "Bạn Gái Nhỏ To". Tôi quen biết chị gần nửa thế kỷ, cùng dạy học chung một trường cho đến ngày định cư Hoa Kỳ. Chị ra đi để lại bao thương tiếc cho gia đình, đồng nghiệp, môn sinh, thân hữu, văn hữu... Làng văn, làng báo Việt Nam hải ngoại, đài phát thanh mất đi cây viết, tiếng nói quen thuộc. Tôi không phải nhà văn nên không trình bày đầy đủ lòng mến tiếc với nhà giáo tận tâm, nhà văn dễ thương như chị Bích Hà và cũng không đến tận nơi đưa tiễn chị hay dự lễ Tưởng Niệm như mong muốn. Dịch cúm Covid còn hiện diện, chưa chịu biến mất, tuy ít hơn trước nên xin dùng bài viết dưới đây như tưởng nhớ người bạn, người đồng nghiệp thân mến về nơi an lạc vĩnh hằng...

THƯ CHO BẠN,

Bạn thân mến,

Hôm nay trời âm u không nắng, ngồi nhà mở vi tính thấy điện thư các

em học sinh cũ hỏi thăm và mời đi dự Đại hội trường Trung học ngày xưa. Các vị tổ chức Đại Hội là cựu học sinh của trường. Nhiều em nay đã có cháu nội, ngoại, nên danh phận, có người nghỉ hưu nhưng vẫn tha thiết ngày Đại hội đến để hàn huyên chuyện trò với đồng môn, thầy cũ sau những năm tháng dài xa cách. Các em ở hải ngoại hay trong nước cũng ghi danh tham dự Đại Hội. Sự nhộn nhịp, điện thư qua lại của các em trên diễn đàn làm cảnh trí nhà trường, các sinh hoạt học đường, nhân viên, giáo chức trường cũ như hiện lên trước mắt, dù mình rời trường gần 40 năm. Mình lan man nhớ chuyện xưa, nhớ các trường lớp có tinh thần trách nhiệm, các học sinh giỏi và các em hay quậy, ít khi nộp bài đúng hẹn. Nhớ các em lớp 11 đến từ già để lên đường nhập ngũ đánh giặc Campuchia, có em sống sót khỏe mạnh trở về nhà, có em bị thương nhẹ nhưng cũng có em vĩnh viễn ra đi để lại nhớ thương cho gia đình, cha mẹ thương yêu. Thương lắm những khi các em sắp xếp thì giờ đưa vợ đến chào cô giáo cũ... Hình ảnh các nhân viên văn phòng tươi cười, bác lao công chăm việc, người đánh trống đổi giờ và các giáo chức

mình thường trò chuyện lại hiện ra trước mắt...

Trong bao nhiêu vị ấy mình nhớ nhất một người dù xa cách đã lâu nhưng mỗi khi nghĩ đến mình vẫn thấy ấm áp như lúc cùng làm việc chung dưới một mái trường. Mình muốn nói đến vị giáo sư Pháp văn đã được chuyển về Sài Gòn từ Trung Học Mỹ Tho, một trong những trường Trung học lớn ở tỉnh lỵ miền Nam.

Người thanh tú, dáng nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, tươi cười, cởi mở, vị giáo sư này dễ gây cảm tình với mọi người, mình có lẽ là người bị chinh phục trước tiên. Vị giáo sư này học và tốt nghiệp ở Huế nhưng nói tiếng Bắc vì thân phụ là người miền Bắc. Mình thích nghe giọng Bắc êm ái như chim hót của vị đồng nghiệp mới.

Bạn ạ, nhớ lại sau 1975, mình được tiếp xúc, chuyện trò với nhiều người miền Bắc vào thời kỳ khó khăn đối với tất cả mọi người từng sinh sống hạnh phúc trong miền Nam an bình trù phú. Mình nhớ chị Bích Hà, cô bạn Bắc Kỳ. Chị vui vẻ, có phản ứng bén nhạy, tư tưởng vững vàng, có lòng tự tin nên chuyện trò với chị thấy an tâm, lạc quan hơn vào lúc không biết tin ai, tâm sự với ai, anh xã thì đi tù cải tạo. Nay đến xứ tự do, chị em chúng tôi không còn đứng trên bục giảng nữa. Chị Bích Hà thành “chuyên viên gỡ rối tơ lòng” cho độc giả một tờ báo lớn ở Hoa Kỳ.

Xin được nhắc lại: trước năm 1975 mình đi dạy học có anh xã hay vị đồng nghiệp gần nhà đưa đón. Khi vị đồng nghiệp chuyển qua trường khác, anh xã mình bị tù, chị Bích Hà là vị cứu tinh của mình vì đường xa, xe công cộng hiếm, họa hoàn mới có một chiếc xe lam chạy ngang trường đã đầy khách. Chị Bích Hà tình nguyện làm tài xế không công, đưa đón mình cả năm cho đến khi mình được chuyển về nhiệm sở gần nhà. Bích Hà có con mọn nhưng cũng chịu khó đưa đón mình. Chị cho biết “ở nhà có mẹ và u già trông nom khi các con bạn không ai lo...”. Nghe Bích Hà nói mà thương và muốn... khóc, thương bạn, thương mình. Mẹ Bích Hà đã già, tóc bạc trắng xóa nhưng trông cụ phương phi đẹp lão.

Còn nữa, khi mình đi thăm anh xã ở trại cải tạo tỉnh nhỏ xa xôi hay miền quê vắng vẻ, chị là người xung phong đứng lớp thay cho mình trong khi những đồng nghiệp khác ai cũng mong hết giờ về nhà với gia đình. Vả lại nếu dạy lớp lạ, không giỏi chuyên môn và kinh nghiệm thì khó giữ cho học trò yên lặng, không làm phiền các lớp bên cạnh. Bích Hà có biệt tài, chị là giáo sư Pháp văn nhưng với cách nói hấp dẫn, chị dạy Việt văn ngon lành, học trò ngoan ngoãn, lớp êm phăng phắc, say mê nghe chị giảng.

Khi đến Hoa Kỳ chị là nhà văn, nhà báo, người gỡ rối tơ lòng, không theo nghề dạy học nữa. Theo mình, chị Bích Hà là người có tài và có tình, hay giúp đỡ người khác. Không phải riêng mình, các vị trong trường khi có chuyện gì cần như đi thăm gia đình ốm đau là Bích Hà sẵn sàng. Lúc nào Bích Hà cũng tươi cười, chẳng thấy chị than khổ. Phu quân Bích Hà vượt biên hay đi đâu mình không rõ, không thấy anh về nhà. Lương giáo chức ít ỏi so với ngày xưa, ngoài việc đi dạy ban ngày, tối còn đi họp tổ dân phố. Nhà có mẹ, u già và con mọn, gia đình chỉ còn toàn phụ nữ và trẻ con, tình cảnh bi đát như thế ai mà không lo rầu nhưng chị Bích Hà vẫn tỉnh bơ, chị lại còn an ủi và động viên khi thấy mình phiền muộn, xuống tinh thần.

Có thể bạn lấy làm lạ sao mình không xin đổi về trường gần nhà để khỏi phiền chị Bích Hà? Thừa có xin chứ ạ, nhưng lần nào ông Hiệu Trường tiếp thu cũng phê “đồng ý nếu có người thay thế”. Xăng dầu hiếm, mua vỏ xe đạp còn khó, ai muốn đi làm xa? Nhớ lại thời kỳ đó, mình vẫn còn cảm thấy hãi hùng. Mình còn học được cách cư xử cho gia đình êm đẹp của Bích Hà, không chén đĩa bay khi có chuyện bất hòa. Phu quân chị là người đào hoa bay bướm, có bạn gái. Khi cô ấy gọi tới nhà, Bích không gỡ đường dây điện thoại, không la hét om sòm, chị chỉ nhẹ

nhàng bảo phu quân “Anh hãy nói cô ấy gọi anh nơi khác vì em không muốn để các con nghe thấy anh chuyện trò với cô ấy.” Bích Hà không to tiếng, làm âm ỉ dù rất buồn trong lòng. Khi chia tay với chồng, chị vẫn gọi anh, xưng em ngọt ngào như xưa làm mình ngạc nhiên, có lần mình đã hỏi chị “Hai bạn chia tay thật hay giả đấy?”

U già là người giúp việc là cho phu quân chị từ lúc anh còn độc thân nhưng U thương mến chị còn hơn ông chủ, trông nom việc nhà, săn sóc các cháu bé. Chị cũng thương U già, lo thuốc thang cho U lúc ốm đau và chôn cất U khi qua đời. Mình thú vị biết được phong tục miền Trung qua gia đình chị Bích Hà. Cha chị là một thương gia thành công, cưới 3 người vợ, mẹ chị là vợ thứ 3, bà cả không con, bà thứ 2 hình như chỉ sinh con gái – mình không còn nhớ rõ, mẹ chị sinh con trai bụ bẫm đầu lòng nên rất được bà Cả yêu thương bắt gọi là mẹ. Còn Mẹ ruột chị thì gọi là “Vú” trông nom các anh em chị. Bà Vú là người chăm sóc anh em Bích Hà cẩn thận với tấm lòng người Mẹ. Chị sợ Mẹ và thương Vú lắm dù lúc nhỏ không biết đó là mẹ mình cho đến khi khôn lớn. Bà Cả rất yêu quý anh chị nên Anh cũng tưởng bà là mẹ ruột. Đó là nề nếp gia đình giàu có đất thần kinh, cưới vợ lẽ cho chồng nếu vợ Cả không con trai, thế mà 3 bà vợ sống chung hòa bình.



Ngọc Hạnh, Bích Hà

Hôm nay nơi xứ người, mình nhớ Bích Hà vô cùng. Nhớ khi mình được đổi về trường khác gần nhà, tuy không phải đèo mình đi về mỗi ngày nhưng thỉnh thoảng Bích Hà cũng tạt ngang, nói vài câu chuyện, xem mình có bình an không. Bích Hà bảo mình cả tin, khó sống trong xã hội đầy cạnh tranh, ít người thật thà... Đến xứ tự do, Bích Hà và mình mỗi người ở một tiểu bang xa tít mù tắp, người nào cũng bận việc mưu sinh, chẳng mấy khi gặp gỡ nhau, có chăng là qua điện thư nhưng mình vẫn nhớ lòng tốt và yêu mến Bích Hà như xưa. Nếu bạn đọc đến dòng chữ này nghĩ mình “cải lương”, hay thương nhớ cũng chẳng sao. Mình chúc bạn Bích Hà, và các phụ nữ Việt Nam được nhiều may mắn, có hạnh phúc gia đình, có cuộc sống sung túc... Mình cũng cầu chúc các anh chị đồng nghiệp cũ, các cựu học sinh, quý anh chị nhân viên văn phòng, đồng bào trong nước

và hải ngoại từ thành thị đến thôn quê thành công tốt đẹp trong mọi việc.

Bên ngoài nắng vàng lên rực rỡ, trời hết âm u. Bạn thấy không, người Việt Nam may mắn khi được định cư bình an ở đất nước văn minh và tự do. Tuy khó khăn lúc đầu khi mới đến xứ người nhưng với trợ giúp của nhà nước Hoa Kỳ và cố gắng bản thân, các con của Bích Hà đều thành đạt như phần lớn đồng bào Việt Nam di cư, không kể những vị làm vẻ vang dân Việt như tướng Lương Xuân Việt, khoa học gia Dương Nguyệt Ánh...

Hy vọng các con em Việt Nam đều có tương lai tốt đẹp, có tình thương yêu giúp đỡ nhau lúc khó khăn như cha ông ta ngày xưa, như lời nhắc nhở các vị linh mục, các vị tu hành và như chị ... Bích Hà.

Mình cũng không quên chúc Đại hội trường cũ thành công tốt đẹp, đại gia đình Trung học Nguyễn Trãi có buổi họp mặt vui vẻ cho đáng công các em từ tiểu bang xa hay quốc gia khác đến tham dự, bỏ công Ban tổ chức tốn nhiều thời giờ và công sức tập tành, đưa đón...

Ngọc Hạnh - Virginia USA



ĐI QUA ĐỜI NHAU

**** Bùi Bích Hà ****



Bùi Bích Hà sinh ngày 12 Tháng Giêng, 1938 tại Gia Hội, Huế, quê nội là Thái Bình, quê ngoại Bắc Ninh.

Bà tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế, ban Pháp Văn. Trước năm 1975, bà dạy học trường đầu tiên là Phan Chu Trinh, Đà Nẵng (1961-1962). Sau đó, bà lập gia đình, dạy các trường Thoại Ngọc Hầu, Long Xuyên (1962-1964), Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho (1963-1965), Lê Ngọc Hân, Mỹ Tho (1965-1967), và Nguyễn Trãi, Sài Gòn (1967-1983).

Năm 1986, bà định cư tại Hoa Kỳ. Trong hoạt động văn học và truyền thông tại Little Saigon, bà làm thơ, viết tùy bút, truyện ngắn, và tản mạn thời sự, có khi sử dụng bút hiệu Thái Hà. Bà từng cộng tác với nhiều cơ quan truyền thông như nhật báo Người Việt, báo mạng Da Màu, đài phát thanh VNCR, đài phát thanh Việt News Radio, đài phát thanh Việt Nam Tự Do, và được nhiều người biết đến qua chương trình “Tâm Tinh Với Thái Hà” trên đài phát thanh Little Saigon Radio. Bà cũng từng là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút nguyệt san Phụ Nữ Gia Đình từ năm 2002 đến năm 2014.

Các tác phẩm của nhà văn Bùi Bích Hà: “Buổi Sáng Một Minh” (Người Việt, 1989), “Bàn Gái Nhỏ To” (Người Việt 1991), “Hạnh Phúc Có Thật” (Văn Mới, 2001), “Phương Trờì Khác” (Cảo Thơm, 2002), và “Đèn Khuya 1, 2” (Người Việt, 2018).

Tôi là đứa con không được ai trong nhà mong đợi, ngoài mẹ. Qua bốn lần sinh nở trước khi mang thai tôi, mẹ tôi đã sinh cho nhà họ Bùi cực kỳ hiếm muộn chị Túy Sơn và anh Minh Châu. Cả hai đều khôi ngô, tuấn tú, khỏe mạnh, khi bố tôi đã xấp xỉ tuổi sáu mươi và chưa bao giờ được một phụ nữ nào, chính thức như hai mẹ già tôi và vô số không chính thức khác, có kinh nghiệm thai nghén với bố tôi trong suốt ba thập niên ông khao khát có con nối dõi tông đường và nối nghiệp ông.

Mẹ tôi kể lại, bà mang thai tôi trong tình trạng sức khỏe sa sút vì mẹ bị sốt rét do không biết săn sóc mình qua thời

gian dài lẫn lóc trông coi các khu đồn điền của bố tôi trong vùng lam sơn chướng khí Bắc phần. Mẹ tôi được bác sĩ của gia đình khám nghiệm rồi được đưa về Huế để có sự săn sóc và chữa trị cần thiết theo đề nghị của ông.

Ra khỏi công việc đồn điền nắng mưa cực nhọc cùng với khí hậu khắc nghiệt, mẹ tôi vất vả cách khác trong ngôi nhà rộng, mặt tiền mang số 72 đường Gia Hội, mặt sau chạy tới sát bờ một nhánh sông Hương từ Đông Ba đổ về Vỹ Dạ. Tôi lớn lên trong bụng mẹ từ sáng tới khuya lam lũ giữa căn bếp tối tăm, ám khói và cái giếng nước, phục vụ nấu nướng, giặt giũ cho trên dưới 40 nhân khẩu theo hai ba chế độ ăn

uống gồm cả chủ nhân và công nhân, thợ thuyền làm việc dưới quyền của bố và mẹ già tôi. Vài tháng cuối thai kỳ của mẹ, mẹ già tôi lâm bệnh, nghỉ dưỡng tại bệnh viện trung ương thành phố Huế. Được coi là người làm thân tín, mẹ tôi phải theo săn sóc bà trong thời gian này.

Hết mùa Đông, hết mùa Xuân, trời ở Huế còn rét ngọt, tôi biết lật, không còn nằm yên chỗ nữa. Mẹ dẹp nỗi than, bỏ tôi vào cái xe đẩy bằng gỗ có chân song cao bốn xung quanh, đánh véc ni rất đẹp mà bác Xã Cu ở khu mộc đã ưu ái đóng cho tôi. Khi tôi lẫm chẫm biết đi, tôi có cái xe khác bằng tre có bốn bánh gỗ nhỏ, vừa ngồi, không ngồi thì tuột xuống, vịn vào xe và đẩy nó ra chỗ này, chỗ kia, trong cái sân gạch đỏ và trong tầm mắt mẹ.

Suốt những năm thơ ấu đầu đời, trí khôn tôi gắn liền với khoảng sân nhìn lên bầu trời xanh cao đầy nắng mùa Hè, ầm ầm mây mù mùa Đông, thả rộng óc tưởng tượng mơ hồ của một tôi còn mẵng sữa trong quạnh hiu, tự mình vẽ vời những cảnh trí chẳng biết từ đâu tới, trùng trùng, điệp điệp. Ngoài mẹ túi bụi công việc, tôi chỉ có côn trùng, hoa lá và thiên nhiên làm bạn. Tôi biết quan sát rất sớm những con kiến di chuyển trật tự và chúng lịch sự chào nhau giữa đường, những con sâu đo có nhiều cái chân li ti nhưng chúng cong mình đều tấp để búng mình đi chứ không bò. Tôi biết tò mò nhìn lá cây lay động, lắng

nghe gió hay lá cùng xào xạc, những bông hoa mỏng manh chui ra khỏi khe gạch bám rêu một cách lạ lùng.

Mẹ kể lại, mẹ vẫn tính từng ngày không làm lẩn, nhưng đủ 9 tháng 10 ngày rồi mà mẹ không trở dạ. Một tối mùa Đông, đã quá sang ngày hôm sau, mẹ già tôi cần chậu nước nóng để ngâm chân. Mẹ tôi khệ nệ bưng chậu nước đến cửa phòng thì cuống lên vì một cơn đau tức chột tới ở bụng dưới. Đặt vội chậu nước xuống đất, mẹ túm lấy hai ống quần thì tôi đã tuột khỏi lòng mẹ ngay bên hòn đá chặn cho cửa không bị gió sập trong mùa Đông. Vì vậy, sau này, giấy khai sinh thân thể tôi ghi là: Née à l'hôpital de Huế. Thực tế, tôi không ra đời ở khu sản khoa và mẹ tôi không ở trên giường sản phụ như mọi bà mẹ khác.

Về lại nhà, mẹ hăm hiu nuôi tôi trên chiếc giường trải chiếu của mẹ ở một góc bếp. Vì mẹ bị sốt rét chưa khỏi nên tôi không được bú sữa mẹ. Bà nuôi tôi bằng sữa hộp pha với nước gạo loãng. Bà quây một cái tròng nhỏ bằng mấy tấm cốt, giữa để nỗi than ủ tro, vừa sưởi ấm cho tôi, vừa sấy tã cho kịp khô để tôi không bị ướt vì thiếu tã.

Tôi cũng biết buồn rất sớm. Thỉnh thoảng đờ ra vì hết cái nhìn, hết trò chơi, không thấy có gì vui nữa, tôi tìm mẹ, túm áo mẹ, kêu lên: “Chị ơi, em buồn!” Mẹ tôi đang làm gì cũng dừng tay, chục lần như một, quát khế tôi: “Cơm không ăn, ăn c...hả con? Nhãi

ranh mà buồn, buồn cái gì? Buồn ỉ...hay buồn đ...?" Bà nhìn quanh, cúi cho tôi bắt cứ cái gì ăn được rồi đẩy tôi ra sân: "Em ra ngoài chơi đi, đừng nói nhảm, ngoan cho chị làm việc." "Em muốn làm việc với chị." Mẹ tôi quệt tay áo lên mặt, dỗ dành tôi: "Em còn bé. Mai kia lớn, em đi học thật giỏi cho chị mừng, không làm như chị, khổ lắm!"

Cả đời tôi, chưa một lần nào tôi thấy mẹ tôi dám dằn mặt bố, xin ông một điều gì nhưng khi tôi đến tuổi đi học, mẹ tôi xin bố tôi cho tôi được đi học trường bà Sơ gần nhà. Có lẽ chẳng đặt niềm tin nào vào tôi, nhưng bố tôi quan tâm nhiều đến giáo dục, ông ra lệnh cho mẹ già tôi may đồng phục váy xanh, sơ mi trắng vai phồng cho tôi vào học trường Mai Khôi phía trên đường Gia Hội.

Tôi nhớ mãi buổi sáng đầu tiên nhập học, mẹ dẫn tôi đeo cái túi vải đựng tập vở đi trên một khoảng hè phố ngắn vắng ngắt, sương sớm mai chưa tan hết, chỉ có hai mẹ con và tiếng rao quà của vài người bán rong là vì mẹ không biết nhìn đồng hồ mà tôi thì cứ sợ đi trễ nên thúc giục mẹ. Đến nơi, cổng trường còn đóng kín mít. Mẹ gõ nhẹ lên đầu tôi và mắng: "Bắt chị chờ, chị còn bao nhiêu việc ở nhà." Tôi biết lỗi, hứa bừa: "Mai em đi một mình được, chị không phải đưa em nữa."

Nhưng tôi không hứa bừa. Ngày hôm sau, mẹ để tôi đi một mình, dặn tôi phải đi nép vào hàng phố. Tuy vậy, tôi

đã có bạn. Các bạn tôi có người nhà đưa đón nên mẹ tôi gửi gắm tôi. Học chưa được bao lâu thì Việt Minh cướp chính quyền. Qua một đêm súng nổ ỉ ầm ở mạn Mang Cá, sáng hôm sau, mọi con đường của thành phố Huế treo toàn cờ đỏ sao vàng.

Huế thanh lịch, trầm lắng và nên thơ của đất Thần kinh bỗng chốc ồn ào, sôi sục biểu tình, tập hợp, chính quyền mới kêu gọi mỗi nhà thu góp hũ gạo kháng chiến, hũ đồng để đúc đạn, hũ vàng để cứu quốc... Cửa hàng buôn bán và trường học đóng cửa. Ngôi nhà 72 Gia Hội của bố tôi bị trưng dụng từ nhà ngang trở ra mặt đường để làm trụ sở hoạt động thanh niên và nhi đồng. Để yên thân, bố tôi vội vàng giao hết cơ ngơi cho họ, dọn tấp về khu trang trại Trúc Hoa Viên ở gần Tả Duệ, là nơi ông đang xây cất dở dang làm nơi hưu dưỡng. Hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà quê mùa, thỉnh thoảng có buổi chiều mùa Hè sung sướng ngồi bệt trên thềm nhà, bàn tay lùa trong mái tóc mới gội...

Về đây, tôi có cả khu vườn rộng hơn một mẫu đất đầy cây ăn trái đã bắt đầu cho quả. Tôi có cả ngôi nhà rộng như một mê cung cho tuổi thơ. Chưa có trường học, nếu trời không mưa, tôi lang thang suốt ngày ngoài vườn với cái chăn trải giường cũ, nằm dưới gốc khế, nhìn những bông hoa khế li ti màu tím hồng bay trong gió; nằm dưới gốc

cam, gốc quýt, gốc bưởi, đọc trộm Bồ Tùng Linh và nói chuyện với... ma.

Bố tôi không để ý tôi làm gì nhưng ông không muốn anh em tôi bỏ học lâu quá. Mặc dầu anh tôi có cả một phòng học riêng với một cái bàn thật lớn, có nhiều ngăn, thợ đóng theo mô hình do anh tự vẽ, để anh học một khóa lắp máy thu thanh hàm thụ từ bên Pháp với bài học và linh kiện bên ấy gửi qua nhưng học văn hóa vẫn là quan tâm lớn nhất của bố tôi.

Thời buổi tranh tối tranh sáng giữa nhiều thế lực chính trị, bố tôi nghĩ an toàn nhất là mời một gia sư dạy Hán tự cho các con. Tôi được giao phận sự mài tới ba nghìn mực mỗi buổi sáng trước khi giờ học bắt đầu. Không biết phần anh tôi học được những gì nhưng Thầy tôi là nạn nhân bị anh trêu chọc dưới đủ hình thái mà Thầy một mực ngậm tằm, không dám mách Cự (là bố tôi). Phần tôi, tôi học hết cuốn Tam Tự Kinh, đã qua một phần cuốn Minh Tâm Bửu Giám. Tôi viết chữ nhỏ như một cách sao chép cẩn trọng từng nét buông, nhấn hay phẩy trong những cái ô vuông kẻ sẵn lòng giữa giấy kép của cuốn sách Thầy tôi đóng gáy bằng chỉ song rất đẹp. Tôi cầm bút lông đúng điệu hơn nhiều ông đồ thời nay viết câu đối thuê ở chợ Xuân Hà Nội thấy trong máy cái video clip.

Thế giới bên ngoài của tôi, vì vậy, phần lớn do tôi bịa ra từ nội dung những cuốn truyện tôi được đọc giấu

biệt người lớn. Điều tôi không bịa là tôi thực sự mong muốn biết nhiều hơn những gì tôi thấy và những điều ấy nếu không thật như thế là do tôi tự cắt nghĩa với mình bằng trí tưởng non nớt, hão huyền của tôi thời bé dại thôi. Với tuổi đời ngày càng khôn lớn, nhận thức của tôi nghiêm chỉnh hơn.

Tôi mừng thấy mình có thói quen mà tôi không biết cách diễn tả hay gọi nó là gì cho tới một lần mới đây, trong một show thường lệ của Ellen Degeneres trên băng tần số 4, lúc 3 giờ chiều mỗi Thứ Ba, có một bạn trẻ khuyết tật đã cho tôi định nghĩa đặc ý nhất khi anh nói: “Nhờ hình thể này, tôi có thể tiếp cận với con người ở trình độ sâu sắc hơn, at a deeper level.”

Tôi cũng đọc được của nhà văn Nguyễn Tường Thiết một đoạn ông viết ở trang 57 cuốn “Mùa Hạ Năm Ấy” của ông, như sau: “...*mấy chục năm nay, tôi mò mẫm tiếp cận cái thế giới vô hình của đáy sông, của lòng biển, nơi đó, tựa bờ bên kia của đời sống, luôn luôn là một thế giới sâu thẳm, bí mật, ám ảnh và quyến rũ, làm nên cái đam mê không rời của tôi.*” Tôi không được là nhà văn như ông nhưng từ tấm bé, tôi cũng có nỗi khao khát khôn cùng làm sao thâm nhập được cái cõi “thăm thẳm, bí mật,” đầy huyền diệu của vạn vật quanh tôi, của con người là sinh vật phức tạp nhất, tinh vi nhất, với tôi, lung linh bao nhiêu sắc màu như tấm kiếng vạn hoa.

Tôi biết rằng trong chúng ta, rất nhiều người kể cả tôi, khi dự tang lễ tiễn đưa người thân yêu hay bạn bè, trong lòng luôn có chút tiếc nuối về một điều gì đó thiếu sót, chưa kịp làm hay bày tỏ, thậm chí chưa nghĩ tới, với người vừa nằm xuống, không còn cách nào sửa chữa hay cứu vãn. Và, cứ thế, cứ thế... Tiếc nuối cứ mãi là bài học muộn màng, lặp đi lặp lại mà vẫn khó thuộc, khó ứng dụng. Chúng ta dễ dàng bằng lòng trông thấy nhau mỗi ngày hay mỗi lúc, có sự yên tâm của những đồ vật quý giá ở đâu yên đấy, không mất mát, không suy suyển, tựa như cậu quý tử, cô tiểu thư vẫn trong phòng, bức tranh yêu thích vẫn trên tường, cái xe đẹp vẫn trong gara.

Tôi không biết trong bữa cơm gia đình đoàn tụ, mọi người ăn, uống, cười, nói hào hứng, có ai nhìn chậm vào mắt ai để nhận ra một điều gì ai đó không nói ra hay không biết làm sao để nói ra mà không lạc đề trong cuộc vui chung đang tưng bừng, rộn rã? Đẳng sau những bức phóng họa này có khi là thằng bé chưa thành người lớn bỗng một hôm giết mẹ, giết bạn và tự hủy mình mà không biết nó đang làm gì? Có khi là cô bé con treo cổ trong closet vì tuyệt vọng trước tình cảnh bị bạn bè cùng lớp trêu ghẹo nhần tâm nhưng không có ai tỏ sự quan tâm để cô kêu cứu.

Tôi không biết nổi khổ trên đời này đến thế nào, đến đâu là cùng tận

nhưng cuộc đời mẹ tôi có lẽ không có ai khổ hơn bà. Hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà quê mùa, thỉnh thoảng có buổi chiều mùa Hè sung sướng ngồi bệt trên thềm nhà, bàn tay lùa trong mái tóc mới gội để thoảng lên trong gió mùi bồ kết lẫn mùi lá chanh, lá bưởi thơm ngát, một chốc rồi tựa vào tường ngủ gà ngủ gật? Hay hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà Kinh Bắc mù chữ, vật vã với nồi niêu xoong chảo trong căn bếp mờ tối nhưng lấy Kiều bằng giọng ngâm sa mạc vút cao, thánh thót, mượt mà, làm xao xuyến cả hoàng hôn? Hay hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà một mình trong nhà kho chứa củi, khăn áo xổ tung, vừa chửi bới vừa hồng hộc điên cuồng ném những thanh củi khô vào tường, máu tươm đỏ trên đầu những ngón tay và mắt lệ chứa chan? Tôi thấy hết, biết hết, nhưng có bao giờ cầm tay mẹ và khóc với mẹ như tôi đang khóc bây giờ? Có phải cuộc đời mẹ, sự hy sinh vô bờ bến của mẹ chính là bản án giày vò anh em tôi ngày khôn lớn, đã vì không cách nào đền bù cho mẹ trong muôn một nên tất cả chúng tôi (và cả mẹ) đều giả bộ quên đi? Thi sĩ Trần Dạ Từ có bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc, hỏi cố nhân một câu thống thiết: *"...Người đi qua đời tôi, không nhớ gì sao người?"* Chẳng phải con người đi qua đời nhau rất hờ hững đó sao?

Bùi Bích Hà

ĐƯA CON LẠ MẶT

**** Bùi Bích Hà ****

Cuộc hôn nhân khó khăn của họ tới ngã rẽ khi người chồng tìm được công việc mới khiến anh một mình xách vali rời Nebraska về California, để lại sau lưng cả cái gia đình trên đà tan rã, người vợ khép kín và đưa con trai lên 10, thể tạng yếu đuối, tính tình nhút nhát.

Ba năm sau, ở tuổi 13, cậu bé được mẹ dẫn ra ga hàng không, một mình đáp máy bay về Cali, nhập vào gia đình mới của bố cậu và người mẹ kế đối xử với cậu khá tử tế.

Cậu có một căn phòng đầy đủ tiện nghi trong ngôi nhà khang trang để cư trú và đi học, được bố bảo vệ, chăm sóc đến mức cưng chiều. Ngoài công việc làm toàn thời gian và trách nhiệm lo bếp núc cho cả gia đình, người vợ sau của bố cậu hầu như không bao giờ đụng chạm tới sự riêng tư của hai cha con cậu. Tuy rằng những lúc bà có mặt ở nhà thì thời giờ của bố cậu dành trọn vẹn cho bà, kể cả các cuối tuần họ thường ra ngoài vui chơi với bạn bè. Cậu không lấy thế làm phiền, trái lại, bằng lòng thấy cậu cũng có một khoảng cách với bố để được tự do vẫy vùng trong một không gian riêng.

Cuộc sống của họ trôi qua êm ả như vậy cho tới năm cậu 17 tuổi, phải đối đầu với thành tích học tập bết bát, không hứa hẹn sẽ tốt nghiệp trung học. Bố cậu quýnh quáng, đi gặp counselor, đi tìm lớp dạy kèm cho con nhưng vấn đề của cậu không chỉ là văn hóa mà còn về tiến trình phát triển tâm sinh lý phức tạp ở cậu.

Thay vì với tuổi tác, ngày một trưởng thành, cậu có dấu hiệu ngừng lại, thậm chí lùi lại. Sự lo lắng quá độ, gần như hốt hoảng của bố cậu bắt đầu làm phiền tới bà mẹ kế của cậu khiến họ thường xuyên cãi nhau. Không khí trong nhà trở nên u uất, ngột ngạt, khó thở.

Căn phòng của cậu trước đây luôn đóng cửa nhưng không làm phiền ai cả vì sự yên lặng bên trong được coi là bình an thì nay nó chứa nhiều sự bất ngờ rất khó chịu. Chẳng dặng dưng, bà mẹ kế phải dùng chìa khóa riêng một lần để biết qua sinh hoạt của cậu ra sao phía sau cánh cửa đóng ậy và cảnh tượng bừa bộn, bẩn thỉu bà nhìn thấy trong đó khiến bà hỡi ọi! Đưa con riêng của chồng nay có bộ mặt khác.

Lần đầu tiên bà tự thống trách mình về sự tin cậy và tuyệt đối tôn trọng

chồng, nghĩ rằng thái độ không can thiệp vào cuộc sống của cha con họ là khôn ngoan và đại lượng. Bây giờ bà mới hiểu sống và yêu thương là chia sẻ trách nhiệm, không phải là nhắm mắt cầu an. Bà đã vậy, nhưng chồng bà, điều gì khiến ông đi bên cạnh con hằng ngày mà không thấy sự bất thường biểu hiện cách này hay cách khác ở nó? Hay ông vì yêu con, bảo vệ nó một cách mù quáng nên không còn tin ở mình qua những đánh giá tiêu cực mà ông mạnh mẽ chối bỏ vì không thể chấp nhận?

Chúa ơi! Đứa con trai duy nhất của ông có ngoại hình đẹp đẽ, giống ông đúc khuôn, cao lớn, thanh mảnh, chẳng chút, lẽ nào bên trong lại là cái ruột cây sùng? Ông quyết tâm giúp con, muốn đền bù cho nó sự thiệt thòi do cuộc hôn nhân nửa chừng gây gánh của cha mẹ, muốn nó được thỏa lòng, như ý trong mọi ước mơ, muốn nó có mọi sự dễ dàng, suôn sẻ mà quên rằng cuộc đời chưa bao giờ dễ dàng, suôn sẻ, trái lại, luôn chông gai. Ông để sự ngây thơ vô tội của con mà mất ông, mê hoặc trái tim ông hay chính ông tự mê hoặc mình bằng cách tự kỷ ám thị, đoan chắc con đường sương mù một chiều ông đi sẽ dẫn tới thành công, không may mắn tiên liệu mình có thể làm lẫn.

Nhiều người tin vào “nghịch” để giải thích những điều không giải thích được, để tự tha thứ mình và nhủ lòng thuận theo nghịch cảnh cho bớt đau, không biết con người tạo nghịch và có khả năng giải nghịch bằng cái tâm lành và ý chí vượt thoát cá nhân.

Tôi có cậu cháu đến Mỹ theo diện H.O., năm 1990, ở tuổi 28. Thời gian đầu nhập cư, cậu bị hụt hẫng, mặc cảm không đủ khả năng bươn chải, vốn liếng Anh văn và chuyên môn không có dưới áp lực gay gắt của bà mẹ nhiều tham vọng. Cậu rơi vào trầm cảm, lo sợ vu vơ, biếng ăn và mất ngủ triền miên.

Bệnh tăng tiến tới tình trạng hoang tưởng, cậu nghe nhiều tiếng nói lạ trong đầu và sau cùng, được bác sĩ chẩn đoán bị tâm thần phân liệt. Trong suốt chặng đường khó khăn này, cậu vẫn cố gắng đi làm công việc assembly cho một công ty lớn sản xuất y cụ và may mắn được bảo hiểm sức khỏe. Cậu ý thức mình có bệnh và nuôi quyết tâm chữa chạy.

Cậu nhờ tôi cùng đi với cậu những lần thăm khám với bác sĩ chuyên khoa của công ty trong vòng hai năm. Cậu uống thuốc đều đặn, làm đúng các lời khuyên của bác sĩ, tập thể thao, tập ngồi thiền. Cậu vẫn ít nói, đáng vẻ vẫn buồn u uất nhưng trong cư xử với mọi người, đã thấy dễ dàng hơn và được sự cảm mến của mọi người đáp lại.

Sau hai năm, bệnh tình ổn định, cậu có khả năng kiểm soát bản thân, bớt nghi ngờ và hết sợ hãi. Tuy cậu vẫn được bác sĩ theo dõi định kỳ nhưng hầu như cậu đã lấy lại được phong cách sinh hoạt bình thường qua nỗ lực học lấy bằng đại học hai năm, có bạn gái rồi kết hôn và mua được căn condo xinh xắn để xây dựng tổ ấm. Bây giờ ở tuổi 52, tuy sức khỏe có chút nhạy cảm nhưng cậu sống bình thường như mọi ai, gia đình êm ấm với cô con gái lên 7 rất sáng dạ và thân thiện.

Cổ nhân có câu: “Bệnh quý, thuốc tiền,” ngụ ý bệnh khó có thuốc hay. Miễn là người bệnh biết mình mắc bệnh và có niềm tin tìm thầy chạy thuốc để chiến thắng bệnh. Quả là tôi có kiên trì làm bạn đồng hành với cháu tôi những lượt đi/về gặp gỡ bác sĩ, giúp cậu hiểu rõ/giải bày rõ mọi tình tiết trong quá trình chữa trị hai năm để ứng phó nhíp nhàng nhưng chính cậu phải đi bằng đôi chân của cậu tới phòng mạch bác sĩ, phải đích thân nói và nghe những gì liên quan tới căn bệnh của mình, chắt chiu mọi tiến bộ lớn nhỏ đạt được làm ngăn lại cuộc trường chinh của cậu. Nếu tin vào nghiệp thì cũng phải tin cả định luật vay/trả sòng phẳng, bằng tỉnh thức, bằng nỗ lực cá nhân, không có gì tự nhiên sinh ra và tự nhiên mất đi, tìm được nguyên nhân thì tìm được giải pháp.

Đó là câu chuyện giải nghiệp. Vậy thì tạo nghiệp là gì? Là đi trước các hậu quả tiên liệu để tránh thấy chúng xảy ra rồi phải chạy chữa.

Một người bạn khác của tôi có hai cô con gái sinh năm một. Khi biến cố 30 Tháng Tư, 1975, bất ngờ giáng xuống và nuốt trọn miền Nam, một cô lên 5, một cô lên 4. Trước đó, bố các cô mịt mù chinh chiến. Lúc đó, bố các cô đi tù “cải tạo,” càng sương khói mịt mù. Mẹ các cô ngoài nghề dạy học, bấy giờ phải lăn lung ra chợ trời buôn bán vật để kiếm thêm lợi tức nuôi con và thay chồng phụng dưỡng mẹ già.

Mấy đứa bé cả ngày quần quanh bên bà nội già nua, yếu ớt, không thấy mặt mẹ từ tinh mơ đến sẩm tối, liu liu bảo nhau học hành, liu liu bảo nhau ăn uống thức ăn mẹ nấu sẵn đầy dưới cái lồng bàn nguội lạnh trong bếp. Mười năm tuổi thơ của các cô như bức tranh tĩnh vật rêu mốc bỏ ở một nơi hoang phế nhưng có tiếng nói riêng của nó, ảnh hưởng trên suốt cuộc đời mai sau của các cô ở Hoa Kỳ.

Khi có dịp trò chuyện, cô chị tâm sự: “Cháu không ngọt bị ám ảnh vì cảm giác cô đơn, sợ hãi không có mẹ bên cạnh khi cháu cảm thấy cần mẹ nhất. Vì vậy, ngay khi có đứa con đầu lòng, cháu đã thuyết phục chồng cháu chấp nhận từ nay cháu chỉ đi làm bán thời gian để được luôn kề cận với con

cháu.” Cô là một phụ nữ chức nghiệp, lương cao, quyền lợi nhiều, lựa chọn của cô là một hy sinh lớn, không phải không có mặt cực đoan song cô biết rõ động lực đằng sau sự hy sinh ấy là gì và cô nhận trách nhiệm về quyết định của mình. Các con cô lần lượt trưởng thành xuất sắc, mỗi cháu được mẹ hỗ trợ tối đa để bộc lộ và thi thố năng khiếu. Điều quan trọng hơn cả, chúng có tuổi thơ tràn ngập niềm vui, sự yên tâm phát triển và khôn lớn hạnh phúc.

Cô em, không đơn giản như cô chị, nên nói với tôi: “Khi chưa có đủ trí khôn để hiểu nhân quả của mỗi việc, cháu rất tức giận và oán hận người lớn. Điều này làm tổn thương cháu lâu dài vì khi hiểu ra, cháu không tự tha thứ sự hẹp hòi của cháu. Đáng buồn hơn nữa, những thương tích đầu đời đáng lẽ không nên có kia cứ dai dẳng, không chịu lành. Cho tới nay, cháu luôn bị ám ảnh vì ý nghĩ nếu lúc đó có ai giúp cháu giải tỏa được những cảm xúc âm u trong lòng cháu, có thể cháu đã là một người khác, đón nhận cuộc sống một cách trong sáng hơn và không bị dày vò vì muốn quên, muốn bỏ qua một kinh nghiệm xấu không muốn nhớ mà không được.”

Cô cho biết hiện nay cô làm việc kiếm tiền 6 tháng và đi làm từ thiện 6 tháng. Nhìn bên ngoài như vậy, chỉ một mình cô biết cô làm từ thiện để tự cứu mình khỏi cảm giác tầm thường, vô dụng, dễ ghét, nhiều thói hư tật xấu. Bi kịch của cô là chán ghét chính mình trong khi người bàng quan nhìn cô, ao ước được là cô chỉ vì họ không bao giờ có thể hiểu được sự phiền não trong nội tâm cô, nó bắt đầu từ một tuổi thơ cô đơn và rối rắm.

Có một sự thật không thể chối cãi tuy người ta luôn phóng đại nó, là ký ức tuổi thơ và ảnh hưởng của quãng đời này trong sự hình thành nhân cách một đứa trẻ là hiển nhiên. Với chính bản thân kẻ viết bài này, tôi nghiệm ra sự có mặt thường hằng của một bà mẹ trong đời những đứa con tự nó thánh thiện và là thành trì bảo vệ chúng vững chãi nhất. Có thể nói không quá là tương lai mỗi đứa con bắt đầu từ trái tim bà mẹ. Không chỉ xây dựng, nó ngăn ngừa tai họa và chữa lành những vết thương khó chữa nhất.

Bùi Bích Hà





PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Ông Giuse PHẠM HẬU
tức Thi sĩ **NHẤT TUẦN**

Sinh năm: 1935
Qua đời ngày 31 tháng 7, 2021
tại thành phố Bothell, tiểu bang Washington USA
hưởng thọ 86 tuổi

**Thành thật chia buồn với
bà quả phụ Phạm Hậu (Bạch Thị Hoàng Oanh)
và toàn thể tang quyến.**

**Thành tâm cầu nguyện cho linh hồn Giuse Phạm Hậu
sớm về nước Chúa.**

Ban điều hành Cò Thơm và một số thân hữu:
Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Trảng Mỹ Hạnh,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, ÔB Dương Ngọc Hoàn-Giáng Tiêu,
ÔB Nguyễn Quang Tuyền (NV Văn Quang), ÔB Vũ An Thanh-Ngọc Thanh,
ÔB Đinh Hùng Cường, ÔB Bùi Cửu Viên-Hồng Thủy,
ÔB Ngô Tăng Giao, ÔB Phạm Xuân Thái,
Phạm Thị Nga (NV Bích Huyền), ÔB Lê Hữu ...



BÓNG DÁNG ĐÀ LẠT TRONG THƠ NHẤT TUẦN

**** LS Ngô Tăng Giao ****



Đà Lạt luôn ở trong trái tim nhà thơ NHẤT TUẦN (Phạm Hậu). Trước 1975 nhà thơ là quân nhân, gia nhập trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, năm 1955, Khóa XII. Nhà thơ được biết đến

hiều qua những tập thơ “Truyện chúng mình” và tập truyện “Đời lính”. Thơ NHẤT TUẦN thuở xa xưa đầy những hình ảnh thân thương về thành phố Đà Lạt.

Thoạt tiên tình yêu thấp thoáng trong bài thơ “Truyện chúng mình”, chỉ gọi lên nỗi nhớ mong của người ở Đà Lạt bị xa cách với người ở Sài Gòn:

*“ Còn nhớ những thư người trước gửi
Sài gòn - Đà lạt mới năm nào
Từng chiều thứ bảy anh mong đợi
Màu chữ xanh, yêu đến ngọt ngào*

*Hồn có nguyên trinh màu trắng cũ
Môi hồng vẫn thắm thuở ban đầu
Không dưng lòng rộn niềm ao-ước
Nhưng biết ai còn nhớ đến nhau.”*

Trong đời lính, phải rời xa Đà Lạt, từ nơi tiền đồn biên giới nhà thơ gửi lòng nhung nhớ về thành phố này nhân mùa Giáng Sinh khi viết bài “Niềm tin” cũng

đầy mong nhớ:

*“Lại một Noel nữa
Mấy mùa Giáng Sinh rồi
Anh ở đồn biên giới
Thương về một khung trời.*

*Chắc Đà lạt vui lắm
Mimosa nở vàng
Anh đào khoe sắc thắm
Hương ngào ngạt không gian.”*

Sau khi tình yêu nơi giáo đường xuất hiện, trong hồi tưởng, nhà thơ chỉ nguyện cầu, ước mong “thấy” được người yêu nơi bài thơ “Cầu nguyện” (chứ không phải mong “lấy” được người yêu như bản nhạc đã đổi lời):

*“Con quỳ lạy chúa trên trời
Để cho con thấy được người con yêu
Đời con đau khổ đã nhiều
Kể từ thơ đại đủ điều đắng cay*

...

*Bây giờ con đã gặp nàng
Không giàu, không đẹp, không màng
lợi danh.*

*Chúng con hai mái đầu xanh
Chấp tay khấn nguyện
trung thành với nhau.*

*Thề rằng sóng gió biển dâu,
Đã yêu... trước cũng như sau... giữ lời*

*Người ta lại bỏ con rồi,
Con quỳ lạy Chúa trên trời thương con.”*

Mùa Giáng Sinh thường là thời điểm kỳ diệu nhất trong suốt cả một năm với tiếng chuông nhà thờ ngân nga trong

đêm vắng, với ánh nền lung linh huyền ảo và giọng thánh ca trầm bổng gọi lên những cảm xúc thanh thoát, êm đềm và thánh thiện trong lòng người. Bên giáo đường hoa mimosa Đà Lạt khoe sắc vàng tươi thắm, nhưng trong lòng nhà thơ lại chỉ nổi lên kỷ niệm buồn bã với bài “Mimosa thôi nở”:

*“Noël xưa anh nhớ
Khi hãy còn yêu nhau
Nhà thờ nơi cuối phố
Thấp thoáng sau ngàn dâu
Anh chờ em đi lễ
Chung dâng lời nguyện cầu
Mimosa... bùng nở
Đẹp như tình ban đầu
Đà Lạt mờ trắng lạnh
Đường về ta bước mau.*

*Rồi anh hỏi khẽ em
Đã xin gì với Chúa
Trong đêm lễ Noël
Em lắc đầu chẳng nhớ
Nhưng hồng lên đôi má
Nắm tay anh đợi chờ
Trông em sao xinh quá
Và ngoan như nàng thơ.
Mới bốn mùa thu qua
Mimosa vẫn nở
Sao mỗi tình đôi ta
Ai làm cho dang dở
Đêm nay Noël đây
Chuông nhà thờ khắc khoải
Gió thổi lang thang bay
Mưa buồn giăng ngõ tối.
Anh quỳ bên tượng Chúa
Cúi đầu chấp hai tay
Lạy Chúa con chờ đợi
Người ngày xưa về đây
Nhưng em không về nữa
Đường khuya mưa bay bay*

*Mimosa thôi nở
Trong hồn anh đêm nay.”*

Trong bài thơ “Truyện cây hoa Mimosa” (1964), lại cũng vẫn thoáng lộ ra vẻ giận hờn, trách móc vì tình phụ:

*“Một đi vĩnh biệt cao nguyên
Mimosa trả... cho miền núi non
Làm gì có chuyện sắt son
Thì thôi đừng dại mỗi mòn mắt trông.”*

Trước từng cùng “người xưa dịu hiền” kề vai nhau tình tự ngồi bên hồ Than Thở. Nay sao lại đã xa nhau, chỉ còn lại lời thở than tiếc nhớ dĩ vãng kỷ niệm trong “Bài hát đôi Sim”:

*“Đà Lạt đầy sương khói
Một mình anh lặng yên
Nghe hồn mình nức nở
Nghe buồn len trong tim
Nếu mình đừng gặp nhau
Trên núi đồi Đà Lạt
Vì tình yêu ban đầu
Đã tan theo sóng nhạc.
Người xưa... người xưa đâu?
Để... lòng anh tan nát
Đời bãi bể nương dâu
Cũng buồn như tiếng hát.”*

Đà Lạt rất thích hợp để làm bối cảnh cho những truyện tình. Cũng vẫn hồ Than Thở Đà Lạt là nơi đôi lứa từng vui chơi với hoa “bất tử” là sứ giả của tình yêu. Nhưng nay sao chỉ còn là một kỷ niệm “tàn nhẫn” trong bài “Cánh Immortel cuối cùng” (1964):

*“Hôm xưa đi chơi hồ Than Thở
Em ngắt bên đường một đóa hoa*

*Rồi chạy đến anh cười hớn hở
Đây hoa bắt tử như tình ta.*

...
*Từ dạo sân nhà em đổ pháo
Em cùng người ấy sống yên bình
Đêm đêm úp mặt vào tay bảo
Nào có ra chi... truyện chúng mình.*

...
*Anh quên màu đỏ trong hoa đó
Màu đỏ là màu của biệt-ly
Và của bao nhiêu sầu hận tử
Giờ đây còn biết nói năng chi.
Cánh hoa bắt tử rơi lản chót
Tàn nhẫn như người rũ áo đi.”*

Một ngày nào đó khi hồi tưởng về thành phố cao nguyên với tình yêu đẹp để tràn đầy mộng ước lúc mình còn là sinh viên võ bị, NHẤT TUẦN viết bài “Nhớ về Đà Lạt” (1964):

*“Nhớ tám năm về trước
Khi còn là sinh viên
Học trong trường Võ bị
Nơi núi rừng cao nguyên*

*Dạo ấy em mười tám
Xinh đẹp hơn tiên nga
Tóc mây bồng vương trán
Môi cười tươi như hoa”*

Đôi lứa đắm mình trong phong cảnh hữu tình của Đà Lạt:

*“Còn nhớ không ngày xưa
Đà Lạt buồn trắng mờ
Gió vàng trên nước biếc
Chim chiều bay bơ vơ”*

Thời gian trôi qua. Cảnh vẫn còn đó. Người xưa đã cách xa. Để rồi lại cũng

vẫn đầy hình ảnh dang dở chia ly vào giai đoạn cuối của khúc nhạc tình:

*“Rừng Ái Ân vẫn đó
Hồ Than thở còn đây
Thông im buồn đợi gió
Mây trôi xa còn bay*

*Cũng vẫn một khung trời
Còn nguyên hình ảnh cũ
Em bây giờ xa rồi
Tìm đâu người viễn xứ*

*Tình nào không dang dở
Màu nào mà không phai
Cho nên anh không nhớ
Làm thơ để trách ai*

*Riêng chiều nay nhớ lại
Truyện chúng mình ngày xưa
Nhìn khung trời Đà Lạt
Mà tưởng mình đang mơ.”*

Và còn nhiều cuộc tình dang dở với bóng dáng Đà Lạt khác nữa trong thơ NHẤT TUẦN. Khi mưa Đà Lạt giăng mắc trên thành phố thời nhà thơ ngậm ngùi nhớ lại hình ảnh cũ, đầy ngang trái và nát tan, nhà thơ viết bài “*Mưa trong kỷ niệm*” (trang 139). Một ngôi giáo đường nhỏ bé của Đà Lạt cũng gọi nhớ một mùa Giáng Sinh với hoa anh đào khoe sắc thắm, nhà thơ viết bài “*Nhà thờ đường Cô Giang*” (trang 204). Một tiếng hát, một bài hát ngày xưa cũng lại nhắc nhở tới kỷ niệm chia ly cũ, nhà thơ viết bài “*Đêm cuối cùng Đà Lạt*” (trang 105).

Người yêu thơ có lẽ phải nhận ra rằng NHẤT TUẦN, với những vần thơ lai láng trữ tình trong “Truyện chúng

mình” không phải chỉ là truyện riêng tư “thì thầm bên gối” giữa hai người nữa mà đã hóa thành “truyện chúng mình” của bao nhiêu là đôi tình nhân thanh niên nam nữ khác. Nhà thơ đã viết hộ xuống những trang nhật ký về tình yêu của bao người trẻ tuổi. Khi thì đắm thắm thiết tha. Nhiều lúc lại dang dở náo sầu, phải cần đến thời gian như là một loại linh dược để dần dần hàn gắn các vết thương lòng trong quá khứ. Có thể coi đây là tâm sự chung của một thế hệ thanh niên thời đó, đồng một lứa tuổi với tác giả.

Trong cuộc sống tha hương, khi mùa Xuân tới biết bao là hình ảnh Đà Lạt lại chập chờn hiện về trong ký ức. Tình yêu đã mở rộng ngoài tầm “đôi lứa”. Tuy vẫn buồn nhưng hình ảnh ngôi trường xưa yêu quý hiện hiện như một vì sao sáng trong bài “*Lại một xuân buồn*” (1985):

*“Nhớ Bích Câu Đà Lạt thoáng mưa bay
Hồ Than Thở cùng lòng ai hòa nhịp
Rừng Ái Ân với ngàn thông xanh biếc
Thác Gougah, cây gọi gió than van
Đồi 15 đầu đó cụm mai vàng
Giáng Sinh tới Anh đào khoe sắc thắm
Mimosa sương long lanh đọng nắng
Chiều Lâm Viên, bản Thượng khói
dâng cao
Những kỷ niệm xưa thân ái biết bao...
Ghi lại thuở bên nhau nơi Trường Mẹ!”*

Trong cuộc sống tại nước ngoài, khi cảm tác “*Truyện chúng mình hải ngoại*” NHẤT TUẦN viết: “*Thời trang đời đã khép*”:

*“Và những chiều Đà Lạt
Một mình trên đồi thông
Mưa nhạt nhoà trong mắt
Gửi sầu... vào mênh mông.”*

Bài “*Ảo ảnh*” cũng vẫn khắc ghi lại kỷ niệm uá sầu khôn nguôi:

*“Xin giữ mãi kỷ niệm buồn Đà Lạt
Giữa đồi thông rừng cỏ non xanh ngắt
Nhớ điên cuồng trong một phút băng
khuâng.”*

Phải chăng có lẽ để tưởng vọng về thành phố Đà Lạt mưa giăng, sương phủ với núi đồi thông xanh đầy ấp những kỷ niệm ngày xa xưa một phần đời của mình còn gửi lại nơi chốn ấy vì thế mà trong chuỗi ngày ly hương và khi mái tóc chớm điểm bạc nhà thơ đã chọn về định cư ở một thành phố cũng giăng mưa với ngàn thông xanh hoài ngàn năm giữa một miền đồi núi chập chùng ở vùng trời tây bắc Hoa Kỳ, đó là Seattle?

(Trích ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ -
Soạn giả: **LS NGÔ TÀNG GIAO**)



Tùy bút
NHỚ NGƯỜI ĐI
** Hồng Thủy **



Ông Nhất Tuấn-Hoàng Oanh và nhà văn Hồng Thủy - Buổi ra mắt tuyển tập "Hoa Tương Tư" – Virginia tháng 3, 2017

Như vậy là Thi Sĩ NHẤT TUẦN tức Cựu Trung Tá PHẠM HẬU, tác giả Tập Thơ nổi tiếng TRUYỆN CHÚNG MÌNH đã từ giã cõi tạm để theo CHÚA về nước Trời, nơi có đầy hoa thơm cỏ lạ, phong cảnh hữu tình để nhà thơ tiếp tục nổi đam mê với nàng thơ. Chỉ tội cho cô bạn Trưng Vương Hoàng Oanh của tôi với lời tâm sự nghe nát cả lòng: *"Oanh vẫn biết dạo sau này anh Hậu sống như một cái bóng trong nhà, chỉ thấy hình hài của anh, dù không còn biết cảm xúc hay trò chuyện được nữa, nhưng cái bóng đó vẫn làm cho Oanh cảm thấy ấm lòng, cảm thấy mình*

không cô đơn, cảm thấy mình còn chỗ dựa. Bây giờ bỗng dưng mất hết, cái bóng thân yêu, áp ủ mình đã bỏ mình đi, đã biến mất rồi Thủy ơi, hụt hẫng và cô đơn quá".

Tôi hiểu và thương Oanh vô cùng, họ đã có những ngày thật hạnh phúc bên nhau. Anh Hậu cứ mãi "con quỳ lạy Chúa trên Trời, sao cho con lấy được người con yêu", cầu xin mãi Chúa cũng động lòng cho anh Hậu lấy được người con gái xinh đẹp mà giây phút đầu gặp nàng trong tà áo trắng thướt tha, trái tim anh đã đập loạn nhịp. Họ là một cặp thật đẹp đôi, "trao tài gái sắc". Chàng là một sĩ quan ưu tú xuất sắc của Quân đội Việt Nam Cộng Hòa, cao lớn, đẹp trai, có tài làm thơ thật tình tứ, lãng mạn, uớt át, khiến bao nhiêu nữ sinh tâm hồn thổn thức, xao động vì những vần thơ của TRUYỆN CHÚNG MÌNH. Bởi vậy làm gì có chuyện chàng bị ai bỏ vì nghèo như chàng than vãn trong Thơ. Phần lớn Thơ của các Thi sĩ chỉ là hư cấu. Làm thơ tình phải dang dở uớt át mới hay, mới làm cho người đọc xúc động đến náo lòng được.

Phải nói chàng là một hình ảnh lý tưởng của các nữ sinh thời đó. Nàng cũng là một trong những người đẹp của

trường Trưng Vương. Chúng tôi học cùng "promo" cùng trường, nhà lại ở gần nhau nên cũng khá thân. Tôi lập gia đình rất sớm, theo ông chồng Hải quân di chuyển đi các vùng biển xa Sài Gòn, nên ít có dịp gặp bạn cũ. Ngày quê hương Việt Nam tang thương biến đổi, tôi gặp lại Oanh trong trại tị nạn ở Đảo Guam, hai đứa ôm nhau mừng rỡ. Thấy tôi ôm một chậu quần áo to tổ bố đi giặt, Oanh nheo mắt nhìn tôi trêu chọc, "*tao không ngờ mày cũng biết giặt quần áo cơ à?*" Chúng tôi cùng cười mà nước mắt rưng rưng. Cả hai đứa đều là con cưng, gia đình khá giả, ngờ đâu có lúc nước mất nhà tan, hai đứa gặp lại nhau trong một hoàn cảnh tang thương như vậy. Ngày nào hai đứa cũng hẹn nhau ở chỗ giặt đồ tỉ tê tâm sự.

Qua Mỹ chúng tôi vẫn liên lạc mật thiết với nhau. Oanh và anh Hậu có một cháu trai dễ thương, đẹp trai và thông minh vô cùng. Cháu có tên rất đẹp là Phạm Tuấn Hà nhưng ra đời vào năm con Rồng nên ở nhà bố mẹ âu yếm đặt cho nickname là Cu Rồng. Cu Rồng là người lý tưởng của bác Thủy vì Cu Rồng sinh ra trên đất Mỹ mà nói tiếng Việt rất giỏi và dùng chữ rất văn hoa. Ngay từ lúc Cu Rồng còn bé, tôi đã thích thú viết bài ca ngợi Cu Rồng, khiến bạn bè Oanh ai cũng hâm mộ. Cu Rồng là một học sinh xuất sắc, được học bổng của Trường Đại Học

nổi tiếng Harvard. Tốt nghiệp và hành nghề Luật Sư rất thành công. Hiện Cu Rồng là partner của một hãng luật danh tiếng có tầm vóc quốc tế ở vùng Thủ Đô Hoa Kỳ. Đứa con kết hợp của một tình yêu đậm thắm quả thật là một viên ngọc quý toàn hảo, khiến bố mẹ rất hài lòng.

Dù ở xa xôi tận Seattle nhưng mỗi lần tôi tổ chức Họp Mặt Trưng Vương hay Họp Mặt Văn Bút, Oanh và anh Hậu đều về tham dự. Cảm động nhất là lúc sau này anh Hậu bị bệnh suy sụp trí nhớ, tuy không được khỏe nhưng ngày ra mắt sách HOA TƯƠNG TƯ của tôi anh Hậu và Oanh cũng vẫn về tham dự. Nhìn anh chống gậy đi chậm chạp, thương quá là thương.

Biết tử biệt sinh ly là lẽ thường không ai tránh được, nhưng nghĩ đến từ nay không bao giờ còn được gặp lại người bạn quý, người Thi sĩ đa tài của TRUYỆN CHÚNG MÌNH nữa, khiến tôi cảm thấy ngậm ngùi và rất thương cô bạn thân yêu của tôi. Chắc chắn giờ này Oanh đang cảm thấy không phải chỉ "người đi một nửa hồn tôi mất, một nửa hồn tôi bỗng dại khờ" như thi sĩ Hàn Mặc Tử đã diễn tả, mà là tất cả tâm hồn và trái tim Oanh đã bị chàng Thi Sĩ NHẤT TUẦN thuở nào lấy đi trọn vẹn mang theo mất rồi.

Hồng Thủy

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn một thành viên lâu năm của Cơ Sở Cỏ Thơm:



Ông **NGUYỄN ĐẮC BÔNG**

Tức nhà thơ **Nguyễn Vô Cùng**

Pháp danh: Tâm Mỹ

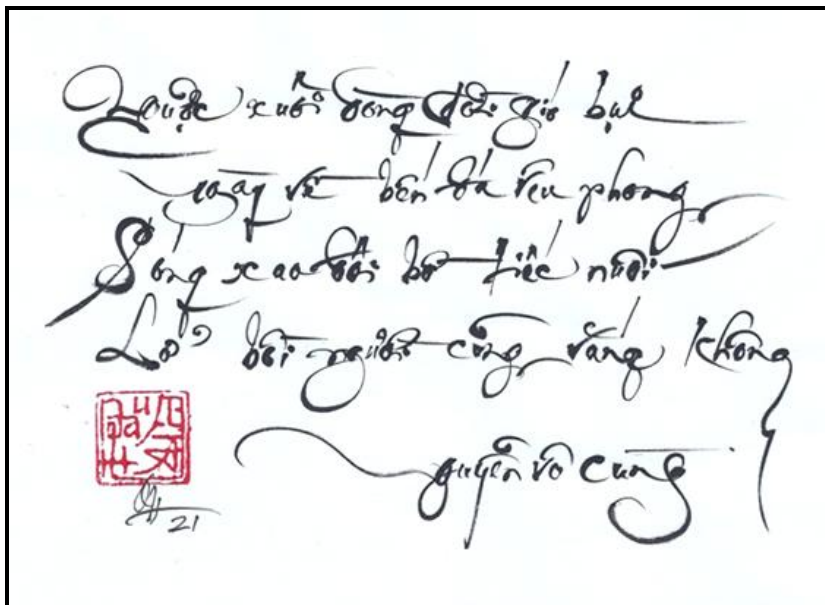
Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1954 tại Việt Nam
Qua đời ngày 2 tháng 7 năm 2021 (23 tháng 5 Tân Sửu)
tại Lawrenceville, Georgia USA
Hưởng thọ 67 tuổi

**Nguyện cầu hương linh Ông Nguyễn Đắc Bông sớm được
tiêu diêu nơi miền cực lạc.**

**Xin thành kính phân ưu cùng bà quả phụ Nguyễn Thị Quý
và toàn thể tang quyến.**

Cơ Sở Cỏ Thơm và một số thân hữu:

*Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Phạm Trọng Lệ, Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao, Tuệ Nga,
Lý Hiểu, Hạ Thái Trần Quốc Phiệt, Nguyễn Kinh Bắc, Nguyễn Phú Long,
Hoàng Hy, Quang Hà, Lê Minh Thiệp ...*



Kính tiễn đưa Anh Nguyễn Đắc Bồng tức nhà thơ Nguyễn Vô Cùng về Cõi Vĩnh Hằng. Xin thành tâm chia buồn cùng Tang quyến!

BÔNG PHÙ DU

Tưởng nhớ bạn thơ NVC

Mãi đợi chờ nào có thấy chi
Tháng năm phí phạm tiếc xuân thì
Hoang đường mộng mị còn đeo đẳng
Tịch mịch đời thường chẳng bỏ đi
Hữu ý cát dòn ôm mộ lạnh
Vô tình lá rụng biệt tà huy
Mong manh cánh nhỏ chao bờ mộng
Thoáng bóng phù du, để lại gì?

Lý Hiểu Thy

THƠ TIỄN ANH NGUYỄN ĐẮC BÔNG

Bệnh **Bông** dạt bến **Vô Cùng**
Trôi ngang số phận tới vùng tịch nhiên
Đường trần hết nợ còn duyên
Câu thơ gởi lại trên miền **Cỏ Thơm**
Dòng sông nước chảy đá buồn*
Mai tê nước vẫn nhớ nguồn, về đâu?
Trời tây rười rượi dâng sầu
Tiễn Anh một bước qua cầu tử sinh
Anh về với chốn yên bình
Nén hương xin thắp, lời kinh nguyện cầu

Quang Hà

* sông Thạch Hãn, Quảng Trị



Đứng từ trái: Nguyễn Vô Cùng, Phan Khâm
Ngồi: N.T. Ngọc Dung, Ý Nguyên, Phạm Bá – 17/12/2019

VÔ THƯỜNG

Tưởng nhớ Nhà thơ Nguyễn Vô Cùng

Ngắm bình minh sợ chiều tà
 Một ngày qua vội anh và tôi đây
 Suy từng phút, nghĩ từng giây
 Đâu ai ngờ được đổi thay vô thường.

Phan Khâm

SÂN GA

Ga đời vội vã mấy ai ngờ
 Lỡ chuyến tàu xuân, lạc tuổi thơ
 Dốc núi quê người ngăn bước mộng
 Vàng trắng bến cũ dậy niềm mơ
 Bài thơ hạnh ngộ sao còn hẹn
 Chén rượu đoàn viên có mãi chờ?
 Nghe giữa mù sương còi lại vọng
 Toa nào chất hết những hoang sơ

nguyễn vô cùng

MỘT SÁNG BÌNH YÊN

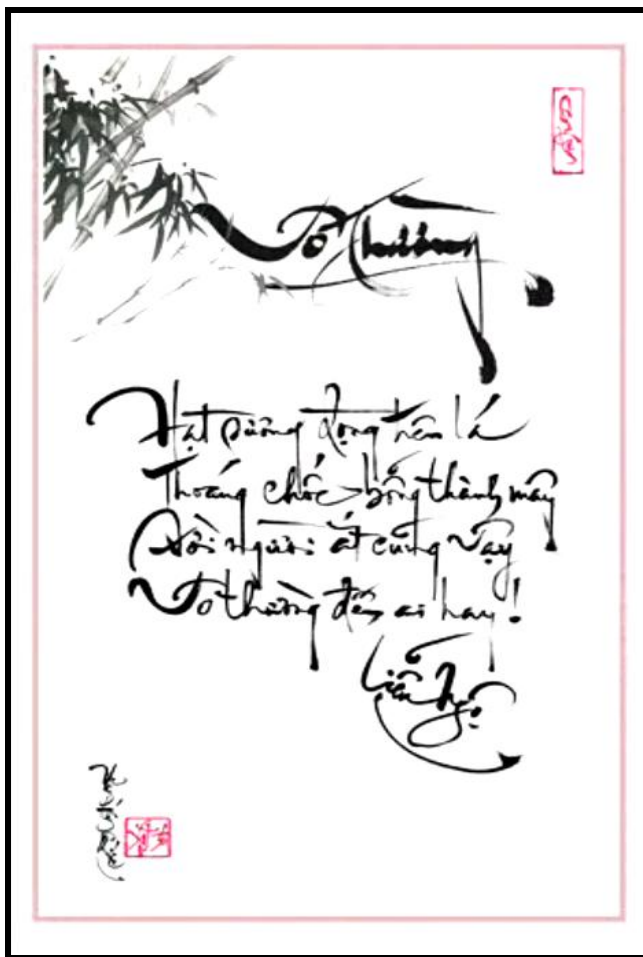
Giã biệt vườn xuân rộn bướm vàng
 Xứ người thăm thẳm đếm mùa sang
 Tình quê oán dậy bao trùng sóng
 Đất khách sầu dâng mấy dặm đàng
 Thương nước cơ trời chưa ứng vận
 Thẹn mình giá áo cứ đa mang
 Vẫn mơ một sáng bình yên đó
 Chim hót còn xưa dấu trẻ tràng!

nguyễn vô cùng

XUÂN

Xuân ở phương nao, mấy trẻ già,
 Xuân về hay chỉ tháng năm qua?
 Xuân trơ dáng ngọc làn sương phủ
 Xuân bỏ đài gương lớp bụi nhòa
 Xuân tủi đất trời đêm dã thú
 Xuân sầu non nước buổi phong ba
 Xuân nào đốt lại lò hương cũ
 Xuân mới là xuân thật mặn mà!

nguyễn vô cùng



Hạt sương đọng trên lá
Thoáng chốc bỗng thành mây
Đời người ắt cũng vậy
Vô thường đến ai hay!

VÔ THƯỜNG - Thơ: **Liễu Ngộ**
Thư pháp: **Văn Tấn Phước** France

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):
Địa chỉ (Address):
.....
Phone, Fax, Email:
Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)
Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỎ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$ 40 – Ứng hộ: US \$ 50
Gia Nã Đại (In Canada): US \$ 60.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
Trên Tạp Chí Cỏ Thơm (7" x 8.5")
1/2 trang trong: US \$ 30
1 trang trong: US \$ 60
Trang trong bìa trước: US \$ 100
Trang trong bìa sau: US \$ 100

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):
COTHOM FOUNDATION
105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MD 20850
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ ẮN NHÂN YẾM TRỢ TẠM CẢ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM.**

TẠP CHÍ CỎ THƠM ĐƯỢC IN TẠI:



**CT PRINTING
& GRAPHICS**

<http://ctprintingmd.com/>

10218 New Hampshire Ave, Silver Spring, MD 20903
ph: (301) 431-0025 /fax: (301) 431-0907



**Bìa trước và sau:
Tranh của họa sĩ THANH TRÍ Sacramento**

